

Số : 1031 /TTr-YDTB

Hưng Yên, ngày 20 tháng 8 năm 2025

**TỜ TRÌNH**

**VỀ VIỆC CHO PHÉP MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO NGÀNH SẢN PHỤ KHOA  
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG, MÃ SỐ 8.720105**

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành Đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

- Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

- Căn cứ Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 sửa đổi, bổ sung Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ Nghị quyết số 18/QĐ-HĐTYDTB ngày 24/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

- Căn cứ Nghị quyết số 124/NQ-HĐTYDTB ngày 08/01/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình “Phê duyệt một số nội dung về công tác đào tạo đại học và sau đại học của Trường Đại học Y Dược Thái Bình”;

- Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 648/QĐ-YDTB ngày 26/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Trường Đại học Y Dược Thái Bình đã xây dựng đề án mở ngành đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ, chương trình theo định hướng ứng dụng.



## **1. Tóm tắt quy trình mở ngành**

Đề án mở ngành đào tạo ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ, chương trình theo định hướng ứng dụng, mã số 8.720105, được xây dựng theo các bước cơ bản sau:

Bước 1: Xây dựng, đề xuất, thẩm định và phê duyệt chủ trương mở mã ngành đào tạo năm 2024 của Hội đồng Trường dựa trên việc phân tích nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực của chuyên ngành Sản phụ khoa, dựa trên xu hướng phát triển của xã hội, nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân và dự báo của Bộ Y tế về việc bổ sung nhân lực y tế giai đoạn 2023-2030 cho tuyển tỉnh/thành phố: chuyên khoa sau đại học cần 16.406 người trong đó có chuyên ngành Sản phụ khoa cần khoảng 3.622 người. Trường Đại học Y Dược Thái Bình đã tiến hành khảo sát đại diện lãnh đạo Sở Y tế của tỉnh Thái Bình và 8 tỉnh lân cận, lãnh đạo của các bệnh viện tuyển tỉnh, tuyển huyện và các bác sĩ của các khoa Sản bệnh viện tuyển huyện trở lên, kết quả cho thấy 100% người trả lời khảo sát có nhu cầu cần thiết và rất cần thiết

Chủ trương mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa được công bố tại Nghị quyết số 124/NQ-HĐTYDTB ngày ngày 08/01/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

Bước 2: Xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo (CTĐT)

Trình tự xây dựng Đề án và CTĐT được thực hiện theo Kế hoạch số 339/KH-YDTB ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

Trường đã thành lập Ban xây dựng Đề án mở ngành đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ theo Quyết định số 929/QĐ-YDTB ngày 10 tháng 5 năm 2024.

Trường đã thành lập Hội đồng Xây dựng chương trình đào tạo ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ theo Quyết định số 1304/QĐ-YDTB ngày 16 tháng 7 năm 2024.

- Trường đã ban hành Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ theo Quyết định số 1487/QĐ-YDTB ngày 12/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Hội đồng xây dựng CTĐT đã chủ trì, tổ chức xây dựng CTĐT đảm bảo theo quy định về chuẩn chương trình; xây dựng thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dựa trên khảo sát và phân tích nhu cầu xã hội, tham khảo 3 CTĐT trong nước (Trường ĐHYD TPHCM, Trường Đại học Y Hà Nội, Trường ĐHYD Thái Nguyên); ý kiến của các bên liên quan.



Trường đã thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ theo Quyết định số 2248/QĐ-YDTB ngày 06 tháng 12 năm 2024.

Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ đã họp, đánh giá, đóng góp ý kiến cần sửa chữa ngày 15 tháng 02 Năm 2025. Trường đã hoàn thành việc chỉnh sửa và đã ban hành CTĐT ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ theo Quyết định số 735A /QĐ-YDTB ngày 14 tháng 4 năm 2025.

Trên cơ sở đó Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét thông qua

Bước 3: Xây dựng và thẩm định đề án mở ngành

Song song với việc tổ chức và thẩm định CTĐT, Hội đồng xây dựng đề án mở ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ đã xác định các điều kiện đảm bảo chất lượng và xây dựng dự thảo đề án mở ngành.

Trường đã thành lập Hội đồng Thẩm định điều kiện, cơ sở vật chất mở ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ theo Quyết định số 445/QĐ-YDTB ngày 27 tháng 02 năm 2025.

Hội đồng Thẩm định đã họp, kiểm tra đánh giá các điều kiện phục vụ đào tạo ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ ngày 06 tháng 3 năm 2025. Biên bản họp hội đồng khẳng định Trường đáp ứng đầy đủ các điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ.

Nhà trường đã thành lập Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ theo Quyết định số 1027/QĐ-YDTB ngày 23/5/2025. Hội đồng đã họp ngày 27/6/2025 và có biên bản thẩm định Đề án mở ngành đào tạo và có kết luận thông qua Đề án

Bước 4: Trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo

Hội đồng Khoa học và Đào tạo đã đồng ý thông qua Đề án mở ngành đào tạo chuyên ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ, định hướng ứng dụng mã số 872.0105 và đề nghị Ban Giám hiệu căn cứ các quy định hiện hành thực hiện các thủ tục tiếp theo và gửi Hồ sơ mở ngành đào tạo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **2. Các điều kiện bảo đảm chất lượng**

### ***2.1. Về đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng***

Căn cứ theo Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT về điều kiện đội ngũ giảng viên mở ngành Thạc sĩ, Trường Đại học Y Dược Thái Bình có đủ 5 giảng viên có trình độ Tiến sĩ



ngành phù hợp trong đó có 01 PGS.TS đủ tiêu chuẩn người chủ trì mở ngành, các giảng viên cơ hữu đều đủ tiêu chuẩn là người hướng dẫn luận văn, đề án theo quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ quy định tại Khoản 4 điều 8 Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT, cụ thể:

1) PGS.TS Ninh Văn Minh, sinh năm 1959, Tiến sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa, Phó giáo sư chuyên ngành Sản phụ khoa năm 2013; Giảng viên của Trường từ năm 1983; Kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy chuyên ngành Sản phụ khoa 41 năm, tham gia giảng dạy sau đại học từ năm 2003, tham gia viết giáo trình giảng dạy đại học và sau đại học chuyên ngành sản phụ khoa, tham gia và đứng đầu nhiều công trình khoa học và nhiều bài báo khoa học.

2) TS. Bùi Minh Tiến, sinh năm 1975, Tiến sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa, năm 2012, có 26 năm kinh nghiệm trọng giảng dạy đại học và sau đại học. Trong 5 năm gần đây đã chủ trì và tham gia 02 đề tài cấp Bộ. 2 đề tài cấp Cơ sở đã được nghiệm thu. Đã công bố 27 bài báo trên tạp chí nước ngoài và trong nước.

3) TS. Đặng Thị Hồng Thiện, sinh năm 1975, Trưởng phòng kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Phụ sản Trung ương, Tiến sĩ về Sản phụ khoa năm 2020, giảng viên thỉnh giảng của Nhà trường, có nhiều năm kinh nghiệm trong giảng dạy sau đại học. Chủ nhiệm 3 đề tài cơ sở, và xuất bản 17 bài báo trong nước và quốc tế.

4) TS. Nguyễn Trung Kiên, sinh năm 1982, Tiến sĩ Sản phụ khoa năm 2021, giảng viên cơ hữu của Trường từ năm 2008, kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy 17 năm trong đó giảng dạy sau đại học từ năm 2014. Đã tham gia 15 đề tài các cấp và 24 bài báo khoa học trong và ngoài nước, tham gia biên soạn 03 sách chuyên khảo giảng dạy cho đối tượng đại học

5) TS. Nguyễn Đăng Kiên, sinh năm 1991, Tiến sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa năm 2023 tại Úc, Giảng viên cơ hữu của Trường từ năm 2015; Kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy 2 năm. Trong đó trong 5 năm trở lại đây đã công bố 15 bài báo khoa học quốc tế.

Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng gồm 49 cán bộ trong đó có 22 giảng viên có trình độ PGS; TS, CK cấp II của các Bệnh viện tuyển Tỉnh và tuyển Trung ương:

Đội ngũ giảng viên tham gia tổ chức thực hiện CTĐT có 23 người với 01 PGS, 13 TS, 05 CKII đã đáp ứng đầy đủ điều kiện về đội ngũ giảng viên để thực hiện CTĐT cho toàn bộ khóa học và đảm bảo mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm và mỗi giảng viên giảng dạy không quá



03 học phần trong CTĐT. Bên cạnh đó đội ngũ giảng viên có khả năng hướng dẫn chỉ đạo học viên xây dựng đề cương nghiên cứu và thực hiện đề tài luận văn, tham gia hội đồng chấm luận văn thạc sĩ. Với 19 Đề tài nghiên cứu khoa học, 46 bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước được tính điểm thuộc Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước, có thể khẳng định đội ngũ giảng viên tham gia đề án có khả năng và đủ điều kiện để thành lập Hội đồng đánh giá luận văn Thạc sĩ theo quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 648/QĐ-YDTB ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Trường Đại học Y Dược Thái Bình cũng đã chuẩn bị đội ngũ giảng viên kế thừa là các nghiên cứu sinh đang học CTĐT trình độ tiến sĩ.

### ***2.2. Kiểm định cơ sở giáo dục và Chương trình đào tạo***

- Kiểm định cơ sở giáo dục: Trường đã được kiểm định cơ sở giáo dục chu kỳ 2 và được công nhận cơ sở giáo dục đạt chuẩn theo Quyết định số 221/QĐ-KĐCLGD ngày 07/9/2024 của Trung tâm kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.
- Kiểm định Chương trình đào tạo: Đến tháng 6 năm 2024 Trường đã Kiểm định 3 CTĐT Thạc sĩ, 3 CTĐT đại học. Hiện Trường đang đánh giá ngoài 2 CTĐT theo AUN, 4 CTĐT kiểm định trong nước.

### ***2.3. Về các điều kiện khác***

- Về Chuẩn đầu ra: chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 1487/QĐ-YDTB ngày 12/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình

- Về Chương trình đào tạo: CTĐT ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 735A/QĐ-YDTB ngày 14/4/2025 của Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Chương trình thể hiện rõ định hướng ứng dụng: Chương trình được xây dựng gồm 68 tín chỉ trong đó có 11 tín chỉ (16,2%) là kiến thức chung; 10 tín chỉ (14,6%) là kiến thức cơ sở và hỗ trợ, 40 tín chỉ (59%) là kiến thức chuyên ngành, 7 tín chỉ (10,2%) luận văn tốt nghiệp.

- Về cơ sở vật chất, thư viện, bệnh viện thực hành

+ Trường Đại học Y Dược Thái Bình đầy đủ phòng học, phòng thực hành, phòng nghiên cứu với đủ trang thiết bị đảm bảo cho học viên học tập và nghiên cứu trong đó có 221 Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của Giáo sư, Phó Giáo sư, giảng viên cơ hữu với diện tích xây dựng trên 10 nghìn m<sup>2</sup>



+ Thư viện và Trung tâm CNTT, Trung tâm học liệu Trường Đại học Y Dược Thái Bình có diện tích khoảng 2.536 m<sup>2</sup>, được chia thành các bộ phận: Kho sách Giáo trình; Kho sách tham khảo tiếng việt, tham khảo ngoại văn; Phòng đọc mở; Phòng truy cập Thư viện điện tử; Phòng tự học; Phòng đọc sách văn hóa xã hội. Thư viện phục vụ hơn 7000 độc giả là cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên. Nguồn lực thông tin Thư viện có 3500 đầu sách tương đương 80.000 tài liệu bao gồm: Sách tham khảo tiếng việt, sách tham khảo ngoại văn, sách giáo trình, luận án, luận văn, khoá luận, các loại báo, tạp chí và hơn 2000 đĩa CD-ROM về lĩnh vực Y, Dược học. Thư viện hỗ trợ tốt nhất cho bạn đọc về nguồn thông tin nhằm phục vụ hiệu quả cho đào tạo và NCKH của Nhà trường. Trường có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế HINARI là một cơ sở dữ liệu trực tuyến được thiết lập bởi tổ chức Y tế thế giới (WHO) liên kết với các nhà xuất bản nổi tiếng như khác Blackwell, Elsevier Science, STM Harcourt Worldwide, Wolters Kluwer International Health & Science, Springer Verlag và John Wiley cho phép người dùng ở Việt Nam truy cập với chi phí thấp các tạp chí khoa học về Y học, Sinh học và các lĩnh vực khoa học xã hội có liên quan. Cơ sở dữ liệu Hinari là một trong những bộ sưu tập lớn nhất thế giới về lĩnh vực y sinh học và sức khỏe, với hơn 12.700 tạp chí (với 30 Ngôn ngữ khác nhau), trên 24.900 sách điện tử và trên 70 nguồn thông tin khác từ các cơ sở y tế của hơn 100 quốc gia, khu vực và vùng lãnh thổ. Địa chỉ truy cập: <https://portal.research4life.org/> Hiện tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình có tài khoản đăng nhập là: ID: Vnt046 Mật khẩu được cung cấp bởi cán bộ thư viện cho phép các cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên của Nhà trường (gọi chung là người dùng được ủy quyền) truy cập tại Thư viện trường.

+ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình là cơ sở thực hành chính của Trường trong đào tạo trong đó có chuyên ngành Sản phụ khoa. Là bệnh viện hạng I, hàng ngày Bệnh viện tiếp đón trung bình từ 800 – 1200 lượt người đến khám bệnh, người bệnh nội trú trung bình 1200- 1500 người, trong đó có 16 khoa hệ nội, Trung tâm tim mạch và Trung tâm ung bướu đảm bảo đủ điều kiện phục vụ giảng dạy sau đại học đặc biệt là ngành Sản phụ khoa.

+ Bệnh viện Đại học Y Thái Bình là Bệnh viện công lập thuộc Trường Đại học Y Dược Thái Bình, với quy mô giường bệnh 282 giường trong đó có Khoa nội và chuyên khoa hệ nội phục vụ cho khám chữa bệnh và thực hành của học viên sau đại học.



+ Hệ thống công nghệ thông tin: Trường có Trung tâm công nghệ thông tin, có Website riêng được cập nhật thường xuyên, công bố công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục, công khai tài chính.

Trường có đủ cơ sở vật chất với trang thiết bị cần thiết đảm bảo điều kiện học tập và giúp người học có thể triển khai thực hiện luận văn, đề án tốt nghiệp.

- Về kinh nghiệm đào tạo

Trường Đại học Y Dược Thái Bình được giao nhiệm vụ đào tạo CKI Sản phụ khoa từ năm 1990, CKII Sản phụ khoa từ năm 2006, BSNT Sản phụ khoa từ năm 2018.

Đến nay, Trường đã đào tạo được: 391 CK cấp I; 43 CK cấp II, 26 BSNT chuyên ngành Sản phụ khoa

### 3. Cam kết thực hiện

Trường Đại học Y Dược Thái Bình đã công bố sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và xác định mục tiêu giáo dục. CTĐT trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa định hướng ứng dụng mã số: 872.0105 được xây dựng và đáp ứng mục tiêu, tầm nhìn sứ mạng, giá trị cốt lõi cũng như triết lý giáo dục của Trường.

Trong suốt quá trình đào tạo Nhà trường luôn nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật, không để xảy ra sai phạm. Vì vậy Trường Đại học Y Dược Thái Bình cam kết với Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong đề án, đảm bảo chất lượng đào tạo theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế, phục vụ tốt cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

### 4. Hồ sơ đính kèm

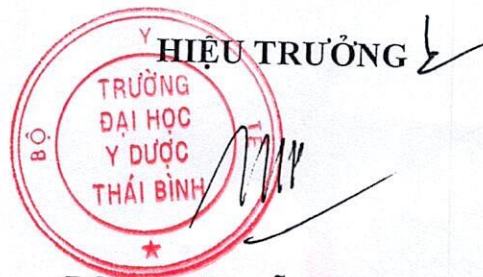
Đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa mã số 872.0105

Kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét và cho phép Trường Đại học Y Dược Thái Bình nhận nhiệm vụ mở ngành đào tạo Sản phụ khoa trình độ thạc sĩ.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Hội đồng Trường (để báo cáo);
- BGH (để chi đạo);
- Lưu VT, QLĐTSDH.



PGS.TS Nguyễn Duy Cường



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH SẢN PHỤ KHOA**

Mã số: **8720105**



Thái Bình, ngày tháng 01 năm 2025

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO THẠC SĨ SẢN PHỤ KHOA- ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

### 1. Mục tiêu

#### \* Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, kiến thức chuyên sâu và năng lực hành nghề lâm sàng nâng cao; có khả năng ứng dụng các tiến bộ y học hiện đại, thực hiện nghiên cứu khoa học ứng dụng và giảng dạy; có tư duy phân biện, khả năng lãnh đạo chuyên môn và thích ứng với thực tiễn chăm sóc sức khỏe sinh sản trong bối cảnh hội nhập và đổi mới hệ thống y tế.

#### \* Mục tiêu cụ thể

PEO1: Thực hành nghề nghiệp tuân thủ pháp luật và y đức, phù hợp với chuẩn đạo đức chuyên môn ngành Sản phụ khoa.

PEO2: Vận dụng kiến thức chuyên sâu và kỹ năng lâm sàng nâng cao trong chẩn đoán, điều trị, dự phòng các bệnh lý Sản phụ khoa thường gặp và phức tạp.

PEO3: Ứng dụng và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ mới trong Sản phụ khoa vào thực hành và giảng dạy, đặc biệt tại cơ sở y tế tuyến tỉnh/tuyến cơ sở.

PEO4: Thiết kế, triển khai, giám sát và công bố kết quả nghiên cứu khoa học ứng dụng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản tại các tạp chí chuyên ngành.

PEO5: Phát triển nghề nghiệp liên tục và năng lực lãnh đạo chuyên môn trong lĩnh vực Sản phụ khoa trong bối cảnh đổi mới và hội nhập y tế.

### 2. Chuẩn đầu ra

#### 2.1. Kiến thức

PLO 1: Áp dụng hiệu quả kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học Sản Phụ khoa đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với chứng cứ khoa học để chỉ định cận lâm sàng, biện luận chẩn đoán, điều trị, liên lượng bệnh nhân mắc bệnh Sản Phụ khoa.



PLO 2: Vận dụng thành thạo kiến thức về phương pháp giảng dạy trong thiết kế bài giảng lâm sàng và lý thuyết.

PLO 3: Vận dụng thành thạo kiến thức về nghiên cứu khoa học để thiết kế, tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học.

PLO 4: Vận dụng hiệu quả kiến thức về tính chuyên nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.

PLO 5: Ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố

## **2.2. Kỹ năng**

PLO 6: Thực hiện thành thạo kỹ năng khai thác bệnh sử, thăm khám lâm sàng đối với người bệnh mắc bệnh Sản Phụ khoa thông thường và trong tình huống cấp cứu.

PLO 7: Phân giải thành thạo kết quả cận lâm sàng cơ bản và một số cận lâm sàng chuyên sâu ở người bệnh mắc bệnh Sản Phụ khoa.

PLO 8: Thực hiện thành thạo một số thủ thuật Sản Phụ khoa đảm bảo an toàn và hiệu quả

PLO 9: Biện luận chặt chẽ để đưa ra được chẩn đoán các bệnh Sản Phụ khoa thường gặp và một số bệnh ít gặp của bà mẹ và trẻ sơ sinh.

PLO 10: Ra quyết định đúng về kế hoạch điều trị, dự phòng, theo dõi bà mẹ và trẻ sơ sinh mắc bệnh lý Sản Phụ khoa và sơ sinh.

PLO 11: Soạn, giảng dạy và lượng giá được một số kỹ năng lâm sàng cho sinh viên y khoa.

PLO 12: Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp để giải quyết các vấn đề sức khỏe của người bệnh đạt hiệu quả tối ưu.

PLO 13: Thực hiện hoàn chỉnh đề tài nghiên cứu khoa học về Sản Phụ khoa.

## **2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

PLO 14: Luôn thể hiện trách nhiệm và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hành nghề nghiệp.

PLO 15: Thể hiện sự thấu cảm, lòng trắc ẩn trong mọi hoạt động giao tiếp, thăm khám, chỉ định cận lâm sàng, điều trị tư vấn người bệnh để phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa và xã hội của người bệnh.

PLO 16: Thường xuyên thực hành tự phản ánh và cam kết phát triển bản thân./.



### **3. Yêu cầu đối với người dự tuyển và tốt nghiệp**

- Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế đào tạo Thạc sĩ kèm theo Quyết định số 648/QĐ-YDTB ngày 26/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình Bao gồm: Bác sĩ Y khoa hoặc Bác sĩ Đa khoa trở lên.

**3.1. Xét tuyển:** Những người tốt nghiệp Bác sĩ Y khoa hoặc Bác sĩ Đa khoa xếp loại Xuất sắc, có trình độ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

**3.2. Thi tuyển:** Những người tốt nghiệp Bác sĩ Y khoa hoặc Bác sĩ Đa khoa, có trình độ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

#### **3.3. Môn thi tuyển sinh**

- Môn chuyên ngành: Sản phụ khoa theo trình độ tốt nghiệp đại học Y, thi tự luận, thời gian thi 150 phút, chấm theo thang điểm 10

- Môn cơ sở: Giải phẫu học theo trình độ tốt nghiệp đại học, thi tự luận, thời gian thi 150 phút, chấm theo thang điểm 10

- Điều kiện trúng tuyển: các môn thi phải đạt từ điểm 5 trở lên theo thang điểm 10

#### **3.4. Quy chế đổi điểm từ đào tạo BSNT sang đào tạo Thạc sĩ**

Những học viên đã học chương trình bác sĩ nội trú tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình đúng chuyên ngành được xét công nhận và chuyển đổi kết quả học tập sang chương trình đào tạo thạc sĩ cùng chuyên ngành với điều kiện nội dung giảng dạy và thời lượng học tập tương đương

#### **3.5. Điều kiện tốt nghiệp:**

- Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn: theo quy định tại Khoản 2, điều 27 ban hành theo QĐ số 648/QĐ-YDTB ngày 26/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc ban hành Quy chế đào tạo Thạc sĩ;

- Điểm luận văn đạt từ 5,5 điểm trở lên;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo CDR của chương trình đào tạo

- Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng

- Đã công bố công khai toàn văn trên website của Trường

- Nộp 2 đĩa CD toàn văn về PHÒNG QLĐTSDH và thư viện để lưu trữ



#### 4. Vị trí đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Khám chữa bệnh tại các bệnh viện chuyên khoa, đa khoa
- Bộ môn Phụ sản/Sản phụ khoa tại các trường Đại học Y, Cao đẳng Y, Trung cấp Y.
- Nghiên cứu viên tại các Viện, các tổ chức phi chính phủ có các dự án nghiên cứu về sản phụ khoa
- Cán bộ quản lý chuyên môn tại các bệnh viện, trung tâm điều trị/nghiên cứu.

5. Dự kiến quy mô tuyển sinh mỗi năm: 15-20 học viên (số lượng này có thể thay đổi tùy điều kiện cụ thể trong từng thời điểm nhất định).

#### 6. Khái quát chương trình

STT	Nội dung học tập		Tín chỉ			
			Tổng số	LT	TH	Tỉ lệ %
1	Các môn chung		11	7	4	16,2
2	Các môn cơ sở và hỗ trợ	Phần bắt buộc	7	4	3	10,2
		Phần tự chọn	3	2	1	4,4
3	Các môn chuyên ngành	Phần bắt buộc	30	10	20	44,2
		Phần tự chọn	10	4	6	14,8
5	Luận văn tốt nghiệp		7	7	0	10,2
	<b>Tổng</b>		<b>68</b>	<b>34</b>	<b>34</b>	<b>100,0</b>

Ghi Chú: 01 Tín chỉ tương ứng 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành lâm sàng



## 7. Đối sánh

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường trong nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT

<b>Môn học</b>		<b>Trường ĐHYTB</b>	<b>Trường ĐHY Hà Nội</b>	<b>Trường ĐHYD TPHCM</b>
Các môn chung		11	7	5
Các môn cơ sở và hỗ trợ	Phần bắt buộc	7	8	8
	Phần tự chọn	3		
Các môn chuyên ngành	Phần bắt buộc	30	40	18
	Phần tự chọn	10	6	20
tốt nghiệp		7	6	9
<b>Tổng</b>		<b>68</b>	<b>67</b>	<b>60</b>



# KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH SẢN

Mã HP		Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình	
			Σ	LT	TH	Năm 1	Năm 2
<b>Phần chữ</b>	<b>Phần số</b>						
<b>I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG</b>			<b>11</b>	<b>7</b>	<b>4</b>	<b>11</b>	<b>0</b>
Ngoại ngữ (tự học nộp chứng chỉ theo quy định): Bậc 4/6							
THSCHG	001	Triết học	3	3	0	3	
THSCHG	002	Tin học Y học	2	1	1	2	
THSCHG	003	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	4	2	2	4	
THSCHG	004	Phương pháp giảng dạy đại học	2	1	1	2	
<b>II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ</b>			<b>10</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>10</b>	<b>0</b>
<b>Phần bắt buộc</b>							
THSSAN	1801	Giải phẫu ứng dụng trong Sản Phụ khoa	3	2	1	3	
THSSAN	1802	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và NK cơ bản	4	2	2	4	
<b>Phần tự chọn (chọn 1 trong 3 HP)</b>			<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	
THSSAN	1901	Huyết học lâm sàng	3	2	1	3	
THSSAN	1902	Chẩn đoán hình ảnh	3	2	1	3	
THSSAN	1903	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	3	2	1	3	
<b>III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>40</b>	<b>14</b>	<b>26</b>	<b>12</b>	<b>28</b>
<b>Phần bắt buộc</b>			<b>30</b>	<b>10</b>	<b>20</b>	<b>12</b>	<b>18</b>
THSSAN	2801	Sản thường	6	2	4	6	
THSSAN	2802	Sản khó	6	2	4	6	
THSSAN	2803	Sản bệnh	6	2	4		6
THSSAN	2804	Hỗ trợ sinh sản, Sơ sinh	6	2	4		6
THSSAN	2805	Phụ khoa tổng quát	6	2	4		6
<b>Phần tự chọn (chọn 2 trong 5 HP)</b>			<b>10</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>10</b>
THSSAN	2901	Phẫu thuật nội soi Sản phụ khoa cơ bản	5	2	3		5



THSSAN	2902	Ung thư sản khoa	5	2	3		5
THSSAN	2903	Soi cổ tử cung và cắt đốt	5	2	3		5
THSSAN	2904	Kế hoạch hoá gia đình	5	2	3		5
THSSAN	2905	Sức khoẻ sinh sản	5	2	3		5
<b>IV. TỐT NGHIỆP</b>			<b>7</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>7</b>
THSSAN	401	Luận văn tốt nghiệp	7	7	0	0	7
<b>Tổng khoá học</b>			<b>68</b>	<b>34</b>	<b>34</b>	<b>33</b>	<b>35</b>



**MA TRẬN TƯƠNG QUAN GIỮA MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Mức độ đóng góp: L: Low- thấp; M: Mediu- Trung bình ; H: High- cao**

<b>Mục tiêu CTĐT</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</b>															
	<b>PLO1</b>	<b>PLO2</b>	<b>PLO3</b>	<b>PLO4</b>	<b>PLO5</b>	<b>PLO6</b>	<b>PLO7</b>	<b>PLO8</b>	<b>PLO9</b>	<b>PLO10</b>	<b>PLO11</b>	<b>PLO12</b>	<b>PLO13</b>	<b>PLO14</b>	<b>PLO15</b>	<b>PLO16</b>
<b>PEO1</b>	H			H	L							M		H	H	M
<b>PEO2</b>	H		H	M	L	H	H	H	M	M		M		M	M	M
<b>PEO3</b>	H	M	H	M	H		H	H	M	M	M	M	M	M	M	M
<b>PEO4</b>	M	M			M						H	M	H	M	M	M
<b>PEO5</b>	M		M		H	M				M	M	M	M	M	M	M



# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

## A. CÁC MÔN CHUNG

### TRIẾT HỌC

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Triết học**

Tên tiếng Anh: Philosophy

Mã học phần: THSCHG001

Ngành: Thạc sĩ Nội khoa

Mã ngành: 872.01 05

#### I. Hành chính

##### 1. Thông tin chung

Học phần: Triết học	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	<input checked="" type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Bổ trợ
Đối tượng:	
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	03
Số tiết Lý thuyết:	32
Thảo luận :	13
Số giờ tự học:	90
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	0
Thảo luận:	0
Số giờ tự học:	0
Số bài kiểm tra và thi (LT/TH/LS):	<b>02</b>
Giữa học phần:	01
Kết thúc học phần:	01
Học phần học trước:	K
Học phần tiên quyết:	K
Học phần song hành:	K
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	<b>Bộ môn Lý luận chính trị</b>

##### 2. Mô tả chung về học phần

###### 2.1 Lý thuyết



Học phần triết học gồm 08 chương, được giảng dạy và thảo luận trên lớp với thời lượng 45 tiết (03 tín). Chương 1: Trình bày những tri thức cơ bản khái lược về triết học; Chương 2: Trình bày những nội dung cơ bản về bản thể luận; Chương 3: Trình bày những nội dung cơ bản của phép biện chứng; Chương 4: Trình bày những nội dung cơ bản nhận thức luận; Chương 5: Trình bày những nội dung cơ bản về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; Chương 6: Trình bày những nội dung cơ bản của triết học chính trị; Chương 7: Trình bày những nội dung cơ bản về ý thức xã hội; Chương 8: Trình bày những nội dung cơ bản triết học về chính trị.

**2.2 Thực hành:** Không

**2.3 Lâm sàng:** Không

**3. Khái niệm then chốt của học phần** (*Khuyến khích trình bày dưới dạng Sơ đồ khái niệm then chốt*)

- Triết học; triết học Mác Lênin; triết học chính trị; triết học về con người;
- Bản thể luận; nhận thức luận; ý thức xã hội;
- Hình thái kinh tế - xã hội.

**4. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:**

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Hà Kim Hoàn	TS	0919.993.285	dungthanh372@gmail.com	Phụ trách
2.	Lê Lan Anh	ThS	0917.586.998	lelananh.ydtb@gmail.com	Tham gia
3.	Trần Quang Công	TS	0911.247.789	<a href="mailto:congqt83@gmail.com">congqt83@gmail.com</a>	GVTG
4.	Phạm Văn Hùng	ThS	0934.636.828	hungvp81@gmail.com	GVTG

**5. Mục tiêu của học phần:**

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu học phần	Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)
5.1	<b>Về kiến thức:</b> Trình bày và phân tích những kiến thức có tính nền tảng và hệ thống của triết học, từ đó hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học cho hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân; đồng thời làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của những môn học khác.	PEO1
5.2	<b>Về mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm:</b>	PEO2



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng tri thức triết học vào bảo vệ, phát triển triết học Mác - Lênin trong giai đoạn mới của đất nước và hoạt động chuyên môn của bản thân.</li> <li>- Nâng cao tính trách nhiệm trong công tác chuyên môn, vận dụng các nguyên tắc của chủ nghĩa duy vật biện chứng trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, trong việc phê phán những biểu hiện của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa duy vật tầm thường, bệnh chủ quan duy ý chí.</li> <li>- Cũng có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, con đường đi của đất nước và đấu tranh, phản bác lại các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng, tư tưởng của Đảng.</li> </ul>	
--	--	--

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần:

- CLO1. Trình bày những tri thức cơ bản nhất về triết học và lịch sử triết học, triết học Mác-Lênin, vai trò của nó trong đời sống xã hội. Sự kết thừa, vận dụng, phát triển sáng tạo triết học Mác-Lênin của Đảng Cộng sản Việt Nam vào thực tiễn cách mạng.
- CLO2. Trình bày vấn đề bản thể luận trong lịch sử triết học cũng như tính khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin khi giải quyết vấn đề này.
- CLO3. Trình bày nội dung cơ bản về phép biện chứng duy vật, trên cơ sở đó rút ra ý nghĩa phương pháp luận trong nhận thức khoa học và hoạt động cải tạo xã hội.
- CLO4. Hiểu và phân tích được phạm trù thực tiễn, nhận thức; thực chất của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của triết học Mác - Lênin cũng như vai trò của việc quán triệt nguyên tắc này trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.
- CLO5. Hiểu bản chất của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, từ đó liên hệ đến sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- CLO6. Hiểu được quan điểm Mácxít về chính trị và các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội. Đồng thời nắm vững những nguyên tắc cơ bản trong quá trình đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay.
- CLO7. Hiểu được quan điểm Mácxít về ý thức xã hội và tồn tại xã hội cũng như mối quan hệ biện chứng giữa hai lĩnh vực này.
- CLO8. Hiểu được quan điểm Mácxít về con người và các phương diện tiếp cận nguồn gốc, bản chất con người. Đồng thời, nắm vững những nguyên tắc cơ bản trong xây dựng và phát huy nhân tố con người ở Việt Nam hiện nay.
- CLO9. Nghiêm túc, trung thực, có thái độ hợp tác tốt trong nghiên cứu khoa học.
- CLO10. Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

- CLO11. Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng các dân tộc trong hoạt động nghề nghiệp.

***Ma trận đóng góp chuẩn đầu ra của học phần***

CĐRHP/Module (CLO)	Mức độ đóng góp (L/M/H) vào chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
CLO1	L	L	L	L							L	L	L	L	L	L
CLO2	L	L	L	L							L	L	L	L	L	L
CLO3	L	L	L	L		L	L		L	L	L	L	L	L	L	L
CLO4	L	L	L	L		L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
CLO5																
CLO6																
CLO7	L	L	L	L							L	L	L	L	L	L
CLO8	L	L	L	L							L	L	L	L	L	L
CLO9	L	L	L	L							L		L	L	L	L
CLO10	L	L	L	L		L	L		L	L	L	L	L	L	L	L
CLO11						L	L		L	M	M				M	L

*Chú thích: L (Low) đóng góp Thấp, M (Medium) đóng góp Trung bình, H (High) đóng góp Cao.*



## II. NỘI DUNG

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của học viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
1	<p><b>Chương 1: Khái lược về triết học</b></p> <p>1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử</p> <p>3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội</p> <p>4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo triết học Mác - Lênin trong</p>	4	<p>- Trang bị cho học viên những tri thức cơ bản nhất về triết học và lịch sử triết học cũng như triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Hiểu được sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo triết học Mác – Lênin của Đảng ta vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.</p>	<p>Trình bày những tri thức cơ bản nhất về triết học và lịch sử triết học, triết học Mác-Lênin, vai trò của nó trong đời sống xã hội. Sự kế thừa, vận dụng, phát triển sáng tạo triết học Mác-Lênin của Đảng Cộng sản Việt Nam vào thực tiễn cách mạng</p>	<p>- Thuyết trình ngắn tích cực hóa</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	<p>HV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận</p> <p>GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời</p>	<p>Bảng, phần Tài liệu phát tay</p> <p>Câu hỏi phát vấn</p> <p>Giáo trình</p> <p>Máy tính</p> <p>Bút chỉ</p> <p>Máy chiếu</p>

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của học viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
	<p>thực tiễn cách mạng Việt Nam</p> <p>5. Một số vấn đề về mối quan hệ giữa triết học Mác-Lênin với y học</p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp học viên biết vận dụng tri thức đã học vào bảo vệ, phát triển triết học Mác – Lênin để phát huy tác dụng và sức sống của nó đối với thời đại và đất nước ta.</li> <li>- Giúp học viên củng cố niềm tin vào nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin nói chung và triết học Mác-Lênin nói riêng, có căn cứ để thực hiện mục</li> </ul>				



STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của học viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
			tiêu, lý tưởng của Đảng và đấu tranh chống lại một số quan điểm sai trái.				
2	<p><b>Chương 2: Bản thể luận</b></p> <p>1. Khái niệm “ bản thể luận ” và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học</p> <p>2. Nội dung bản thể luận của triết học Mác - Lênin</p> <p>3. Mối quan hệ giữa khách quan và chủ quan</p>	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp học viên nắm vững vấn đề bản thể luận trong lịch sử triết học cũng như tính khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin khi giải quyết vấn đề này.</li> <li>- Góp phần giúp học viên nâng cao kỹ năng vận dụng các nguyên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày vấn đề bản thể luận trong lịch sử triết học cũng như tính khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin khi giải quyết vấn đề này.</li> <li>- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình ngắn</li> <li>- Thảo luận tích cực hóa</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul>	<p>HV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận</p> <p>GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời</p>	<p>Bảng, phần Tài liệu phát tay</p> <p>Câu hỏi phát vấn</p> <p>Giáo trình</p> <p>Máy tính</p> <p>Bút chỉ</p> <p>Máy chiếu</p>

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của học viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
			tác của chủ nghĩa duy vật Mácxít trong hoạt động nhận thức và thực tiễn; trong việc phê phán những biểu hiện sai lầm của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa duy vật tầm thường, bệnh chủ quan duy ý chí.				
3	<b>Chương 3: Phép biện chứng</b> 1. Khái niệm “biện chứng” và khái quát lịch sử phép biện chứng	8	- Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về nội dung của phép biện chứng duy vật, trên cơ	- Trình bày nội dung cơ bản về phép biện chứng duy vật, trên cơ sở đó rút ra ý nghĩa phương pháp luận	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thảo luận nhóm	HV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn	Bảng, phần Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính Bút chỉ



STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của học viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
	<p>2. Những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật và sự vận dụng trong quá trình đổi mới ở Việt Nam</p> <p>4. Vai trò của phép biện chứng duy vật đối với hoạt động nhận thức và thực tiễn y học</p>		<p>sở đó rút ra ý nghĩa phương pháp luận trong nhận thức khoa học và hoạt động cải tạo xã hội.</p> <p>- Giúp học viên biết vận dụng kiến thức đã học để hình thành, phát triển tư duy biện chứng khoa học, phê phán những biểu hiện của phương pháp tư duy siêu hình trong nhận thức khoa học và hoạt động xã hội.</p>	<p>trong nhận thức khoa học và hoạt động cải tạo xã hội.</p> <p>- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.</p>		<p>thảo luận, nhận xét câu trả lời</p>	<p>Máy chiếu</p>

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của học viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
			- Củng cố cho học viên niềm tin khoa học vào phép biện chứng duy vật Mác-xít ; khắc phục tư tưởng phiến diện, chủ quan, nóng vội, muốn đốt cháy giai đoạn, cũng như tư tưởng bảo thủ, trì trệ, ngại đổi mới.				
4	<b>Chương 4: Nhận thức luận</b> 1. Một số vấn đề cơ bản của nhận thức luận	4	- Giúp học viên hiểu được phạm trù thực tiễn, nhận thức; thực chất của nguyên tắc thống nhất	Hiểu và phân tích được phạm trù thực tiễn, nhận thức; thực chất của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa  - Thảo luận nhóm	HV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn	Bảng, phần Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính Bút chỉ



STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của học viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
	<p>2. Nhận thức luận duy vật biện chứng</p> <p>3. Các hình thức, phương pháp nhận thức khoa học và đặc thù của nhận thức xã hội</p> <p>4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn và sự vận dụng nó trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</p> <p>5. Ý nghĩa phương pháp luận của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn đối với y học</p>		<p>giữa lý luận và thực tiễn của triết học Mác – Lênin cũng như vai trò của việc quán triệt nguyên tắc này trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>- Giúp học viên từng bước biết vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn vào ngăn ngừa, khắc phục bệnh kinh nghiệm, bệnh</p>	<p>thực tiễn của triết học Mác - Lênin cũng như vai trò của việc quán triệt nguyên tắc này trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.</p>		<p>thảo luận, nhận xét câu trả lời</p>	<p>Máy chiếu</p>

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của học viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
			<p>giáo điều trong học tập và hoạt động chuyên môn.</p> <p>- Đứng vững trên lập trường nhận thức luận của triết học Mác – Lênin để hiểu rõ bệnh kinh nghiệm, bệnh giáo điều, trên cơ sở đó tránh mắc những căn bệnh này.</p>				
5	<b>Chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội</b>	8	- Giúp học viên nắm vững bản chất của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội,	Hiểu bản chất của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, từ đó liên hệ đến sự phát triển theo định	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thảo luận nhóm	HV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn	Bảng, phần Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính



STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của học viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
	<p>1. Phương pháp tiếp cận duy vật và duy tâm về xã hội</p> <p>2. Những nội dung cơ bản của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>3. Giá trị khoa học, cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và sự nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội Việt Nam</p>		<p>từ đó liên hệ đến sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>- Giúp học viên nâng cao kỹ năng vận dụng học thuyết hình thái kinh tế - xã hội để phân tích sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng như sự biến đổi của các lĩnh vực trong đời sống xã hội.</p>	<p>hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p>		<p>thảo luận, nhận xét câu trả lời</p>	<p>Bút chì Máy chiếu</p>

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của học viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Góp phần củng cố niềm tin vào giá trị trường tồn của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội ở học viên, đấu tranh với những quan điểm sai trái thù địch về hình thái kinh tế - xã hội.</li> </ul>				
6	<p><b>Chương 6: Triết học chính trị</b></p> <p>1. Quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học</p> <p>2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội</p>	8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp học viên hiểu được quan điểm Mácxít về chính trị và các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội. Đồng thời nắm vững những nguyên tắc cơ bản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được quan điểm Mácxít về chính trị và các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội. Đồng thời nắm vững những nguyên tắc cơ bản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình ngắn</li> <li>- Thảo luận tích cực hóa</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul>	<p>HV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận</p> <p>GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời</p>	<p>Bảng, phần Tài liệu phát tay</p> <p>Câu hỏi phát vấn</p> <p>Giáo trình</p> <p>Máy tính</p> <p>Bút chỉ</p> <p>Máy chiếu</p>

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của học viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
	3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay		<p>những nguyên tắc cơ bản trong quá trình đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>- Quán triệt đúng đắn quan điểm đổi mới chính trị và nội dung của đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>- Đúng vững trên lập trường Mácxít trong việc nhận thức các phương diện cơ bản về chính trị, khắc phục</p>	<p>trong quá trình đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.</p>			



STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của học viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
			ảnh hưởng của những tư tưởng cực đoan, cơ hội.				
7	<p><b>Chương 7: Ý thức xã hội</b></p> <p>1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội và các hình thái ý thức xã hội</p> <p>2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</p> <p>3. Xây dựng nền tảng tinh thần trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay</p>	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp học viên hiểu được quan điểm Mácxít về ý thức xã hội và tồn tại xã hội cũng như mối quan hệ biện chứng giữa hai lĩnh vực này.</li> <li>- Quán triệt và vận dụng đúng đắn nguyên lí tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được quan điểm Mácxít về ý thức xã hội và tồn tại xã hội cũng như mối quan hệ biện chứng giữa hai lĩnh vực này.</li> <li>- Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng các dân tộc trong hoạt động nghề nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình ngắn</li> <li>- Thảo luận tích cực hóa</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul>	<p>HV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận</p> <p>GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời</p>	<p>Bảng, phần Tài liệu phát tay</p> <p>Câu hỏi phát vấn</p> <p>Giáo trình</p> <p>Máy tính</p> <p>Bút chì</p> <p>Máy chiếu</p>

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của học viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
			<p>thức xã hội vào đời sống xã hội.</p> <p>- Góp phần củng cố niềm tin vào sự nghiệp xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.</p>				
8	<p><b>Chương 8: Triết học về con người</b></p> <p>1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử</p> <p>2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người</p>	5	<p>- Giúp học viên hiểu được quan điểm Mácxít về con người và các phương diện tiếp cận nguồn gốc, bản chất con người. Đồng thời, nắm vững những nguyên</p>	<p>- Hiểu được quan điểm Mácxít về con người và các phương diện tiếp cận nguồn gốc, bản chất con người. Đồng thời, nắm vững những nguyên tắc cơ bản trong xây dựng và</p>	<p>- Thuyết trình ngắn tích cực hóa</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	<p>HV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận</p> <p>GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời</p>	<p>Bảng, phần Tài liệu phát tay</p> <p>Câu hỏi phát vấn</p> <p>Giáo trình</p> <p>Máy tính</p> <p>Bút chì</p> <p>Máy chiếu</p>

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của học viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
	<p>3. Vấn đề con người trong tư tưởng triết học Hồ Chí Minh</p> <p>4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</p>		<p>tắc cơ bản trong xây dựng và phát huy nhân tố con người ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>- Quán triệt đúng đắn những nguyên tắc cơ bản trong việc phát triển con người mới Việt Nam và biết phát huy nhân tố con người để phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>- Đứng vững trên lập trường Mácxít trong việc xây dựng</p>	<p>phát huy nhân tố con người ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>- Nghiêm túc, trung thực, có thái độ hợp tác tốt trong nghiên cứu khoa học.</p> <p>- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.</p> <p>- Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng các dân tộc trong hoạt động nghề nghiệp.</p>			



STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của học viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
			con người Việt Nam toàn diện và phát huy nhân tố con người để phát triển kinh tế - xã hội.				

### III. Phương pháp lượng giá

1. Lý thuyết:

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở (HV được sử dụng giáo trình)	Chất lượng bài thi	Quy chế đào tạo	10
Điểm thực hành/Lâm sàng (ĐTH/LS)						
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở (HV được sử dụng giáo trình)	Chất lượng bài thi	Quy chế đào tạo	10

#### Công thức tính điểm:

$$\text{Đ.HP} = \text{Đ.CC} \times 0,1 + \text{Đ.GHP} \times 0,2 + \text{Đ.KTHP} \times 0,7$$

Trong đó:

Đ.CC: Điểm chuyên cần

Đ.GHP: Điểm kiểm tra giữa học phần

Đ.KTHP: Điểm thi kết thúc học phần

*\* Trường hợp Đ.KTHP < 3 thì Đ.HP = Đ.KTHP*

#### Rubric 1: Chuyên cần: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/1 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/1 tiết
Đi muộn	0,5 điểm/1 tiết (Sau 15 phút tính không phép)
Học viên nghỉ học do Nhà trường điều động	0

**Rubric 2: Vấn đáp/Hình thức lượng giá thực tế của đơn vị**

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.5-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	2	2	2	2	2

Test Blue print (áp dụng lượng giá lý thuyết): không

Test Khung lượng giá năng lực thực hành/lâm sàng: không

Rubric để người học tự đánh giá, chấm điểm mức độ đạt CDR học phần

Chuẩn đầu ra HP	Tự đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra					Điểm/5
	1 (0-20%)	2 (21-40%)	3 (41-60%)	4 (61-80%)	5 (81-100%)	
CDR1	2	2	2	2	2	2,5
CDR2	2	2	2	2	2	2,5
<b>Điểm đạt = tổng điểm/số CDR</b>						<b>5,0</b>

2. Thực hành: không

3. Lâm sàng: không

**IV. Bảng đối sánh chương trình đào tạo (Trong nước và Quốc tế)**

TT	Học phần trong CTĐT của Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Học phần trong CTĐT của các trường được đối sánh	Phần trăm nội dung giống nhau
1	Triết học	Triết học, ĐHY Hà Nội	95,0%
2	Triết học	Triết học, ĐHYD Hải Phòng	95,0%
3	Triết học	Triết học, ĐHYD Thái Nguyên	95,0%
4	Triết học	Triết học, ĐHYD Huế	95,0%

**V. Hướng dẫn học viên tự học**

Tuần	Nội dung	Lý thuyết	Nhiệm vụ của học viên
1	Khái lược về triết học	4	- Đọc tài liệu - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu
2	Bản thể luận	4	- Đọc tài liệu - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu
3,4	Phép biện chứng	8	- Đọc tài liệu

			- Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu
5	Nhận thức luận	4	- Đọc tài liệu - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu
6,7	Hình thái kinh tế - xã hội	8	- Đọc tài liệu - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu
8,9	Triết học chính trị	8	- Đọc tài liệu - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu
10	Ý thức xã hội	4	- Đọc tài liệu - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu
11	Triết học về con người	5	- Đọc tài liệu - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu

## **VI. Tài liệu học tập và tham khảo** (*Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có*)

### 1. Tài liệu học tập:

Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2025): *Giáo trình triết học (dành cho đào tạo sau đại học)*, Lưu hành nội bộ.

### 2. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (1999), *Giáo trình triết học Mác – Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia (2010), *Giáo trình triết học Mác – Lênin (Tái bản)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.



- Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập, T4, T5, T9* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

**VII. Lịch học:** Theo Lịch giảng dạy/học tập.

**VIII. Quy định với học viên:**

1. Nhiệm vụ của học viên:

- Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ trường đại học và các quy chế, nội quy của Nhà trường.

- Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của cơ sở giáo dục đại học; chủ động, tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và rèn luyện đạo đức, lối sống.

- Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của cơ sở giáo dục đại học; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong trường học.

- Giữ gìn và bảo vệ tài sản; hành động góp phần bảo vệ, xây dựng và phát huy truyền thống của Nhà trường.

- Thực hiện đầy đủ quy định về việc khám sức khỏe đầu khóa và khám sức khỏe định kỳ trong thời gian học tập theo quy định của Nhà trường.

- Đóng học phí, bảo hiểm y tế đầy đủ, đúng thời hạn.

- Tham gia lao động công ích, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội vì cộng đồng phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của Nhà trường.

- Chấp hành nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự Điều động của Nhà nước khi được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo Hiệp định ký kết với Nhà nước, nếu không chấp hành phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo theo quy định của Chính phủ.

- Tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử và các hoạt động khác của sinh viên; kịp thời báo cáo với khoa, phòng chức năng, Ban Giám hiệu Nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử hoặc những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế khác của sinh viên, cán bộ, nhà giáo trong trường.

- Tham gia công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong trường học, gia đình và cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật và của Nhà trường.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Học viên tham dự ít nhất 80% số tiết học theo quy định của học phần, thời gian nghỉ học (nếu có) phải có lý do hợp lệ.

- Học viên phải có điểm kiểm tra giữa học phần đạt từ 3,0/10 điểm trở lên.

- Học viên không vi phạm nội quy, quy chế ở mức không được duyệt thi kết thúc học phần

- Học viên nghỉ học từ 20% đến 50% số tiết học phải học bù đủ chương trình mới được duyệt thi. Học viên nghỉ học > 50% số tiết học phải học lại toàn bộ chương trình của học phần.

- Học viên hoãn thi đủ các điều kiện duyệt thi sẽ được duyệt thi vào lần kế tiếp của học phần (cùng hoặc khác lớp) và được tính điểm lần đầu.

- Học viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần không có lý do hợp lệ hoặc không được duyệt thi phải nhận điểm 0.

- Mỗi học kỳ Nhà trường tổ chức 01 kỳ thi chính và 01 kỳ thi phụ để thi KTHP. Kỳ thi phụ dành cho những học viên hoãn thi hoặc thi không đạt ở kỳ thi chính. Học viên có điểm thi không đạt ở kỳ thi chính bắt buộc phải đăng ký tại kỳ thi phụ cùng học kỳ (*trường hợp học viên không đăng ký sẽ phải học lại toàn bộ học phần*).

#### **IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

<b>TT</b>	<b>Cập nhật đề cương tiết lần</b>	<b>Ngày/tháng/năm</b>	<b>Người cập nhật</b>
1.	Lần 1	Tháng 6-8/2025	TS. Hà Kim Hoàn
2.	Lần 2	Tháng 6-8/2028	TS. Hà Kim Hoàn
3.	Lần 3	Tháng 6-8/2032	TS. Hà Kim Hoàn
4.	Dự kiến	2035	TS. Hà Kim Hoàn

-

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN/MODULE: TIN HỌC Y HỌC**

Tên học phần: Tin học Y học  
 Tên tiếng Việt: Tin học Y học  
 Tên tiếng Anh: Medical Informatics  
 Mã học phần: THSCHG 002  
 Ngành: Sản phụ khoa

Mã ngành:

**II. Hành chính**

**1. Thông tin chung**

Học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	<input checked="" type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Bổ trợ
Đối tượng:	Trình độ Thạc sĩ, ngành Sản phụ khoa
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2
Số tiết Lý thuyết:	15
Thảo luận :	15
Số giờ tự học:	30
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	30
Thảo luận:	15
Số giờ tự học:	30
Số bài kiểm tra và thi (LT/TH/LS):	
Giữa học phần:	01
Kết thúc học phần:	01
Học phần học trước:	Không
Học phần tiên quyết:	Không
Học phần song hành:	Không
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	BM Toán Tin / Khoa KHCB

**2. Mô tả chung về học phần/module**

**2. Mô tả chung về học phần/module**

Học phần Tin học Y học nhằm trang bị cho học viên những kiến thức nền tảng về công nghệ thông tin và khả năng ứng dụng tin học vào thực tiễn y học và nghiên cứu khoa học. Học viên sẽ được học cách quản lý và phân tích dữ liệu y học, sử dụng các

phần mềm SPSS, EndNote, PowerPoint, cũng như tiếp cận các hệ thống thông tin y tế hiện đại.

## **2.1 Lý thuyết**

Sau khi học xong module này, học viên có khả năng:

- Vận dụng các kiến thức lý thuyết cơ bản về quản lý tài liệu tham khảo bằng phần mềm EndNote, giúp nâng cao hiệu quả trong việc tìm kiếm, lưu trữ, trích dẫn và trình bày tài liệu khoa học một cách chính xác và chuyên nghiệp.
- Vận dụng các kiến thức lý thuyết cơ bản về phân tích thống kê ứng dụng bằng phần mềm SPSS, bao gồm nhận diện loại dữ liệu, lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp, và diễn giải kết quả một cách chính xác, khoa học.
- Vận dụng các kiến thức lý thuyết cơ bản về thiết kế bài trình chiếu hiệu quả bằng phần mềm PowerPoint. Học viên sẽ hiểu rõ cấu trúc bài thuyết trình, nguyên tắc thiết kế slide chuyên nghiệp, và cách sử dụng PowerPoint như một công cụ hỗ trợ giảng dạy, trình bày hoặc truyền thông.

## **2.2 Thực hành**

- Vận dụng các kiến thức để quản lý, trích dẫn và định dạng tài liệu tham khảo trong quá trình viết báo cáo, khóa luận, bài báo khoa học,... Đồng thời rèn luyện kỹ năng thao tác thực tế trên phần mềm để tiết kiệm thời gian, tăng độ chính xác và tính chuyên nghiệp trong nghiên cứu.
- Vận dụng các kiến thức để nhập dữ liệu, xử lý số liệu thống kê và phân tích dữ liệu nghiên cứu. Thực hành giúp củng cố kiến thức lý thuyết và rèn luyện kỹ năng xử lý dữ liệu y học, xã hội hoặc kinh tế một cách chính xác, logic và khoa học.
- Vận dụng các kiến thức để thiết kế bài trình chiếu chuyên nghiệp. Thông qua các bài tập thực hành, người học sẽ tự xây dựng được bài thuyết trình phù hợp với từng mục tiêu: học thuật, giảng dạy, hội nghị, truyền thông,...

## **2.3 Lâm sàng**

### **không**

**3. Khái niệm then chốt của học phần/module** (*Khuyến khích trình bày dưới dạng Sơ đồ khái niệm then chốt*)

### **3.1. Trích dẫn tài liệu bằng phần mềm EndNote**

- Phân loại tài liệu tham khảo;
- Thư viện tài liệu mở
- Nhập thông tin tài liệu tham khảo
- Các biểu mẫu

### **3.2. Phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS**

- Biến định tính, biến định lượng
- Thang đo, kiểu dữ liệu



- Giả thiết, đối thiết, kiểm định
- Thống kê mô tả, thống kê suy luận
- Biểu đồ

### 3.3 Trình chiếu báo cáo trên MS Powerpoint

- Thiết kế Slide
- Hiệu ứng
- Trình chiếu
- In ấn, đóng gói dữ liệu.

### 4. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Thanh Duyên	ThS	0936455344	<a href="mailto:nguyenthanhduyen82@gmail.com">nguyenthanhduyen82@gmail.com</a>	Phụ trách
2.	Đỗ Thị Hoà	ThS	0974427372	<a href="mailto:dtkhkhtn@gmail.com">dtkhkhtn@gmail.com</a>	Tham gia
3.	Trần Thu Hà	ThS	0961556673	<a href="mailto:hatt.tbump@gmail.com">hatt.tbump@gmail.com</a>	Tham gia
4.	Vũ Trung Thắng	ThS	0981690890	<a href="mailto:thangvt.ytb@gmail.com">thangvt.ytb@gmail.com</a>	Tham gia

### 5. Mục tiêu của học phần/module:

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu học phần/module	Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)
5.1	Trình bày được vai trò và quy trình tra cứu, quản lý tài liệu tham khảo trong nghiên cứu khoa học. Có kiến thức sâu rộng liên quan đến thu thập, lưu trữ và trích dẫn tài liệu tham khảo	PEO 1, PEO 2, PEO 8
5.2	Tra cứu, nhập liệu, và tổ chức tài liệu tham khảo từ các cơ sở dữ liệu khoa học như PubMed, Google Scholar, Web of Science,... Trích dẫn tài liệu tự động và định dạng danh mục tài liệu tham khảo theo đúng chuẩn (APA, Vancouver, IEEE, v.v.) trong các bài viết, khóa luận, hoặc báo cáo nghiên cứu.	PEO 1, PEO 2, PEO 8
5.3	Có kiến thức sâu rộng về biến, kiểu dữ liệu và các phương pháp thống kê. Phân biệt và áp dụng đúng các loại kiểm định thống kê như: t-test, ANOVA, Chi-square, hồi quy tuyến tính/logistic. Nhận biết và giải thích các chỉ số thống kê như: Mean, SD, p-value, OR, RR,...	PEO 1, PEO 2, PEO 8

5.4	Thực hiện được các phân tích thống kê mô tả và thống kê suy luận phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Vận dụng SPSS để xử lý các tình huống nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực y tế công cộng, điều dưỡng, hoặc y học lâm sàng. Diễn giải được kết quả phân tích thống kê từ SPSS và rút ra kết luận phù hợp với giả thuyết nghiên cứu. Trình bày báo cáo phân tích dữ liệu bằng SPSS một cách khoa học, rõ ràng, hỗ trợ cho bài báo cáo nghiên cứu hoặc luận văn.	PEO 1, PEO 2, PEO 8
5.5	Có kiến thức sâu rộng và cập nhật liên quan đến phần mềm Microsoft PowerPoint để thiết kế và trình bày bài thuyết trình hiệu quả, phục vụ học tập, giảng dạy và báo cáo nghiên cứu trong lĩnh vực y học và y tế công cộng.	PEO 1, PEO 2, PEO 8
5.6	Sử dụng thành thạo phần mềm Microsoft PowerPoint để thiết kế bài trình bày chuyên nghiệp. Áp dụng các nguyên tắc thiết kế trực quan (thiết kế slide, màu sắc, phông chữ, hình ảnh) để tạo ra bài thuyết trình dễ hiểu và hấp dẫn. Lồng ghép được các yếu tố đa phương tiện để minh họa nội dung bài giảng hoặc báo cáo. Tùy chỉnh các hiệu ứng chuyển động và hoạt ảnh nhằm tăng sự sinh động và làm nổi bật nội dung quan trọng. Thiết kế được bài trình bày phục vụ cho học tập, giảng dạy hoặc báo cáo nghiên cứu trong lĩnh vực y học.	PEO 1, PEO 2, PEO 8
5.7	Có ý thức nghiêm túc trong việc sử dụng tài liệu tham khảo và trích dẫn đúng chuẩn học thuật.	PEO 1, PEO 2, PEO 8
5.8	Chủ động trong học tập, tìm hiểu và ứng dụng công nghệ vào thực hành nghiên cứu.	PEO 1, PEO 2, PEO 8
5.9	Rèn luyện thái độ chuyên nghiệp khi trình bày và chia sẻ kết quả học tập và nghiên cứu	PEO 1, PEO 2, PEO 8

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần/module:

TT	CĐR Học phần (CLO)
CLO1	Trình bày được vai trò và quy trình trích dẫn tài liệu tham khảo trong nghiên cứu khoa học.
CLO2	Hiểu và vận dụng được các khái niệm cơ bản về phân tích dữ liệu thống kê y học.
CLO3	Nhận biết được các nguyên tắc thiết kế bài trình chiếu hiệu quả trong trình bày báo cáo nghiên cứu.
CLO4	Sử dụng thành thạo phần mềm EndNote để tìm kiếm, quản lý và trích dẫn tài liệu tham khảo theo các chuẩn quốc tế.
CLO5	Nhập dữ liệu, xử lý và phân tích được các dạng dữ liệu cơ bản bằng SPSS (thống kê mô tả, kiểm định giả thuyết,...).
CLO6	Thiết kế và trình bày được bài trình chiếu PowerPoint phục vụ báo cáo nghiên cứu một cách rõ ràng, trực quan và chuyên nghiệp.
CLO7	Thể hiện ý thức học thuật đúng đắn, tôn trọng bản quyền trong trích dẫn tài liệu tham khảo.
CLO8	Thể hiện thái độ chủ động, nghiêm túc, và có tinh thần hợp tác trong học tập và trình bày báo cáo.

### Ma trận đóng góp chuẩn đầu ra của học phần/module

CĐRHP/Module (CLO)	Mức độ đóng góp (L/M/H) vào chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)																	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	...
CLO1	M	L	L								L		M	M				
CLO2	M	L	L								L		H	H				
CLO3	M	M	M								M		H	H				
CLO4	H	M	M								H		H	H				
CLO5	H	H	H								H		H	H				
CLO6	H	H	H								H		H	H				
CLO7											M		M	M				
CLO8											M		M	M				

Chú thích: L (Low) đóng góp Thấp, M (Medium) đóng góp Trung bình, H (High) đóng góp Cao.

## II. NỘI DUNG

STT	Tên bài	Số tiết	Số tiết	Mục tiêu học phần/module	CDR học phần/module	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của học viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
1	<p><b>Bài 1. Sử dụng phần mềm EndNote trong quản lý và trích dẫn tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản lý tài liệu tham khảo.</li> <li>2. Làm quen với phần mềm EndNote</li> <li>3. Nhập thông tin tài liệu tham khảo trong EndNote</li> <li>4. Quản lý danh mục tài liệu tham khảo</li> <li>5. Ứng dụng EndNote trích dẫn tài liệu tham khảo trong Word</li> <li>6. Sử dụng mẫu bản thảo của EndNote trong Word</li> </ol>	3	6	1,2,7,8,9	1,4,7,8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình ngắn tích cực hóa</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- Thực hành theo nhóm</li> <li>- Báo cáo theo nhóm</li> </ul>	<p>SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi</p> <p>GV: Thuyết trình, phát vấn, nhận xét câu trả lời</p>	<p>Bảng, phần Tài liệu phát tay</p> <p>Câu hỏi phát vấn</p> <p>Giáo trình</p> <p>Máy tính</p> <p>Bút chì</p> <p>Máy chiếu</p>
2	<p><b>Bài 2: Xử lý số liệu với SPSS</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng quan về SPSS</li> <li>- Quản lý số liệu trên SPSS</li> </ul>	4	8	3,4,7,8,9	2,3,5,7,8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình ngắn tích cực hóa</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul>	<p>SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi</p>	<p>Bảng, phần Tài liệu phát tay</p>



STT	Tên bài	Số tiết	Số tiết	Mục tiêu học phần/module	CĐR học phần/module	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của học viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
	- Xử lý số liệu với SPSS					- Thực hành theo nhóm - Báo cáo theo nhóm	GV: Thuyết trình, phát vấn, nhận xét câu trả lời	Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính Máy chiếu
<b>3</b>	<b>Bài 3: Phân tích số liệu với SPSS</b> 1. Khái niệm phân tích số liệu 2. Phân tích thống kê mô tả 3. Phân tích thống kê suy luận 4. Biểu đồ 5. Phân tích hồi quy 6. Viết chương trình kịch bản để thực hiện một chuỗi câu lệnh trong SPSS	4	8	3,4,7,8,9	2,3,5,7,8	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thảo luận nhóm - Thực hành theo nhóm - Báo cáo theo nhóm	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời	Bảng, phần Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính Máy chiếu
<b>4</b>	<b>Bài 4.</b> Trình chiếu báo cáo trên MS Powerpoint - Giới thiệu MS Powerpoint	4	8	5,6,7,8,9	3,6,7,8	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thảo luận nhóm	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận	Bảng, phần Tài liệu phát tay

STT	Tên bài	Số tiết	Số tiết	Mục tiêu học phần/module	CĐR học phần/module	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của học viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế Slide Presentation</li> <li>- Định dạng Presentation</li> <li>- Trình chiếu Presentation</li> <li>- In ấn, đóng gói dữ liệu</li> </ul>					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành theo nhóm</li> <li>- Báo cáo theo nhóm</li> </ul>	GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời	<ul style="list-style-type: none"> <li>Câu hỏi phát vấn</li> <li>Giáo trình</li> <li>Máy tính</li> <li>Bút chỉ</li> <li>Máy chiếu</li> </ul>

### III. Phương pháp lượng giá

- Lượng giá tính điểm: được tính theo thang điểm 10

Bao gồm 3 cấu phần điểm:

+ Điểm chuyên cần: được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ, đúng giờ các buổi học lý thuyết; chủ động, hăng hái phát biểu thảo luận; hoàn thành đầy đủ các bài tập được giao. (hệ số 0,1)

+ Lượng giá tiến trình: học viên trải qua bài lượng giá giữa kỳ tại tuần thứ 3 của học phần bằng 01 bài thi tự luận 60 phút với 3 câu hỏi (mỗi câu 20 phút), tính hệ số 0,2.

+ Lượng giá kết thúc học phần: tại tuần cuối cùng của học phần, học viên viết 01 chuyên đề liên quan đến nội dung học tập, tính hệ số 0,7.

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	5%	1. Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	Rubric R1	7	10
	5%	2. Phát biểu, thảo luận trên lớp	- Vấn đáp	- Rubric R2	9	
		3. Làm bài tập được giao	Chấm bài tập	Theo đáp án, thang chấm	8	
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	20%	1 bài trắc nghiệm trên máy tính	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang chấm	1,2,3,4,5	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	Bài thi kết thúc học phần	Thi thực hành trên máy tính: 01 bài (60 phút)	Theo đáp án và thang chấm	1,2,3,5,4,6	10

**Công thức tính điểm: Điểm HP = 0,1 . ĐCC + 0,2 . ĐGHP + 0,7 . ĐKTHP**

**Rubric 1: Điểm danh: 5 điểm**

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5/2 Tiết
Nghỉ học không phép	0,5/1 Tiết
Đi muộn	0,5

#### Rubric 2: Bài tập trên lớp và Bài tập về nhà

Mức độ đạt chuẩn quy định						Trọng số
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)	
Số lượng bài tập	Số lượng bài nộp <30%	Số lượng bài tập nộp <50%	Số lượng bài tập nộp <70%	Số lượng bài tập nộp <90%	Số lượng bài tập nộp 100%	50%
Nội dung bài tập	Không giải được	Giải chưa hết các bài tập	Giải đầy đủ các bài tập nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các bài tập nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các bài tập và trình bày rõ ràng	50%

#### IV. Bảng đối sánh chương trình đào tạo (Trong nước và Quốc tế)

TT	Học phần trong CTĐT của Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Học phần trong CTĐT của các trường được đối sánh	Phần trăm nội dung giống nhau
1			
2			
3			
.....			

#### V. Hướng dẫn học viên tự học

Tuần	Nội dung	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Nhiệm vụ của học viên


## **VI. Tài liệu học tập và tham khảo** (*Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có*)

### **6.1. Tài liệu học tập:**

**Bộ môn Toán tin – Trường Đại học Y Dược Thái Bình** (2023), Giáo trình tin học ứng dụng (hệ cao học), (Lưu hành nội bộ).

### **6.2. Tài liệu tham khảo:**

1. **Hoàng Trọng, Chu Mộng Ngọc**(2008), Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, Nhà xuất bản Hồng Đức.
2. **Nguyễn Ngọc Rạng** (2023), Thống kê y học thực hành R VÀ SPSS, Nhà xuất bản Y học
3. **Phạm Lộc** (2022), Hướng dẫn sử dụng SPSS 26 – Áp dụng trong luận văn, đề tài nghiên cứu
4. A Guide to Using EndNote 20 (University of Leeds, PDF)
5. **Andy Field** (2009), Discovering Statistics Using Spss Third Edition (North American Edition).
6. **Microsoft Office** (2010), Microsoft PowerPoint 2010 Product Guide.

**VII. Lịch học:** Theo Lịch giảng dạy/học tập.

### **VIII. Quy định với học viên:**

1. Nhiệm vụ của học viên: Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, lâm sàng:
  - + Tham gia nghe giảng
  - + Tham gia thảo luận nhóm
  - + Tự đọc bài giảng và các tài liệu liên quan
2. Quy định điều kiện dự thi: Theo quy chế của nhà trường

### **IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

<b>TT</b>	<b>Cập nhật đề cương tiết lần</b>	<b>Ngày/tháng/năm</b>	<b>Người cập nhật</b>
5.	<b>Lần 1</b>	<b>Tháng 3-5/2018</b>	
6.	<b>Lần 2</b>	<b>Tháng 3-5/2021</b>	
7.	<b>Lần 3</b>	<b>Tháng 3-5/2024</b>	
8.	<b>Dự kiến</b>	<b>2027</b>	
9.			



**HỌC PHẦN/MODULE: Phương pháp giảng dạy đại học.  
Năm 2025**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC ĐẠI HỌC.**

Tên tiếng Anh: Teaching-learning Method

Mã học phần:

Ngành:

Mã ngành:

**III. Hành chính**

**1. Thông tin chung**

Học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Bổ trợ
Đối tượng:	Thạc sĩ Nội khoa
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	02 (01 LT/01TH)
Số tiết Lý thuyết:	12
Thảo luận :	4
Số giờ tự học:	34
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	24
Thảo luận:	8
Số giờ tự học:	18
Số bài kiểm tra và thi (LT/TH/LS):	
Giữa học phần:	01
Kết thúc học phần:	01
Học phần học trước:	<b>Tin học Y học, Triết học</b>
Học phần tiên quyết:	<b>Không</b>
Học phần song hành:	<b>PP Nghiên cứu khoa học</b>
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	<b>Trung tâm PTGV</b>

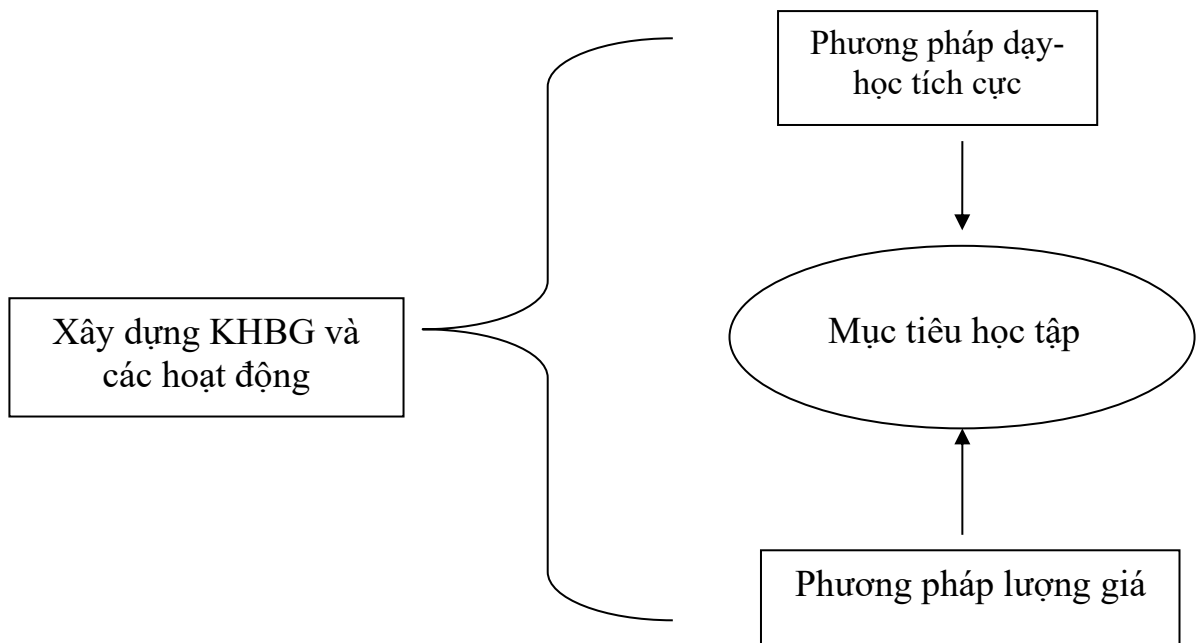
**2. Mô tả chung về học phần/module**

Phương pháp dạy-học là học phần giảng dạy về phương pháp luận, phương pháp dạy-học trong Y học nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và hiện đại về lý luận dạy học, phân tích được 4 thành phần cơ bản của mục tiêu

học tập và 5 tiêu chí SMART, các phương pháp dạy-học tích cực, các phương pháp đánh giá trong lĩnh vực kiến thức và thực hành.

Thông qua học phần, người học được trang bị năng lực thiết kế, tổ chức, triển khai được các hoạt động dạy-học hiệu quả, lựa chọn công cụ và hình thức đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học góp phần hình thành và nâng cao năng lực sư phạm, năng lực giao tiếp – hợp tác, năng lực nghiên cứu – phát triển nghề nghiệp và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, hình thành kỹ năng sư phạm thiết yếu, phục vụ công tác giảng dạy và phát triển nghề nghiệp lâu dài.

### 3. Khái niệm then chốt của học phần/module



#### 4. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
5.	Vũ Thị Loan	ThS	0983710086	Loannhiydtb@gmail.com	Phụ trách
6.	Vũ Duy Tùng	TS	0918058488	Tunganatomy@gmail.com	Tham gia
7.	Lê Minh Hiếu	ThS	0976574142	drhieuytb@gmail.com	Tham gia

#### 8. Mục tiêu học phần:

STT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)
5.1	Áp dụng được các phương pháp dạy-học tích cực trong dạy-học y học	2,8,10
5.2	Phân tích được 04 thành phần và 05 tiêu chí của mục tiêu học tập	2,8
5.3	Phát triển được các công cụ lượng giá kiến thức và thực hành	2,8
5.4	Thiết kế kế hoạch bài giảng phù hợp với đối tượng học áp dụng các phương pháp dạy-học tích cực định hướng năng lực	2,8
5.5	Thực hành giảng được một bài giảng theo kế hoạch bài giảng	2,8
5.6	Nhận thức được phương pháp dạy-học tích cực cung cấp nhiều kiến thức bền vững hơn và hình thành tính chuyên nghiệp trong giáo dục đại học	10

#### 9. Chuẩn đầu ra của học phần:

CLO1. Trình bày được các phương pháp dạy/học tích cực

CLO2. Viết đúng mục tiêu học tập theo 4 thành phần ABCD và 5 tiêu chí SMART

CLO3. Trình bày được các phương pháp lượng giá kiến thức và thực hành

CLO4. Thực hành giảng một bài giảng phù hợp theo kế hoạch bài giảng

CLO5. Nhận thức được phương pháp dạy-học tích cực cung cấp nhiều kiến thức bền vững hơn và hình thành tính chuyên nghiệp trong giáo dục đại học

***Ma trận đóng góp chuẩn đầu ra của học phần/module***

CĐRHP	Mức độ đóng góp (L/M/H) vào chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO1		H									H				M		L
CLO2		H									H						L
CLO3		H									H						L
CLO4		H		M							H				M		H
CLO5		H		H							H				H		H

*Chú thích: L (Low) đóng góp Thấp, M (Medium) đóng góp Trung bình, H (High) đóng góp Cao.*

## II. NỘI DUNG

STT	Tên bài	Số tiết	Số tiết	Mục tiêu học phần	CDR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của sinh viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
1	<b>Bài 1: Đại cương về dạy-học tích cực</b> <b>Quy trình dạy/học</b> 1. Đặc điểm dạy/học tích cực 2. Quy trình dạy/học 3. Cấu trúc mô hình dạy/học	01	02	6	5	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thảo luận nhóm - Thực hành	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời	Bảng, phần Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính Bút chỉ Máy chiếu Giấy A0
2	<b>Bài 2. Xác định mục tiêu học tập</b> 1. Mục tiêu học tập là gì? 2. Tầm quan trọng của MTHT 3. Phân loại mục tiêu 4. Ba lĩnh vực của mục tiêu chuyên biệt 5. Cách viết MTHT	01	02	2	2	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thảo luận nhóm - Thực hành	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thực hành viết mục tiêu, báo cáo, thảo luận, nhận xét GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời	Bảng, phần Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính Bút chỉ Máy chiếu



STT	Tên bài	Số tiết	Số tiết	Mục tiêu học phần	CDR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của sinh viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
	6. Sáu phẩm chất của mục tiêu chuyên biệt							
	<b>Bài 3. Các kỹ năng cần có của người giảng dạy</b> 1. Phân tích được 1 số kỹ năng cần thiết của giảng viên y khoa 2. Áp dụng có hiệu quả các kỹ năng trong giảng dạy chuyên ngành	01	02	1,5,6	4	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thực hành	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thực hành đóng vai GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận và đóng vai, nhận xét câu trả lời	Bảng, phấn Tài liệu phát tay Giáo trình Máy tính Bút chì Máy chiếu
	<b>Bài 4. Dạy/học bằng phương pháp thảo luận nhóm</b> 1. Vai trò của phương pháp dạy/học bằng thảo luận nhóm 2. Các bước tiến hành một buổi thảo luận nhóm	01	02	1,5	4	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thực hành	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thực hành thảo luận theo chủ đề GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời	Bảng, phấn Tài liệu phát tay Giáo trình Máy tính Bút chì Máy chiếu

STT	Tên bài	Số tiết	Số tiết	Mục tiêu học phần	CDR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của sinh viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
	3. Áp dụng thảo luận một chủ đề theo nhóm nhỏ							
	<b>Bài 5. Dạy học bằng bảng kiểm</b> 1. Khái niệm về bảng kiểm 2. Cách xây dựng một bảng kiểm 3. Cách sử dụng bảng kiểm trong dạy/học 4. Cách sử dụng bảng kiểm trong lượng giá 5. Lập một bảng kiểm để dạy-học	02	04	1,5	4	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thảo luận nhóm - Thực hành	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thực hành xây dựng bảng kiểm để dạy-học, thảo luận, nhận xét GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời	Bảng, phấn Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính Bút chỉ Máy chiếu
	<b>Bài 6. Dạy học bằng phương pháp đóng vai</b> 1. Lợi ích của phương pháp dạy/học bằng đóng vai	02	04	1,5	4	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thảo luận nhóm - Thực hành	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thực hành viết kịch bản để đóng vai, thảo luận, nhận xét	Bảng, phấn Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính

STT	Tên bài	Số tiết	Số tiết	Mục tiêu học phần	CDR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của sinh viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
	2. Điều kiện áp dụng của phương pháp 3. Quy trình thực hiện phương pháp đóng vai 4. Đóng vai theo nhóm với chủ đề tự chọn						GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời	Bút chỉ Máy chiếu Kịch bản
	<b>Bài 7. Dạy/học bằng phương pháp nghiên cứu từng ca</b> 1. Lợi ích của nghiên cứu từng ca trong dạy/học 2. Điều kiện áp dụng phương pháp nghiên cứu từng ca 3. Cách viết nghiên cứu từng ca	02	04	1,5	4	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thảo luận nhóm - Thực hành	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thực hành viết ca lâm sàng, thảo luận, nhận xét GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời	Bảng, phần Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính Bút chỉ Máy chiếu
	<b>Bài 8. Khái quát về lượng giá</b>	01	02	3	3	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thảo luận nhóm - Thực hành	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận, nhận xét	Bảng, phần Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn

STT	Tên bài	Số tiết	Số tiết	Mục tiêu học phần	CDR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của sinh viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
	1. Tầm quan trọng của lượng giá 2. Khi nào tiến hành lượng giá 3. Những lĩnh vực cần lượng giá 4. Tiêu chuẩn của một phương pháp lượng giá tốt 5. Các hình thức lượng giá 6. Các phương pháp lượng giá						GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời	Giáo trình Máy tính Bút chỉ Máy chiếu
	<b>Bài 9. Lượng giá lý thuyết</b> 1. Câu hỏi mở ngắn: cấu trúc và cách viết; ưu, nhược điểm 2. Câu hỏi đúng/sai: cấu trúc và cách viết, ưu nhược điểm	01	02	3	3	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thực hành	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, báo cáo kết quả thực hành, nhận xét GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn viết test, nhận xét	Bảng, phấn Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính Bút chỉ Máy chiếu

STT	Tên bài	Số tiết	Số tiết	Mục tiêu học phần	CDR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của sinh viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
	3. Câu hỏi lựa chọn(MCQ): cấu trúc và cách viết, ưu nhược điểm 4. Những điều cần chú ý khi lượng giá kiến thức							
	<b>Bài 10. Lượng giá thực hành</b> 1. Bảng kiểm: chuẩn bị cho lượng giá bằng bảng kiểm 2. Chạy trạm 3. Lượng giá theo nghiên cứu trường hợp 4. Xây dựng một công cụ để lượng giá thực hành	01	02	3	3	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thảo luận nhóm - Thực hành	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, xây dựng công cụ lượng giá và thảo luận, nhận xét GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét	Bảng, phần Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính Bút chì Máy chiếu
	<b>Bài 11. Viết kế hoạch bài giảng</b>	02	04	4	1,2,3,4	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thảo luận nhóm	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu	Bảng, phần Tài liệu phát tay

STT	Tên bài	Số tiết	Số tiết	Mục tiêu học phần	CDR học phần	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của sinh viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
	1. Các bước viết kế hoạch bài giảng 2. Viết mục tiêu học tập 3. Viết nội dung học tập 4. Chọn phương pháp dạy/học 5. Chuẩn bị phương tiện và vật liệu dạy/học					- Thực hành	hỏi, thảo luận, thực hành, nhận xét GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét	Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính Bút chỉ Máy chiếu
	<b>Tổng</b>	15	30					



### III. Phương pháp lượng giá

1. Lý thuyết: thi test MCQs
2. Thực hành: báo cáo
  - Thang điểm 10
  - Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	Rubric 1	CLO5	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	01	Trắc nghiệm khách quan 30 MCQs, trong 30 phút	Theo đáp án	CLO1,2,3	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	Thi báo cáo bài giảng	Báo cáo	Rubric 2	CLO1,2,3,4,5	10

**Công thức tính điểm:**

$$\text{Điểm học phần} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$$

#### Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/ 2 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/ tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần (Nếu muộn > 15 phút sẽ tính vắng không lý do)

**Rubric 2: Báo cáo bài giảng**

Tiêu chí	Trọng số	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Điểm (0-3,9)	Điểm (4-5,4)	Điểm (5,4-6,9)	Điểm (7-8,4)	Điểm (8,5-10)
TC1: MTHT	10%	- Mục tiêu mơ hồ, không cụ thể, thiếu 3-4 thành phần	- Mục tiêu chưa rõ ràng, thiếu 1-2 thành phần	Mục tiêu khá rõ, đủ 4 thành phần, đáp ứng hầu hết SMART	- Mục tiêu đầy đủ 4 thành phần, cụ thể, hoàn toàn đáp ứng SMART	Mục tiêu rõ ràng, đúng thành phần, đạt tiêu chí SMART
TC2: Thực hiện nội dung giảng	30%	- Nội dung sai lệch, thiếu nhiều	- Nội dung thiếu logic, chưa chặt chẽ	- Nội dung đúng nhưng còn thiếu một phần nhỏ	- Chính xác, logic, đầy đủ cơ bản.	- Nội dung đầy đủ, chính xác, cập nhật, sắp xếp logic
TC3. Phương pháp giảng dạy	40%	Phương pháp lạc hậu, không phù hợp	Phương pháp chưa phù hợp, ít tính tích cực	Phương pháp phù hợp, vận dụng hiệu quả	Phương pháp phù hợp, sáng tạo, khuyến khích học tích cực	Áp dụng phương pháp dạy – học tích cực hoặc theo năng lực
TC4 Kỹ năng GV	20%	Trình bày rời rạc, thiếu tự tin	Trình bày chưa tự tin, tương tác kém	Trình bày nghe rõ nhưng còn đơn điệu	Giọng nói rõ, thái độ nghiêm túc, có tương tác	Giọng nói truyền cảm, rõ ràng, thái độ tự tin,

						trương tác tốt
--	--	--	--	--	--	----------------

**Rubric để người học tự đánh giá, chấm điểm mức độ đạt CDR học phần**

Chuẩn đầu ra HP	Tự đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra					Điểm/5
	1 (0-20%)	2 (21-40%)	3 (41-60%)	4 (61-80%)	5 (81-100%)	
CDR1: Trình bày được các phương pháp dạy/học tích cực....	Không trình bày được hoặc sai nhiều	Trình bày sơ lược, ví dụ chưa rõ	Trình bày đầy đủ, ví dụ phù hợp rành bày cơ bản, ví dụ còn đơn giản	Trình bày đầy đủ, ví dụ phù hợp	Trình bày đầy đủ, chi tiết, nhiều ví dụ thực tiễn	
CDR2: Viết đúng mục tiêu học tập theo 4 thành phần ABCD và 5 tiêu chí SMART	Viết sai, không rõ ràng, không đạt SMART	Viết còn thiếu 1-2 thành phần, SMART chưa rõ	Viết đủ 3 thành phần, đạt phần lớn SMART	Viết đầy đủ 4 thành phần, đạt hầu hết SMART	Mục tiêu viết đầy đủ, rõ ràng, đạt SMART	
CDR3: Trình bày được các phương pháp lượng giá kiến thức & thực hành	Không trình bày đúng hoặc không trình bày được	Trình bày được nhưng chưa giải thích rõ	Liệt kê đủ, giải thích cơ bản	Trình bày và giải thích tốt	Trình bày rõ, có giải thích & minh họa	
CDR4: Thực hành giảng	Chưa thực hiện được hoặc giảng sai lệch	Giảng chưa trôi chảy, lệch ít so với KHBG	Giảng đạt yêu cầu cơ bản so với KHBG, còn	Giảng tốt, ít sai sót, bám sát KHBG	Giảng trôi chảy, áp dụng đúng phương	

một bài giảng phù hợp theo KHBG	nhiều so với KHBG		vài điểm hạn chế		pháp, bám sát KHBG	
CĐR5: Nhận thức được phương pháp dạy-học tích cực mang lại hiệu quả bền vững & hình thành tính chuyên nghiệp	Không nhận thức được, không áp dụng phương pháp dạy học tích cực	Nhận thức được, áp dụng hạn chế	Nhận thức cơ bản, có ý thức áp dụng	Nhận thức rõ, có ý thức áp dụng	Tự đánh giá cao, hiểu rõ ý nghĩa, áp dụng vào thực tế	
<b>Điểm đạt = tổng điểm/số CĐR</b>						

#### IV. Bảng đối sánh chương trình đào tạo (Trong nước và Quốc tế)

TT	Học phần trong CTĐT của Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Học phần trong CTĐT của các trường được đối sánh	Phần trăm nội dung giống nhau
1	Phương pháp dạy học đại học	Đại học Y Dược Hải Phòng	95%
2	Phương pháp dạy học	Đại học Y Dược Thái Nguyên	90%
3	Phương pháp dạy học	Đại học Y Hà Nội	90%

#### V. Hướng dẫn học viên tự học

- Hướng dẫn học viên nghiên cứu tài liệu trước mỗi bài học

#### VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập  
Handout
2. Tài liệu tham khảo:
  1. **Phạm Thị Minh Đức** (2019), *Sự phạm y học thực hành*, NXB Giáo dục Việt Nam

2. **Trần Diệp Tuấn** (2020), *Giảng dạy và lượng giá lâm sàng dựa trên năng lực*, Nhà xuất bản Y học
3. **Vương Thị Hòa, Nguyễn Đức Thanh** (2011), *Khái quát lượng giá và lượng giá kiến thức*, NXB Y học
4. **Vương Thị Hòa, Vũ Phong Túc** (2012), *Khái quát lượng giá, lượng giá kiến thức-thực hành*, NXB Y học
5. **Marc Van Nuland** (2012), *Doctor – Patient Communication in the Vocational Training of General Practitioners*, Doctoral Thesis in Medical Sciences.
6. **Suzanne Kurtz, Jonathan Silverman, Juliet Draper** (2004), *Teaching and Learning Communication Skills in Medicine*, Radcliffe Publishing.
7. **Zubair Amin, Khoo Hoon Eng** (2002), *Basics in Medical Education*, World Scientific

**VII. Lịch học:** Theo Lịch giảng dạy/học tập.

**VIII. Quy định với sinh viên:**

**8.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Ban cán sự lớp liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và các quy định của bộ môn về học phần, hướng dẫn học tập sau đó phổ biến lại cho lớp.
- Học viên thực hiện nghiêm túc quy chế và quy định của Nhà trường
- Học viên phải nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị nội dung cho mỗi buổi học theo hướng dẫn tự học trước khi dự lớp, hoàn thành các bài tập được giao.
- Học viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của học viên sẽ được Bộ môn xét giải quyết).

**8.2. Quy định về điều kiện dự thi**

Học viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành, giờ học lý thuyết (theo quy chế của Nhà trường). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được dự kiểm tra/thi kết thúc học phần khi: Tham dự trên 80% số tiết học lý thuyết, 100% số tiết học thực hành, có giấy xin phép nghỉ học (nếu có) và điểm KTGHP  $\geq$  4 điểm

**IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
10.	Lần 1	Tháng 3-5/2018	ThS Vũ Thị Loan
11.	Lần 2	Tháng 3-5/2021	ThS Vũ Thị Loan

12.	Lần 3	Tháng 3-5/2024	TS Vũ Thị Loan
13.	Lần 4	Dk 2027	TS Vũ Thị Loan



## HỌC PHẦN/MODULE PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Tên tiếng Anh: Scientific research method

Mã học phần: THSCHG004

Ngành: Sản phụ khoa

Mã ngành:

### IV. Hành chính

#### 1. Thông tin chung

Học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Bổ trợ
Đối tượng:	<b>Thạc sĩ nội khoa</b>
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	
Số bài kiểm tra và thi (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	
Học phần học trước:	
Học phần tiên quyết:	<b>Toán xác suất thống kê, thống kê y học</b>
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	<b>Khoa Y tế công cộng</b>

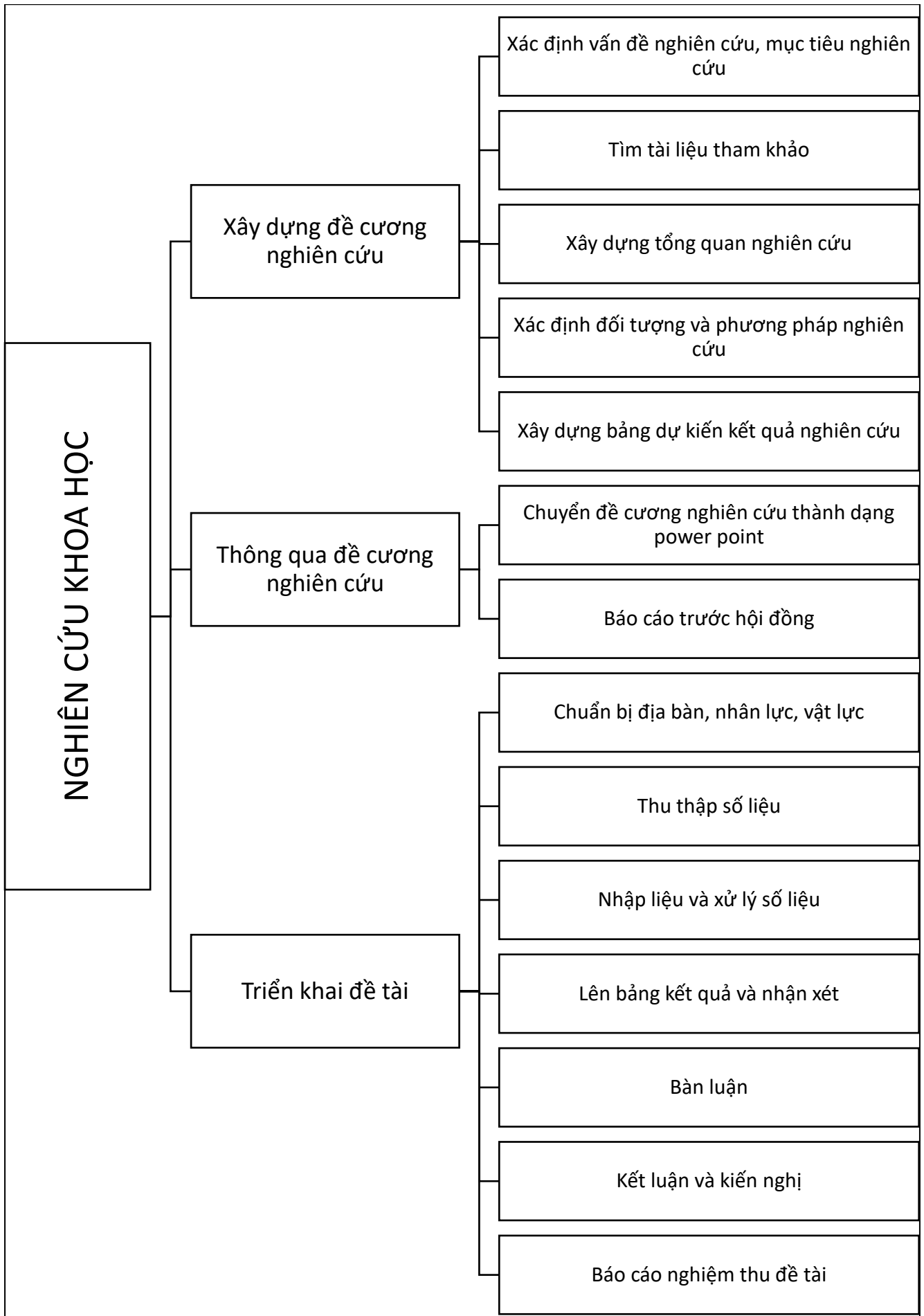
#### 2. Mô tả chung về học phần/module

Đây là môn học giới thiệu về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, ứng dụng các kiến thức dịch tễ, thống kê trong nghiên cứu y học. Môn học sẽ giới thiệu về phương pháp lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xây dựng giả thuyết nghiên cứu, các bước triển khai thực hiện một đề tài khoa học. Môn học cũng giới thiệu về các loại thiết kế nghiên cứu,

cách phiên giải và phân tích kết quả nghiên cứu, đưa ra các kết luận, nhận định kết quả. Môn học còn hướng dẫn cho học viên phương pháp xây dựng đề cương nghiên cứu và báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu.

### **3. Khái niệm then chốt của học phần/module**

- Nghiên cứu khoa học chính là một hoạt động sáng tạo và phức tạp của các nhà khoa học. Đây thực chất là khám phá cái mới về bản chất sự vật.



#### 4. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
10.	Vũ Phong Túc	PGS.TS.	0978626648	<a href="mailto:tucvp@tbump.edu.vn">tucvp@tbump.edu.vn</a>	Phụ trách
11.	Trần Thị Khuyên	TS.	0915539417	<a href="mailto:khuyendhytb@gmail.com">khuyendhytb@gmail.com</a>	Tham gia
12.	Bùi Thị Huyền Diệu	TS.	0889581410	<a href="mailto:huyendieu1410@gmail.com">huyendieu1410@gmail.com</a>	Tham gia
13.					

#### 5. Mục tiêu của học phần/module:

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu học phần/module	Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)
5.1	Trình bày được các thành phần của một đề tài nghiên cứu khoa học	PEO 2, 8
5.2	Phân tích được một đề cương nghiên cứu khoa học	PEO 2, 8
5.3	Có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học sinh viên NCKH về Nội khoa	PEO 2, 8, 10
5.4	Xây dựng được một bản đề cương	PEO 2, 8, 10
5.5	Thiết kế và thực hiện các cuộc điều tra, nghiên cứu khoa học theo các chương trình y tế quốc gia và địa phương	PEO 2, 8

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần/module:

CLO1. Vận dụng được các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được các nghiên cứu trong lĩnh vực y sinh học.

CLO2. Xây dựng được đề cương nghiên cứu và công cụ phục vụ việc thu thập thông tin

CLO3. Vận dụng được kiến thức đã học để phân giải và trình bày kết quả bằng các phương pháp trình bày phù hợp với dạng dữ liệu.

CLO4. Áp dụng được nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực như y khoa, chính sách y tế, dự phòng bệnh và thực hành lâm sàng.

CLO5. Nhận thức được nghiên cứu khoa học đúng phương pháp là yếu tố then chốt thúc đẩy sự phát triển của y học, hạn chế lãng phí nguồn lực và cung cấp những chứng cứ khoa học có giá trị, đóng góp vào kho tàng tri thức nhân loại và nâng cao sức khỏe người dân.

***Ma trận đóng góp chuẩn đầu ra của học phần/module***

CĐRHP/Module (CLO)	Mức độ đóng góp (L/M/H) vào chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)																	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	...
CLO1	M		H										L	L				
CLO2	M		H										L	L				
CLO3	H		H										H	H				
CLO4	H		H										H	H				
CLO5	M		M										M	M				

*Chú thích: L (Low) đóng góp Thấp, M (Medium) đóng góp Trung bình, H (High) đóng góp Cao.*

## II. NỘI DUNG

*Đơn vị lựa chọn bảng phù hợp với học phần (lý thuyết/Thực hành/kết hợp lý thuyết và thực hành/lâm sàng) theo mẫu bảng dưới đây.*

*Cột số tiết, chỉ sử dụng cột dành cho học phần/module của đơn vị mình, cột không sử dụng đề nghị đơn vị xóa bỏ.*

STT	Tên bài	Số tiết		Mục tiêu học phần/module	CDR học phần/module	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của sinh viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
1	Bài 1. Đại cương môn học, lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xây dựng giả thuyết NC <ul style="list-style-type: none"><li>- Khái niệm về nghiên cứu khoa học</li><li>- Nhiệm vụ của nghiên cứu khoa học</li><li>- Các điều kiện cần thiết khi tiến hành nghiên cứu khoa học</li><li>- Tra cứu tài liệu phục vụ cho chủ đề nghiên cứu</li><li>- Phân tích chủ đề nghiên cứu</li><li>- Phương pháp lựa chọn chủ đề cho nghiên cứu</li><li>- Xây dựng giả thuyết cho nghiên cứu</li><li>- Cách viết tên đề tài và mục tiêu nghiên cứu</li></ul>	1	1	Trình bày được các thành phần của một đề tài nghiên cứu khoa học	<b>PLO 1</b>	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thảo luận nhóm	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời	Bảng, phần Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính Bút chì Máy chiếu

STT	Tên bài	Số tiết		Mục tiêu học phần/ module	CDR học phần/ module	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của sinh viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
	<b>Bài 2. Xây dựng đề cương chi tiết cho nghiên cứu</b> - Tầm quan trọng của đề cương nghiên cứu khoa học - Các thành phần chủ yếu của một bản đề cương + Phần hành chính + Đặt vấn đề, mục tiêu NC + Tổng quan tài liệu + Đối tượng và phương pháp nghiên cứu + Dự kiến kết quả nghiên cứu + Dự kiến bàn luận, kết luận và kiến nghị + Kế hoạch cho nghiên cứu + Dự toán cho nghiên cứu + Tài liệu tham khảo và phụ lục.	1	1	Trình bày được các thành phần của một đề tài nghiên cứu khoa học Phân tích được một đề cương nghiên cứu khoa học Xây dựng được một bản đề cương	PLO 1,3	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thảo luận nhóm	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời	Bảng, phần Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính Bút chì Máy chiếu
	<b>Bài 3. Các bước triển khai một đề tài nghiên cứu trên thực địa</b> - Xây dựng đề cương nc - Thẩm định đề cương nc - Triển khai thực hiện đề tài + Chuẩn bị	2	2	Có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học sinh viên	PLO 1,3,13	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận	Bảng, phần Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn Giáo trình



STT	Tên bài	Số tiết		Mục tiêu học phần/ module	CDR học phần/ module	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của sinh viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đào tạo cán bộ nghiên cứu</li> <li>+ Nghiên cứu thử</li> <li>+ Nghiên cứu chính thức</li> <li>+ Xử lý thô số liệu</li> <li>+ Nhập máy tính và xử lý số liệu trên máy</li> <li>+ Lập bảng biểu đồ, viết báo cáo tổng kết đề tài</li> <li>- Nghiệm thu đề tài nghiên cứu</li> </ul>			NCKH về Nội khoa Thiết kế và thực hiện các cuộc điều tra, nghiên cứu khoa học theo các chương trình y tế quốc gia và địa phương		- Thảo luận nhóm	GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời	Máy tính Bút chỉ Máy chiếu
	<p><b>Bài 4. Biến số và phương pháp thu thập thông tin</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm về biến số</li> <li>- Phân loại biến số</li> <li>+ Phân loại dựa trên bản chất của biến số</li> <li>+ Phân loại dựa trên mối quan hệ giữa các biến số</li> <li>- Ý nghĩa của phân loại biến số</li> <li>- Xây dựng cây vấn đề cho NC</li> <li>- Xác định công cụ cho NC</li> </ul>	2	2	Xây dựng được một bản đề cương	PLO 1,3,13	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thảo luận nhóm	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời	Bảng, phần Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính Bút chỉ Máy chiếu

STT	Tên bài	Số tiết		Mục tiêu học phần/ module	CDR học phần/ module	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của sinh viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
	- Phương pháp thu thập thông tin cho nghiên cứu							
	<p><b>Bài 5. Chọn mẫu và cỡ mẫu cho nghiên cứu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khái niệm: quần thể đích, quần thể nghiên cứu, mẫu nghiên cứu...</li> <li>- Vấn đề xác định đối tượng, quần thể nghiên cứu</li> <li>- Các tham số mẫu và tham số quần thể</li> <li>- Phương pháp chọn mẫu</li> <li>- Các kỹ thuật chọn mẫu cơ bản</li> <li>+ Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn</li> <li>+ Chọn mẫu chùm</li> <li>+ Chọn mẫu hệ thống</li> <li>+ Chọn mẫu phân tầng</li> <li>+ Chọn mẫu theo phương pháp PPS</li> <li>- Tính cỡ mẫu cho các nghiên cứu</li> </ul>	2	2	Xây dựng được một bản đề cương	PLO 1,3,13	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình ngắn tích cực hóa</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul>	<p>SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận</p> <p>GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời</p>	<p>Bảng, phần Tài liệu phát tay</p> <p>Câu hỏi phát vấn</p> <p>Giáo trình</p> <p>Máy tính</p> <p>Bút chỉ</p> <p>Máy chiếu</p>

STT	Tên bài	Số tiết		Mục tiêu học phần/ module	CDR học phần/ module	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của sinh viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
	<b>Bài 6. Các thiết kế nghiên cứu khoa học y dược</b> Thiết kế nghiên cứu mô tả + Nghiên cứu tương quan + Nghiên cứu trường hợp và nghiên cứu nhóm bệnh + Nghiên cứu ngang - Nghiên cứu phân tích + Nghiên cứu bệnh chứng + Nghiên cứu thuần tập - Nghiên cứu can thiệp + Thử nghiệm lâm sàng + Can thiệp cộng đồng	2	2	Có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học sinh viên NCKH về Nội khoa  Thiết kế và thực hiện các cuộc điều tra, nghiên cứu khoa học theo các chương trình y tế	PLO 1,3,13	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thảo luận nhóm	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời	Bảng, phần Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính Bút chỉ Máy chiếu

STT	Tên bài	Số tiết		Mục tiêu học phần/ module	CDR học phần/ module	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của sinh viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
				quốc gia và địa phương				
	<b>Bài 7. Lập kế hoạch nghiên cứu và xử lý số liệu</b> Chức năng và yêu cầu của lập kế hoạch - Dự kiến công việc cần triển khai của đề tài - Xác định thời gian thực hiện - Lựa chọn người chịu trách nhiệm với từng nội dung công việc - Các hình thức xây dựng kế hoạch (tiến độ) cho nghiên cứu - Thực hành việc lập kế hoạch cho nghiên cứu - Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và báo cáo tiến độ	2	2	Thiết kế và thực hiện các cuộc điều tra, nghiên cứu khoa học theo các chương trình y tế quốc gia và địa phương	PLO 1,3,13,14	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thảo luận nhóm	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời	Bảng, phần Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính Bút chì Máy chiếu
	<b>Bài 8. Phân tích và phiên giải kết quả</b> Các bước phân tích và phiên giải kết quả nghiên cứu	2	2		PLO 1,3,13	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời	Bảng, phần Tài liệu phát tay

STT	Tên bài	Số tiết		Mục tiêu học phần/ module	CDR học phần/ module	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của sinh viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập kế hoạch phân tích phiên giải kết quả</li> <li>- Xử lý thô số liệu</li> <li>- Tạo công cụ nhập số liệu</li> <li>- Cơ sở để phân tích và phiên giải kết quả</li> <li>- Thực hành phân tích số liệu trên các phần mềm</li> <li>- Rút kết quả, lập bảng biểu đồ</li> <li>- Sử dụng các trắc nghiệm so sánh và kiểm định</li> </ul>					- Thảo luận nhóm	câu hỏi, thảo luận GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời	Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính Bút chỉ Máy chiếu
	<p><b>Bài 9. Trình bày kết quả nghiên cứu</b></p> <p>Yêu cầu của việc trình bày kết quả nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hình thức trình bày kết quả nghiên cứu</li> <li>+ Trình bày kết quả dưới dạng các chỉ số, tỷ lệ</li> <li>+ Bảng tần số: cấu tạo, ý nghĩa, cách sử dụng</li> <li>+ Bảng ma trận: cấu tạo, ý nghĩa, cách sử dụng</li> </ul>	1	2	Có khả năng đọc lập nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học sinh viên NCKH về Nội khoa	PLO 1, 3, 13	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa - Thảo luận nhóm	SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời	Bảng, phần Tài liệu phát tay Câu hỏi phát vấn Giáo trình Máy tính Bút chỉ Máy chiếu

STT	Tên bài	Số tiết		Mục tiêu học phần/ module	CDR học phần/ module	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của sinh viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Biểu đồ: cấu tạo, các loại biểu đồ, ý nghĩa, cách sử dụng</li> <li>+ Sơ đồ: cấu tạo, ý nghĩa, cách sử dụng</li> <li>- Viết nhận xét cho kết quả nghiên cứu</li> </ul>							
	<p><b>Bài 10. Cách viết một báo cáo tổng kết đề tài, viết bài báo khoa học.</b></p> <p>Yêu cầu của một báo cáo tổng kết đề tài</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết cấu của báo cáo tổng kết đề tài</li> <li>+ Mẫu chung của một báo cáo tổng kết</li> <li>+ Phần đặt vấn đề và mục tiêu nghiên cứu</li> <li>+ Tính logic của một báo cáo tổng kết</li> <li>+ Các kết luận của kết quả nghiên cứu</li> <li>+ Các khuyến nghị của đề tài</li> <li>- Cách viết một bài báo khoa học</li> </ul>	2	2	Có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học sinh viên NCKH về Nội khoa	PLO 1,3,13,14	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình ngắn tích cực hóa</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul>	<p>SV: Quan sát, nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, thảo luận</p> <p>GV: Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, nhận xét câu trả lời</p>	<p>Bảng, phần Tài liệu phát tay</p> <p>Câu hỏi phát vấn</p> <p>Giáo trình</p> <p>Máy tính</p> <p>Bút chỉ</p> <p>Máy chiếu</p>

STT	Tên bài	Số tiết		Mục tiêu học phần/ module	CDR học phần/ module	Phương pháp dạy-học	Hoạt động của sinh viên-giảng viên	Phương tiện và vật liệu dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành					
	- Cách tóm tắt tổng kết đề tài và bài báo khoa học							



### III. Phương pháp lượng giá

1. Lý thuyết:

Thuyết trình ngắn

Thảo luận nhóm

2. Thực hành:

Viết bài chuyên đề và báo cáo

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	5%	1. Có mặt trên lớp	Điểm danh	- Đúng giờ - Tham gia đầy đủ các buổi	PLO 15	10
	5%	2. Phát biểu, thảo luận	Vấn đáp	- Hăng hái - Chủ động		
		3. Làm bài tập được giao	Chấm bài tập	- Đủ bài - Đủ nội dung		
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	20%	Làm 1 bài tự luận trên giấy	Câu hỏi ngắn	- Trả lời đúng - Đủ nội dung	PLO 1,3	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	Chuyên đề	Viết chuyên đề	Theo phiếu đánh giá	PLO 1,3,13,14	10
$Điểm\ tổng\ kết\ môn\ học\ (lý\ thuyết) = 0,1*ĐCC + 0,2*ĐGHP + 0,7*ĐKTHP$						

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này.

Nội dung này được lượng giá dựa bằng khung chấm điều thi giữa học phần với các tiêu chí sau: Học viên giới thiệu được chủ đề được giao (2 điểm), Học viên triển khai được nội dung chính của chủ đề (5 điểm), Học viên liên hệ thực tế tại địa phương về chủ đề được giao (2 điểm), Phong cách/tác phong trả lời vấn đáp của học viên (1 điểm).

- Điểm cuối học phần (CHP): Viết 01 đề cương NCKH và báo cáo bằng slide

Nội dung này được đánh giá bằng khung chấm điểm thi chuyên đề với các tiêu chí cụ thể:

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Khung điểm	Điểm chấm
1	Tóm tắt chuyên đề	0,5	
2	Đặt vấn đề	1	
	Nêu tầm quan trọng của vấn đề và lý do tại sao lựa chọn vấn đề để tổng quan rõ ràng	0,5	
	Mục tiêu của chuyên đề được trình bày rõ ràng	0,5	
3	Tài liệu và phương pháp	2,0	
	Nguồn tài liệu	0,5	
	Những tiêu chuẩn chọn tài liệu và những tiêu chuẩn loại trừ tài liệu	0,5	
	Mô tả rõ phương pháp đã được sử dụng để tìm tài liệu	1,0	
4	Kết quả	4,0	
	Các kết quả được trình bày, sắp xếp phù hợp rõ ràng và theo các mục tiêu	0,5	
	Phân tích, tổng hợp tài liệu phù hợp với mục tiêu đề ra	1,5	
	Đánh giá, so sánh tài liệu từ quan điểm của tác giả	1,5	
	Trích dẫn tài liệu tham khảo đúng qui định	0,5	
5	Kết luận và kiến nghị	1,5	
	Dựa trên kết quả thu được để đưa ra kết luận ngắn gọn và phù hợp với mục tiêu	1,5	
6	Hình thức trình bày	1	
	Cấu trúc đủ các phần theo qui định và số trang từng phần phù hợp	0,5	
	Hình thức trình bày đẹp	0,5	
Tổng số điểm		10	

Rubric 1: Chuyên cần: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0
Nghỉ học không phép	1
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Vấn đáp/Hình thức lượng giá thực tế của đơn vị

Mức độ đạt chuẩn quy định

Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không trả lời được	Trả lời không hết các câu hỏi	Trả lời hết các câu hỏi nhưng còn nhiều sai sót	Trả lời hết các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Trả lời hết các câu hỏi và trình bày rõ ràng

Test Blue print (áp dụng lượng giá lý thuyết)

*Phần này sẽ có hướng dẫn đơn vị sau*

TT	Mục tiêu/Bài	Mức độ			Tổng
		Nhớ	Hiểu	Phân tích/áp dụng Hoặc mức cao hơn là Vận dụng	
Tổng		? câu ? %	? câu ? %	? câu ? %	100%

Test Khung lượng giá năng lực thực hành/lâm sàng

TT	Mục tiêu/Bài	Mức độ				Tổng
		Biết làm	Làm được (Có giám sát)	Làm chuẩn xác (Không cần giám sát)	Làm thành thạo (Tự động hóa)	
Tổng		? câu ? %	? câu ? %	? câu ? %	? câu ? %	100%

**Rubric để người học tự đánh giá, chấm điểm mức độ đạt CDR học phần**

Chuẩn đầu ra HP/Module	Tự đánh giá mức đạt chuẩn đầu ra					Điểm/5
	1 (0-20%)	2 (21-40%)	3 (41-60%)	4 (61-80%)	5 (81-100%)	
CDR1....						
CDR2....						
CDR3....						
CDR4....						
<b>Điểm đạt = tổng điểm/số CDR</b>						?

#### IV. Bảng đối sánh chương trình đào tạo (Trong nước và Quốc tế)

TT	Học phần trong CTĐT của Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Học phần trong CTĐT của các trường được đối sánh	Phần trăm nội dung giống nhau
1			
2			
3			
.....			

#### V. Hướng dẫn sinh viên tự học

Tuần	Nội dung	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Nhiệm vụ của sinh viên

#### VI. Tài liệu học tập và tham khảo

##### 1. Tài liệu học tập

Lưu Ngọc Hoạt (2014), Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học, Nhà xuất bản y học.

##### 2. Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Văn Minh (2019), Phương pháp nghiên cứu can thiệp: Thiết kế và phân tích thống kê, NXB Y học.
2. Hoàng Văn Minh (2018), Khái niệm và thuật ngữ cơ bản sử dụng trong các nghiên cứu khoa học sức khỏe định lượng, nhà xuất bản Hà Nội
3. Phạm Văn Thức (2012), Phương pháp nghiên cứu lâm sàng - dịch tễ học, Nhà xuất bản Y học.

**VII. Lịch học:** Theo Lịch giảng dạy/học tập.

#### VIII. Quy định với học viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên: Tham gia tối thiểu 80% các buổi học lý thuyết, nếu có lý do thì sẽ được học bù. Bù đủ sẽ được xem xét duyệt thi.

2. Quy định điều kiện dự thi: Được đánh giá vắng cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học

- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)

- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

#### **IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

<b>TT</b>	<b>Cập nhật đề cương tiết lần</b>	<b>Ngày/tháng/năm</b>	<b>Người cập nhật</b>
14.	Lần 1	Tháng 3-5/2018	
15.	Lần 2	Tháng 3-5/2021	
16.	Lần 3	Tháng 3-5/2024	
17.	Dự kiến	2027	
18.			

## **MÔN HỌC: GIẢI PHẪU ỨNG DỤNG TRONG SẢN PHỤ KHOA**

**1. Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ định hướng ứng dụng

**2. Chuyên ngành đào tạo:** Sản Phụ khoa

**3. Mã học phần/môn học:** THSSAN1801

**4. Tên học phần/môn học:**

- Tên tiếng Việt: Giải phẫu người

- Tên tiếng Anh: Human Anatomy

Ngành: Sản Phụ khoa - trình độ Thạc sĩ

**5. Đơn vị giảng dạy**

- Tên đơn vị giảng dạy chính: Giải phẫu học

- Tên đơn vị tham gia/hỗ trợ giảng dạy:

- Cán bộ giảng dạy: 1. TS. Vũ Duy Tùng

2. ThS. Nguyễn Văn Minh

**6. Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)**

- Tổng số tín chỉ: 03 tín chỉ

- Số tín chỉ lý thuyết: 02 tín chỉ

- Số tín chỉ thực hành: 01 tín chỉ

**7. Thời điểm trong tiến trình đào tạo**

Môn học được bố trí giảng dạy - học tập trong năm thứ nhất của chương trình đào tạo trình độ: Thạc sĩ

**8. Loại học phần:** Bắt buộc

**9. Mô tả môn học**

Môn giải phẫu là môn học bắt buộc trong khối các môn học cơ sở ngành của chương trình đào tạo Thạc sĩ Sản. Nội dung đào tạo theo định hướng ứng dụng giúp cho học viên có khả năng vận dụng kiến thức chuyên sâu về giải phẫu bình thường và bệnh lý; có thái độ giao tiếp chuyên nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giải quyết vấn đề sức khỏe trong lĩnh vực sản khoa.

**2.1. Lý thuyết**

Cung cấp kiến thức chuyên sâu về đặc điểm giải phẫu các cấu trúc trong cơ thể người bình thường, một số biến đổi, những liên hệ về chức năng và áp dụng vào việc thăm khám, điều trị các bệnh lý sản khoa.

## 2.2. Thực hành

Xác định được các cấu trúc giải phẫu áp dụng vào xử trí các bệnh lý sản khoa.

## 10. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	<b>Kiến thức:</b> <i>Áp dụng những kiến thức giải phẫu về khung chậu và các cấu trúc trong vùng tiểu khung vào nghiên cứu, xử lý các bệnh lý sản phụ khoa</i>	<b>PEO2,3</b>
	<b>Kỹ năng:</b> <i>Nhận định được những cấu trúc, cơ quan trên mô hình, hình ảnh học và trên tiêu bản để thăm khám, điều trị bệnh lý sản phụ khoa.</i>	<b>PEO2,3</b>

## 11. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S,H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1	<i>Áp dụng những kiến thức giải phẫu về khung chậu và các cấu trúc trong vùng tiểu khung vào nghiên cứu, xử lý các bệnh lý sản phụ khoa</i>	H: PLO1,3,4,6,8, 9,10
2	<i>Nhận định được những cấu trúc, cơ quan trên mô hình, hình ảnh học và trên tiêu bản để thăm khám, điều trị bệnh lý sản phụ khoa</i>	H: PLO1,3,4,6,8, 9,10

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

## 12. Nội dung môn học



## 12.1. Lý thuyết

TT	TÊN BÀI	Số tiết	Mục tiêu	CDR
1	<b>Bài 1. Hình thái bình thường và bất thường của khung chậu</b> 1. Các hình thái bình thường 2. Các hình dạng biến đổi giải phẫu sinh lý 3. Các hình dạng biến đổi giải phẫu bệnh lý	4	1,2	1
2	<b>Bài 2. Cấu trúc đáy chậu nam và nữ</b> 1. Các cơ vùng đáy chậu 2. Các khoang cơ vùng đáy chậu 3. Hệ thống mạch máu, thần kinh	4	1,2	1
3	<b>Bài 3. Tử cung và các phương tiện cố định tử cung</b> 1. Giải phẫu tử cung... 2. Các dây chằng ...	4	1,2	1
4	<b>Bài 4. Hệ thống mạch máu vùng tiểu khung, tuyến vú</b> 1. Hệ thống động mạch chậu 2. Hệ thống tĩnh mạch chậu 3. Hệ thống bạch huyết 4. Tuyến vú	4	1,2	1
<b>THI CUỐI HỌC PHẦN</b>				

## 12.2. Thực hành

TT	TÊN BÀI	Số tiết	Mục tiêu	CDR
1	<b>Bài 1. Xác định các cấu trúc và số đo của khung chậu</b> 1. Các mốc giải phẫu 2. Các chỉ số khung chậu	4	2	2
2	<b>Bài 2. Xác định các cơ và dây chằng của khung chậu</b> 1. Các cơ vùng đáy chậu	4	2	2

	2. Các dây chằng 3. Các khoang đáy chậu			
3	<b>Bài 3. Nhận diện các cấu trúc tử cung, phần phụ</b> 1. Các lớp cơ tử cung 2. Hình thể trong của buồng tử cung và ống cổ 3. Phân đoạn và cấu tạo vòi tử cung	4	2	2
4	<b>Bài 4. Nhận diện các cấu trúc buồng trứng, các hệ thống dây treo và âm đạo</b> 1. Vị trí, các cấu trúc liên quan 2. Các dây treo buồng trứng 3. Các cấu trúc âm đạo	4	2	2
5	<b>Bài 5. Nhận diện các cấu trúc mạch máu, thần kinh và bạch huyết vùng chậu</b> 1. Động mạch 2. Tĩnh mạch 3. Thần kinh 4. Bạch huyết	4	2	2
6	<b>Bài 6. Nhận diện một số biến đổi giải phẫu mạch máu, thần kinh và bạch huyết vùng chậu</b> 1. Các hình thái biến đổi 2. Các nhóm bệnh lý liên quan	4	2	2
7	<b>Bài 7. Nhận diện mối liên quan của các cấu trúc</b> 1. Liên quan giữa tử cung và các cấu trúc 2. Liên quan của vòi tử cung 3. Liên quan buồng trứng	4	2	2
8	<b>Bài 8. Lượng giá thực hành - osce</b>	2		

### 12.3. Phân bố bài giảng

TT	TÊN BÀI	Số tiết	Mục tiêu	CDR
1	LT 1. Hình thái bình thường và bất thường của khung chậu	4	1,2	1
2	LT 2. Cấu trúc đáy chậu nam và nữ	4	1,2	1
	TH 1. Xác định các cấu trúc và số đo của khung chậu	4	2	2
	LT 3. Tử cung và các phương tiện cố định tử cung	4	1,2	1
	TH 2. Xác định các cơ và dây chằng của khung chậu	4	2	2
	TH 3. Nhận diện các cấu trúc tử cung, phần phụ	4	2	2
	TH 4. Nhận diện các cấu trúc buồng trứng, dây treo và âm đạo	4	2	2
3	LT 4. Hệ thống mạch máu vùng tiểu khung, tuyến vú	4	1,2	1
4	TH 5. Nhận diện các cấu trúc mạch máu, thần kinh và bạch huyết vùng chậu	4	1,2	1
	TH 6. Nhận diện một số biến đổi giải phẫu mạch máu, thần kinh và bạch huyết vùng chậu	4	2	2
	TH 7. Lượng giá thực hành - osce			

### 12.4. Phân công cán bộ

TT	TÊN BÀI	Số tiết	Cán bộ
1	LT 1. Hình thái bình thường và bất thường của khung chậu	4	TS. Tùng
2	LT 2. Cấu trúc đáy chậu nam và nữ	4	TS. Tùng
	TH 1. Xác định các cấu trúc và số đo của khung chậu	4	ThS. Minh
	LT 3. Tử cung và các phương tiện cố định tử cung	4	TS. Tùng
	TH 2. Xác định các cơ và dây chằng của khung chậu	4	ThS. Minh
	TH 3. Nhận diện các cấu trúc tử cung, phần phụ	4	ThS. Minh

	TH 4. Nhận diện các cấu trúc buồng trứng, dây treo và âm đạo	4	ThS. Minh
3	LT 4. Hệ thống mạch máu vùng tiểu khung, tuyến vú	4	TS. Tùng
4	TH 5. Nhận diện các cấu trúc mạch máu, thần kinh và bạch huyết vùng chậu	4	ThS. Minh
5	TH 6. Nhận diện một số biến đổi giải phẫu mạch máu, thần kinh và bạch huyết vùng chậu	4	ThS. Minh
7	TH 7. Lượng giá thực hành - osce	Nhóm giảng viên	
<b>KIỂM TRA CUỐI HỌC PHẦN</b>			

### **13. Phương pháp dạy/học**

#### **13.1. Lý thuyết**

- TBL và PBL
- Thảo luận nhóm
- Viết chuyên đề

#### **13.2. Thực hành**

- Thảo luận nhóm

### **14. Phương tiện, vật liệu dạy/học**

#### **14.1. Lý thuyết**

- Tài liệu phát tay
- Máy chiếu projector, các tình huống lâm sàng

Số bài kiểm tra giữa học phần: 01

Số bài kiểm tra cuối học phần: 01

#### **14.2. Thực hành**

- Mô hình, hình ảnh y học, tiêu bản

### **15. Phương pháp lượng giá**

#### **15.1. Lý thuyết**

Thi viết cải tiến – báo cáo chuyên đề

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	1 bài (10 phút)	Test	Kiến thức, thái độ	1	10
Điểm giữa học phần (lấy điểm thi thực hành) (ĐGHP)	0,3	1 bài (30 phút)	Thực hành	Thực hành	1,2	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,6	1 bài (60 phút)	Chuyên đề Câu hỏi ngắn	Kiến thức Kỹ năng	1,2	10

**Công thức tính điểm: Điểm thực hành tính điểm giữa học phần, điểm lý thuyết tính điểm cuối học phần.**

$$\text{Điểm học phần} = (\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7) / 10$$

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0 đ
Nghỉ học có phép	0,25 đ / 01 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 đ / 01 tiết
Đi muộn	15 phút 0,5 đ / 01 tiết

## 16. Tài liệu học tập và tham khảo

### 1. Tài liệu học tập

Trịnh Văn Minh (2010). Giải phẫu người tập I, II, III. Nhà xuất bản y học, Hà Nội.

### 2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Quang Quyền (2013). Bài giảng Giải phẫu học tập 1, 2. Nhà xuất bản y học, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

2. Franck H. Netter (2019). *Atlas giải phẫu người*.

## **MÔN HỌC CẤP CỨU NGOẠI KHOA TỔNG QUÁT VÀ NGOẠI KHOA CƠ BẢN**

### **I. Thông tin học phần:**

- Tên học phần: **Cấp cứu Ngoại Khoa Tổng quát và Ngoại Khoa Cơ Bản**
- Mã học phần: THSSAN 1802
- Số tín chỉ/số tiết: 04 (02 LT – 02 TH)
- Đối tượng học: Thạc sĩ Sản Phụ khoa
- Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): **Bắt buộc**
- Môn tiên quyết/Môn học trước: Không
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại - Trường Đại Học Y Thái Bình
- Giảng viên bộ môn:
  1. TS. Phan Văn Cương
  2. PGS.TS. Vũ Sơn
  3. TS. Phan Thanh Lương
  4. TS.BSCKII. Đỗ Trọng Quyết
  5. BSCKII. Hoàng Hữu Tao
  6. BSCKII. Nguyễn Đình Hùng
  7. BSCKII. Lại Ngọc Thắng
  8. BSCKII. Hoàng Minh Nhữ
  9. BSCKII. Trịnh Thành Vinh
  10. BSCKII. Đỗ Văn Chiếu
  11. ThS. Nguyễn Văn Quân
  12. ThS. Phạm Hồng
  13. Quảng

## **I. Mô tả môn học**

Bệnh học Cấp cứu ngoại là môn học trang bị cho người học những kiến thức ngoại khoa cơ bản để chẩn đoán và điều trị những bệnh lý Cấp cứu ngoại, để người học có khả năng thực hành được những kỹ thuật can thiệp chẩn đoán và điều trị bệnh lý Cấp cứu ngoại, có khả năng xử lý tình huống cấp cứu ở bất cứ điều kiện nào.

## **III. Mục tiêu môn học**

- PEO1: Trình bày được những nguyên tắc cơ bản trong cấp cứu ngoại khoa. Vận dụng xử trí cấp cứu những tình huống hay gặp trên lâm sàng theo các tuyến.

- PEO2. Thực hiện được một số phẫu thuật trong cấp cứu các bệnh lý ổ bụng.

## **IV. Chuẩn đầu ra của môn học**

- CLO1: Mô tả được các nguyên lý cơ bản về chẩn đoán và xử trí cấp cứu ngoại khoa trong sản phụ khoa.

- CLO2: Phân tích được các dấu hiệu lâm sàng, cận lâm sàng và các phương pháp chẩn đoán phân biệt các tình huống cấp cứu ngoại khoa thường gặp.

- CLO3: Nhận biết được các yếu tố nguy cơ dẫn đến tình trạng cấp cứu ngoại khoa và các biện pháp phòng ngừa.

- CLO4: Thực hiện được các thủ thuật cấp cứu ngoại khoa cơ bản liên quan tới Sản phụ khoa

- CLO5: Phối hợp hiệu quả với các chuyên khoa khác trong xử lý các ca cấp cứu SPK

- CLO6: Thể hiện thái độ chuyên nghiệp, bình tĩnh và quyết đoán trong các tình huống cấp cứu ngoại khoa.

- CLO7: Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng quyền lợi và sự an toàn của bệnh nhân.

**Ma trận đóng góp vào chuẩn đầu ra của CTĐT**

CĐRHP/Module (CLO)	Mức độ đóng góp (L/M/H) vào chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
CLO1				H		H	L	H					L		L	L
CLO2				H		H	L	H								
CLO3	H	L	L	H		H		H		H	H					
CLO4				H		H	L	H				H				
CLO5				H		H		H	H		H			H	H	
CLO6	H	H	H	H		H	H	H	L				H		H	H
CLO7				H		H	H	H	L			L				

#### IV. Nội dung môn học

##### 1. Chương trình tổng quát

Bài	Nội dung	Số tiết	
		LT	TH
1	Lồng ruột cấp tính ở trẻ còn bú	2	4
2	Viêm ruột thừa, Biến chứng của VRT	4	8
3	Tắc ruột	2	4
4	Chấn thương và vết thương bụng	4	8
5	Viêm phúc mạc	2	4
6	Thoát vị nghẹt	2	4
7	Viêm tụy cấp	2	4
8	Chấn thương thận, đứt niệu đạo.	4	8
9	Chấn thương - vết thương ngực	4	8
10	Vết thương mạch máu ngoại vi	2	4
12	Nguyên tắc cơ bản của phẫu thuật nội soi	2	4
<b>Tổng</b>		<b>30</b>	<b>60</b>

##### 2. Nội dung chi tiết



**Bài 1. Lòng ruột cấp tính ở trẻ còn bú***Số tiết học 5 (LT 2, TH 4)*

1. Nguyên nhân cơ chế bệnh sinh
2. Chẩn đoán lòng ruột cấp tính ở trẻ còn bú
3. Tiên lượng lòng ruột cấp tính ở trẻ còn bú
4. Thái độ xử trí

**Bài 2. Viêm ruột thừa và biến chứng của VRT***Số tiết học 10 (LT 4, TH 8)*

1. Nhắc lại giải phẫu Ruột thừa
2. Các biến chứng của VTR và thái độ xử trí
  - VPMRT
  - Áp xe ruột thừa
  - Đám quánh ruột thừa

**Bài 3. Tắc ruột***Số tiết học 5 (LT 2, TH 4)*

1. Phân loại tắc ruột
2. Các biến chứng
3. Xử trí tắc ruột

**Bài 4. Chấn thương và vết thương bụng***Số tiết học 10 (LT 4, TH 8)*

1. Nguyên nhân, cơ chế
2. Chẩn đoán Chấn thương và vết thương bụng
3. Phân độ chấn thương các tạng đặc (Gan, Lách, Thận)
4. Thái độ xử trí cấp cứu

**Bài 5. Viêm phúc mạc***Số tiết học 5 (LT 2, TH 4)*

1. Nguyên nhân, phân loại
2. Chẩn đoán
3. Thái độ xử trí

**Bài 6. Thoát vị bẹn nghẹt***Số tiết học 5 (LT 2, TH 8)*

1. Các loại thoát vị thường gặp
2. Phân loại thoát vị bẹn

3. Chẩn đoán thoát vị bẹn nghẹt
4. Các phương pháp phẫu thuật

**Bài 7. Viêm tụy cấp**

*Số tiết học 5 (LT 2, TH 4)*

1. Nguyên nhân cơ chế bệnh sinh
2. Chẩn đoán viêm tụy cấp
3. Tiên lượng viêm tụy cấp
4. Thái độ xử trí

**Bài 8. Chấn thương thận, đứt niệu đạo**

*Số tiết học 10 (LT 4, TH 8)*

1. Tồn thương giải phẫu bệnh lý chấn thương thận
2. Mức độ chấn thương thận
3. Điều trị chấn thương thận
4. Đứt niệu đạo: Chẩn đoán, xử trí

**Bài 9. Chấn thương - vết thương ngực**

*Số tiết học 10 (LT 4, TH 8)*

1. Nguyên nhân, cơ chế
2. Chẩn đoán chấn thương - vết thương ngực
3. Xử trí chấn thương - vết thương ngực

**Bài 10. Vết thương mạch máu ngoại vi**

*Số tiết học 5 (LT 2, TH 4)*

1. Nguyên nhân
2. Chẩn đoán, phân loại
3. Sơ cứu vết thương mạch máu
4. Phẫu thuật vết thương mạch máu

**Bài 11. Nguyên tắc cơ bản của phẫu thuật nội soi**

*Số tiết học 5 (LT 2, TH 4)*

1. Cơ sở lý thuyết của PTNS
2. Những nguyên tắc cơ bản
  - Phẫu thuật nội soi ổ bụng
  - Phẫu thuật nội soi lồng ngực
  - Phẫu thuật nội soi tiết niệu

3. Ứng dụng của PTNS trong chẩn đoán và điều trị

### 5. Tài liệu học tập:

Trường Đại học Y Thái Bình (2011), *Bài giảng Ngoại khoa Sau đại học*.

### 6. Tài liệu tham khảo:

1. Học viện quân y (1992), *Bài giảng Bệnh học ngoại khoa sau đại học - tập 1*.
2. Trường Đại học y khoa Hà Nội (1993), *Ngoại khoa-Bổ túc sau đại học*, Tập 1, Nhà xuất bản y học.
3. Học viện quân Y (1993), *Bài giảng Bệnh học ngoại khoa sau Đại học - tập 2*.
4. *Bệnh học ngoại bụng* (1986), Nhà xuất bản y học, Hà Nội.
5. *Bệnh học ngoại Ngực* (1987), Nhà xuất bản y học, Hà Nội.
6. Medical physiologic. Ganong U.F. 1989.
7. William B. Cerebral abcess Br J. Newrosung 1990.
8. Kett P.C.Cranial intradural abscess management of 642 patientsduring the 35 years from 1952-1986 Brit J. newrosurg 1990.
9. Bravov D.L. Complication snd sequelac of head injury 1992.

### 7. Phương pháp lượng giá:

- Thi viết cải tiến
- Thi thực hành trên bệnh nhân, biện luận ca lâm sàng và bệnh án

1. Lý thuyết:

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần: **Điểm Lý thuyết**

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	10

Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10

### Điểm Thực hành

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Quy chế đào tạo	Số buổi đi học, tham gia trực	Quy chế đào tạo	10
Điểm kết thúc học phần LS (ĐKTHP)	0,9	01	Bệnh án, vấn đáp, biện luận lâm sàng	Chất lượng bài thi	10

### Rubric 1: Chuyên cần: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/1 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/1 tiết
Đi muộn	0,5 điểm/1 tiết (Sau 15 phút tính không phép)
Học viên nghỉ học do Nhà trường điều động	0

Test Blue print (áp dụng lượng giá lý thuyết): không

Có 2 đầu điểm được tính riêng như sau

- Điểm học phần lý thuyết:

$$\text{Điểm học phần} = (\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7) / 10$$

- Điểm học phần thực hành:

$$\text{Điểm học phần} = (\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐKTHP} \times 0,9) / 10$$

# MÔN HỌC TỰ CHỌN: HUYẾT HỌC LÂM SÀNG

## I. Thông tin học phần

Tên học phần: **Huyết học lâm sàng**

Mã học phần: THSSAN 1901

Số tín chỉ/số tiết: 03 (02LT - 01TH)

Đối tượng học: Thạc sĩ Sản Phụ khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Tự chọn

Môn tiên quyết/Môn học trước: Sinh lý học nâng cao, Giải phẫu ứng dụng trong Sản Phụ khoa

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Huyết học – Truyền máu

Giảng viên phụ trách: ThS.BSCKII. Lê Thị Hồng Thuý

Email: lethuykhth@gmail.com@gmail.com

Thông tin giảng viên:

1. ThS.BSCKII. Lê Thị Hồng Thuý
2. TS.BS. Đặng Thị Thu Hằng
3. TS.BS. Trần Ngọc Quế (Viện HHTMTW)
4. TS.BS. Nguyễn Ngọc Dũng (Viện HHTMTW)
5. TS.BS. Đỗ Tiến Dũng (Viện Nội tiết TW)
6. ThS. BSCKII. Mai Văn Tư (BV Đa khoa tỉnh Thái Bình)
7. ThS.BS. Hoàng Thị Thuý (BV Đa khoa tỉnh Thái Bình)

## II. Mô tả môn học

Học phần Huyết học lâm sàng trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu, cập nhật về bệnh lý huyết học tế bào, đông máu thường gặp và truyền máu lâm sàng trong sản khoa mà học viên chưa được học ở các bậc học trước đó. Môn học này cũng giúp học viên có những kiến thức và kỹ năng để chẩn đoán tiên lượng, điều trị các bệnh lý huyết học đơn độc và các rối loạn phối hợp với các bệnh lý chuyên khoa

lâm sàng khác. Ngoài ra còn giúp người học có kiến thức và kỹ năng về chỉ định, sử dụng hợp lý an toàn các sản phẩm máu, thực hành được truyền máu lâm sàng và xử trí tai biến truyền máu.

### **III. Chuẩn đầu ra môn học**

#### **1. Kiến thức**

- CLO1. Chẩn đoán, tiên lượng, điều trị được một số bệnh lý huyết học thường gặp trong sản khoa;
- CLO2. Theo dõi và sử dụng được thuốc điều trị rối loạn đông máu trong sản khoa;
- CLO3. Ứng dụng và sử dụng hợp lý máu, chế phẩm máu trên lâm sàng.

#### **2. Kỹ năng**

- CLO4. Khám, chẩn đoán và điều trị được một số bệnh lý huyết học thường gặp trong sản khoa
- CLO5. Lựa chọn và theo dõi sử dụng được thuốc điều trị rối loạn đông máu trong sản khoa
- CLO6. Lựa chọn, sử dụng hợp lý máu, chế phẩm máu trên lâm sàng

#### **3. Thái độ**

- CLO7. Tạo sự gần gũi và tin tưởng đối với người bệnh thông qua giải quyết các biến cố trên tinh thần đặt lợi ích người bệnh lên hàng đầu;
- CLO8. Nhận biết và tránh được các nguy cơ xảy ra bất đồng với tất cả các thành viên trong nhóm/thầy cô/đồng nghiệp;
- CLO9. Thực hiện được những việc cần làm và nên làm, đáp ứng tâm tư nguyện vọng của người bệnh trong những tình huống đơn giản;
- CLO10. Thực hiện được các công việc hành chính và chăm sóc theo nhu cầu của người bệnh;
- CLO11. Có thái độ nghiêm túc trong học tập và hành nghề;
- CLO12. Trung thực, tử mĩ, cẩn thận, thận trọng trong học tập và hành nghề.

#### IV. Ma trận tương ứng CDR học phần và CDR CTĐT

CDRHP/Module (CLO)	Mức độ đóng góp (L/M/H) vào chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
CLO1	H			H		L	M		L		M			L	L	L
CLO2	H			H		L	M		L		M			L	L	L
CLO3							H	L	H	L		L	L	L	L	L
CLO4	M			M		H	H	L	H	M		M	M	M	M	M
CLO5	H			H		L	M		L		M			L	L	L
CLO6	H			H		L	M		L		M			L	L	L
CLO7							H	L	H	L		L	L	L	L	L
CLO8	M			M		H	H	L	H	M		M	M	M	M	M
CLO9	H			H		L	M		L		M			L	L	L
CLO10														L	L	L
CLO11													L	L	L	L
CLO12													M	M	M	M

#### V. Nội dung môn học

##### 1. Chương trình tổng quát

TT	Tên bài giảng	Tổng số tiết	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Phân loại và điều trị thiếu máu	4	2	2
2	Thiếu máu thiếu sắt	4	2	2
3	Thalassemia	4	2	2
4	Chỉ định đánh giá xét nghiệm đông cầm máu	8	4	4
5	Giảm tiểu cầu miễn dịch nguyên phát	4	2	2
6	Hemophilia mắc phải	4	2	2
7	Đông máu rải rác trong lòng mạch (DIC)	4	2	2
8	Hội chứng anti phospholipid	4	2	2
9	Hội chứng HELLP	4	2	2

10	Thuốc điều trị rối loạn đông máu trong sản khoa	4	2	2
11	Sử dụng máu, chế phẩm máu trong lâm sàng	4	2	2
12	Truyền máu khối lượng lớn	4	2	2
13	Tai biến truyền máu	4	2	2
14	Bất đồng nhóm máu mẹ con	4	2	2
	<b>Cộng</b>	<b>60</b>	<b>30</b>	<b>30</b>

## **2. Nội dung chi tiết**

### **Bài 1. Phân loại và điều trị thiếu máu**

1. Định nghĩa
2. Phân loại và chẩn đoán thiếu máu
3. Điều trị một số thiếu máu thường gặp

### **Bài 2. Thiếu máu thiếu sắt**

1. Cơ chế bệnh sinh
2. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng
3. Chẩn đoán và phân loại
4. Điều trị và tiên lượng

### **Bài 3. Thalassemia**

1. Cơ chế bệnh sinh
2. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng
3. Chẩn đoán và phân loại
4. Điều trị và tiên lượng
5. Tư vấn di truyền

### **Bài 4. Chỉ định đánh giá xét nghiệm đông cầm máu**

1. Một số xét nghiệm đông cầm máu chỉ định trong lâm sàng
2. Phân tích một số xét nghiệm đông cầm máu

### **Bài 5. Giảm tiểu cầu miễn dịch nguyên phát**

1. Cơ chế bệnh sinh



2. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng
3. Chẩn đoán
4. Điều trị và tiên lượng

#### **Bài 6. Hemophillia mắc phải**

1. Khái niệm và cơ chế bệnh sinh
2. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng
3. Chẩn đoán
4. Điều trị và tiên lượng
5. Tư vấn di truyền

#### **Bài 7. Đông máu rải rác trong lòng mạch (DIC)**

1. Khái niệm và cơ chế bệnh sinh
2. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng
3. Chẩn đoán
4. Điều trị và tiên lượng

#### **Bài 8. Hội chứng anti phospholipid**

1. Khái niệm và cơ chế bệnh sinh
2. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng
3. Chẩn đoán
4. Điều trị và tiên lượng

#### **Bài 9. Hội chứng HELLP**

1. Khái niệm và cơ chế bệnh sinh
2. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng
3. Chẩn đoán
4. Điều trị và tiên lượng

#### **Bài 10. Thuốc điều trị rối loạn đông máu trên lâm sàng**

1. Thuốc chống đông
  - 1.1. Thuốc kháng vitamin K

- 1.2. Heparin
- 1.3. Các thuốc chống đông đường uống khác
- 1.4. Thuốc chống ngưng tập tiểu cầu
- 1.5. Thuốc tiêu sợi huyết
2. Vitamin K
3. Thuốc chống tiêu sợi huyết

### **Bài 11. Sử dụng máu, chế phẩm máu trong lâm sàng**

1. Một số chế phẩm máu thường gặp và chỉ định trên lâm sàng
2. Quy trình truyền máu lâm sàng
3. Xử trí tai biến truyền máu

### **Bài 12. Truyền máu khối lượng lớn**

1. Khái niệm
2. Chẩn đoán
3. Điều trị và tiên lượng

### **Bài 13. Tai biến truyền máu**

1. Khái niệm
2. Phân loại
3. Xử trí tai biến truyền máu

### **Bài 14. Bất đồng nhóm máu mẹ con**

1. Cơ chế bệnh sinh
2. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng
3. Chẩn đoán
4. Xử trí và tiên lượng

## **VI. Tài liệu học tập**

Handout;

Giáo trình Huyết học – Truyền máu cơ sở do Trường Đại học Y Dược Thái Bình biên soạn.

## VII. Tài liệu tham khảo

1. **Bộ Y tế (2013)**, Thông tư 26-TT/BYT- Hướng dẫn hoạt động truyền máu
2. **Bộ Y tế (2017)**, “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật Huyết học – Truyền máu – Miễn dịch – Di truyền – Sinh học phân tử áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh”.
3. **Bộ Y Tế (2022)**, Quyết định số 1832/QĐ-BYT về tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý huyết học”
4. **Đỗ Trung Phấn (2003)**, Bệnh lý tế bào nguồn tạo máu – Chẩn đoán, phân loại và điều trị, *Nhà xuất bản Y học*.
5. **Đỗ Trung Phấn (2012)**, Truyền máu hiện đại ứng dụng trong điều trị bệnh, *NXB giáo dục Việt Nam*
6. **Đỗ Trung Phấn (2019)**, Tế bào gốc và bệnh lý tế bào gốc tạo máu - Chẩn đoán - phân loại - điều trị, *Nhà xuất bản Y học*.
7. **Nguyễn Anh Trí (2011)**, Đông máu ứng dụng trong lâm sàng, *Nhà xuất bản Y học*.
8. **Viện Huyết Học Truyền Máu Trung ương (2015)**, Tài liệu tập huấn về Hemophilia và Thalassemia.
9. **Phạm Quang Vinh (2012)**, “Thiếu máu: phân loại và chẩn đoán thiếu máu”, *Bệnh học nội khoa, Nhà xuất bản y học*
10. **Phạm Quang Vinh, Nguyễn Hà Thanh (2022)**, Bài giảng Huyết học - Truyền máu sau đại học tập 1, *Nhà xuất bản Y học*

## VIII. Phương pháp giảng/dạy

### 81. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết: các phương pháp giảng dạy được thiết kế cho từng chủ đề học tập, cụ thể áp dụng đa dạng các phương pháp sau:

- + Thuyết trình
- + Thảo luận nhóm
- + Ca lâm sàng
- + Tham gia hội thảo
- + Seminar
- + Tự đọc

- Lâm sàng: các phương pháp giảng dạy được áp dụng đa dạng tùy theo mục tiêu buổi học, cụ thể như sau:

- + Trực tiếp chăm sóc người bệnh
- + Giao ban
- + Đi buồng
- + Giảng đầu giường
- + Bình bệnh án

### ***8.2. Phương pháp học tập***

- Lý thuyết: học viên có các hình thức học tập phù hợp với từng phương pháp giảng dạy như:

- + Tham gia nghe giảng
- + Tham gia thảo luận nhóm
- + Tự đọc bài giảng và các tài liệu liên quan

- Lâm sàng: học viên học tập phù hợp với từng phương pháp giảng dạy lâm sàng như:

- + Trực tiếp chăm sóc người bệnh
- + Tham gia thảo luận
- + Chuẩn bị ca lâm sàng
- + Chuẩn bị chủ đề seminar
- + Tham gia hội thảo, hội nghị khoa học

## **IX. Phương pháp lượng giá**

## **Gồm 2 đầu điểm tính riêng lẻ**

### **8.1. Lượng giá lý thuyết**

Bao gồm 3 câu phân điểm:

- + Điểm chuyên cần: được đánh giá bằng việc quản lý thời gian trên lớp (hệ số 0,1)
- + Điểm thi giữa học phần: tại thời điểm giữa học phần, học viên làm bài kiểm tra bằng hình thức thi viết cải tiến (hệ số 0,2)
- + Điểm thi kết thúc học phần: tại thời điểm kết thúc học phần, học viên làm bài kiểm tra bằng hình thức thi viết cải tiến (hệ số 0,7)

**Điểm bài thi lý thuyết = Điểm chuyên cần x 0,1 + Điểm thi giữa học phần x 0,2 + Điểm thi kết thúc học phần x 0,7**

Được tính là Đạt khi điểm bài thi lý thuyết đạt từ 5 trở lên theo thang điểm 10.

### **8.2. Lượng giá thực hành**

- Lượng giá không tính điểm: hàng ngày, các học viên được lượng giá và phản hồi bởi các giảng viên, bác sỹ, đồng nghiệp trong quá trình chăm sóc người bệnh. Các phương pháp lượng giá được áp dụng bao gồm: quan sát trực tiếp (DOPS), phản hồi nhanh (CEX), thảo luận ca lâm sàng (CBD), chỉ tiêu học thuật (Caselog), nhật ký học tập (Portfolio), tự lượng giá.

+ Thực hành: bao gồm 2 câu phân điểm:

Điểm chuyên cần: được đánh giá bằng việc quản lý thời gian trên lâm sàng (hệ số 0,1)

Điểm thi kết thúc học phần: tại thời điểm kết thúc học phần, học viên được đánh giá bằng phương pháp thảo luận ca lâm sàng (bốc thăm người bệnh, thăm khám, làm bệnh án, hỏi thi trên bệnh án) (hệ số 0,9)

<b>Tiêu chí</b>	<b>Điểm trừ</b>
Không vắng	0đ
Nghỉ học có phép	0.25đ / 01 tiết
Nghỉ học không phép	0.5đ / 01 tiết
Đi muộn	15 phút 0.5đ / 01 tiết

**Điểm bài thi lâm sàng = Điểm chuyên cần x 0,1 + Điểm thi kết thúc học phần x 0,9**

Được tính là Đạt khi Điểm bài thi lâm sàng đạt từ 5 trở lên theo thang điểm 10.

### **CHỈ TIÊU TAY NGHỀ**

<b>TT</b>	<b>Nội dung chỉ tiêu tay nghề</b>	<b>Yêu cầu</b>			<b>Phương pháp lượng giá</b>
		<b>Số lần thực hiện</b>	<b>Số lần đạt</b>	<b>Số lần kiến tập</b>	
1	Phân tích kết quả huyết đồ	10	10		Portfolio
2	Phân tích kết quả tuỷ đồ	10	10		Portfolio
3	Chọc hút tuỷ xương			3	Portfolio
4	Phân tích kết quả xét nghiệm đông máu	10	10		Portfolio
5	Theo dõi sử dụng thuốc điều trị rối loạn đông máu	10	10		Portfolio
6	Quy trình truyền máu lâm sàng	10	10		Portfolio

## **MÔN HỌC: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH**

**1. Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ định hướng ứng dụng

**2. Chuyên ngành đào tạo:** Sản Phụ khoa

**3. Mã học phần/môn học:** THSSAN1902

**4. Tên học phần/môn học**

- Tên tiếng Việt: Chẩn đoán hình ảnh

- Tên tiếng Anh:

**5. Đơn vị giảng dạy**

- Tên đơn vị giảng dạy chính: Chẩn đoán hình ảnh

- Tên đơn vị tham gia/hỗ trợ giảng dạy:

- Cán bộ giảng dạy: 1. TS.BS. Nguyễn Ngọc Trung

2. TS.BS. Hoàng Văn Lương

3. ThS.BS. Phí Trọng Hiếu

4. ThS.BS. Nguyễn Văn Hưng

**6. Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)**

- Tổng số tín chỉ: 03 tín chỉ

- Số tín chỉ lý thuyết: 02 tín chỉ

- Số tín chỉ thực hành: 01 tín chỉ

**7. Thời điểm trong tiến trình đào tạo**

Môn học được bố trí giảng dạy - học tập trong năm thứ nhất của chương trình đào tạo trình độ: Thạc sĩ

**8. Loại học phần:** tự chọn

**9. Mô tả môn học:**

- Là môn học cơ sở, nền tảng cho việc học tập các môn chuyên ngành.

- Trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, hệ thống, cập nhật áp dụng cho các môn chuyên ngành trong chẩn đoán và điều trị bệnh.

- Nội dung ở phần này bao gồm những kiến thức cập nhật, học viên chưa được học ở bậc đại học.

## **10. Mục tiêu học tập:**

- MT1. Thực hiện được các mặt cắt cơ bản trong siêu âm sản phụ khoa và phát hiện được các hình ảnh bất thường hay gặp trong siêu âm sản phụ khoa

- MT2. Vận dụng các kiến thức chẩn đoán hình ảnh vào chuyên ngành Sản phụ khoa để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng.

## **11. Chuẩn đầu ra**

### ***Kiến thức***

- CLO1. Hiểu biết lý thuyết về chẩn đoán hình ảnh: Nắm vững các nguyên lý cơ bản và cơ chế hoạt động của các phương pháp chẩn đoán hình ảnh (siêu âm, X-quang, CT, MRI) trong lĩnh vực sản phụ khoa, bao gồm đặc điểm kỹ thuật và ứng dụng lâm sàng

- CLO2. Nhận diện đặc điểm hình ảnh học: Phân tích và mô tả chính xác các đặc điểm hình ảnh của các bệnh lý sản khoa (như thai kỳ bình thường, dị tật thai nhi, nhau tiền đạo) và phụ khoa (như u xơ tử cung, u nang buồng trứng, ung thư cổ tử cung).

### ***Kỹ năng***

- CLO3. Thực hiện kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh: Thành thạo thực hiện các kỹ thuật siêu âm sản phụ khoa cơ bản (siêu âm thai, siêu âm Doppler, siêu âm vùng chậu) và đọc kết quả hình ảnh từ CT, MRI, đảm bảo tuân thủ quy trình kỹ thuật và an toàn y khoa.

- CLO4. Phân tích và đánh giá hình ảnh: Đọc, phân tích và đưa ra kết luận chính xác từ các hình ảnh chẩn đoán, kết hợp với dữ liệu lâm sàng để hỗ trợ chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị.



- CLO5. Giao tiếp và báo cáo chuyên môn: Trình bày rõ ràng, chính xác kết quả chẩn đoán hình ảnh bằng văn bản và lời nói cho đồng nghiệp, bệnh nhân và gia đình, sử dụng ngôn ngữ chuyên môn phù hợp.

**Thái độ**

- CLO6. Đạo đức nghề nghiệp: Thể hiện thái độ chuyên nghiệp, tuân thủ đạo đức y khoa, đảm bảo bảo mật thông tin bệnh nhân và thực hiện các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh với sự cẩn trọng, trách nhiệm.

- CLO7 Học tập và cập nhật kiến thức: Chủ động tìm hiểu và áp dụng các tiến bộ mới trong chẩn đoán hình ảnh vào thực hành lâm sàng, thông qua nghiên cứu tài liệu và tham gia đào tạo liên tục.

**11. Ma trận tương quan giữa CDR học phần và CDR CTĐT**

CDRHP/Module (CLO)	Mức độ đóng góp (L/M/H) vào chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
CLO1	H			H		L	M		L		M			L	L	L
CLO2	H			H		L	M		L		M			L	L	L
CLO3							H	L	H	L		L	L	L	L	L
CLO4	M			M		H	H	L	H	M		M	M	M	M	M
CLO5	H			H		L	M		L		M			L	L	L
CLO6	H			H		L	M		L		M			L	L	L
CLO7							H	L	H	L		L	L	L	L	L
CLO8	M			M		H	H	L	H	M		M	M	M	M	M
CLO9	H			H		L	M		L		M			L	L	L
CLO10														L	L	L
CLO11													L	L	L	L
CLO12													M	M	M	M

**12. Nội dung học lý thuyết và lâm sàng**

TT	Tên bài	Mục tiêu bài học	Tổng số tiết học		
			Lý thuyết	Thực hành	
				Lab	BV
1	Nguyên lý, cấu tạo và sử dụng máy siêu âm	1. Nguyên lý và ứng dụng của sóng âm 2. Cấu tạo máy siêu âm 3. Cách sử dụng và bảo quản máy siêu âm	4	0	0
2	Chỉ định siêu âm trong sản phụ khoa, tính an toàn và pháp lý.	1. Chỉ định siêu âm trong sản phụ khoa 2. Tính an toàn của siêu âm 3. Tính pháp lý của siêu âm trong sản phụ khoa	4	0	0
3	Giải phẫu siêu âm phụ khoa	1. Giải phẫu cơ quan sinh dục nữ trên siêu âm 2. Các mốc giải phẫu thai nhi	4	2	2
4	Siêu âm thai 3 tháng đầu	3. Chẩn đoán thai nghén, và thai bất thường 4. Siêu âm thai 5. Siêu âm phần phụ của thai	4	0	2
5	Siêu âm thai 3 tháng giữa	1. Các mốc siêu âm thai 2. Các bất thường hay gặp	4	0	2
6	Siêu âm thai 3 tháng cuối	1. Các mốc siêu âm thai 2. Các bất thường hay gặp	4	0	2
7	Siêu âm Doppler trong sản phụ khoa	1. Tìm hiểu về Doppler 2. Ứng dụng trong sản phụ khoa	4	1	2
8	Siêu âm 3D, 4D.	1. Tìm hiểu về siêu âm 3D,	2	1	1

		4D		
		2. Ứng dụng các loại siêu âm 3D, 4D trong sản phụ khoa		4 11
		<b>Tổng số</b>		<b>30 15</b>

## 12. Phương pháp dạy / học

Coi trọng và phát huy cao độ tính tự học của học viên.

- Lý thuyết: thuyết trình tại giảng đường
- Thực hành: trên hệ thống siêu âm mô phỏng tại Bộ môn và thực tế tại các Khoa Chẩn đoán hình ảnh của Bệnh viện thực hành.

## 13. Phương pháp lượng giá

- Học viên phải tham dự tối thiểu 80% thời lượng học lý thuyết 100% thời lượng học thực hành (vắng học thực hành phải học bù).

- Học viên dự thi hết môn ở cả 2 nội dung Lý thuyết và Thực hành cụ thể:

Học viên được đánh giá bằng câu hỏi ngắn, gửi lên phòng QLĐTSDH 3 đề thi, trong đó mỗi đề thi có 3 câu hỏi, bốc thăm ngẫu nhiên trong số 30 câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi SDH

Lượng giá thực hành:

+ Học viên được đánh giá bằng phương pháp thảo luận ca lâm sàng (bốc thăm người bệnh, thăm khám, làm bệnh án, hỏi thi trên bệnh án)

+ Được tính là Đạt khi Điểm bài thi lâm sàng đạt từ 5 trở lên theo thang điểm 10.

**Công thức tính điểm: Điểm thực hành tính điểm giữa học phần, điểm lý thuyết tính điểm cuối học phần**

$$\text{Điểm học phần} = (\text{ĐCC} \times 0.1 + \text{ĐGHP} \times 0.2 + \text{ĐKTHP} \times 0.7) / 10$$

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

Tiêu chí	Điểm trừ
----------	----------

Không vắng	0đ
Nghỉ học có phép	0,25 đ / 01 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 đ / 01 tiết
Đi muộn	15 phút 0,5 đ / 01 tiết

#### **14. Tài liệu dạy học**

- Tài liệu phát tay theo nội dung bài giảng.

#### **16. Thiết bị, học liệu cho môn học**

- Máy siêu âm tại khoa Chẩn đoán Hình ảnh, các Bệnh viện thực hành
- Máy siêu âm mô phỏng (Schallware Ultrasound Simulator) với hơn 200 ca bệnh sản khoa hiếm gặp tại Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh

#### **17. Tài liệu tham khảo**

1. Phan Trường Duyệt (2000), Hướng dẫn thực hành thăm dò về Sản khoa. Nhà xuất bản Y học
2. Phan Trường Duyệt (2011), Phẫu thuật Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
3. Trần Thị Lợi (2004), Thực hành Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
4. Trường Đại học Y Dược Huế (2016), Giáo trình Sản khoa. Nhà xuất bản Y học.
5. Bộ Y tế (2010). Sản Phụ khoa. Nhà xuất bản Y học.
6. Loyd Davis. Surgery gynecology & Obstetric.

# **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

## **MÔN HỌC: DỊ ỨNG MIỄN DỊCH LÂM SÀNG**

### **I. Thông tin học phần**

Tên học phần: Dị ứng miễn dịch lâm sàng

Mã học phần: THSSAN 1903

Số tín chỉ: 03 (2/1) = 30 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ ngành Sản Phụ khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Tự chọn

Môn tiên quyết/Môn học trước: Sinh lý học

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch

Danh sách giảng viên:

1. TS. Trần Thị Vân Anh
2. TS. Khổng Thị Điệp
3. TS. Bùi Thị Phương Hoa
4. PGS.TS. Lê Xuân Hải

### **II. Mô tả học phần**

#### **1. Lý thuyết**

Là môn học cơ sở, nền tảng cho việc học tập các môn chuyên ngành. Môn học này trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, hệ thống, cập nhật áp dụng cho các môn chuyên ngành trong chẩn đoán và điều trị bệnh. Nội dung ở phần này bao gồm những kiến thức cập nhật, học viên chưa được học ở bậc đại học về các hoạt động bình thường và các biểu hiện bệnh lý của hệ thống miễn dịch và cơ thể; cơ chế bệnh sinh và nguyên tắc xử trí một số bệnh lý miễn dịch hay gặp.

#### **2. Thực hành: Không**

### **III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học**

#### **1. Mục tiêu của môn học**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu học phần</b>	<b>Mục tiêu CTĐT (PEO)</b>
MT1	Hệ thống được những kiến thức cơ sở và cập nhật kiến thức mới về miễn dịch trong chuyên ngành	PEO2
MT2	Vận dụng các kiến thức miễn dịch vào chuyên ngành Sản Phụ khoa để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng.	PEO2,3

## 2. Chuẩn đầu ra môn học (PLO)

<b>Chuẩn đầu ra của học phần</b> Sau khi học xong học phần này, người học có thể:		<b>Đáp ứng PLOs</b> <b>Thạc sĩ Sản Phụ khoa</b>
<b>Kiến thức</b>		
CLO1	Giải thích được cơ chế bệnh sinh một số quá trình bệnh lý về miễn dịch.	PLO
CLO2	Phân tích được nguyên tắc xử trí một số bệnh lý miễn dịch hay gặp.	PLO
<b>Kỹ năng</b>		
CLO3	Chỉ định và phiên giải thành thạo, chính xác một số cận lâm sàng chuyên sâu về miễn dịch ứng dụng trong Sản Phụ khoa	PLO
<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>		
CLO4	Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp	PLO
CLO5	Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời	PLO

CLO6	Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng các dân tộc trong hoạt động nghề nghiệp	PLO
------	---	-----

**Ghi chú:** PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

### 3. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Sản Phụ khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành Sản Phụ khoa)

*L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít*

*M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều*

*H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều*

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT			
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4
.....	Dị ứng miễn dịch lâm sàng				
		PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
		PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
		PLO 13	PLO 14	PLO15	

## IV. Nội dung môn học

### 1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết LT	Mục tiêu học tập	Số tiết TH	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Đại cương miễn dịch, Kháng nguyên, Kháng thể	6	<p>1. Phân tích được các biện pháp bảo vệ của đáp ứng miễn dịch tự nhiên.</p> <p>2. Phân tích được các giai đoạn và đặc điểm của đáp ứng miễn dịch đặc hiệu.</p> <p>3. Trình bày được đặc điểm của viêm đặc hiệu và cách phân loại miễn dịch đặc hiệu.</p> <p>4. Phân tích được đặc tính và phân loại kháng nguyên.</p> <p>5. Trình bày được đặc tính và cấu trúc của kháng thể dịch thể (Ig).</p> <p>6. Mô tả được cách phân loại và phân tích được các hoạt tính sinh học của kháng thể dịch thể (Ig).</p>			1,2
2	Quá mẫn, Dị ứng thuốc;	8	<p>1. Trình bày được cách phân loại và đặc điểm của từng type quá mẫn</p> <p>2. Phân tích đặc điểm, cơ chế các loại hình dị ứng thuốc.</p> <p>3. Phân tích được nguyên tắc xử trí, dự phòng dị ứng thuốc</p>			1,2



3	Hội chứng Kháng phospholipid			6	<p>1. Phân tích được cơ chế bệnh sinh, phương pháp chẩn đoán Hội chứng Kháng phospholipid.</p> <p>2. Phân tích nguyên tắc dự phòng và điều trị Hội chứng Kháng phospholipid</p>	
4	Vaccin trong Sản Phụ khoa			6	Phân tích được nguyên lý hình thành và chỉ định dùng vaccin trong Sản Phụ khoa	
5	Sốc			6	<p>1. Phân tích được cơ chế bệnh sinh của một số loại sốc hay gặp trong Sản Phụ khoa</p> <p>2. Phân tích được nguyên tắc xử trí một số loại sốc hay gặp trong Sản Phụ khoa</p>	
6	Phương pháp chẩn đoán và Phương pháp cơ bản điều trị các bệnh dị ứng các bệnh dị ứng			6	<p>1. Phân tích được nguyên lý, trình bày được qui trình tiến hành và nhận định kết quả các kỹ thuật phát hiện dị ứng.</p> <p>2. Phân tích được ưu nhược điểm của từng phương pháp điều trị miễn dịch.</p>	1,2

7	Di truyền và các bất thường di truyền	8	1. Phân tích được cơ chế di truyền của một số bất thường hay gặp trong Sản Phụ khoa			
8	Di truyền và miễn dịch trong ung thư	8	1. Phân tích cơ chế di truyền trong ung thư. 2. Phân tích cơ chế miễn dịch chống ung thư 3. Phân tích nguyên lý miễn dịch trị liệu trong ung thư			1,2
9	Xét nghiệm di truyền cho một số nhóm bệnh cơ bản			6	1. Phân tích được nguyên lý xét nghiệm di truyền cho một số nhóm bệnh cơ bản 2. Thực hiện được chỉ định xét nghiệm di truyền cho một số nhóm bệnh cơ bản	1,2

## 2. Thực hành: Không

### V. Tài liệu học tập

- Bộ Y tế (2016), *Sinh lý bệnh và Miễn dịch, phần Miễn dịch*, Nhà xuất bản Y học.
- Học viện Quân Y (2011), *Miễn dịch học*, Nhà xuất bản Quân đội.
- Phan Thị Phi Phi, Phạm Đăng Khoa (2022), *Sinh lý bệnh học*, Nhà xuất bản Y học.

### VI. Tài liệu tham khảo:

- Trường Đại học Y Hà Nội (2014), *Miễn dịch học*, Nhà xuất bản Y học
- Nguyễn Văn Đoàn, Hoàng Thị Lâm (2022), *Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học.

### VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

## 1. Phương pháp giảng dạy

- Thảo luận nhóm và thuyết trình có hình ảnh minh họa trên ca bệnh.
- Đặt câu hỏi ngắn cho học viên trả lời.
- Thảo luận nhóm
- Sử dụng các đoạn phim video ngắn để minh họa.
- Hướng dẫn học viên tự học, viết và báo cáo semina chuyên đề

## 2. Phương pháp học tập

- Học viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học.

- Học viên theo dõi, đánh dấu từng mục tự học tương ứng với từng bài giảng trong chương trình để áp dụng làm bài tập hoặc viết bài thảo luận.

- Tham khảo tài liệu, chia nhóm thảo luận và viết chuyên đề theo chủ đề (chủ đề do cán bộ giảng phụ trách gợi ý viết, số chuyên đề phụ thuộc vào số lượng học viên của từng khóa học). Mỗi nhóm nộp lại cho Bộ môn quyền chuyên đề sau khi đã thống nhất về nội dung và hình thức trình bày. Giảng viên kiểm tra đánh giá quá trình tự học của học viên thông qua các bài tập và bài tham luận giao cho học viên trong quá trình học

## VIII. Phương pháp đánh giá học phần

Đánh giá	Nội dung đánh giá	Trọng số
Chuyên cần	Được đánh giá căn cứ vào việc đi học đầy đủ, đúng giờ và có chuẩn bị bài trước giờ học. Mặc định điểm chuyên cần của mỗi học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm.	10%
Giữa học phần	Lịch kiểm tra giữa học phần được công bố trước ngày kiểm tra ít nhất 2 tuần dưới một trong các hình thức: tự luận, tự luận kết hợp trắc nghiệm khách quan, thao tác trên	20%

	máy tính hoặc viết một chuyên đề nhỏ (được quy định chi tiết trong đề cương môn học)	
Kết thúc học phần/module	Học viên phải tham dự được ít nhất 80% số tiết học, có bài kiểm tra giữa học phần đủ điều kiện theo quy định mới được dự thi. Nếu hoãn thi, đủ các điều kiện duyệt thi sẽ được duyệt thi vào lần kế tiếp. Điểm học phần sẽ được tính như sau: $\text{ĐHP} = 0,1 * \text{CC} + 0,2 * \text{GHP} + 0,7 * \text{CHP}$	70%

# **CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC**

## **HỌC PHẦN: SẢN THƯỜNG**

**1. Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ định hướng ứng dụng

**2. Chuyên ngành đào tạo:** Sản Phụ khoa

**3. Mã học phần/môn học:** THSSAN2801

**4. Tên học phần/môn học**

- Tên tiếng Việt: Sản thường

- Tên tiếng Anh: Normal Obstetric

**5. Đơn vị giảng dạy**

- Tên đơn vị giảng dạy chính: Bộ môn Phụ Sản

- Tên đơn vị tham gia/hỗ trợ giảng dạy:

- Cán bộ giảng dạy:

1. TS.BS. Bùi Minh Tiến

2. TS.BS. Đặng Thị Hồng Thiện

3. TS.BS. Nguyễn Trung Kiên

4. BSCKII. Nguyễn Thị Tuyết

5. BSCKII. Lê Hải Dương

**6. Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)**

- Tổng số tín chỉ: 06 tín chỉ

- Số tín chỉ lý thuyết: 02 tín chỉ

- Số tín chỉ thực hành: 04 tín chỉ

**7. Thời điểm trong tiến trình đào tạo**

Môn học được bố trí giảng dạy - học tập trong năm thứ nhất của chương trình đào tạo trình độ: Thạc sĩ

**8. Loại học phần:** bắt buộc

**9. Mục tiêu học tập:**

- MT1. Nắm vững các kiến thức về nội tiết và sinh lý sinh dục nữ.
- MT2. Nắm vững những thay đổi về giải phẫu và sinh lý người mẹ khi có thai.
- MT3. Nắm vững các yếu tố tiên lượng một cuộc chuyển dạ đẻ
- MT4. Thành thạo việc theo dõi một cuộc chuyển dạ đẻ

### 10. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

- CLO1. Phân tích các kiến thức về nội tiết và sinh lý sinh dục nữ.
- CLO2. Phân tích các yếu tố tiên lượng một cuộc chuyển dạ đẻ.
- CLO3. Thành thạo việc theo dõi và xử trí một cuộc chuyển dạ đẻ thường.

### 11. Ma trận giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

CLO	Chuẩn đầu ra: Kiến thức (PLOK)				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
CLO1	x				
CLO2	x				
CLO3	x			x	

CLO	Chuẩn đầu ra: Kỹ năng (PLOS)							
	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
CLO1	x	x						
CLO2	x	x		x				
CLO3	x		x		x			

CLO	Chuẩn đầu ra: Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (PLOA)		
	PLO14	PLO15	PLO16
CLO1	x	x	
CLO2	x	x	
CLO3	x		x

## 12. Nội dung học lý thuyết

TT	Nội dung	Số tiết	GV chính	GV phụ
1	Sinh lý sinh dục nữ	6	TS. Tiến	PGS. Minh
2	Nội tiết sinh dục	4	TS. Kiên	PGS. Minh
3	Các yếu tố tiên lượng cuộc đẻ	4	PGS. Minh	TS. Tiến
4	Các phương pháp thăm dò sản khoa	2	BSCKII. Hiền	BSCKII. Cân
5	Các phương pháp thăm dò thể tích ối	2	BSCKII. Nam	BSCKII. Cân
6	Thay đổi giải phẫu, sinh lý người mẹ khi có thai	4	BSCKII. Dương	BSCKII. Nam
7	Chẩn đoán thai nghén, ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt	4	BSCKII. Tuyết	BSCKII. Dương
8	Chu kỳ nội mạc, chu kỳ buồng trứng	4	TS. Kiên B	PGS. Minh
<b>Tổng</b>		<b>30</b>		

**C©u 1.**

**C©u 2. 12.1. Đề cương môn học**

**Bài 1. Sinh lý sinh dục nữ**

*Số tiết học 6 (LT 6, TH: 0)*

**C©u 3.** 1. Đặc điểm giải phẫu

**C©u 4.** 2. Đặc điểm sinh lý

**C©u 5.** 3. Các thay đổi tuổi dậy thì

4. Các thay đổi tuổi mãn kinh

**Bài 2. Nội tiết sinh dục**

*Số tiết học 4 (LT 4, TH:0)*

1. Hoạt động của vùng dưới đồi, tuyến yên, buồng trứng, nội mạc tử cung

2. Chỉ định và cách sử dụng các nội tiết.

**Bài 3. Các yếu tố tiên lượng cuộc đẻ**

*Số tiết học 4 (LT 4, TH:0)*

1. Chuyển dạ (CD)

2. Quan niệm về một cuộc chuyển dạ thường

3. Các yếu tố tiên lượng một cuộc chuyển dạ bất thường

4. Các nguyên tắc cơ bản về chăm sóc trong khi chuyển dạ

**Bài 4. Các phương pháp thăm dò sản khoa** *Số tiết học 2 (LT 2, TH:0)*

1. Chỉ định soi ối
2. Chỉ định chọc ối
3. Các xét nghiệm sinh hoá
4. Siêu âm chẩn đoán
5. Monitor sản khoa

**Bài 5. Các phương pháp thăm dò thể tích ối** *Số tiết học 2 (LT 2, TH:0)*

1. Vai trò, chức năng của nước ối
2. Bất thường về thể tích nước ối
3. Các cách đánh giá thể tích nước ối trên lâm sàng và siêu âm

**Bài 6. Thay đổi GP, SL người mẹ khi có thai** *Số tiết học 4 (LT 4, TH:0)*

I. Nội tiết học của thai nghén

- 1.1. Tính chất của sự thay đổi nội tiết
- 1.2. Hormon hướng sinh dục rau thai
- 1.3. Kích nhũ tố rau thai (HPL)
- 1.4. Prolactin
- 1.5. Progesteron
- 1.6. Estrogen

II. Thay đổi giải phẫu sinh lý ở bộ phận sinh dục nữ

- 2.1. Thay đổi ở thân tử cung
- 2.2. Thay đổi ở eo tử cung (đoạn dưới tử cung)
- 2.3. Thay đổi ở cổ tử cung
- 2.4. Thay đổi ở âm đạo, âm hộ
- 2.5. Thay đổi ở buồng trứng
- 2.6. Thay đổi ở vòi trứng.

III. Thay đổi sinh lý và giải phẫu ngoài bộ phận sinh dục



#### IV. Thay đổi toàn thân

### **Bài 7. Chẩn đoán thai nghén, ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt** Số tiết học 4 (LT 4, TH:0)

1. Đại cương
2. Chẩn đoán thai nghén trong 4 tháng rưỡi đầu của thời kỳ thai nghén.
3. Chẩn đoán thai nghén trong 4 tháng rưỡi sau của thời kỳ thai nghén
4. Chẩn đoán xác định
5. Chẩn đoán phân biệt

### **Bài 8. Chu kỳ nội mạc, chu kỳ buồng trứng** Số tiết học 4 (LT 4, TH:0)

1. Sinh bệnh học
2. Chẩn đoán
3. Xử trí

#### **12.2. Thực hành**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>
1	Theo dõi chuyển dạ	15
2	Monitor sản khoa	10
3	Kỹ thuật cắt khâu TSM, Khâu TSM rách phức tạp.	15
5	Chỉ định thăm dò thể tích ối, bấm ối	10
6	Chỉ định và kỹ thuật, theo dõi để chỉ huy	10
7	Cách đọc kết quả và đánh giá siêu âm sản khoa	10
8	Các chỉ định, định lượng nội tiết tố E2, P, FSH, LH, T4, T3	10
9	Các phương pháp gây kinh nhân tạo và lập vòng kinh nhân tạo	10
10	Bóc rau nhân tạo, kiểm soát tử cung	10
11	Test oxytoxin, Atropin	10
<b>Tổng</b>		<b>120</b>

#### **13. Phương pháp dạy / học**

- Lý thuyết: Thuyết trình tại giảng đường
- Thực hành: Tại bệnh viện.

#### 14. Phương pháp lượng giá

Học viên phải tham dự tối thiểu 80% thời lượng học lý thuyết 100% thời lượng học thực hành (vắng học thực hành phải học bù).

Học viên dự thi hết môn ở cả 2 nội dung Lý thuyết và Thực hành cụ thể:

- Lý thuyết: thi viết cải tiến Thang điểm 10

Học viên được đánh giá bằng câu hỏi ngắn, gửi lên phòng QLĐTSDH 3 đề thi, trong đó mỗi đề thi có 2 câu hỏi, bốc thăm ngẫu nhiên trong số 30 câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi SDH.

- Thực hành: thao tác trên bệnh nhân, biện luận ca lâm sàng và bệnh án bệnh nhân

+ Học viên được đánh giá bằng phương pháp thảo luận ca lâm sàng (bốc thăm người bệnh, thăm khám, làm bệnh án, hỏi thi trên bệnh án).

+ Được tính là Đạt khi Điểm bài thi lâm sàng đạt từ 5 trở lên theo thang điểm 10.

- Các điểm thành phần: **Điểm Lý thuyết**

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10

### Điểm Thực hành

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Quy chế đào tạo	Số buổi đi học, tham gia trực	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	01	Viết chuyên đề	Chất lượng bài chuyên đề	
Điểm kết thúc học phần LS (ĐKTHP)	0,7	01	Bệnh án, vấn đáp, biện luận lâm sàng	Chất lượng bài thi	10

#### Rubric 1: Chuyên cần: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/1 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/1 tiết
Đi muộn	0,5 điểm/1 tiết (Sau 15 phút tính không phép)
Học viên nghỉ học do Nhà trường điều động	0

**Test Blue print (áp dụng lượng giá lý thuyết):** không

#### 15. Tài liệu dạy học

- Tài liệu phát tay theo nội dung bài giảng.

#### 16. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Y Hà Nội (2020), Sản khoa. Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ môn Phụ Sản - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bài giảng Sản Phụ khoa tập 1, Nhà xuất bản Y học.

3. Bộ môn Phụ Sản - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bài giảng Sản Phụ khoa tập 2, Nhà xuất bản Y học.
4. Phạm Bá Nha và cộng sự (2023), Thủ thuật Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
5. Bộ Y tế (2020), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Hồng Đức
6. Bộ môn Sinh lý học, Đại học Y Hà Nội (1999), Chuyên đề sinh lý học. Nhà xuất bản Y học.
7. Phan Trường Duyệt (2013), Siêu âm Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
8. Phan Trường Duyệt (2000), Hướng dẫn thực hành thăm dò về Sản khoa, Nhà xuất bản Y học.
9. Trần Thị Lợi (2004), Thực hành Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
10. Bộ Y tế (2010). Sản phụ khoa. Nhà xuất bản Y học.
11. Nguyễn Đức Hình (2013). Giá trị của siêu âm nước ối trong chẩn đoán thai già tháng. Nhà xuất bản Y học.
12. Phan Trường Duyệt, Đinh Thế Mỹ (2001). Các phương pháp thăm dò Sản khoa. Nhà xuất bản Y học.

# **CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC**

## **HỌC PHẦN: SẢN KHÓ**

**1. Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ định hướng ứng dụng

**2. Chuyên ngành đào tạo:** Sản Phụ khoa

**3. Mã học phần/môn học:** THSSAN2802

**4. Tên học phần/môn học**

- Tên tiếng Việt: Sản khó
- Tên tiếng Anh: Obstetric difficult

**5. Đơn vị giảng dạy**

- Tên đơn vị giảng dạy chính: Bộ môn Phụ Sản
- Tên đơn vị tham gia/hỗ trợ giảng dạy:
- Cán bộ giảng dạy:

1. TS.BS. Bùi Minh Tiến
2. TS.BS. Đặng Thị Hồng Thiện
3. TS.BS. Nguyễn Trung Kiên
4. TS.BS. Nguyễn Đăng Kiên
5. ThS.BSCKII. Đinh Văn Hoàn

**6. Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)**

- Tổng số tín chỉ: 06 tín chỉ
- Số tín chỉ lý thuyết: 02 tín chỉ
- Số tín chỉ thực hành: 04 tín chỉ

**7. Thời điểm trong tiến trình đào tạo**

Môn học được bố trí giảng dạy - học tập trong năm thứ nhất của chương trình đào tạo trình độ: Thạc sĩ

**8. Loại học phần:** bắt buộc

**9. Mục tiêu học tập:**

- MT1. Chỉ định, và xử trí được các ngôi bất thường.
- MT2. Chỉ định và thực hiện một số tai biến trong ngôi bất thường
- MT3. Chỉ định và thực hiện thành thạo các thủ thuật trong sản khoa
- MT4. Chỉ định và thực hiện được kỹ thuật mổ lấy thai thường

### 10. Chuẩn đầu ra học phần/môn học (CLO)

- CLO1. Chỉ định và xử trí được các ngôi bất thường.
- CLO2. Chỉ định và thực hiện một số tai biến trong ngôi bất thường
- CLO3. Chỉ định và thực hiện thành thạo các thủ thuật trong sản khoa
- CLO4. Chỉ định và thực hiện được kỹ thuật mổ lấy thai thường

### 11. Ma trận giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

CLO	Chuẩn đầu ra: Kiến thức (PLOK)				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
CLO1	x			x	
CLO2	x			x	
CLO3	x			x	
CLO4	x			x	

CLO	Chuẩn đầu ra: Kỹ năng (PLOS)							
	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
CLO1	x	x	x		x			
CLO2	x	x	x		x			
CLO3	x	x	x		x			
CLO4	x	x	x		x			

CLO	Chuẩn đầu ra: Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (PLOA)		
	PLO14	PLO15	PLO16
CLO1	x	x	x

CLO2	x	x	x
CLO3	x	x	x
CLO4	x	x	x

## 12. Nội dung học lý thuyết

TT	Nội dung	Số tiết	GV chính	GV phụ
1	Các ngôi bất thường (Mặt, trán, vai...)	4	BSCKII. Nam	BSCKII. Dương
2	Đọa vỡ tử cung, Vỡ tử cung	4	TS. Thiện	PGS. Minh
3	Ngôi ngược	2	TS. Kiên A	BSCKII. Dương
4	Các yếu tố tiên lượng trong ngôi ngược	2	TS. Kiên A	BSCKII. Dương
5	Những thai nghén nguy cơ cao	2	BSCKII. Tuyết	BSCKII. Dương
6	Đẻ khó nguyên nhân do Mẹ	2	PGS. Minh	TS. Tiến
7	Đẻ khó nguyên nhân do Thai	2	PGS. Minh	TS. Tiến
8	Đẻ khó nguyên nhân do phần phụ của thai	2	TS. Kiên B	TS. Tiến
9	Chỉ định, kỹ thuật, tai biến của ventous	2	TS. Tiến	BSCKII. Chung
10	Chỉ định, kỹ thuật, tai biến của Forceps	2	TS. Tiến	BSCKII. Chung
11	Đa thai	2	BSCKII. Hoàn	BSCKII. Huyền

12	Ồi vỡ non, sớm	2	BSCKII. Dương	BSCKII. Huyền
13	Các chỉ định mổ lấy thai	2	BSCKII. Hiền A	TS. Tiến
<b>Tổng</b>		<b>30</b>		

### ***12.1. Nội dung chi tiết:***

#### **CCu 6. Bài 1: Các ngôi thai bất thường**

1. Định nghĩa
2. Các loại ngôi bất thường
3. Triệu chứng lâm sàng
4. Triệu chứng cận lâm sàng
5. Phương pháp xử trí

#### **Bài 2: Vỡ tử cung**

1. Phân loại
2. Nguyên nhân
3. Vỡ tử cung trong thai kỳ
4. Vỡ tử cung trong chuyển dạ
5. Chẩn đoán
6. Xử trí

#### **Bài 3: Ngôi ngược**

1. Định nghĩa và phân loại
2. Triệu chứng lâm sàng
3. Cận lâm sàng
4. Các hướng xử trí

#### **Bài 4: Các yếu tố tiên lượng trong ngôi ngược**

1. Tầm quan trọng
2. Các yếu tố về phía người mẹ
3. Các yếu tố về phía thai
4. Các yếu tố về phía phần phụ của thai
5. Các yếu tố khác

#### **Bài 5: Những thai nghén có nguy cơ cao**

1. Tổng quan
2. Các yếu tố nguy cơ
3. Quản lý thai nghén



4. Các yếu tố tiên lượng
5. Các hướng xử trí

#### **Bài 6: Để khó nguyên nhân do mẹ**

1. Tổng quan
2. Các nguyên nhân
3. Các phương pháp xử trí
4. Tiên lượng

#### **Bài 7: Để khó nguyên nhân do thai**

1. Tổng quan
2. Các nguyên nhân
3. Các phương pháp xử trí
4. Tiên lượng

#### **Bài 8: Để khó nguyên nhân do phần phụ cuat thai**

1. Tổng quan
2. Các nguyên nhân
3. Các phương pháp xử trí
4. Tiên lượng

#### **Bài 9: Chỉ định, kỹ thuật, tai biến của Ventouse**

1. Đại cương
2. Chỉ định
3. Kỹ thuật
4. Tai biến

#### **Bài 10: Chỉ định, kỹ thuật, tai biến của Forceps**

1. Đại cương
2. Chỉ định
3. Kỹ thuật
4. Tai biến

#### **Bài 11: Đa thai**

1. Đại cương
2. Nguyên nhân
3. Triệu chứng lâm sàng
4. Triệu chứng cận lâm sàng
5. Chẩn đoán
6. Xử trí

**Bài 12: ối vỡ non, vỡ sớm**

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
3. Chẩn đoán
4. Xử trí

**Bài 13: Các chỉ định mổ lấy thai**

1. Đại cương
2. Các chỉ định về phía mẹ
3. Các chỉ định về phía thai
4. Các chỉ định về phía phần phụ của thai
5. Các chỉ định khác

**12.2. Thực hành**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>
1	Cách đặt Forceps + Ventouse	15
2	Kỹ thuật đỡ đẻ ngôi ngược	15
3	Kỹ thuật đỡ đẻ song thai và đa thai	15
4	Chỉ định và kỹ thuật khâu vòng cổ tử cung	15
5	Kỹ thuật mổ lấy thai	25
6	Chỉ định, Kỹ thuật kiểm soát tử cung	5
7	Kỹ thuật mổ lấy thai ngôi ngược	10
8	Kỹ thuật mổ lấy thai trong Rau tiền đạo	10
9	Kỹ thuật mổ lấy thai sẹo cũ và cắt tử cung	10
<b>Tổng</b>		<b>120</b>

**13. Phương pháp dạy / học**

- Lý thuyết: Thuyết trình
- Thực hành: Tại bệnh viện

**14. Phương pháp lượng giá**

Học viên phải tham dự tối thiểu 80% thời lượng học lý thuyết 100% thời lượng học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành (vắng học thực hành có phép phải học bù, vắng học không phép phải học lại).

Học viên dự thi hết môn ở cả 2 nội dung Lý thuyết và Thực hành cụ thể:

- Lý thuyết: thi viết

Học viên được đánh giá bằng câu hỏi ngắn, gửi lên phòng QLĐTSDH 3 đề thi, trong đó mỗi đề thi có 2 câu hỏi, bốc thăm ngẫu nhiên trong số 30 câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi SDH.

- Thực hành: thao tác trên bệnh nhân (*hoặc bảng kiểm*)

+ Học viên được đánh giá bằng phương pháp thảo luận ca lâm sàng (bốc thăm người bệnh, thăm khám, làm bệnh án, hỏi thi trên bệnh án).

+ Được tính là Đạt khi Điểm bài thi lâm sàng đạt từ 5 trở lên theo thang điểm 10.

Các điểm thành phần: **Điểm Lý thuyết**

<b>Điểm thành phần</b>	<b>Trọng số tính điểm</b>	<b>Bài đánh giá</b>	<b>Hình thức đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Điểm tối đa</b>
Đánh giá chuyên cần ( <b>ĐCC</b> )	0,1	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần ( <b>ĐGHP</b> )	0,2	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10
Điểm kết thúc học phần ( <b>ĐKTHP</b> )	0,7	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10

**Điểm Thực hành**

<b>Điểm thành phần</b>	<b>Trọng số</b>	<b>Bài đánh giá</b>	<b>Hình thức đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Điểm</b>
------------------------	-----------------	---------------------	---------------------------	--------------------------	-------------

	<b>tính điểm</b>				<b>tối đa</b>
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Quy chế đào tạo	Số buổi đi học, tham gia trực	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	01	Viết chuyên đề ngắn	Chất lượng bài thi	10
Điểm kết thúc học phần LS (ĐKTHP)	0,7	01	Bệnh án, vấn đáp, biện luận lâm sàng	Chất lượng bệnh án, trả lời vấn đáp	10

**Rubric 1: Chuyên cần: 10 điểm**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Điểm trừ</b>
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/1 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/1 tiết
Đi muộn	0,5 điểm/1 tiết (Sau 15 phút tính không phép)
Học viên nghỉ học do Nhà trường điều động	0

**Test Blue print (áp dụng lượng giá lý thuyết):** không

Có 2 đầu điểm được tính riêng như sau

- Điểm học phần lý thuyết:

$$\text{Điểm học phần} = (\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7) / 10$$

- Điểm học phần thực hành:

$$\text{Điểm học phần} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7 / 10$$

**15. Tài liệu học tập chính (tối đa 3 tài liệu)**

- Tài liệu phát tay

**16. Tài liệu tham khảo**

1. Trường Đại học Y Hà Nội (2020), Sản khoa. Nhà xuất bản Y học.

2. Bộ môn Phụ Sản - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bài giảng Sản Phụ khoa tập 1, Nhà xuất bản Y học.
3. Bộ môn Phụ Sản - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bài giảng Sản Phụ khoa tập 2, Nhà xuất bản Y học.
4. Phạm Bá Nha và cộng sự (2023), Thủ thuật Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
5. Bộ Y tế (2020), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Hồng Đức
6. Phan Trường Duyệt (2000), Hướng dẫn thực hành thăm dò về sản khoa, Nhà xuất bản Y học
7. Phan Trường Duyệt (2011), Phẫu thuật sản phụ khoa, Nhà xuất bản Y học
8. Trần Thị Lợi (2004), Thực hành sản phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
9. Bộ Y tế (2010). Sản phụ khoa. Nhà xuất bản Y học
10. IUCC. Ung thư bệnh học, Nhà xuất bản Y học
11. Bách khoa thư bệnh học (1994), Nhà xuất bản Y học
12. Jlaugier - Fgold, Vấn tắt sơ sinh học.
13. John patrick O'Graydi Martin L. Gimesky, William & Wilkings, Operative Obstetrics.

# **CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC**

## **HỌC PHẦN: SẢN BỆNH**

**1. Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ định hướng ứng dụng

**2. Chuyên ngành đào tạo:** Sản Phụ khoa

**3. Mã học phần/môn học:** THSSAN2803

**4. Tên học phần/môn học**

- Tên tiếng Việt: Sản bệnh
- Tên tiếng Anh: Obstetric diseases

**5. Đơn vị giảng dạy**

- Tên đơn vị giảng dạy chính: Bộ môn Phụ Sản
- Tên đơn vị tham gia/hỗ trợ giảng dạy:
- Cán bộ giảng dạy:

1. PGS.TS. Ninh Văn Minh
2. TS.BS. Bùi Minh Tiến
3. TS.BS. Nguyễn Trung Kiên
4. TS.BS. Nguyễn Đăng Kiên
5. BSKKII. Hoàng Tiến Nam
6. TS.BS. Đặng Thị Hồng Thiện

**6. Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)**

- Tổng số tín chỉ: 06 tín chỉ
- Số tín chỉ lý thuyết: 02 tín chỉ
- Số tín chỉ thực hành: 04 tín chỉ

**7. Thời điểm trong tiến trình đào tạo**

Môn học được bố trí giảng dạy - học tập trong năm thứ hai của chương trình đào tạo trình độ: Thạc sĩ

**8. Loại học phần:** bắt buộc

### 9. Mục tiêu học tập:

- MT1. Xử trí thành thạo các shock sản khoa và các rối loạn đông máu.
- MT2. Điều trị được các rối loạn tăng huyết áp do thai.
- MT3. Xử trí được một số trường hợp bệnh lý sản khoa.
- MT4. Chỉ định và thực hiện được mổ lấy thai bệnh lý.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần/môn học (CLO)

- CLO1. Chỉ định, và xử trí được các ngôi bất thường.
- CLO2. Chỉ định và thực hiện một số tai biến trong ngôi bất thường
- CLO3. Chỉ định và thực hiện thành thạo các thủ thuật trong sản khoa
- CLO4. Chỉ định và thực hiện được kỹ thuật mổ lấy thai thường

### 11. Ma trận giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

CLO	Chuẩn đầu ra: Kiến thức (PLOK)				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
CLO1	x			x	
CLO2	x			x	
CLO3	x			x	
CLO4	x			x	

CLO	Chuẩn đầu ra: Kỹ năng (PLOS)							
	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
CLO1	x	x	x		x			
CLO2	x	x	x		x			
CLO3	x	x	x		x			
CLO4	x	x	x		x			

CLO	Chuẩn đầu ra: Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (PLOA)		
	PLO14	PLO15	PLO16

CLO1	x	x	x
CLO2	x	x	x
CLO3	x	x	x
CLO4	x	x	x

## 12. Nội dung học lý thuyết

TT	Nội dung	Số tiết	GV chính	GV phụ
1	Băng huyết sau đẻ	2	TS. Thiện	BSCCKII. Tuyết
2	Bệnh THA và thai nghén, sản giật, tiền sản giật	2	BSCCKII. Hiền A	BSCCKII. Nam
3	Shock sản khoa	2	TS. Tiến	PGS. Minh
4	Rối loạn đông máu trong sản phụ khoa	2	TS. Tiến	PGS. Minh
5	Nhiễm khuẩn hậu sản	2	PGS. Minh	TS. Tiến
6	Rau tiền đạo	2	TS. Kiên A	BSCCKII. Hiệp
7	Rau bong non	2	TS. Kiên A	BSCCKII. Hiệp
8	HIV/AIDS thai nghén	2	TS. Thiện	PGS. Minh
9	Kỹ thuật và tai biến mổ lấy thai	2	PGS. Minh	TS. Tiến
10	Các phương pháp thăm dò trong sản khoa	2	BSCCKII. Nam	BSCCKII. Bích
11	Đa ối, thiếu ối	2	BSCCKII. Nam	BSCCKII. Bích
12	Thai chết trong tử cung, sảy thai, đẻ non	2	BSCCKII. Hoàn	BSCCKII. Dương
13	Bệnh đái đường, bệnh viêm gan và thai nghén	2	BSCCKII. Tuyết	BSCCKII. Dương



14	Bệnh tim và thai nghén	2	BSCKII. Dương	BSCKII. Nam
15	Nhiễm khuẩn và thai nghén	2	TS. Kiên B	BSCKII. Dương
<b>Tổng</b>		<b>30</b>		

### ***12.1. Nội dung chi tiết***

#### **Bài 1: Băng huyết sau đẻ**

1. Định nghĩa
2. Các nguyên nhân
3. Triệu chứng lâm sàng
4. Triệu chứng cận lâm sàng
5. Phương pháp xử trí

#### **Bài 2: Bệnh tăng huyết áp và thai nghén**

1. Phân loại
2. Triệu chứng lâm sàng
3. Triệu chứng cận lâm sàng
4. Phương pháp xử trí

#### **Bài 3 : Sock sản khoa**

1. Định nghĩa và phân loại
2. Triệu chứng lâm sàng
3. Cận lâm sàng
4. Các hướng xử trí

#### **Bài 4 : Các rối loạn đông máu sản phụ khoa**

1. Tầm quan trọng
2. Sinh lý học quá trình chảy, đông máu
3. Các nguyên nhân
4. Các pp xử trí

#### **Bài 5. Nhiễm khuẩn hậu sản**

1. Tổng quan
2. Các yếu tố nguy cơ
3. Các hình thái lâm sàng

4. Các yếu tố tiên lượng
5. Các hướng xử trí

### **Bài 6. Rau tiền đạo**

1. Tổng quan
2. Các nguyên nhân
3. Triệu chứng lâm sàng
4. Triệu chứng CLS
5. PP xử trí
6. Tiên lượng

### **Bài 7. Rau bong non**

1. Đại cương
2. Các nguyên nhân
3. Triệu chứng lâm sàng
4. Triệu chứng CLS
5. PP xử trí
6. Tiên lượng

### **Bài 8. HIV/AIDS và thai nghén**

1. Tổng quan
2. Đường lây truyền
3. Chẩn đoán
4. Xử trí
5. Tiên lượng

### **Bài 9. KT mổ lấy thai**

1. Đại cương
2. Các thì
3. Kỹ thuật
4. Tai biến

### **Bài 10. Các phương pháp thăm dò sản khoa**

1. Đại cương
2. Chỉ định
3. Các Phương pháp

4. Nhận định kết quả

### **Bài 11. Đa ối, thiếu ối**

1. Đại cương
2. Nguyên nhân
3. Triệu chứng Lâm sàng
4. Triệu chứng Cận lâm sàng
5. Chẩn đoán
6. Xử trí

### **Bài 12. Thai chết trong tử cung, sảy thai, đẻ non**

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
3. Chẩn đoán
4. xử trí

### **Bài 13. Bệnh đái đường, viêm gan và thai nghén**

1. Đại cương
2. Các nguy cơ
3. Triệu chứng Lâm sàng, CLS
4. Các biến chứng
5. Các phương pháp xử trí

### **Bài 14. Bệnh tim và thai nghén**

1. Tầm quan trọng
2. Sinh lý bệnh
3. Chẩn đoán
4. xử trí
5. Tiên lượng

### **Bài 15. Nhiễm khuẩn và thai nghén**

1. Tầm quan trọng
2. Sinh lý bệnh
3. Chẩn đoán
4. Xử trí

## 5. Tiên lượng

### 12.2. Thực hành

TT	Nội dung	Số tiết
1	Kỹ thuật mổ lấy thai	35
2	Kỹ thuật cắt tử cung bán phần	40
3	Cách sử dụng thuốc điều chỉnh con co tử cung	10
4	Hồi sức và chống shock trong sản khoa	10
5	Kỹ thuật đẻ chỉ huy	10
6	Kỹ thuật làm nghiệm pháp lọt	5
7	Các kỹ thuật trong xử trí rau tiền đạo	20
8	Các kỹ thuật trong xử trí rau bong non và sản giật, tiền sản giật	20
<b>Tổng</b>		<b>150</b>

### 13. Phương pháp dạy / học

- Lý thuyết: Thuyết trình
- Thực hành: Tại bệnh viện

### 14. Phương pháp lượng giá

Học viên phải tham dự tối thiểu 80% thời lượng học lý thuyết 100% thời lượng học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành (vắng học thực hành có phép phải học bù, vắng học không phép phải học lại).

Học viên dự thi hết môn ở cả 2 nội dung Lý thuyết và Thực hành cụ thể:

- Lý thuyết: thi viết

Học viên được đánh giá bằng câu hỏi ngắn, gửi lên phòng QLĐTSDH 3 đề thi, trong đó mỗi đề thi có 2 câu hỏi, bốc thăm ngẫu nhiên trong số 30 câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi SDH.

- Thực hành: thao tác trên bệnh nhân (*hoặc bảng kiểm*)

+ Học viên được đánh giá bằng phương pháp thảo luận ca lâm sàng (bốc thăm người bệnh, thăm khám, làm bệnh án, hỏi thi trên bệnh án).

+ Được tính là Đạt khi Điểm bài thi lâm sàng đạt từ 5 trở lên theo thang điểm 10.

Các điểm thành phần: **Điểm Lý thuyết**

<b>Điểm thành phần</b>	<b>Trọng số tính điểm</b>	<b>Bài đánh giá</b>	<b>Hình thức đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Điểm tối đa</b>
Đánh giá chuyên cần ( <b>ĐCC</b> )	0,1	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần ( <b>ĐGHP</b> )	0,2	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10
Điểm kết thúc học phần ( <b>ĐKTHP</b> )	0,7	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10

**Điểm Thực hành**

<b>Điểm thành phần</b>	<b>Trọng số tính điểm</b>	<b>Bài đánh giá</b>	<b>Hình thức đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Điểm tối đa</b>
Đánh giá chuyên cần ( <b>ĐCC</b> )	0,1	Quy chế đào tạo	Số buổi đi học, tham gia trực	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần ( <b>ĐGHP</b> )	0,2	01	Viết chuyên đề ngắn	Chất lượng bài thi	10
Điểm kết thúc học phần LS ( <b>ĐKTHP</b> )	0,7	01	Bệnh án, vấn đáp, biện luận lâm sàng	Chất lượng bệnh án, trả lời vấn đáp	10

**Rubric 1: Chuyên cần: 10 điểm**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Điểm trừ</b>
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/1 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/1 tiết
Đi muộn	0,5 điểm/1 tiết (Sau 15 phút tính không phép)
Học viên nghỉ học do Nhà trường điều động	0

**Test Blue print (áp dụng lượng giá lý thuyết):** không

Có 2 đầu điểm được tính riêng như sau

- Điểm học phần lý thuyết:

$$\text{Điểm học phần} = (\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7) / 10$$

- Điểm học phần thực hành:

$$\text{Điểm học phần} = (\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7) / 10$$

**15. Tài liệu dạy học**

- Tài liệu phát tay

**16. Tài liệu tham khảo**

1. Trường Đại học Y Hà Nội (2020), Sản khoa. Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ môn Phụ Sản - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bài giảng Sản Phụ khoa tập 1, Nhà xuất bản Y học.
3. Bộ môn Phụ Sản - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bài giảng Sản Phụ khoa tập 2, Nhà xuất bản Y học.
4. Phạm Bá Nha và cộng sự (2023), Thủ thuật Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
5. Bộ Y tế (2020), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Hồng Đức
6. Phan Trường Duyệt (2000), Hướng dẫn thực hành thăm dò về Sản khoa, Nhà xuất bản Y học

7. Phan Trường Duyệt (2011), Phẫu thuật Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học
8. Trần Thị Lợi (2004), Thực hành Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
9. Bộ Y tế (2010). Sản phụ khoa. Nhà xuất bản Y học
10. Bách khoa thư bệnh học (1994), Nhà xuất bản Y học
11. Jlaugier - Fgold, Vấn tắt sơ sinh học.
12. John patrick O'Graydi Martin L. Gimesky, William & Wilkings, Operative Obstetrics.
13. Viện hàn lâm Nhi khoa Hoa Kỳ. Hồi sức sơ sinh. Nhà xuất bản Y học.
14. Phan Trường Duyệt (2000), Hướng dẫn thực hành thăm dò về sản khoa.  
Nhà xuất bản Y học
15. Loyal Davis. Surgery gynecology & Obstetric.

**CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC**  
**HỌC PHẦN: HỖ TRỢ SINH SẢN, SƠ SINH**

**1. Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ định hướng ứng dụng

**2. Chuyên ngành đào tạo:** Sản Phụ khoa

**3. Mã học phần/môn học:** THSSAN2804

**4. Tên học phần/môn học**

- Tên tiếng Việt: Hỗ trợ sinh sản, Sơ sinh

- Tên tiếng Anh: Assisted reproductive technology, Newborn

**5. Đơn vị giảng dạy**

- Tên đơn vị giảng dạy chính: Bộ môn Phụ Sản

- Tên đơn vị tham gia/hỗ trợ giảng dạy:

- Cán bộ giảng dạy:

1. PGS.TS. Ninh Văn Minh

2. TS.BS. Bùi Minh Tiến

3. TS.BS. Đặng Thị Hồng Thiện

4. ThS.BSCKII. Lê Hải Dương

5. ThS.BSCKII. Nguyễn Văn Hiên

6. TS.BS. Nguyễn Trung Kiên

7. TS.BS. Nguyễn Đăng Kiên

**6. Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)**

- Tổng số tín chỉ: 06 tín chỉ

- Số tín chỉ lý thuyết: 02 tín chỉ

- Số tín chỉ thực hành: 04 tín chỉ

**7. Thời điểm trong tiến trình đào tạo**

Môn học được bố trí giảng dạy - học tập trong năm thứ hai của chương trình đào tạo trình độ: Thạc sĩ



## 8. Loại học phần: bắt buộc

### 9. Mục tiêu học tập:

- MT1. Nắm vững lý thuyết về chu kỳ kinh nguyệt và chu kỳ buồng trứng trong HTSS
- MT2. Chỉ định và thực hiện được các thăm dò ở buồng tử cung, buồng trứng
- MT3. Sử dụng thành thạo thuốc kích thích BT và kích thích phóng noãn.
- MT4. Nắm vững KT IUI, lọc rửa TT
- MT5. Xử trí được các quá kích buồng trứng
- MT6. Thành thạo cấp cứu ngạt sơ sinh
- MT7. Thành thạo xử trí các trường hợp sơ sinh bệnh lý và non tháng

### 10. Chuẩn đầu ra học phần/môn học (CLO)

- CLO1. Phân tích được lý thuyết về sinh lý buồng trứng trong HTSS
- CLO2. Chỉ định và thực hiện được các thăm dò ở buồng tử cung, buồng trứng
- CLO3. Sử dụng thành thạo thuốc kích thích BT.
- CLO4. Nắm vững KT IUI, lọc rửa TT
- CLO5. Xử trí được các quá kích buồng trứng
- CLO6. Thành thạo cấp cứu ngạt sơ sinh
- CLO7. Thành thạo xử trí các trường hợp sơ sinh bệnh lý và non tháng

### 11. Ma trận giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

CLO	Chuẩn đầu ra: Kiến thức (PLOK)				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
CLO1	x			x	
CLO2	x			x	
CLO3	x			x	
CLO4	x			x	

CLO5	x			x	
CLO6	x			x	
CLO7	x			x	

CLO	Chuẩn đầu ra: Kỹ năng (PLOS)							
	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
CLO1		x		x			x	
CLO2	x		x	x	x		x	
CLO3	x		x		x		x	
CLO4	x	x	x	x			x	
CLO5			x		x		x	
CLO6			x		x		x	
CLO7			x		x		x	

CLO	Chuẩn đầu ra: Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (PLOA)		
	PLO14	PLO15	PLO16
CLO1	x	x	x
CLO2	x	x	x
CLO3	x	x	x
CLO4	x	x	x
CLO5	x	x	x
CLO6	x	x	x
CLO7	x	x	x

## 12. Nội dung học lý thuyết

TT	Nội dung	Số tiết	GV chính	GV phụ
1	Suy thai, HSSS	4	PGS. Minh	TS. Tiến
2	Sơ sinh non tháng và sơ sinh bệnh lý	2	TS. Thiện	BCKI. Ân

3	Lọc rửa tinh trùng	2	TS. Tiến	PGS. Minh
4	Tinh dịch đồ, IUI	2	BSCKII. Tuyết	BSCKII. Huyền
5	Quá kích buồng trứng	2	TS. Kiên A	TS. Tiến
6	Thăm dò phóng noãn, kích thích phóng noãn	2	TS. Kiên B	TS. Tiến
7	Hội chứng buồng trứng đa nang	2	TS. Tiến	PGS. Minh
8	Các phương pháp thăm dò trong phụ khoa	2	BSCKII. Dương	BSCKII. Huyền
9	Xử trí quá kích buồng trứng	2	BSCKII. Hiền	PGS. Minh
10	Chụp buồng tử cung, nội soi buồng tử cung	2	BSCKII. Hoàn	TS. Tiến
11	Nội soi thăm dò và xử trí các bất thường ở tiểu khung	2	BSCKII. Nam	BSCKII. Dương
<b>Tổng</b>		<b>30</b>		

### ***12.1. Nội dung chi tiết***

#### **Bài 1. Suy thai, hồi sức sơ sinh**

##### I. Suy thai

1. Nguyên nhân

2. Triệu chứng

##### II. Hồi sức sơ sinh

1. Sự thích nghi với cuộc sống ngoài tử cung của trẻ sơ sinh

2. Nguyên nhân ngạt sơ sinh

3. Triệu chứng

3. Các phương pháp hồi sức

4. Chăm sóc sau hồi sức

## **Bài 2. Chăm sóc sơ sinh non tháng và sơ sinh bệnh lý**

1. Đặc điểm cơ thể
2. Đặc điểm sinh lý
3. Cách chăm sóc, nuôi dưỡng, lưu ý

## **Bài 3: Lọc rửa tinh trùng**

1. Tầm quan trọng
2. Các phương pháp lọc rửa

## **Bài 4: Tinh dịch đồ, IUI**

1. Nguyên tắc làm tinh dịch đồ
2. Phương pháp nhận định kết quả
3. Chỉ định IUI
4. Kỹ thuật IUI
5. Tai biến
6. Cách xử trí
7. Theo dõi sau IUI

## **Bài 6: Thăm dò phóng noãn, kích thích phóng noãn**

1. Các phương pháp thăm dò
2. Nguyên lý kích thích buồng trứng
3. Quá kích buồng trứng

## **Bài 7: Hội chứng buồng trứng đa nang**

1. Sinh bệnh học của hiện tượng không phóng noãn
2. Các điều kiện ở buồng trứng
3. Hội chứng Stein & Leventhal
4. Chẩn đoán
5. Tiến triển của HCBTĐN
6. Điều trị vô sinh
7. Điều trị thuốc vô sinh

8. Kết luận

9. Đề phòng và hạn chế phát triển buồng trứng đa nang

### **Bài 8: Các phương pháp thăm dò trong phụ khoa**

1. Các phương pháp thăm dò ở âm đạo, CTC
2. Các phương pháp thăm dò tử cung
3. Các phương pháp thăm dò buồng trứng
4. Các phương pháp thăm dò tuyến yên

### **Bài 9. Xử trí quá kích buồng trứng**

1. Nguyên nhân
2. Các rối loạn trong quá kích buồng trứng
3. Triệu chứng LS, CLS
4. Phương pháp xử trí

### **Bài 10: Chụp buồng tử cung, Nội soi buồng tử cung**

1. Mục đích
2. Các bước tiến hành
3. Cách nhận định kết quả
4. Tai biến

### **Bài 11: Nội soi thăm dò và xử trí các bất thường ở tiểu khung**

1. Chỉ định
2. Các bước tiến hành
3. Nhận định kết quả
4. Cách xử trí

## ***12.2. Thực hành***

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>
1	Kỹ thuật Chụp buồng tử cung	10
2	Kỹ thuật đặt và tháo dụng cụ tử cung	10
3	Kỹ thuật nạo buồng tử cung bằng dụng cụ, bằng bơm Novack, bơm Ipas	10
4	KT IUI	15
5	Đọc KQ tinh dịch đồ	5
6	Đọc kết quả thăm dò nội tiết	10
7	Sử dụng các phác đồ kích thích buồng trứng	10
8	Thăm dò chất nhày cổ tử cung	10
9	Các tổn thương ở cổ tử cung	10
10	Siêu âm nang noãn	15
<b>Tổng</b>		<b>105</b>

### **13. Phương pháp dạy / học**

- Lý thuyết: Thuyết trình
- Thực hành: Tại bệnh viện

### **14. Phương pháp lượng giá**

Học viên phải tham dự tối thiểu 80% thời lượng học lý thuyết 100% thời lượng học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành (vắng học thực hành có phép phải học bù, vắng học không phép phải học lại).

Học viên dự thi hết môn ở cả 2 nội dung Lý thuyết và Thực hành cụ thể:

- Lý thuyết: thi viết

Học viên được đánh giá bằng câu hỏi ngắn, gửi lên phòng QLĐTSDH 3 đề thi, trong đó mỗi đề thi có 2 câu hỏi, bốc thăm ngẫu nhiên trong số 30 câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi SDH.

- Thực hành: thao tác trên bệnh nhân (*hoặc bảng kiểm*)

+ Học viên được đánh giá bằng phương pháp thảo luận ca lâm sàng (bốc thăm người bệnh, thăm khám, làm bệnh án, hỏi thi trên bệnh án).

+ Được tính là Đạt khi Điểm bài thi lâm sàng đạt từ 5 trở lên theo thang điểm 10.

Các điểm thành phần: **Điểm Lý thuyết**

<b>Điểm thành phần</b>	<b>Trọng số tính điểm</b>	<b>Bài đánh giá</b>	<b>Hình thức đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Điểm tối đa</b>
Đánh giá chuyên cần ( <b>ĐCC</b> )	0,1	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần ( <b>ĐGHP</b> )	0,2	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10
Điểm kết thúc học phần ( <b>ĐKTHP</b> )	0,7	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10

### **Điểm Thực hành**

<b>Điểm thành phần</b>	<b>Trọng số tính điểm</b>	<b>Bài đánh giá</b>	<b>Hình thức đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Điểm tối đa</b>
Đánh giá chuyên cần ( <b>ĐCC</b> )	0,1	Quy chế đào tạo	Số buổi đi học, tham gia trực	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần ( <b>ĐGHP</b> )	0,2	01	Viết chuyên đề ngắn	Chất lượng bài thi	10
Điểm kết thúc học phần LS ( <b>ĐKTHP</b> )	0,7	01	Bệnh án, vấn đáp, biện luận lâm sàng	Chất lượng bệnh án, trả lời vấn đáp	10

### **Rubric 1: Chuyên cần: 10 điểm**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Điểm trừ</b>
Không vắng	0

Nghỉ học có phép	0,25 điểm/1 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/1 tiết
Đi muộn	0,5 điểm/1 tiết (Sau 15 phút tính không phép)
Học viên nghỉ học do Nhà trường điều động	0

**Test Blue print (áp dụng lượng giá lý thuyết):** không

Có 2 đầu điểm được tính riêng như sau

- Điểm học phần lý thuyết:

$$\text{Điểm học phần} = (\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7) / 10$$

- Điểm học phần thực hành:

$$\text{Điểm học phần} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7 / 10$$

## 15. Tài liệu dạy học

Tài liệu phát tay

## 16. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Y Hà Nội (2020), Sản khoa. Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ môn Phụ Sản - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bài giảng Sản Phụ khoa tập 1, Nhà xuất bản Y học.
3. Bộ môn Phụ Sản - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bài giảng Sản Phụ khoa tập 2, Nhà xuất bản Y học.
4. Phạm Bá Nha và cộng sự (2023), Thủ thuật Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
5. Bộ Y tế (2020), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Hồng Đức
6. Vương tiến Hòa. (2012). Một số vấn đề bệnh lý cổ tử cung
7. Lacontracepti. Anetter.H.Ronesbaun
8. Edwards R.G. Neew concepts infertility control
9. Edwards R.G. New concepts infertility control



10. P.F.A Vanlook, Gperez palacios: Contraceptive Research and development 1984 – 1994 World Health Ogranization
11. Viện hàn lâm nhi khoa Hoa Kỳ. Hồi sức sơ sinh. Nhà xuất bản Y học.
12. Jlaugier – Fgold, Vấn tắt sơ sinh học
13. Trần Thị Lợi (2004), Thực hành Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.TP HCM.
14. Bộ môn Phụ Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng sản phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
15. Phan Trường Duyệt (1998), Phẫu thuật Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
16. Bệnh học nhi khoa. Nhà xuất bản Y học.

**CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC**  
**HỌC PHẦN: PHỤ KHOA TỔNG QUÁT**

**1. Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ định hướng ứng dụng

**2. Chuyên ngành đào tạo:** Sản Phụ khoa

**3. Mã học phần/môn học:** THSSAN2805

**4. Tên học phần/môn học**

- Tên tiếng Việt: Phụ khoa tổng quát

- Tên tiếng Anh: General gynecology

**5. Đơn vị giảng dạy**

- Tên đơn vị giảng dạy chính: Bộ môn Phụ Sản

- Tên đơn vị tham gia/hỗ trợ giảng dạy:

- Cán bộ giảng dạy: 1. PGS.TS. Ninh Văn Minh

2. TS.BS. Bùi Minh Tiến

3. TS.BS. Đặng Thị Hồng Thiện

4. ThS.BSCKII. Hoàng Tiến Nam

5. ThS.BSCKII. Đinh Văn Hoàn

6. TS.BS. Nguyễn Trung Kiên

7. TS.BS. Nguyễn Đăng Kiên

8. ThS. BSCKII. Lê Hải Dương

9. BSCKII. Nguyễn Thị Tuyết

**6. Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)**

- Tổng số tín chỉ: 06 tín chỉ

- Số tín chỉ lý thuyết: 02 tín chỉ

- Số tín chỉ thực hành: 04 tín chỉ

**7. Thời điểm trong tiến trình đào tạo**

Môn học được bố trí giảng dạy - học tập trong năm thứ hai của chương trình đào tạo trình độ: Thạc sĩ

**8. Loại học phần: bắt buộc**

**9. Mục tiêu học tập:**

- MT1. Chẩn đoán và điều trị được một số bệnh lý phụ khoa thông thường.
- MT2. Chẩn đoán và điều trị được các rối loạn kinh nguyệt.
- MT3. Chẩn đoán và có hướng điều trị các ung thư ở buồng trứng và tử cung
- MT4. Thành thạo xử trí các khối u buồng trứng xoắn và u xơ tử cung
- MT5. Xử trí được các bệnh lành tính ở tuyến vú và cổ tử cung

**10. Chuẩn đầu ra học phần/môn học (CLO)**

- CLO1. Chẩn đoán và điều trị được một số bệnh lý phụ khoa thông thường.
- CLO2. Chẩn đoán và điều trị được các rối loạn kinh nguyệt.
- CLO3. Thành thạo xử trí các khối u buồng trứng xoắn và u xơ tử cung
- CLO4. Xử trí được các bệnh lành tính ở tuyến vú và cổ tử cung

**11. Ma trận giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

CLO	Chuẩn đầu ra: Kiến thức (PLOK)				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
CLO1	x			x	
CLO2	x			x	
CLO3	x			x	
CLO4	x			x	

CLO	Chuẩn đầu ra: Kỹ năng (PLOS)							
	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
CLO1	x	x		x	x		x	
CLO2	x	x		x	x		x	
CLO3					x			

CLO4					x		
------	--	--	--	--	---	--	--

CLO	Chuẩn đầu ra: Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (PLOA)		
	PLO14	PLO15	PLO16
CLO1	x	x	x
CLO2	x	x	x
CLO3	x	x	x
CLO4	x	x	x

## 12. Nội dung học lý thuyết

TT	Nội dung	Số tiết	GV chính	GV phụ
1	Viêm sinh dục	2	BSCCKII. Tuyết	BSCCKII. Nam
2	Các tổn thương ở cổ tử cung	2	TS. Kiên A	BSCCKII. Nam
3	Rối loạn kinh nguyệt	2	BSCCKII. Tuyết	PGS. Minh
4	Các bệnh tuyến vú	2	TS. Tiến	BSCCKII. Cân
5	Ung thư vú	2	TS. Tiến	BSCCKII. Cân
6	Sa sinh dục	2	TS. Thiện	BSCCKII. Dương
7	GEU	2	BSCCKII. Hoàn	BSCCKII. Dương
8	K CTC, K thân tử cung	2	BSCCKII. Nam	BSCCKII. Dương
9	Bệnh nguyên bào nuôi	2	BSCCKII. Nam	BSCCKII. Dương
10	U xơ tử cung	2	PGS. Minh	TS. Tiến
11	Khối u buồng trứng	2	PGS. Minh	TS. Tiến
12	Lao sinh dục + dị dạng sinh dục	2	TS. Thiện	TS. Tiến
13	Mole	2	BSCCKII. Dương	BSCCKII. Nam
14	Soi cổ tử cung	2	TS. Kiên A	TS. Tiến
15	Lạc nội mạc tử cung	2	TS. Kiên B	TS. Tiến
<b>Tổng</b>		<b>30</b>		

## ***12.1. Nội dung chi tiết***

### **Bài 1: Viêm sinh dục**

1. Nguyên nhân
2. Triệu chứng LS, CLS
3. Điều trị

### **Bài 2: Các tổn thương thường gặp ở cổ tử cung**

1. Tổn thương lành tính
2. Tổn thương nghi ngờ

### **Bài 3: Rối loạn kinh nguyệt**

1. Định nghĩa
2. Nhắc lại CK nội mạc
3. Các hình thái
4. Cách điều trị

### **Bài 4: Các bệnh tuyến vú**

1. Viêm tuyến vú
2. Abces
3. Khối u tuyến vú

### **Bài 5: Rò sinh dục**

1. Nguyên nhân
2. Triệu chứng LS, CLS
3. Cách xử trí

### **Bài 6: Sa sinh dục**

1. Phân loại SSD
2. Các phương pháp điều trị

### **Bài 7: GEU, Mole**

1. Triệu chứng LS, CLS
2. Các phương pháp xử trí

### **Bài 8: K cổ tử cung, K thân tử cung, bệnh nguyên bào nuôi**

1. Dịch tễ học
2. Hệ thống phân loại
3. Các phương pháp điều trị
4. Theo dõi

### **Bài 9: U xơ tử cung + khối u buồng trứng**

1. Phân loại theo giải phẫu
2. Phân loại theo FIGO, Bethesda

3. Các biện pháp xử trí

**Bài 10: Lao sinh dục + dị dạng sinh dục**

1. Nguyên nhân
2. Các phương pháp xử trí

**Bài 11: Soi cổ tử cung + lạc nội mạc tử cung**

1. Soi CTC
  - 1.1. Nguyên lý
  - 1.2. Cách nhận định kết quả
  - 1.3. Các phương pháp xử trí
2. Lạc nội mạc tử cung
  - 2.1. Các hình thái
  - 2.2. Các PP điều trị

**12.2. Thực hành**

TT	Nội dung	Số tiết
1	Kỹ thuật nạo Mole, theo dõi sau mổ Mole	20
2	Kỹ thuật làm phiên đồ cổ tử cung	10
3	Kỹ thuật soi cổ tử cung	20
4	Kỹ thuật mổ bóc tách khối u tuyến vú	10
5	Kỹ thuật mổ u xơ tử cung, khối u buồng trứng, GEU	60
6	Điều trị lạc nội mạc tử cung	10
7	Laser trong điều trị cổ tử cung tổn thương CTC	10
8	Điều trị các rối loạn kinh nguyệt	10
<b>Tổng</b>		<b>150</b>

**13. Phương pháp dạy / học**

- Lý thuyết: Thuyết trình
- Thực hành: Tại bệnh viện

**14. Phương pháp lượng giá**

Học viên phải tham dự tối thiểu 80% thời lượng học lý thuyết 100% thời lượng học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành (vắng học thực hành có phép phải học bù, vắng học không phép phải học lại).

Học viên dự thi hết môn ở cả 2 nội dung Lý thuyết và Thực hành cụ thể:

- Lý thuyết: thi viết

Học viên được đánh giá bằng câu hỏi ngắn, gửi lên phòng QLĐTSDH 3 đề thi, trong đó mỗi đề thi có 2 câu hỏi, bốc thăm ngẫu nhiên trong số 30 câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi SDH.

- Thực hành: thao tác trên bệnh nhân (*hoặc bảng kiểm*)

+ Học viên được đánh giá bằng phương pháp thảo luận ca lâm sàng (bốc thăm người bệnh, thăm khám, làm bệnh án, hỏi thi trên bệnh án).

+ Được tính là Đạt khi Điểm bài thi lâm sàng đạt từ 5 trở lên theo thang điểm 10.

Các điểm thành phần: **Điểm Lý thuyết**

<b>Điểm thành phần</b>	<b>Trọng số tính điểm</b>	<b>Bài đánh giá</b>	<b>Hình thức đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Điểm tối đa</b>
Đánh giá chuyên cần ( <b>ĐCC</b> )	0,1	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần ( <b>ĐGHP</b> )	0,2	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10
Điểm kết thúc học phần ( <b>ĐKTHP</b> )	0,7	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10

**Điểm Thực hành**

<b>Điểm thành phần</b>	<b>Trọng số tính điểm</b>	<b>Bài đánh giá</b>	<b>Hình thức đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Điểm tối đa</b>
Đánh giá chuyên cần ( <b>ĐCC</b> )	0,1	Quy chế đào tạo	Số buổi đi học, tham gia trực	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần ( <b>ĐGHP</b> )	0,2	01	Viết chuyên đề ngắn	Chất lượng bài thi	10

Điểm kết thúc học phần LS (ĐKTHP)	0,7	01	Bệnh án, vấn đáp, biện luận lâm sàng	Chất lượng bệnh án, trả lời vấn đáp	10
--------------------------------------	-----	----	--	---	----

**Rubric 1: Chuyên cần: 10 điểm**

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/1 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/1 tiết
Đi muộn	0,5 điểm/1 tiết (Sau 15 phút tính không phép)
Học viên nghỉ học do Nhà trường điều động	0

**Test Blue print (áp dụng lượng giá lý thuyết):** không

Có 2 đầu điểm được tính riêng như sau

- Điểm học phần lý thuyết:

$$\text{Điểm học phần} = (\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7) / 10$$

- Điểm học phần thực hành:

$$\text{Điểm học phần} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7 / 10$$

**15. Tài liệu dạy học**

Tài liệu phát tay

**16. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y Hà Nội (2020), Sản khoa. Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ môn Phụ Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
3. Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y Hà Nội (2020), Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành. Nhà xuất bản Y học.
4. Bộ môn Phụ Sản - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bài giảng Sản Phụ khoa tập 1, Nhà xuất bản Y học.



5. Bộ môn Phụ Sản - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bài giảng Sản Phụ khoa tập 2, Nhà xuất bản Y học.
6. Phạm Bá Nha và cộng sự (2023), Thủ thuật Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
7. Bộ Y tế (2020), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Hồng Đức
8. Vương tiến Hòa. (2012). Một số vấn đề bệnh lý cổ tử cung
9. Vương Tiến Hoà (2012) Chẩn đoán và xử trí chữa ngoài tử cung. Nhà xuất bản Y học.
10. Lacontracepti. Anetter.H.Ronesbaun
11. Edwards R.G. Neew concepts infertility control
12. Edwards R.G. New concepts infertility control
13. P.F.A Vanlook, Gperez palacios: Contraceptive Research and development 1984 – 1994 World Health Ogranization
14. Viện hàn lâm nhi khoa Hoa Kỳ. Hồi sức sơ sinh. Nhà xuất bản Y học.
15. Jlaugier – Fgold, Vấn tắt sơ sinh học
16. Trần Thị Lợi (2004), Thực hành Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.TP HCM.
17. Phan Trường Duyệt (1998), Phẫu thuật Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
18. John patrick O'Graydi, Martin L. Gimosky, William & Wilkins (1998), Operative Obstetrics.
19. IUCC. Ung thư bệnh học, Nhà xuất bản Y học.

**CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH TỰ CHỌN**  
**HỌC PHẦN: PHẪU THUẬT NỘI SOI SẢN PHỤ KHOA CƠ BẢN**

**1. Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ định hướng ứng dụng

**2. Chuyên ngành đào tạo:** Sản Phụ khoa

**3. Mã học phần/môn học:** THSSAN2901

**4. Tên học phần/môn học**

- Tên tiếng Việt: Phẫu thuật nội soi Sản phụ khoa cơ bản

- Tên tiếng Anh: Laparoscopic surgery in Obstetrics and gynecology basic

**5. Đơn vị giảng dạy**

- Tên đơn vị giảng dạy chính: Bộ môn Phụ Sản

- Tên đơn vị tham gia/hỗ trợ giảng dạy:

- Cán bộ giảng dạy: 1. PGS.TS. Ninh Văn Minh

2. TS.BS. Bùi Minh Tiến

3. TS.BS. Đặng Thị Hồng Thiện

4. TS.BS. Nguyễn Trung Kiên

5. ThS.BSCKII. Hoàng Tiến Nam

**6. Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)**

- Tổng số tín chỉ: 05 tín chỉ

- Số tín chỉ lý thuyết: 02 tín chỉ

- Số tín chỉ thực hành: 03 tín chỉ

**7. Thời điểm trong tiến trình đào tạo**

Môn học được bố trí giảng dạy - học tập trong năm thứ hai của chương trình đào tạo trình độ: Thạc sĩ

**8. Loại học phần:** tự chọn

**9. Mục tiêu học tập:**

- MT1. Nắm được nguyên tắc chung của phẫu thuật nội soi trong Sản phụ khoa.

- MT2. Chỉ định và thực hiện một số phẫu thuật nội soi cơ bản trong Sản phụ khoa.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần/môn học (CLO)

- CLO1. Phân tích được nguyên tắc chung của phẫu thuật nội soi trong Sản phụ khoa.

- CLO2. Chỉ định và thực hiện một số phẫu thuật nội soi cơ bản trong Sản phụ khoa.

### 11. Ma trận giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

CLO	Chuẩn đầu ra: Kiến thức (PLOK)				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
CLO1	x			x	
CLO2	x			x	

CLO	Chuẩn đầu ra: Kỹ năng (PLOS)							
	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
CLO1		x			x		x	
CLO2			x		x		x	

CLO	Chuẩn đầu ra: Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (PLOA)		
	PLO14	PLO15	PLO16
CLO1	x	x	x
CLO2	x	x	x

### 12. Nội dung học lý thuyết

TT	Nội dung	Số tiết	GV chính	GV phụ
1	Kỹ thuật cơ bản trong nội soi ở bụng	06	TS. Tiến	TS. Thiện
2	Chỉ định trong phẫu thuật nội soi sản phụ khoa	08	TS. Kiên A	PGS. Minh

3	Tai biến, biến chứng của nội soi trong sản phụ khoa	08	PGS. Minh	TS. Tiến
4	Một số phẫu thuật nội soi cơ bản trong sản phụ khoa	08	BSCKII. Nam	BSCKII. Cân
<b>Tổng</b>		<b>30</b>		

### ***12.1. Nội dung chi tiết:***

#### **Bài 1: Kỹ thuật cơ bản trong nội soi ổ bụng**

1. Tư thế người bệnh
2. Vị trí của phẫu thuật viên và màn hình
3. Đặt cân nâng tử cung
4. Tư thế người bệnh trong lúc tiến hành soi
5. Kỹ thuật chọc các Trocart phẫu thuật

#### **Bài 2: Chỉ định trong nội soi sản phụ khoa**

1. Đại cương
2. Chỉ định nội soi chẩn đoán
3. Chỉ định phẫu thuật nội soi

#### **Bài 3: Tai biến của nội soi trong phẫu thuật phụ khoa**

1. Các biến chứng bơm hơi ổ bụng
2. Các biến chứng chọc kim bơm hơi ổ bụng
3. Các biến chứng chọc Trocart
4. Các biến chứng của phẫu thuật nội soi
5. Sử dụng Laser trong phẫu thuật nội soi

#### **Bài 4. Một số phẫu thuật nội soi sơ bản trong sản phụ khoa**

1. Triệt sản, Gỡ dính
2. Điều trị lạc nội mạc tử cung
3. Điều trị thai ngoài tử cung

4. Bóc u nang buồng trứng, Cắt phần phụ

5. Bóc nhân xơ tử cung

### 13. Phương pháp dạy / học:

- Lý thuyết: Thuyết trình

- Thực hành: Tại bệnh viện

### 14. Phương pháp lượng giá

Học viên phải tham dự tối thiểu 80% thời lượng học lý thuyết 100% thời lượng học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành (vắng học thực hành có phép phải học bù, vắng học không phép phải học lại).

Học viên dự thi hết môn ở cả 2 nội dung Lý thuyết và Thực hành cụ thể:

- Lý thuyết: thi viết

Học viên được đánh giá bằng câu hỏi ngắn, gửi lên phòng QLĐTSDH 3 đề thi, trong đó mỗi đề thi có 2 câu hỏi, bốc thăm ngẫu nhiên trong số 30 câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi SDH.

- Thực hành: thao tác trên bệnh nhân (*hoặc bảng kiểm*)

+ Học viên được đánh giá bằng phương pháp thảo luận ca lâm sàng (bốc thăm người bệnh, thăm khám, làm bệnh án, hỏi thi trên bệnh án).

+ Được tính là Đạt khi Điểm bài thi lâm sàng đạt từ 5 trở lên theo thang điểm

10.

Các điểm thành phần: **Điểm Lý thuyết**

<b>Điểm thành phần</b>	<b>Trọng số tính điểm</b>	<b>Bài đánh giá</b>	<b>Hình thức đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Điểm tối đa</b>
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10

Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10
--------------------------------	-----	----	-----------------------------	--------------------	----

### Điểm Thực hành

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Quy chế đào tạo	Số buổi đi học, tham gia trực	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	01	Viết chuyên đề ngắn	Chất lượng bài thi	10
Điểm kết thúc học phần LS (ĐKTHP)	0,7	01	Bệnh án, vấn đáp, biện luận lâm sàng	Chất lượng bệnh án, trả lời vấn đáp	10

### Rubric 1: Chuyên cần: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/1 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/1 tiết
Đi muộn	0,5 điểm/1 tiết (Sau 15 phút tính không phép)
Học viên nghỉ học do Nhà trường điều động	0

**Test Blue print (áp dụng lượng giá lý thuyết):** không

Có 2 đầu điểm được tính riêng như sau

- Điểm học phần lý thuyết:

$$\text{Điểm học phần} = (\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7) / 10$$

- Điểm học phần thực hành:

$$\text{Điểm học phần} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7 / 10$$

**15. Tài liệu dạy học:** Tài liệu phát tay

**16. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Y tế (2022), Bài giảng phẫu thuật nội soi cơ bản (Sách dùng cho đào tạo bác sĩ và học viên sau đại học), Nhà xuất bản Y học.
2. Jacques Donnez. Atlas of Operative Laparoscopy and Hysteroscopy, Third Edition.
3. Nguyễn Đức Hình (2004), Nội soi trong Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
4. John Patrick O'Grady, Martin L. Gimovsky, Lucy A. Bayer-Zwirello, Kevin Giordano. Operative Obstetrics 2<sup>nd</sup> edition

# **CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH TỰ CHỌN**

## **HỌC PHẦN: SỨC KHOẺ SINH SẢN**

**1. Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ định hướng ứng dụng

**2. Chuyên ngành đào tạo:** Sản Phụ khoa

**3. Mã học phần/môn học:** THSSAN2902

**4. Tên học phần/môn học**

- Tên tiếng Việt: Sức khỏe sinh sản

- Tên tiếng Anh: Reproductive health

**5. Đơn vị giảng dạy**

- Tên đơn vị giảng dạy chính: Bộ môn Phụ Sản

- Tên đơn vị tham gia/hỗ trợ giảng dạy:

- Cán bộ giảng dạy: 1. PGS.TS. Ninh Văn Minh

2. TS.BS. Bùi Minh Tiến

3. TS.BS. Đặng Thị Hồng Thiện

4. TS.BS. Nguyễn Trung Kiên

5. TS.BS. Nguyễn Đăng Kiên

6. ThS.BSCKII. Hoàng Tiến Nam

7. BSCKII. Nguyễn Thị Tuyết

**6. Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)**

- Tổng số tín chỉ: 05 tín chỉ

- Số tín chỉ lý thuyết: 02 tín chỉ

- Số tín chỉ thực hành: 03 tín chỉ

**7. Thời điểm trong tiến trình đào tạo**

Môn học được bố trí giảng dạy – học tập trong năm thứ hai của chương trình đào tạo trình độ: Thạc sĩ

**8. Loại học phần:** tự chọn



## 9. Mục tiêu học tập:

- MT1. Trình bày được các kiến thức về hỗ trợ chức năng sinh sản
- MT2. Làm thành thạo một số biện pháp hỗ trợ chức năng sinh sản.

## 11. Chuẩn đầu ra học phần/môn học (CLO)

- CLO1. Phân tích được các kiến thức về hỗ trợ chức năng sinh sản và sinh lý cuộc đời của người phụ nữ.

- CLO2. Làm thành thạo một số biện pháp hỗ trợ chức năng sinh sản.

## 11. Ma trận giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

CLO	Chuẩn đầu ra: Kiến thức (PLOK)				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
CLO1	x			x	
CLO2	x			x	

CLO	Chuẩn đầu ra: Kỹ năng (PLOS)							
	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
CLO1	x	x		x	x		x	
CLO2	x		x		x		x	

CLO	Chuẩn đầu ra: Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (PLOA)		
	PLO14	PLO15	PLO16
CLO1	x	x	x
CLO2	x	x	x

## 12. Nội dung học lý thuyết

TT	Nội dung	Số tiết	GV chính	GV phụ
1	Tư vấn cho cặp vợ chồng vô sinh	6	BSCKII. Tuyết	TS. Tiến
2	Sức khỏe sinh sản vị thành niên	4	TS. Tiến	PGS. Minh

3	Sức khỏe sinh sản tiền mãn kinh, mãn kinh	6	PGS. Minh	BSCCKII. Huyền
4	Làm mẹ an toàn	4	BSCCKII. Nam	TS. Thiện
5	Chiến lược quốc gia về sức khỏe sinh sản	4	TS. Kiên A	BSCCKII. Nam
6	Tư vấn sức khỏe sinh sản	4	TS. Kiên B	BSCCKII. Lan
<b>Tổng</b>		<b>30</b>		

### **Nội dung chi tiết:**

#### **Bài 1: Tư vấn cho cặp vợ chồng vô sinh**

1. Nguyên nhân vô sinh
2. Các bước thăm dò chẩn đoán
3. Phương pháp điều trị

#### **Bài 2: Sức khỏe sinh sản vị thành niên**

1. Đại cương
2. Thay đổi thể chất, tâm sinh lý vị thành niên
3. Nguy cơ sức khỏe do thai nghén và bệnh lây truyền qua đường tình dục
4. Chăm sóc sức khỏe sinh sản

#### **Bài 3: Sức khỏe sinh sản tiền mãn kinh, mãn kinh**

1. Một số thuật ngữ liên quan
2. Thay đổi giải phẫu cơ quan sinh dục nữ
3. Thay đổi tâm sinh lý
4. Bệnh lý thường gặp trong thời kỳ tiền mãn kinh, mãn kinh

#### **Bài 4: Làm mẹ an toàn**

1. Tư vấn trước sinh
2. Tư vấn trong khi chuyển dạ
3. Tư vấn sau khi sinh
4. Chăm sóc trước sinh
5. Chăm sóc trong khi chuyển dạ

6. Chăm sóc trong thời kỳ hậu sản
7. Những biện pháp làm mẹ an toàn

### **Bài 5: Chiến lược quốc gia về sức khỏe sinh sản**

1. Tình hình thực hiện chiến lược quốc gia về sức khỏe sinh sản
2. Chiến lược dân số sức khỏe sinh sản giai đoạn 2010-2020

### **Bài 6: Tư vấn sức khỏe sinh sản**

1. Khái niệm sức khỏe sinh sản
2. Nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản
3. Các yếu tố ảnh hưởng tới sức khỏe sinh sản

### **13. Phương pháp dạy / học:**

- Lý thuyết: Thuyết trình
- Thực hành: Tại bệnh viện

### **14. Phương pháp lượng giá**

Học viên phải tham dự tối thiểu 80% thời lượng học lý thuyết 100% thời lượng học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành (vắng học thực hành có phép phải học bù, vắng học không phép phải học lại).

Học viên dự thi hết môn ở cả 2 nội dung Lý thuyết và Thực hành cụ thể:

- Lý thuyết: thi viết

Học viên được đánh giá bằng câu hỏi ngắn, gửi lên phòng QLĐTSDH 3 đề thi, trong đó mỗi đề thi có 2 câu hỏi, bốc thăm ngẫu nhiên trong số 30 câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi SDH.

- Thực hành: thao tác trên bệnh nhân (*hoặc bảng kiểm*)

+ Học viên được đánh giá bằng phương pháp thảo luận ca lâm sàng (bốc thăm người bệnh, thăm khám, làm bệnh án, hỏi thi trên bệnh án).

- + Được tính là Đạt khi Điểm bài thi lâm sàng đạt từ 5 trở lên theo thang điểm

10.

Các điểm thành phần: **Điểm Lý thuyết**

<b>Điểm thành phần</b>	<b>Trọng số tính điểm</b>	<b>Bài đánh giá</b>	<b>Hình thức đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Điểm tối đa</b>
Đánh giá chuyên cần ( <b>ĐCC</b> )	0,1	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần ( <b>ĐGHP</b> )	0,2	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10
Điểm kết thúc học phần ( <b>ĐKTHP</b> )	0,7	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10

### **Điểm Thực hành**

<b>Điểm thành phần</b>	<b>Trọng số tính điểm</b>	<b>Bài đánh giá</b>	<b>Hình thức đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Điểm tối đa</b>
Đánh giá chuyên cần ( <b>ĐCC</b> )	0,1	Quy chế đào tạo	Số buổi đi học, tham gia trực	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần ( <b>ĐGHP</b> )	0,2	01	Viết chuyên đề ngắn	Chất lượng bài thi	10
Điểm kết thúc học phần LS ( <b>ĐKTHP</b> )	0,7	01	Bệnh án, vấn đáp, biện luận lâm sàng	Chất lượng bệnh án, trả lời vấn đáp	10

### **Rubric 1: Chuyên cần: 10 điểm**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Điểm trừ</b>
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/1 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/1 tiết
Đi muộn	0,5 điểm/1 tiết (Sau 15 phút tính không phép)
Học viên nghỉ học do Nhà trường điều động	0

**Test Blue print (áp dụng lượng giá lý thuyết):** không

Có 2 đầu điểm được tính riêng như sau

- Điểm học phần lý thuyết:

$$\text{Điểm học phần} = (\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7) / 10$$

- Điểm học phần thực hành:

$$\text{Điểm học phần} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7) / 10$$

**15. Tài liệu dạy học:** Tài liệu phát tay

**16. Tài liệu tham khảo**

1. Bài giảng Sản Phụ khoa Sau Đại học của Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế.
2. Bài giảng Sản Phụ khoa Đại học và Sau Đại học của Bộ môn Phụ Sản Trường Đại học Y Hà Nội và Trường Đại học Y Dược TP.HCM
3. Obstetrics and Gynecology for postgraduates, 1993.
4. Novak's Gynecology, 1997.
5. Gynecologic Endocrinology and Infertility, 2000.

**CCu 8.**

**CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH TỰ CHỌN**

**HỌC PHẦN: SOI VÀ CẮT ĐỐT CỔ TỬ CUNG**

**1. Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ định hướng ứng dụng

**2. Chuyên ngành đào tạo:** Sản Phụ khoa

**3. Mã học phần/môn học:** THSSAN2903

**4. Tên học phần/môn học**

- Tên tiếng Việt: Soi cổ tử cung, cắt đốt
- Tên tiếng Anh: Colposcopy, cervical ablation

## 5. Đơn vị giảng dạy

- Tên đơn vị giảng dạy chính: Bộ môn Phụ Sản
- Tên đơn vị tham gia/hỗ trợ giảng dạy:
- Cán bộ giảng dạy: 1. PGS.TS. Ninh Văn Minh  
2. TS.BS. Bùi Minh Tiến  
4. TS.BS. Nguyễn Trung Kiên  
5. TS.BS. Nguyễn Đăng Kiên

## 6. Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)

- Tổng số tín chỉ: 05 tín chỉ
- Số tín chỉ lý thuyết: 02 tín chỉ
- Số tín chỉ thực hành: 03 tín chỉ

## 7. Thời điểm trong tiến trình đào tạo

Môn học được bố trí giảng dạy - học tập trong năm thứ hai của chương trình đào tạo trình độ: Thạc sĩ

## 8. Loại học phần: tự chọn

## 9. Mục tiêu học tập:

- MT1. Nắm vững được các kiến thức về sinh lý cổ tử cung, các tổn thương ở cổ tử cung.
- MT2. Xử trí được các tổn thương lành tính ở cổ tử cung.

## 10. Chuẩn đầu ra học phần/môn học (CLO)

- CLO1. Phân tích được các kiến thức về sinh lý cổ tử cung, các tổn thương ở cổ tử cung.
- CLO2. Xử trí được các tổn thương lành tính ở cổ tử cung.

## 11. Ma trận giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

CLO	Chuẩn đầu ra: Kiến thức (PLOK)				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5

CLO1	x			x	
CLO2	x			x	

CLO	Chuẩn đầu ra: Kỹ năng (PLOS)							
	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
CLO1	x	x		x	x		x	
CLO2			x		x		x	

CLO	Chuẩn đầu ra: Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (PLOA)		
	PLO14	PLO15	PLO16
CLO1	x	x	x
CLO2	x	x	x

## 12. Nội dung học lý thuyết

TT	Nội dung	Số tiết	GV chính	GV phụ
1	Nguyên lý của máy soi và các phương tiện soi CTC	2	PGS. Minh	TS. Tiến
2	Giải phẫu, cấu trúc mô học và sinh lý cổ tử cung	4	TS. Kiên A	TS. Kiên B
3	Kỹ thuật soi CTC	4	TS. Tiến	BSCKII. Thu Hà
4	Các tổn thương lành tính ở cổ tử cung	4	TS. Kiên B	BSCKII. Thu Hà
5	Các tổn thương tiền ung thư ở cổ tử cung	4	TS. Kiên A	TS. Kiên B
6	Điều trị và theo dõi tổn thương cổ tử cung	4	PGS. Minh	TS. Kiên A
7	Sàng lọc chẩn đoán ung thư cổ tử cung	4	TS. Kiên B	TS. Kiên A

8	Ung thư CTC và phòng chống ung thư CTC	4	TS. Tiến	TS. Kiên A
<b>Tổng</b>		<b>30</b>		

### ***12.1. Nội dung chi tiết:***

#### **Bài 1. Nguyên lý của máy soi và các phương tiện soi CTC**

1. Máy soi và các phương tiện soi CTC
2. Các hóa chất sử dụng trong soi cổ tử cung và làm phiên đồ phát hiện sớm ung thư CTC
3. Dung dịch để cố định phiên đồ
4. Dụng cụ để soi CTC và làm phiên đồ phát hiện sớm ung thư CTC

#### **Bài 2. Giải phẫu, cấu trúc mô học và sinh lý cổ tử cung**

1. Cấu tạo giải phẫu cổ tử cung
2. Cấu trúc mô học của niêm mạc âm đạo cổ tử cung
  - 2.1. Tế bào biểu mô vảy vùng cổ ngoài
  - 2.2. Vùng chuyển tiếp
  - 2.3. Các tế bào của cổ trong
  - 2.4. Tế bào nội mạc tử cung
  - 2.5. Các loại tế bào khác không phải biểu mô
3. Đặc điểm sinh lý cổ tử cung

#### **Bài 3. Kỹ thuật soi CTC**

1. Đại cương
2. Chỉ định soi CTC
3. Thời điểm soi CTC
4. Kỹ thuật soi cổ tử cung
  - 4.1. Chuẩn bị
  - 4.2. Các bước tiến hành soi CTC



### 4.3. Kỹ thuật soi cổ tử cung

#### **Bài 4. Các tổn thương lành tính ở cổ tử cung**

1. Đại cương
2. Cổ tử cung bình thường
3. Các tổn thương lành tính ở cổ tử cung
4. Khám phát hiện tổn thương lành tính ở cổ tử cung
5. Dự phòng

#### **Bài 5. Các tổn thương tiền ung thư ở cổ tử cung**

1. Các tổn thương tiền ung thư cổ tử cung
  - 1.1. Các tổn thương tiền ung thư qua soi cổ tử cung
    - 1.1.1. Các tổn thương sừng hóa
    - 1.1.2. Các tổn thương hủy hoại
  - 1.2. Tổn thương tiền ung thư trên tế bào học cổ tử cung
    - 1.2.1. Phân loại theo Papanicolaou (PAP)
    - 1.2.2. Phân loại của Tổ chức Y tế thế giới
    - 1.2.3. Phân loại theo Richart năm 1980 (WHO 1988)
    - 1.2.4. Phân loại theo hệ thống Bethesda 2014
  - 1.3. Tổn thương tổn thương tiền ung thư trên mô bệnh học
  - 1.4. Các tân sinh trong biểu mô cổ tử cung
    - 1.4.1. Tân sinh trong biểu mô độ I (CIN I)
    - 1.4.2. Tân sinh trong biểu mô độ II (CIN II)
    - 1.4.3. Tân sinh trong biểu mô độ III (CIN III)
2. Các phương pháp điều trị tổn thương tiền ung thư cổ tử cung
  - 2.1. Phương pháp phá hủy tổ chức
    - 2.1.1. Chỉ định
    - 2.1.2. Chống chỉ định
    - 2.1.3. Theo dõi sau điều trị

2.1.4. Biến chứng

2.1.5. Các phương pháp điều trị

2.2. Các phương pháp cắt bỏ tổn thương cổ tử cung

2.2.1. Chỉ định

2.2.2. Chống chỉ định

2.2.3. Theo dõi sau điều trị

2.2.4. Biến chứng

2.2.5. Các phương pháp điều trị

2.3. Phương pháp điều trị triệt để

2.3.1. Cắt cụt cổ tử cung

2.3.2. Cắt tử cung

## **Bài 6. Điều trị và theo dõi tổn thương cổ tử cung**

1. Định nghĩa

2. Chỉ định điều trị đốt CTC bằng máy đốt điện tại phòng khám

3. Chống chỉ định

4. Chuẩn bị

5. Các bước tiến hành

6. Theo dõi, Tư vấn cho bệnh nhân tự theo dõi những dấu hiệu sau đốt

7. Xử trí tai biến

## **Bài 7. Sàng lọc chẩn đoán ung thư cổ tử cung**

1. Sàng lọc ung thư cổ tử cung

1.1. Chẩn đoán tế bào học cổ tử cung – âm đạo

1.2. Quan sát cổ tử cung với dung dịch acid acetic (VIA)

1.3. Quan sát cổ tử cung sử dụng dung dịch Lugol (VILI)

1.4. Xét nghiệm DNA HPV

2. Chẩn đoán ung thư cổ tử cung

2.1. Soi cổ tử cung

2.2. Xét nghiệm mô bệnh học

## Bài 8. Ung thư CTC và phòng chống ung thư CTC

1. Đại cương và các yếu tố nguy cơ

2. Giải phẫu bệnh

2.1. Ung thư trong liên bào

2.2. Ung thư xâm lấn:

2.3. Lan tràn của ung thư cổ tử cung

3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

3.1. Các thương tổn tiền lâm sàng

3.2. Các thương tổn rõ trên lâm sàng

3.3. Cận lâm sàng

3.4. Các giai đoạn lâm sàng

4. Chẩn đoán phân biệt

5. Điều trị

5.1. Các biện pháp điều trị

5.2. Chỉ định điều trị

6. Tiên lượng

7. Dự phòng

### 12.2. Thực hành

TT	Nội dung	Số tiết
1	Kỹ thuật sử dụng máy soi CTC	8
2	Kỹ thuật làm phiến đồ phát hiện sớm ung thư CTC	5
3	Kỹ thuật sinh thiết CTC	4
4	Kỹ thuật soi cổ tử cung	8
5	Kỹ thuật phát hiện các tổn thương lành tính ở cổ tử cung	6
6	Kỹ thuật phát hiện các tổn thương nghi ngờ ở cổ tử cung	6
7	Kỹ thuật đốt CTC	8
	<i>Tổng</i>	<b>45</b>

### 13. Phương pháp dạy / học:

- Lý thuyết: Thuyết trình

- Thực hành: Tại bệnh viện

#### 14. Phương pháp lượng giá

Học viên phải tham dự tối thiểu 80% thời lượng học lý thuyết 100% thời lượng học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành (vắng học thực hành có phép phải học bù, vắng học không phép phải học lại).

Học viên dự thi hết môn ở cả 2 nội dung Lý thuyết và Thực hành cụ thể:

- Lý thuyết: thi viết

Học viên được đánh giá bằng câu hỏi ngắn, gửi lên phòng QLĐTSDH 3 đề thi, trong đó mỗi đề thi có 2 câu hỏi, bốc thăm ngẫu nhiên trong số 30 câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi SDH.

- Thực hành: thao tác trên bệnh nhân (*hoặc bảng kiểm*)

+ Học viên được đánh giá bằng phương pháp thảo luận ca lâm sàng (bốc thăm người bệnh, thăm khám, làm bệnh án, hỏi thi trên bệnh án).

+ Được tính là Đạt khi Điểm bài thi lâm sàng đạt từ 5 trở lên theo thang điểm 10.

Các điểm thành phần: **Điểm Lý thuyết**

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10

**Điểm Thực hành**

Điểm thành phần	Trọng số	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm
-----------------	----------	--------------	--------------------	-------------------	------

	<b>tính điểm</b>				<b>tối đa</b>
Đánh giá chuyên cần ( <b>ĐCC</b> )	0,1	Quy chế đào tạo	Số buổi đi học, tham gia trực	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần ( <b>ĐGHP</b> )	0,2	01	Viết chuyên đề ngắn	Chất lượng bài thi	10
Điểm kết thúc học phần LS ( <b>ĐKTHP</b> )	0,7	01	Bệnh án, vấn đáp, biện luận lâm sàng	Chất lượng bệnh án, trả lời vấn đáp	10

**Rubric 1: Chuyên cần: 10 điểm**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Điểm trừ</b>
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/1 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/1 tiết
Đi muộn	0,5 điểm/1 tiết (Sau 15 phút tính không phép)
Học viên nghỉ học do Nhà trường điều động	0

**Test Blue print (áp dụng lượng giá lý thuyết):** không

Có 2 đầu điểm được tính riêng như sau

- Điểm học phần lý thuyết:

$$\text{Điểm học phần} = (\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7) / 10$$

- Điểm học phần thực hành:

$$\text{Điểm học phần} = (\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7) / 10$$

**15. Tài liệu dạy học:** Tài liệu phát tay

**16. Tài liệu tham khảo**

1. Vương Tiến Hoà (2004). Một số vấn đề bệnh lý cổ tử cung. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
2. Châu Khắc Tú, Nguyễn Vũ Quốc Huy (2011). Ung thư cổ tử cung từ dự phòng đến can thiệp sớm. Nhà xuất bản Đại học Huế.

**C©u 9. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH TỰ CHỌN**  
**C©u 10. HỌC PHẦN: KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH**

**1. Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ định hướng ứng dụng

**2. Chuyên ngành đào tạo:** Sản Phụ khoa

**3. Mã học phần/môn học:** THSSAN2904

**4. Tên học phần/môn học**

- Tên tiếng Việt: Kế hoạch hoá gia đình

- Tên tiếng Anh: Family planning

**5. Đơn vị giảng dạy**

- Tên đơn vị giảng dạy chính: Bộ môn Phụ Sản

- Tên đơn vị tham gia/hỗ trợ giảng dạy:

- Cán bộ giảng dạy: 1. TS.BS. Bùi Minh Tiến

2. PGS.TS. Ninh Văn Minh

3. TS.BS. Đặng Thị Hồng Thiện

4. TS.BS. Nguyễn Đăng Kiên

5. ThS.BSCKII. Hoàng Tiến Nam

6. BSCKII. Nguyễn Thị Tuyết

7. ThS.BSCKII. Đinh Văn Hoàn

8. ThS.BSCKII. Lê Hải Dương

9. ThS.BSCKII. Nguyễn Văn Hiền

**6. Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)**

- Tổng số tín chỉ: 05 tín chỉ

- Số tín chỉ lý thuyết: 02 tín chỉ

- Số tín chỉ thực hành: 03 tín chỉ

**7. Thời điểm trong tiến trình đào tạo**

Môn học được bố trí giảng dạy – học tập trong năm thứ hai của chương trình đào tạo trình độ: Thạc sĩ

**8. Loại học phần:** tự chọn

**9. Mục tiêu học tập:**

- MT1. Trình bày được các kiến thức về kế hoạch hoá gia đình
- MT2. Giải quyết thành thạo các trường hợp thai ngoài ý muốn.

**10. Chuẩn đầu ra học phần/môn học (CLO)**

- CLO1. Phân tích được các kiến thức về kế hoạch hoá gia đình
- CLO2. Giải quyết thành thạo các trường hợp thai ngoài ý muốn tuổi thai dưới 12 tuần.

**11. Ma trận giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

CLO	Chuẩn đầu ra: Kiến thức (PLOK)				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
CLO1	x			x	
CLO2	x			x	

CLO	Chuẩn đầu ra: Kỹ năng (PLOS)							
	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
CLO1	x	x		x	x		x	
CLO2	x		x		x		x	

CLO	Chuẩn đầu ra: Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (PLOA)		
	PLO14	PLO15	PLO16
CLO1	x	x	x
CLO2	x	x	x

**12. Nội dung học lý thuyết**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>GV chính</b>	<b>GV phụ</b>
1	Các biện pháp tránh thai trong KHHGD, tư vấn các biện pháp tránh thai trong KHHGD	4	TS. Tiên	PGS. Minh
2	Chọc hút noãn (IVF)	2	TS. Kiên B	BSCCKII. Hiền
3	Chụp buồng tử cung và vòi tử cung	2	PGS. Minh	TS. Kiên A
4	Nội soi buồng tử cung	2	TS. Thiện	TS. Kiên A
5	Nội soi ổ bụng gỡ dính, tạo hình vòi tử cung	2	BSCCKII. Nam	BSCCKII. Dương
6	Xử trí GEU chưa vỡ	2	BSCCKII. Hoàn	BSCCKII. Nam
7	Sử dụng thuốc kích thích phóng noãn	2	BSCCKII. Tuyết	BSCCKII. Huyền
8	Điều trị vô sinh nam	2	BSCCKII. Hiền	BSCCKII. Huyền
9	Phá thai trong các biện pháp KHHGD	4	BSCCKII. Dương	BSCCKII. Tuyết
<b>Tổng</b>		<b>22</b>		

### ***12.1. Nội dung chi tiết:***

#### **Bài 1. Các biện pháp tránh thai trong kế hoạch hoá gia đình, tư vấn các biện pháp tránh thai trong kế hoạch hoá gia đình**

1. Tránh thai bằng dụng cụ tử cung
2. Tránh thai bằng bao cao su
3. Tránh thai bằng thuốc
4. Tránh thai bằng phương pháp tự nhiên



5. Tránh thai vĩnh viễn bằng phương pháp triệt sản

## **Bài 2. Chọc hút noãn (IVF)**

1. Nguyên tắc chọc hút
2. Ý nghĩa của việc chọc hút noãn
3. Kỹ thuật chọc hút

## **Bài 3. Chụp buồng tử cung và vòi tử cung**

1. Chỉ định chụp buồng tử cung và vòi tử cung
2. Nguyên tắc chụp buồng tử cung, vòi tử cung
3. Đánh giá kết quả

## **Bài 4. Nội soi buồng tử cung**

1. Chỉ định nội soi buồng tử cung
2. Các phương pháp soi
3. Các tổn thương thường gặp

## **Bài 5. Nội soi ổ bụng gỡ dính vòi tử cung**

1. Chỉ định
2. Kỹ thuật nội soi gỡ dính
3. Tai biến và biến chứng

## **Bài 6. Xử trí GEU chưa vỡ**

1. Dấu hiệu nhận biết
2. Nguyên nhân
3. Hướng chẩn đoán
4. Xử trí

## **Bài 7. Sử dụng thuốc kích thích phóng noãn**

1. Chỉ định
2. Các loại thuốc, cách dùng
3. Các biến chứng, tác hại có thể

## **Bài 8. Điều trị vô sinh nam**

1. Đại cương
2. Nguyên nhân
3. Chẩn đoán
4. Các phương pháp điều trị

**Bài 9. Phá thai trong các biện pháp kế hoạch hoá gia đình**

1. Hút thai ≤ 6 tuần
2. Hút thai ≤ 12 tuần
3. Đình chỉ thai nghén
4. Phá thai trên 12 tuần
5. Phá thai bằng thuốc

**12.2. Thực hành**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>
1	Chỉ định, tư vấn các biện pháp kế hoạch hoá gia đình	4
2	Chỉ định, thành thạo kỹ thuật chụp buồng tử cung và vòi tử cung	4
3	Chỉ định, đọc được kết quả soi buồng tử cung	2
4	Chỉ định, sử dụng thành thạo các thuốc kích thích phóng noãn	2
5	Chỉ định, thành thạo các kỹ thuật phá thai nhỏ, thai to, phá thai bằng thuốc, bằng dụng cụ. Triệt sản nam, nữ đúng phương pháp	4
6	Chỉ định đặt, tháo dụng cụ tử cung và xử trí các tai biến do đặt tháo dụng cụ tử cung	4
7	Chỉ định điều trị vô sinh nam	3
	<i>Tổng</i>	<b>23</b>

**13. Phương pháp dạy / học:**

- Lý thuyết: Thuyết trình
- Thực hành: Tại bệnh viện

#### 14. Phương pháp lượng giá

Học viên phải tham dự tối thiểu 80% thời lượng học lý thuyết 100% thời lượng học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành (vắng học thực hành có phép phải học bù, vắng học không phép phải học lại).

Học viên dự thi hết môn ở cả 2 nội dung Lý thuyết và Thực hành cụ thể:

- Lý thuyết: thi viết

Học viên được đánh giá bằng câu hỏi ngắn, gửi lên phòng QLĐTSDH 3 đề thi, trong đó mỗi đề thi có 2 câu hỏi, bốc thăm ngẫu nhiên trong số 30 câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi SDH.

- Thực hành: thao tác trên bệnh nhân (*hoặc bảng kiểm*)

+ Học viên được đánh giá bằng phương pháp thảo luận ca lâm sàng (bốc thăm người bệnh, thăm khám, làm bệnh án, hỏi thi trên bệnh án).

+ Được tính là Đạt khi Điểm bài thi lâm sàng đạt từ 5 trở lên theo thang điểm 10.

Các điểm thành phần: **Điểm Lý thuyết**

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10

**Điểm Thực hành**

Điểm thành phần	Trọng số	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm
-----------------	----------	--------------	--------------------	-------------------	------

	<b>tính điểm</b>				<b>tối đa</b>
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Quy chế đào tạo	Số buổi đi học, tham gia trực	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	01	Viết chuyên đề ngắn	Chất lượng bài thi	10
Điểm kết thúc học phần LS (ĐKTHP)	0,7	01	Bệnh án, vấn đáp, biện luận lâm sàng	Chất lượng bệnh án, trả lời vấn đáp	10

**Rubric 1: Chuyên cần: 10 điểm**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Điểm trừ</b>
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/1 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/1 tiết
Đi muộn	0,5 điểm/1 tiết (Sau 15 phút tính không phép)
Học viên nghỉ học do Nhà trường điều động	0

**Test Blue print (áp dụng lượng giá lý thuyết):** không

Có 2 đầu điểm được tính riêng như sau

- Điểm học phần lý thuyết:

$$\text{Điểm học phần} = (\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7) / 10$$

- Điểm học phần thực hành:

$$\text{Điểm học phần} = (\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7) / 10$$

**15. Tài liệu dạy học (tối đa 3 tài liệu)**

Tài liệu phát tay

**16. Tài liệu tham khảo**

1. Bài giảng Sản Phụ khoa Sau Đại học của Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế.

2. Bài giảng Sản Phụ khoa Đại học và Sau Đại học của Bộ môn Phụ Sản Trường Đại học Y Hà Nội và Trường Đại học Y Dược Tp.HCM
3. Obstetrics and Gynecology for postgraduates, 1993.
4. Novak's Gynecology, 1997.
5. Gynecologic Endocrinology and Infertiliti, 2000.

**CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH TỰ CHỌN**  
**HỌC PHẦN: UNG THƯ SẢN KHOA**

**1. Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ định hướng ứng dụng

**2. Chuyên ngành đào tạo:** Sản Phụ khoa

**3. Mã học phần/môn học:** THSSAN2905

**4. Tên học phần/môn học**

- Tên tiếng Việt: Ung thư Phụ khoa

- Tên tiếng Anh: Cancer of Gynaecology

**5. Đơn vị giảng dạy**

- Tên đơn vị giảng dạy chính: Bộ môn Phụ Sản

- Tên đơn vị tham gia/hỗ trợ giảng dạy: Bộ môn Ngoại, Bộ môn Giải phẫu Bệnh

- Cán bộ giảng dạy: 1. PGS.TS. Ninh Văn Minh

2. TS.BS. Bùi Minh Tiến

3. TS.BS. Phan Văn Cương

4. TS.BS. Nguyễn Trung Kiên

5. TS.BS. Trần Mạnh Hà

**6. Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)**

- Tổng số tín chỉ: 05 tín chỉ

- Số tín chỉ lý thuyết: 02 tín chỉ

- Số tín chỉ thực hành: 03 tín chỉ

**7. Thời điểm trong tiến trình đào tạo**

Môn học được bố trí giảng dạy - học tập trong năm thứ hai của chương trình đào tạo trình độ: Thạc sĩ

**8. Loại học phần:** tự chọn

**9. Mục tiêu học tập:**

**C©u 11.** - MT1. Nhận định được những tổn thương cơ bản của ung thư

**C©u 12.** - MT2. Vận dụng mô bệnh học để chẩn đoán tổn thương trên lâm sàng

**C©u 13.** - MT3. Xử trí đúng đối với những bệnh ung thư thường gặp

### 10. Chuẩn đầu ra học phần/môn học (CLO)

- CLO1. Chẩn đoán được và có hướng điều trị ung thư vú.
- CLO2. Chẩn đoán được và có hướng điều trị các ung thư ở buồng trứng và niêm mạc tử cung.
- CLO3. Chẩn đoán được và có hướng điều trị ung thư cổ tử cung.
- CLO4. Chẩn đoán được và có hướng điều trị các ung thư ở buồng trứng và tử cung.
- CLO5. Chẩn đoán được và có hướng điều trị ung thư âm hộ.

### 11. Ma trận giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

CLO	Chuẩn đầu ra: Kiến thức (PLOK)				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
CLO1	x			x	
CLO2	x			x	
CLO3	x			x	
CLO4	x			x	
CLO5	x			x	

CLO	Chuẩn đầu ra: Kỹ năng (PLOS)							
	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
CLO1	x	x	x	x	x		x	
CLO2	x	x	x	x	x		x	
CLO3	x	x	x	x	x		x	
CLO4	x	x	x	x	x		x	
CLO5	x	x	x	x	x		x	

CLO	Chuẩn đầu ra: Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (PLOA)		
	PLO14	PLO15	PLO16
CLO1	x	x	x
CLO2	x	x	x

CLO3	x	x	x
CLO4	x	x	x
CLO5	x	x	x

## 12. Nội dung học lý thuyết

Ung thư là môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bệnh lý ung thư sản phụ khoa, để người học có khả năng vận dụng được những kiến thức về ung thư cho chẩn đoán và điều trị các bệnh ung thư sản phụ khoa.

TT	Nội dung	Số tiết	GV chính	GV phụ
1	Bệnh ung thư vú	4	TS. Cương	TS. Hà
2	Bệnh ung thư cổ tử cung	4	TS. Kiên	BSCCKII. Bích
3	Bệnh ung thư nguyên bào nuôi	4	PGS. Minh	TS. Tiến
4	Bệnh ung thư buồng trứng	4	BSCCKII. Bích	TS. Tiến
5	Bệnh ung thư âm hộ	4	TS. Tiến	TS. Kiên
6	Bệnh ung thư niêm mạc tử cung	4	TS. Kiên	PGS. Minh
<b>Tổng</b>		<b>24</b>		

### 12.1. Nội dung chi tiết:

#### Bài 1. Bệnh ung thư vú

A. Giải phẫu bệnh: 2 loại

1. Ung thư biểu mô tại chỗ
2. Ung thư xâm lấn

B. Tiến triển

C. Phân loại: Theo hệ T.N.M



#### D. Chẩn đoán

1. Cơ năng
2. Thực thể
3. Cận lâm sàng

#### E. Điều trị

1. Điều trị tại chỗ
- 2 Điều trị di căn xa

#### F. Dự phòng

### **Bài 2. Bệnh ung thư cổ tử cung**

#### 1. Đại cương và các yếu tố nguy cơ

#### 2. Giải phẫu bệnh

#### 3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

- 3.1. Các thương tổn tiền lâm sàng
- 3.2. Các thương tổn rõ trên lâm sàng
- 3.3. Cận lâm sàng
- 3.4. Các giai đoạn lâm sàng

#### 4. Chẩn đoán phân biệt

#### 5. Điều trị

- 5.1. Các biện pháp điều trị
- 5.2. Chỉ định điều trị

#### 6. Tiên lượng

#### 7. Dự phòng

### **Bài 3. Bệnh ung thư nguyên bào nuôi**

1. Định nghĩa
2. Dịch tễ học
3. Giải phẫu bệnh

4. Chẩn đoán
5. Phân loại tiên lượng ung thư nguyên bào nuôi
6. Phòng bệnh và điều trị: các phương pháp điều trị chính
7. Tiêu chuẩn khám bệnh và theo dõi sau điều trị
  - 7.1. Khám bệnh
  - 7.2. Tỷ lệ tái phát

#### **Bài 4. Bệnh ung thư buồng trứng**

##### **1. Đại cương**

1.1. Yếu tố thuận lợi

1.2. Nguyên nhân

2. Triệu chứng và chẩn đoán

2.1. Triệu chứng

2.2. Các giai đoạn của ung thư buồng trứng:

2.3. Cận lâm sàng

3. Điều trị

3.1. Phẫu thuật

3.2. Hóa liệu pháp

3.3. Quang tuyến liệu pháp

*4. Tiên lượng và tư vấn*

#### **Bài 5. Bệnh ung thư âm hộ**

##### **1. Đại cương**

2. Sinh bệnh học

3. Dịch tế học và các yếu tố nguy cơ

4. Triệu chứng

5. Chẩn đoán

5.1. Xác định tổn thương

5.2. Đánh giá bệnh nhân ung thư

- 5.3. Các giai đoạn ung thư
- 6. Tiên lượng và những yếu tố tiên lượng
- 7. Điều trị:
  - 7.1. Điều trị phẫu thuật
  - 7.2. Hóa liệu pháp:

## **Bài 6. Bệnh ung thư niêm mạc tử cung**

- 1. Đại cương
- CCu 14.** 2. Các yếu tố nguy cơ
- 3. Giải phẫu bệnh
  - CCu 15.** 3.1. Đại thể
  - CCu 16.** 3.2. Vi thể
  - CCu 17.** 3.3. Sự lan tràn của ung thư niêm mạc tử cung
- CCu 18.** 4. Triệu chứng và chẩn đoán
- CCu 19.** 4.1. Ra máu bất thường
- CCu 20.** 4.2. Hỏi bệnh
- CCu 21.** 4.3. Khám thực thể
- CCu 22.** 4.4. Xét nghiệm:
- 5. Các giai đoạn lâm sàng
- 6. Điều trị
  - CCu 23.** 6.1. Chỉ định điều trị:
  - CCu 24.** 6.2. Điều trị phẫu thuật
  - CCu 25.** 6.3. Tia xạ
  - CCu 26.** 6.4. Hormon liệu pháp
  - CCu 27.** 6.5. Hoá liệu pháp: ít hiệu quả, chỉ dùng khi tái phát ở phụ nữ trẻ.
  - CCu 28.** 6.6. Kết quả điều trị

## **13. Phương pháp dạy / học:**

- Lý thuyết: Thuyết trình

- Thực hành: Tại bệnh viện

#### 14. Phương pháp lượng giá

Học viên phải tham dự tối thiểu 80% thời lượng học lý thuyết 100% thời lượng học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành (vắng học thực hành có phép phải học bù, vắng học không phép phải học lại).

Học viên dự thi hết môn ở cả 2 nội dung Lý thuyết và Thực hành cụ thể:

- Lý thuyết: thi viết

Học viên được đánh giá bằng câu hỏi ngắn, gửi lên phòng QLĐTSDH 3 đề thi, trong đó mỗi đề thi có 2 câu hỏi, bốc thăm ngẫu nhiên trong số 30 câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi SDH.

- Thực hành: thao tác trên bệnh nhân (*hoặc bảng kiểm*)

+ Học viên được đánh giá bằng phương pháp thảo luận ca lâm sàng (bốc thăm người bệnh, thăm khám, làm bệnh án, hỏi thi trên bệnh án).

+ Được tính là Đạt khi Điểm bài thi lâm sàng đạt từ 5 trở lên theo thang điểm 10.

Các điểm thành phần: **Điểm Lý thuyết**

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	01	Thi tự luận theo câu hỏi mở	Chất lượng bài thi	10

**Điểm Thực hành**

Điểm thành phần	Trọng số	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm
-----------------	----------	--------------	--------------------	-------------------	------

	<b>tính điểm</b>				<b>tối đa</b>
Đánh giá chuyên cần ( <b>ĐCC</b> )	0,1	Quy chế đào tạo	Số buổi đi học, tham gia trực	Quy chế đào tạo	10
Điểm giữa học phần ( <b>ĐGHP</b> )	0,2	01	Viết chuyên đề ngắn	Chất lượng bài thi	10
Điểm kết thúc học phần LS ( <b>ĐKTHP</b> )	0,7	01	Bệnh án, vấn đáp, biện luận lâm sàng	Chất lượng bệnh án, trả lời vấn đáp	10

**Rubric 1: Chuyên cần: 10 điểm**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Điểm trừ</b>
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/1 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/1 tiết
Đi muộn	0,5 điểm/1 tiết (Sau 15 phút tính không phép)
Học viên nghỉ học do Nhà trường điều động	0

**Test Blue print (áp dụng lượng giá lý thuyết):** không

Có 2 đầu điểm được tính riêng như sau

- Điểm học phần lý thuyết:

$$\text{Điểm học phần} = (\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7) / 10$$

- Điểm học phần thực hành:

$$\text{Điểm học phần} = (\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7) / 10$$

**15. Tài liệu dạy học (tối đa 3 tài liệu)**

Tài liệu phát tay

**16. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ môn Phụ Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.

2. Bộ môn Phụ Sản - Trường Đại học Y Hà Nội (2020), Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành. Nhà xuất bản Y học.
3. Bộ môn Phụ Sản - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bài giảng Sản Phụ khoa tập 1, Nhà xuất bản Y học.
4. Bộ môn Phụ Sản - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bài giảng Sản Phụ khoa tập 2, Nhà xuất bản Y học.
5. Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế. Bài giảng Sản Phụ khoa Sau Đại học của Bộ môn Phụ Sản, Nhà xuất bản Y học.
6. Phạm Bá Nha và cộng sự (2023), Thủ thuật Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
7. Bộ Y tế (2020), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Hồng Đức.
8. Vương tiến Hòa. (2012). Một số vấn đề bệnh lý cổ tử cung
9. Vương Tiến Hoà (2012) Chẩn đoán và xử trí chữa ngoài tử cung. Nhà xuất bản Y học.
10. Trần Thị Lợi (2004), Thực hành Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.TP HCM.
11. Phan Trường Duyệt (1998), Phẫu thuật Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
12. IUCC. Ung thư bệnh học, Nhà xuất bản Y

**C©u 29.**

**CHỈ TIÊU TAY NGHỀ**

<b>STT</b>	<b>Nội dung tay nghề thực hành</b>	<b>Số lần Thực hiện</b>	<b>Số lần đạt yêu cầu</b>	<b>Chỉ số đánh giá</b>	<b>Kết quả đánh giá</b>

1	Mổ lấy thai	10	8	Bảng kiểm	Đạt
2	Mổ cắt tử cung bán phần	10	8	Bảng kiểm	"
3	Mổ bóc u vú	10	8	Bảng kiểm	"
4	Đặt Forceps	10	7	Bảng kiểm	"
5	Mổ cắt khối u buồng trứng	10	8	Bảng kiểm	"
6	Khâu TSM rách phức tạp	6	4	Bảng kiểm	"
7	Hút thai trứng	3	2	Bảng kiểm	“
8	Nạo buồng tử cung	5	4	Bảng kiểm	“
9	Hút niêm mạc	10	8	Bảng kiểm	"
10	Soi CTC	15	12	Bảng kiểm	"
11	Sinh thiết cổ tử cung	6	5	Bảng kiểm	"
12	Đỡ đẻ ngôi ngược	5	4	Bảng kiểm	"
13	Monitoring sản khoa	15	12	Bảng kiểm	"
14	Phẫu thuật nội soi tiểu khung	6	5	Bảng kiểm	"
15	Phẫu thuật mở hoặc nội soi GEU	10	8	Bảng kiểm	"
16	Chụp buồng tử cung	4	3	Bảng kiểm	"
17	Soi buồng tử cung	5	4	Bảng kiểm	"
18	Đỡ đẻ song thai, đa thai	5	4	Bảng kiểm	“
19	Đốt laser cổ tử cung	5	4	Bảng kiểm	“
20	Chọc dò túi cùng Douglas	5	4	Bảng kiểm	“
21	Kiểm soát tử cung	5	4	Bảng kiểm	“
22	Cắt tử cung qua nội soi, đường âm đạo	5	4	Phụ	Phụ

Điểm đạt

Chỉ số đánh giá (%) =  $\frac{\text{Điểm đạt}}{\text{Điểm tối đa}} \times 100$

Điểm tối đa

< 50%: không đạt

50-75%: đạt

$\geq 75\%$ : tốt



## HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Chương trình:

- Thi đầu vào: theo kế hoạch chung của trường Đại học Y Dược Thái Bình.
- Các môn cơ sở và hỗ trợ: do phòng Đào tạo sau đại học, Đại học Y Dược Thái Bình, kết hợp với các Bộ môn liên quan của Nhà trường, tổ chức học và thi lấy chứng chỉ.
- Môn chuyên ngành: do Bộ môn Phụ sản quản lý, tổ chức học tập, và thi lấy các chứng chỉ chuyên ngành.
- Thi tốt nghiệp: do phòng Đào tạo sau đại học, kết hợp với Bộ môn Phụ sản và các Bộ môn liên quan khác cùng tổ chức.
- Xét tốt nghiệp: do Ban giám hiệu Nhà trường, Hội đồng xét tốt nghiệp, kết hợp cùng phòng Đào tạo sau đại học và Bộ môn Phụ sản, tổ chức và xét đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp và Báo cáo Bộ Giáo dục & Đào tạo.

### 2. Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:

Do phòng Đào tạo sau đại học và Bộ môn Phụ sản sắp xếp:

- 2.1. Các môn chung: 4 tháng
- 2.2. Học môn cơ sở và hỗ trợ: 4 tháng
- 2.3. Học môn chuyên ngành: 14 tháng
  - Môn học bắt buộc: 10 tháng
  - Môn học tự chọn: 4 tháng
- 2.4. Bảo vệ luận văn: 2 tháng

### 3. Thực tập, thực hành lâm sàng:

#### *Thực tập:*

- Môn cơ sở và hỗ trợ: tại các Bộ môn liên quan.
- Môn chuyên ngành: tại các cơ sở thực hành của Trường Đại học Y Dược Thái Bình gồm: bệnh viện Phụ Sản Thái Bình, bệnh viện Đại học Y Thái Bình, bệnh viện Phụ sản Trung ương

I. Lý thuyết: Học theo các chứng chỉ.

II. Lâm sàng:

Tại các khoa / chuyên ngành.

Tham gia trực cấp cứu tại các cơ sở thực hành.

## 4. MÔ TẢ THI TỐT NGHIỆP

### 4.1. Thời gian làm luận văn



Thời gian làm luận văn tốt nghiệp tương đương với 7 tín chỉ

Sau khi thông qua Hội đồng xét duyệt Đề cương, căn cứ đề nghị của Bộ môn và phòng QLĐT SĐH, Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài luận văn thạc sĩ Sản phụ khoa cho học viên và người hướng dẫn học viên thực hiện luận văn. Luận văn phải thể hiện được sự vận dụng phương pháp nghiên cứu, những kiến thức tiếp thu được trong quá trình học tập và phương pháp giải quyết những vấn đề đã lựa chọn.

Người hướng dẫn luận văn Thạc sĩ Sản phụ khoa là giảng viên chuyên ngành có học hàm hoặc học vị GS, PGS, TS tiêu chuẩn dựa theo Quy chế đào tạo Thạc sĩ của Trường hiện hành.

#### **4.2. Bảo vệ luận văn**

Học viên trình bày và bảo vệ luận văn trước Hội đồng gồm 5 thành viên có 2 người nhận xét và có ít nhất 2 thành viên là người ngoài cơ sở đào tạo.

#### **4.3. Điều kiện công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ**

- Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn
- Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên
- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp, được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

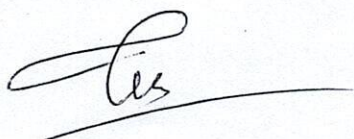
- Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ

- Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của Trường
- Điều kiện khác: Nộp 2 đĩa CD toàn văn luận văn về phòng QLĐT Sau đại học và Thư viện để lưu trữ thông tin.

**4.4. Xếp loại tốt nghiệp:** Thực hiện theo quy định hiện hành.

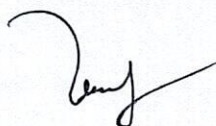
Thái Bình, ngày            tháng            năm 2025

**TRƯỞNG BỘ MÔN  
PHỤ SẢN**

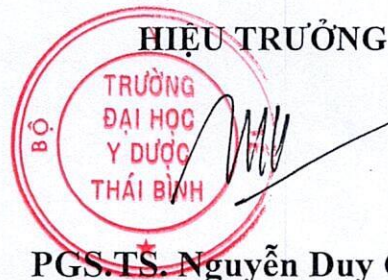


**TS. Bùi Minh Tiến**

**TRƯỞNG PHÒNG  
QLĐT SĐH**



**TS. Lê Đức Cường**

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**PGS.TS. Nguyễn Duy Cường**



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH**



**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NHẬN NHIỆM VỤ**  
**ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH SẢN PHỤ KHOA**

Mã số: **8720105**

**Thái Bình - 2025**



Thái Bình, ngày tháng năm 2025

## ĐỀ ÁN MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

- Tên ngành đào tạo: **Sản phụ khoa**
- Mã số: **8720105**
- Tên cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Y Dược Thái Bình**
- Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ**

### 1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo

#### 1.1. Giới thiệu sơ lược về Trường:

Trường Đại học Y Dược Thái Bình được thành lập năm 1968 theo Quyết định số 34/CP của Hội Đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Thái Bình. Đến năm 2013, Trường được đổi tên thành Trường Đại học Y Dược Thái Bình theo Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

**Sứ mạng:** “Trường Đại học Y Dược Thái Bình thuộc vùng đồng bằng Bắc bộ, đào tạo nguồn nhân lực đa ngành, đa cấp; nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ và sản phẩm, vì mục tiêu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế”.

**Tầm nhìn:** Xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Bình trở thành cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa cấp, có thế mạnh về lĩnh vực sức khỏe, theo định hướng ứng dụng, luôn giữ vững thứ hạng cao trong hệ thống giáo dục đại học quốc gia, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước, tiến tới hội nhập khu vực và quốc tế.

#### Giá trị cốt lõi

- Văn hóa chất lượng là mục tiêu;
- Y đức là phẩm chất;
- Coi trọng hoạt động sáng tạo và phát triển học thuật;
- Hợp tác năng động cùng phát triển;
- Đề cao giá trị nhân văn, trách nhiệm với cộng đồng.



**Triết lý giáo dục:** Phát huy nội lực, tăng cường hợp tác, khơi nguồn sáng tạo; lấy việc học và nghiên cứu làm trung tâm; xây dựng nhân lực y tế toàn diện, sẵn sàng thích ứng và hội nhập quốc tế.

Nhà trường có các nhiệm vụ: Đào tạo nguồn nhân lực thuộc nhóm ngành khoa học sức khoẻ ở trình độ đại học và sau đại học cho đất nước và các nước bạn Lào và Campuchia, Mozambic, Hàn Quốc. Đào tạo các văn bằng, chứng chỉ khác theo nhu cầu xã hội. Tuyển sinh và quản lý người học; Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất, dịch vụ khoa học công nghệ trong lĩnh vực Y sinh học và một số lĩnh vực khác có liên quan; Khám chữa bệnh, thực hiện các chương trình, dự án về chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

Trường có 542 viên chức, người lao động, trong đó có 394 Giảng viên. Đội ngũ giảng viên có trình độ sau đại học đạt 84,5%, trong đó có: 01 giáo sư, 20 PGS, 67 tiến sĩ, 31 Chuyên khoa cấp II, 210 thạc sĩ, 04 CKI. 02 chuyên viên chính, 21 giảng viên cao cấp, 91 giảng viên chính, 06 Nhà giáo Nhân dân, 14 Nhà giáo Ưu tú, 07 Thầy thuốc Ưu tú. Có 276 cán bộ giảng dạy kiêm nhiệm thuộc các cơ sở thực hành của Nhà trường.

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường gồm: Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học và Đào tạo. Các đơn vị thuộc Trường (11 phòng ban, 06 khoa, 18 bộ môn; 06 trung tâm) và 01 đơn vị trực thuộc Trường (Bệnh viện Đại học Y Thái Bình). Hội đồng Trường trường Đại học Y Dược Thái Bình được công nhận theo Quyết định số 3862/QĐ-BYT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Đến năm 2024 Trường đang được giao nhiệm vụ đào tạo 12 chương trình đào tạo bậc đại học và 29 chương trình đào tạo bậc sau đại học.

Quy mô đào tạo năm 2023 của Trường gồm 6530 người học trong đó có 559 học viên sau đại học.

Trường có quan hệ hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học với nhiều nước như Đan Mạch, Pháp, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc...; Với các tổ chức quốc tế như WHO (Liên hợp quốc), HAIVN (Hoa Kỳ), DANIDA (Đan Mạch); Với một số trường đại học như Đại học Copenhagen (Đan Mạch), Đại học Nam Đan Mạch, Đại học Cao Đẳng Nam Đan Mạch, Viện nghiên cứu các bệnh truyền nhiễm Địa Trung Hải, Marseille (Pháp), Đại học Kanagawa (Nhật Bản), Đại học Thiên Tân (Trung Quốc)... Trường là thành viên của tổ chức hợp tác Đại học Pháp ngữ Thế giới(AUF). Thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, năng lực quản lý và chuyên môn của đội ngũ cán bộ Trường đã được nâng cao,



cơ sở vật chất trang thiết bị được bổ sung và hiện đại hóa, đáp ứng có hiệu quả yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng các ngành đào tạo. Ngoài ra từ những kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học và hợp tác quốc tế, Trường đã tạo ra một số sản phẩm phục vụ cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường sống.

## **1.2. Giới thiệu về Bộ môn Phụ sản**

Ngay từ ngày đầu thành lập Trường, Bộ môn Phụ sản là Bộ môn chủ chốt trong các chương trình đào tạo đại học của Trường, từ năm 1990 Bộ môn tham gia đào tạo trình độ CKI chuyên ngành Sản phụ khoa, hiện tại Bộ môn đang đào tạo CKII Sản phụ khoa, CKI Sản phụ khoa, Bác sĩ nội trú Sản phụ khoa, các CTĐT chuyên khoa cơ bản và Kỹ thuật chuyên sâu. Đến nay, Trường đã đào tạo được: 391 CK cấp I; 43 CK cấp II; 26 BSNT chuyên ngành Sản phụ khoa.

Hiện tại bộ môn có 22 cán bộ, trong đó 01 Phó giáo sư, 04 Tiến sĩ, 08 Thạc sĩ, 05 BSCK cấp II, 03 bác sĩ, 01 kỹ thuật viên, ngoài ra Bộ môn còn có nhiều giảng viên thỉnh giảng là các Phó giáo sư, Tiến sĩ đang công tác tại các bệnh viện đầu ngành tại bệnh viện Phụ sản Trung ương.

Bộ môn Sản phụ khoa hiện đang là đối tác chính tại Việt Nam trong dự án nghiên cứu quốc tế VALID-II (Living Together with Chronic Disease: Informal Support for Diabetes Management in Vietnam Phase II: Gestational Diabetes in Vietnam), hợp tác với các trường đại học uy tín của Đan Mạch gồm: University of Copenhagen và University of Southern Denmark. Dự án tập trung vào thiết kế, triển khai và đánh giá hiệu quả các can thiệp không dùng thuốc cho phụ nữ mang thai mắc đái tháo đường thai kỳ (GDM) tại Việt Nam, áp dụng các phương pháp nghiên cứu hiện đại như thiết kế hỗn hợp và theo dõi dọc. VALID-II là dự án nghiên cứu đa trung tâm có quy mô lớn trong lĩnh vực Sản khoa, đồng thời là nền tảng kết nối học thuật giữa các giảng viên – bác sĩ của nhà trường với chuyên gia quốc tế. Thông qua dự án, nhiều học viên cao học và giảng viên đã được trực tiếp đào tạo về y học chứng cứ, phương pháp nghiên cứu can thiệp, phân tích dữ liệu và viết bài báo khoa học bằng tiếng Anh. Sự tham gia tích cực của giảng viên Bộ môn trong VALID-II là minh chứng rõ ràng cho năng lực triển khai nghiên cứu cấp quốc tế cũng như khả năng chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào đào tạo sau đại học, góp phần nâng cao chất lượng và tính hội nhập của chương trình Thạc sĩ Sản phụ khoa.



### **1.3.Cơ sở thực hành chuyên ngành Sản phụ khoa**

+ Các cơ sở dạy/học thực địa hiện có của trường bao gồm: Bệnh viện Đại học Y Thái Bình, Bệnh viện Phụ sản Thái Bình, Bệnh viện Phụ sản Trung ương với các máy móc thiết bị hiện đại luôn sẵn sàng hỗ trợ và đáp ứng nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường.

+ Bệnh viện Phụ sản Trung ương: có quy mô 1000 giường bệnh nội trú; 09 phòng chức năng; 14 khoa lâm sàng; 09 khoa cận lâm sàng; 07 trung tâm. Bệnh viện Phụ - Sản Trung ương hiện nay không chỉ là cơ sở đầu ngành của chuyên ngành phụ sản, sinh đẻ kế hoạch và sơ sinh mà còn là cơ sở đào tạo đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học, chỉ đạo tuyển và chuyên gia công nghệ về chuyên ngành phụ sản, sơ sinh trong phạm vi cả nước. Bệnh viện có bề dày truyền thống lịch sử, có đội ngũ giáo sư, bác sĩ được đào tạo cơ bản ở trong nước và được học tập nâng cao tay nghề ở các nước tiên tiến có ngành sản phụ khoa và chăm sóc sức khỏe sinh sản phát triển (Châu Âu, Mỹ, Nhật, Úc ...) có tay nghề cao, được rèn luyện trong thực tế, tâm huyết với nghề nghiệp. Hệ thống trang thiết bị phục vụ khám bệnh, chữa bệnh của bệnh viện được đầu tư theo hướng hiện đại, chuyên sâu. Các khoa, phòng, trung tâm của bệnh viện được trang bị đầy đủ các hệ thống máy xét nghiệm sinh hoá; huyết học; miễn dịch ... trong đó có nhiều hệ thống xét nghiệm mới được các quốc gia có nền y học tiên tiến trên thế giới đưa vào sử dụng như hệ thống Autodelfia (xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh); hệ thống Tendem Mass (sàng lọc các bệnh rối loạn chuyển hoá); hệ thống Sequensing (xét nghiệm QF-PCR) đã giúp thầy thuốc của bệnh viện chẩn đoán, xử trí chính xác các trường hợp bệnh.

+ Bệnh viện Phụ sản Thái Bình: là cơ sở thực hành của Trường Đại học Y Dược Thái Bình, hỗ trợ đào tạo bác sĩ đa khoa, chuyên khoa cấp 1, chuyên khoa cấp 2, bác sĩ nội trú của nhà trường. Bệnh viện Phụ sản Thái Bình là Bệnh viện chuyên sâu tuyển tỉnh, tổng số giường là 498 giường bệnh. Bệnh viện hiện có 18 khoa, phòng chuyên môn với 290 nhân viên y tế trong đó trên 60% cán bộ bác sĩ có trình độ sau đại học. Bệnh viện hiện có hàng trăm các máy móc hiện đại phục vụ khám chữa bệnh và đào tạo

+ Bệnh viện Đại học Y Thái Bình là cơ sở thực hành của Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Hiện nay bệnh viện có Bệnh viện hiện có 352 cán bộ, viên chức, người lao động tham gia công tác Bệnh viện (PGS: 09; TS: 24; BSCKII: 17; ThS: 106; BSCKI: 8; BS: 24; Điều dưỡng: 83; Dược sĩ: 14...) trong đó trong đó 205 cán bộ trong biên chế, 147 cán bộ hợp đồng. Với quy mô 300 giường bệnh, 150.000 lượt người đến khám chữa bệnh/năm, Bệnh viện đầu tư nhiều trang thiết bị máy móc hiện đại phục vụ cho công tác



khám, điều trị người bệnh, giảng dạy và nghiên cứu khoa học, các máy móc như: Hệ thống chụp Cắt lớp vi tính 32 dãy, máy Xét nghiệm Sinh Hóa AU480, Máy xét nghiệm miễn dịch tự động Immulite 1000; máy chụp X-quang kỹ thuật số; máy X-quang chụp răng toàn cảnh; máy siêu âm tổng quát; máy siêu âm 4 chiều; máy siêu âm Doppler tim mạch; Hệ thống nội soi dạ dày, đại tràng ống mềm OLYMPUS-H170; máy tán sỏi ngoài cơ thể; Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng, hệ thống phẫu thuật nội soi Sản phụ khoa, Hệ thống phẫu thuật nội soi mũi xoang.

#### **1.4. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo**

Ngành đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ có trong danh mục giáo dục đào tạo cấp IV hiện hành với mã số 872.0105 quy định tại Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT thuộc khối ngành sức khỏe. Ngành đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ do Trường Đại học Y Dược Thái Bình trực tiếp quản lý và đào tạo đáp ứng yêu cầu về đào tạo trình độ thạc sĩ theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 648/QĐ-YDTB ngày 26/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Tính đến thời điểm hiện tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức quản lý và đào tạo trình độ đại học và sau đại học ở các ngành đang đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật.

### **2. Sự cần thiết phải xây dựng đề án**

#### **2.1. Nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa**

Nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân Thủ tướng chính phủ đã có Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Chiến lược). Trong đó có chiến lược phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu, đặc biệt nhân lực cho y tế cơ sở, khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, biển đảo; tiến tới đạt cơ cấu hợp lý giữa bác sĩ và điều dưỡng; bảo đảm cân đối giữa đào tạo và sử dụng nhân lực y tế. Bộ Y tế đã dự báo về việc bổ sung nhân lực y tế giai đoạn 2023-2030 cho tuyển tỉnh/thành phố, chuyên khoa sau đại học cần 16.406 người. Trường Đại học Y Dược Thái Bình đã tiến hành khảo sát đại diện lãnh đạo Sở Y tế của tỉnh Thái Bình và 8 tỉnh lân cận, lãnh đạo của các bệnh viện tuyển tỉnh, tuyển huyện và các bác sĩ của các khoa Sản bệnh viện tuyển huyện trở lên, kết quả cho thấy 100% người trả lời khảo sát có nhu cầu cần thiết mở thạc sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa.



Nghị quyết của Hội đồng Trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình về Chiến lược phát triển Trường Đại học Y Dược Thái Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 đã xác định: Đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực khoa học sức khỏe chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế, cơ cấu ngành đào tạo phù hợp với thế mạnh của Trường và yêu cầu của đất nước. Xây dựng kế hoạch mở 01 ngành đào tạo tại Đại học, 05 ngành sau đại học mới.

## **2.2. Lý do mở ngành đào tạo thạc sĩ ngành Sản phụ khoa**

- Tính phổ biến và đa dạng của bệnh lý Sản phụ khoa (SPK): Hiện nay, xã hội luôn đổi mới và không ngừng phát triển, nhiều người luôn bận rộn áp lực với công việc cũng đồng nghĩa với lối sống và cách ăn uống thiếu khoa học, điều độ. Đồng thời những hệ lụy lớn từ thói quen uống rượu bia, thuốc lá, chất kích thích, thực phẩm bẩn và ô nhiễm môi trường đã khiến cho tỷ lệ các bệnh sản, phụ khoa gia tăng. Đặc biệt liên quan đến viêm nhiễm phụ khoa, các u xơ phần phụ, hiếm muộn ... gia tăng nhanh chóng, nhất là ở độ tuổi trẻ từ 25 - 35 tuổi. Đáng nói hơn, các bệnh lý sản khoa dù nhỏ nhất như viêm nhiễm có thể trở thành mãn tính, dẫn đến nhiều biến chứng khó lường cho sức khoẻ nếu như không được phát hiện và can thiệp kịp thời, đồng thời các cấp cứu sản khoa trực tiếp ảnh hưởng tới tính mạng của thai phụ và trẻ sơ sinh. Ngoài ra, tỷ lệ vô sinh, hiếm muộn ngày càng gia tăng nên các can thiệp với nhóm đối tượng này cũng đang là ưu tiên của ngành y tế. Các bệnh sản phụ khoa chủ yếu tập trung vào điều trị bằng thuốc, có một số trường hợp bằng phẫu thuật. Hiện nay bằng công nghệ y học hiện đại, nhiều loại bệnh cũng được kết hợp điều trị bằng thiết bị công nghệ cao.

- Nhu cầu cấp bách về đội ngũ cán bộ có trình độ cao để thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh, giải quyết những ảnh hưởng về bệnh cho cộng đồng. Các tỉnh phía Bắc, vùng xa xôi hẻo lánh còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế, giao thông, phương tiện, thuốc và cán bộ y tế có chuyên môn vững để khám bệnh, cấp cứu và điều trị các bệnh về sản phụ khoa. Điều này đã trở thành nhiệm vụ trọng tâm và quan trọng của Nhà nước, của ngành y tế. Để đáp ứng một trong những yêu cầu đó là cần phải đào tạo đội ngũ bác sĩ Sản phụ khoa chuyên sâu nắm vững về lý thuyết và có tay nghề cao trong chuyên ngành. Từ thực tế đó, để đáp ứng yêu cầu cấp bách hiện nay về phương diện chẩn đoán sớm, điều trị kịp thời và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên ngành Sản phụ khoa, Trường Đại học Y Dược Thái Bình xin mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa. Công tác đào tạo nhằm mục đích:



+ Cung cấp những cán bộ có trình độ chuyên sâu cho tuyển tỉnh, tuyển huyện để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, nghiên cứu khoa học về chuyên ngành Sản phụ khoa.

+ Góp phần nâng cao chất lượng cán bộ, nâng cao chất lượng chẩn đoán và điều trị, can thiệp, phòng bệnh tại bệnh viện, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

### **3. Điều kiện về chương trình đào tạo mở ngành**

Trường Đại học Y Dược Thái Bình đã xây dựng CTĐT thạc sĩ ngành Sản phụ khoa theo định hướng ứng dụng, chương trình có đủ đề cương chi tiết học phần được xây dựng theo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022 ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Trường đã ban hành Kế hoạch số 339/KH-YDTB ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Nội khoa và sản phụ khoa

Trường đã ban hành Quyết định số 930/QĐ-YDTB ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc Thành lập Ban xây dựng Đề án mở ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ.

Trường đã ban hành Quyết định số 1304/QĐ-YDTB ngày 16 tháng 7 năm 2024 về việc thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ, Hội đồng đã xây dựng CTĐT cụ thể:

Tổng số tín chỉ toàn khóa: **68 tín chỉ** (bắt buộc: 55 tín chỉ; tự chọn: 13 tín chỉ)

Trong đó:

- Phần kiến thức chung: **11** tín chỉ (Triết học, tin học, PPNCKH, PPDH);
- Phần kiến thức cơ sở và hỗ trợ: **10** tín chỉ (07 bắt buộc, 03 tự chọn);
- Phần kiến thức chuyên ngành: **40** tín chỉ (30 bắt buộc, 10 tự chọn);
- Phần luận văn tốt nghiệp: **07** tín chỉ (bắt buộc)

Trường đã ban hành Quyết định số 1487/QĐ-YDTB ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc ban hành Chuẩn đầu ra CTĐT trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa

Trường đã tổ chức thẩm định CTĐT theo Quyết định số 2248/QĐ-YDTB ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT ngành Sản phụ khoa



trình độ Thạc sĩ (có Biên bản thẩm định), sau đó HĐ XD CTĐT đã chỉnh sửa hoàn thiện theo ý kiến đóng góp của Hội đồng thẩm định.

Trường đã ra Quyết định số 735A/QĐ-YDTB ngày 14 tháng 04 năm 2025 về việc ban hành CTĐT ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ.

CTĐT ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua

#### 4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

##### 4.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

Trường Đại học Y Dược Thái Bình có đủ 5 giảng viên có trình độ Tiến sĩ ngành phù hợp trong đó có 1 PGS.TS đủ tiêu chuẩn người chủ trì mở ngành, các giảng viên cơ hữu đều đủ tiêu chuẩn là người hướng dẫn luận văn, đề án theo quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ quy định tại Khoản 4 điều 8 Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT,

**Bảng 4.1 Danh sách giảng viên cơ hữu chịu trách nhiệm mở ngành**

STT	Họ và tên, Năm sinh	Trình độ, nước (năm TN), chức danh KH, học hàm	Ngành ĐT ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Số công trình KH đã công bố trong 5 năm gần nhất
1	Ninh Văn Minh 1959	TS. Việt Nam (2003) PGS (2013)	Sản phụ khoa	2
2	Bùi Minh Tiến 1975	TS. Việt Nam (2012)	Sản phụ khoa	16
3	Đặng Thị Hồng Thiện 1975	TS. Việt Nam (2020)	Sản phụ khoa	12
4	Nguyễn Trung Kiên 1982	TS. Việt Nam (2021)	Sản phụ khoa	19
5	Nguyễn Đăng Kiên 1991	TS. Úc (2023)	Sản phụ khoa	12

**Bảng 4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy thực hành lâm sàng các học phần chuyên ngành**

STT	Họ và tên, Năm sinh	Trình độ, nước (năm TN), chức danh KH, học hàm	Ngành ĐT ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Ghi chú
-----	---------------------	---	---------------------------------------	---------



1	Lê Hải Dương 1977	CK cấp II. Việt Nam (2012)	Sản phụ khoa	
2	Nguyễn Thị Tuyết 1979	CK cấp II. Việt Nam (2014)	Sản phụ khoa	
3	Đình Văn Hoàn 1981	CK cấp II. Việt Nam (2021)	Sản phụ khoa	
4	Nguyễn Văn Hiền	CK cấp II. Việt Nam (2021)	Sản phụ khoa	

**Bảng 4.3. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần chung, cơ sở, hỗ trợ**

STT	Họ và tên, Năm sinh	Trình độ, nước (năm TN), chức danh KH, học hàm	Ngành ĐT ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Học phần tham gia
1	Hà Kim Hoàn	Tiến sĩ. Việt Nam (2023)	Triết học	Triết học
2	Nguyễn Thị Thanh Duyên	Thạc sĩ. Việt Nam (2007)	Toán tin	Tin học
3	Vũ Thị Loan 1977	Tiến sĩ. Việt Nam (2023)	YTCC	PPDH
4	Vũ Phong Túc 1970	Tiến sĩ Thái Lan (2007) PGS (2013)	Y học nhiệt đới	PPNCKH
5	Vũ Duy Tùng 1979	Tiến sĩ. Việt Nam (2016)	Giải phẫu người	Giải phẫu ứng dụng trong SPK
6	Phan Văn Cương 1979	Tiến sĩ. Việt Nam (2016)	Ung bướu	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và NK cơ bản
7	Lê Thị Hồng Thúy 1972	CK cấp II. Việt Nam (2018)	Huyết học	Huyết học lâm sàng
8	Trần Thị Vân Anh 1977	Tiến sĩ. Việt Nam (2013)	Y học	Dị ứng miễn dịch lâm sàng
9	Nguyễn Ngọc Trung 1982	Tiến sĩ. Việt Nam (2013)	CDHA	Chẩn đoán hình ảnh

### 5. Điều kiện về cơ sở vật chất

+ Trường Đại học Y Dược Thái Bình đầy đủ phòng học, phòng thực hành, phòng nghiên cứu với đủ trang thiết bị đảm bảo cho học viên học tập và nghiên cứu trong đó có



221 Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của Giáo sư, Phó Giáo sư, giảng viên cơ hữu với diện tích xây dựng trên 10 nghìn m<sup>2</sup>

+ Thư viện và Trung tâm CNTT, Trung tâm học liệu Trường Đại học Y Dược Thái Bình có diện tích khoảng 2.536 m<sup>2</sup>, được chia thành các bộ phận: Kho sách Giáo trình; Kho sách tham khảo tiếng việt, tham khảo ngoại văn; Phòng đọc mở; Phòng truy cập Thư viện điện tử; Phòng tự học; Phòng đọc sách văn hóa xã hội. Thư viện phục vụ hơn 7000 độc giả là cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên. Nguồn lực thông tin Thư viện có 3500 đầu sách tương đương 80.000 tài liệu bao gồm: Sách tham khảo tiếng việt, sách tham khảo ngoại văn, sách giáo trình, luận án, luận văn, khoá luận, các loại báo, tạp chí và hơn 2000 đĩa CD-ROM về lĩnh vực Y, Dược học.

#### **6. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo**

- Trường có Phòng QLĐT sau đại học với 6 cán bộ, trong đó có 01 trưởng phòng, 01 phó phòng, 03 giảng viên và 01 kỹ thuật viên.
- Trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách quản lý công tác đào tạo sau đại học, kiêm Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Thái Bình
- Hàng năm trường có quyết định phân công cố vấn học tập cho các khóa học viên đào tạo trình độ Thạc sĩ.
- Hàng năm Trường có quyết định phân công Giáo vụ và Giáo vụ sau đại học của các bộ môn.

Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1.	Nguyễn Xuân Bái, 1970, Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo Sau đại học	PGS, 2014 Tiến sĩ, 2010	Mô phôi	
2.	Lê Đức Cường, 1972, Trưởng phòng QLĐT SDH	Tiến sĩ, 2013	Sức khỏe môi trường và bệnh nghề nghiệp	
3.	Hoàng Minh Nhữ, 1976, Phó trưởng phòng	Thạc sĩ, BSCKII, 2019	Ngoại khoa	
4.	Trương Công Đạt, 1981, Giảng viên	BSCKII, 2018	Y tế công cộng	



5.	Bùi Thị Huyền Diệu, 1985, Giảng viên	Tiến sĩ, 2018	Thống kê và dịch tễ học	
6.	Ngô Văn Mạnh, 1984, Giảng viên	Tiến sĩ, 2017	Răng hàm mặt	
7.	Vũ Thị Loan, 1983, KTV	Cử nhân, 2017	Công tác xã hội	
8.	Bùi Minh Tiến, 1975, Trưởng BM Phụ sản	Tiến sĩ, 2021	Sản phụ khoa	
9.	Nguyễn Trung Kiên, 1982, Giáo vụ Sau đại học BM Phụ sản	Tiến sĩ, 2021	Sản phụ khoa	

## **7. Phương án giải pháp đề phòng, ngăn ngừa rủi ro trong mở ngành đào tạo**

### **7.1. Phân tích tình hình, dự báo rủi ro**

- Ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ (ngành dự kiến mở) của Trường đáp ứng đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng theo quy định, xác định nhu cầu thực tiễn của ngành y, trước khi mở ngành Nhà trường cũng đã khảo sát lãnh đạo các sở Y tế, các bác sĩ đang công tác tại các Bệnh viện tuyến huyện và tuyến tỉnh đa số cho rằng rất có nhu cầu hoặc có nhu cầu. Tuy nhiên, để có được cái nhìn toàn diện theo sự phát triển ngày càng nhanh của xã hội, một số rủi ro cần phải cân nhắc và có phương án ngăn ngừa và xử lý. Dưới đây là một số rủi ro khi mở ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ và triển khai tuyển sinh:

- Trường hợp không tuyển sinh đủ chỉ tiêu hoặc tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện để mở lớp;

- Người học bỏ học, chậm tiến độ do gặp khó khăn đột xuất về kinh tế nên không hoàn thành nghĩa vụ tài chính; người học chọn lựa ngành học chưa phù hợp nên khó hoàn thành CTĐT; không đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; do quá bận công tác, hoặc do chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu.

- Sự biến động về đội ngũ giảng viên do thiếu lực lượng kế thừa khi giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác;

- Rủi ro về tuyển sinh: Sự cạnh tranh với các trường đào tạo khác, đặc biệt là các trường đào tạo trong khu vực;

- Rủi ro về bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

### **7.2. Giải pháp và phương án phòng ngừa rủi ro**

*7.2.1. Trường hợp không tuyển sinh đủ hoặc tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện mở lớp*



- Trong trường hợp tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện để mở lớp, đơn vị đào tạo sẽ tăng cường liên kết với đơn vị sử dụng lao động để thu hút người học; luôn định kỳ đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu hút người học.

- Tổ chức tạo điều kiện, khuyến khích các học viên Bác sĩ nội trú Sản từ năm thứ 2 trở đi hoặc các BSNT tốt nghiệp trong thời hạn 5 năm có thể thi tuyển đầu vào Thạc sĩ Sản phụ để học và nhận bằng Thạc sĩ, một số học phần đủ điều kiện có thể miễn học cho học viên BSNT.

#### *7.2.2. Trường hợp người học bỏ học, chậm tiến độ*

Vấn đề người học bỏ học, chậm tiến độ cũng gặp phải đối với tất cả các ngành đang đào tạo tại trường Đại học Y Dược Thái Bình hiện nay.

- Giải pháp chung: Cần có chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy phù hợp với người học và hỗ trợ người học cụ thể, rõ ràng và hiệu quả tạo sự tin tưởng, an tâm từ người học; đảm bảo đội ngũ giảng viên giỏi về chuyên môn và có phương pháp giảng dạy hiện đại, phù hợp để tạo sự hứng thú cho người học. Trường chú trọng xây dựng các chính sách, quy định về mặt quản lý và thủ tục hành chính đơn giản, thuận tiện sẽ góp phần hạn chế, khắc phục được việc người học bỏ học, học chậm tiến độ

- Giải pháp cụ thể đã và đang áp dụng

+ Cố vấn học tập theo dõi sát sao quá trình học tập của người học, nắm bắt thông tin phát hiện các nguyên nhân người học bỏ học, chậm trễ tiến độ để kịp thời có phương án giải quyết.

+ Phòng QLĐT Sau đại học mỗi học kỳ sẽ có các thống kê tình trạng học tập, tình hình nợ học phí của người học gửi về các đơn vị đào tạo; trên cơ sở đó, các đơn vị đào tạo kịp thời thông tin, trao đổi với người học để tìm hiểu nguyên nhân, từ đó có phương án hỗ trợ.

+ Người học sau đại học chủ yếu là những người đã có cơ quan công tác với những trường hợp gặp khó khăn về tài chính, Trường sẽ trao đổi với đơn vị công tác để tháo gỡ khó khăn cho học viên

+ Với trường hợp không theo kịp tiến độ do gặp khó khăn về hoàn thành ngoại ngữ: Cố vấn học tập nhắc nhở thường xuyên về yêu cầu ngoại ngữ. Trường đã thỏa thuận với Công ty Cổ phần nghiên cứu ứng dụng và thực nghiệm công nghệ REAP và đang làm thủ tục xin phép để thành lập địa điểm khảo sát bài thi Linguaskill của Hội đồng Khảo thí



tiếng Anh đại học Cambridge tại Trường để tạo điều kiện cho người học thi tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra.

+ Với trường hợp không theo kịp tiến độ do quá bận công tác hay chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu: cán bộ quản lý ngành cần định hướng, nhắc nhở tiến trình học tập, hỗ trợ điều chỉnh kế hoạch học tập để học tập để người học có thể hoàn thành chương trình học ở mỗi học kỳ

*7.2.3. Sự biến động về đội ngũ giảng viên do thiếu lực lượng kế thừa khi giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác*

- Các giảng viên tham gia đào tạo trình độ Thạc sĩ Sản phụ khoa hầu hết là cán bộ trẻ sinh từ năm 1974 trở lại đây nên còn nhiều thời gian cống hiến cho Trường

- Trường có chính sách hỗ trợ và động viên phù hợp để các cán bộ trẻ tích thực học tập nâng cao trình độ (Bộ môn Phụ sản hiện có 1 thạc sĩ chuẩn bị tốt nghiệp)

- Trường có chính sách thu hút giảng viên có trình độ cao về công tác tại Trường

- Trường phối hợp với các cơ sở thực hành để bổ nhiệm chéo các cán bộ có trình độ, học hàm học vị tham gia giảng dạy và quản lý tại Bộ môn.

*7.2.4. Sự cạnh tranh với các trường đào tạo khác, đặc biệt là các trường đào tạo trong khu vực*

Sự gia tăng các cơ sở đào tạo đối với ngành Sản phụ khoa trình độ thạc sĩ là điều tất yếu.

*Phương án phòng ngừa:*

- Đảm bảo chất lượng đào tạo và nâng cao uy tín của trường đại học để thu hút giảng viên có trình độ cao và giúp người học cảm thấy tin tưởng hơn về chất lượng đào tạo của trường.

- Khảo sát định kỳ nhu cầu thực tiễn của người sử dụng lao động, chuyên gia để kịp thời điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo qua đó tạo sự cạnh tranh về chất lượng và thương hiệu đối với các cơ sở đào tạo khác.

- Đẩy mạnh công tác tuyển sinh: Công tác tuyên truyền và tư vấn tuyển sinh là quan trọng. Việc giới thiệu ngành đào tạo và tư vấn tuyển sinh được thực hiện liên tục thông qua nhiều kênh khác nhau từ trực tiếp đến trực tuyến và bao gồm nhiều cấp độ khác nhau từ cấp trường, khoa đến cấp bộ môn để đảm bảo việc tư vấn tuyển sinh đạt hiệu quả cao nhất nhằm duy trì việc đào tạo và phát triển ngành trong tương lai.

*7.2.5. Trường hợp rủi ro liên quan tới chuẩn đầu ra ngoại ngữ*

- Tổ chức học các chứng chỉ ngoại ngữ cho học viên



- Phối hợp với các tổ chức để nhà trường tổ chức thi chứng chỉ ngoại ngữ linguaskills cho người học trước tốt nghiệp

#### 7.2.6. Trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Nếu ngành đào tạo Sản phụ khoa trình độ thạc sĩ không đáp ứng được tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thì Nhà trường có thể bị đình chỉ ngành đào tạo này.

Trong trường hợp này, một số phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, nhà trường và các bên liên quan, cụ thể như sau:

- Đối với giảng viên, trong trường hợp buộc phải đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo, Trường cần có kế hoạch, thông báo để cho giảng viên có sự chủ động trong sắp xếp công việc; tiếp tục tạo điều kiện cho giảng viên giảng dạy ở các trình độ Chuyên khoa 2 hoặc bác sĩ nội trú cùng chuyên ngành.

- Đối với người học, Nhà trường đã ký kết biên bản hợp tác toàn diện trong đào tạo và nghiên cứu khoa học với Trường Đại học Y Hà Nội vì vậy có thể gửi người học tham gia tiếp chương trình Thạc sĩ tại Trường Đại học Y Hà Nội hoặc chuyển trường cho người học theo nguyện vọng.

- Thực hiện các hành động khắc phục nguyên nhân bị đình chỉ trong thời gian sớm nhất để BGD&ĐT ban hành quyết định cho phép hoạt động ngành đào tạo trở lại.

### 8. Tự đánh giá

Trên đây là những điều kiện của Trường Đại học Y Dược Thái Bình về chương trình đào tạo, năng lực cán bộ, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu học tập để chuẩn bị cho việc mở mã ngành đào tạo mới, đã được Nhà Trường xây dựng đáp ứng các tiêu chí theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trường Đại học Y Dược Thái Bình cam kết triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong đề án, bảo đảm chất lượng đào tạo ngành Sản phụ khoa trình độ thạc sĩ theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho vùng Đồng bằng Bắc bộ và cả nước.

Trân trọng cảm ơn./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, QLĐT SDH.





Thái Bình, ngày 08 tháng 01 năm 2024

Số: 124/NQ-HĐTYDTB

## NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt một số nội dung về công tác đào tạo đại học và sau đại học  
của Trường Đại học Y Dược Thái Bình

### HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Quyết định số 3862/QĐ-BYT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐTYDTB ngày 24/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Xét Tờ trình số 1295/TTr-YDTB ngày 15/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc đề nghị phê duyệt một số nội dung về công tác đào tạo đại học và sau đại học của Trường Đại học Y Dược Thái Bình; Báo cáo thẩm tra và đề xuất của Ban Đào tạo và Khoa học công nghệ ngày 20/12/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-HĐTYDTB ngày 02/01/2024 về việc ban hành Nghị quyết Phiên họp lần thứ 16 Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình, nhiệm kỳ 2020-2025;

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt một số nội dung về công tác đào tạo đại học và sau đại học của Trường Đại học Y Dược Thái Bình, cụ thể như sau:

#### 1. Đào tạo đại học

Xây dựng, rà soát và cập nhật học phần tốt nghiệp đối với các đối tượng đào tạo đại học từ năm học 2023-2024.

- Hình thức thi học phần tốt nghiệp lý thuyết chuyên môn:

+ Năm 2024 chỉ tổ chức thi bằng hình thức thi viết đối với sinh viên cuối khóa các ngành chưa đủ điều kiện tốt nghiệp tại thời điểm tháng 6 năm 2023, sinh viên cuối khóa ngành Y tế công cộng và sinh viên cuối khóa đào tạo theo niên chế. Các đối tượng khác thuộc các ngành Y khoa, Y học cổ truyền, Dược học và Điều dưỡng tổ chức thi lý thuyết bằng hình thức trắc nghiệm khách quan trên máy tính.

+ Từ năm 2025 chỉ tổ chức thi bằng hình thức trắc nghiệm khách quan trên máy tính đối với sinh viên các ngành đào tạo trình độ đại học.



- Hình thức thi học phần tốt nghiệp thực hành chuyên môn:

+ Năm 2024 giữ ổn định hình thức thi giống năm 2023, khuyến khích các đơn vị triển khai tổ chức thi OSCE đối với ngành Điều dưỡng và ngành Y khoa.

+ Từ năm 2025 từng bước áp dụng thêm hoặc chuyển đổi hoàn toàn sang hình thức thi chạy trạm/OSCE đối với các ngành đào tạo đại học.

- Thi tốt nghiệp các môn Lý luận chính trị (bằng hình thức thi viết):

+ Năm 2024 chỉ tổ chức thi đối với sinh viên cuối khóa đào tạo theo niên chế và sinh viên cuối khóa của các ngành chưa đủ điều kiện tốt nghiệp tại thời điểm tháng 6 năm 2023.

+ Từ năm 2025 trở đi chỉ tổ chức thi đối với các sinh viên cuối khóa đào tạo theo niên chế (nếu có).

## 2. Đào tạo sau đại học

- Chính sửa, cập nhật quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ đã ban hành theo quyết định số 848/QĐ-YDTB ngày 20 tháng 6 năm 2022 phù hợp với quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện thực tế của Nhà trường.

- Chính sửa, cập nhật quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ đã ban hành theo quyết định số 849/QĐ-YDTB ngày 20 tháng 6 năm 2022 phù hợp với chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng và điều kiện thực tế của Nhà trường.

- Chuyển đổi các chương trình đào tạo bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa cấp I và bác sĩ chuyên khoa cấp II sang đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Nội khoa và Sản phụ khoa.

**Điều 2.** Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Hội đồng trường giao Hiệu trưởng Nhà trường tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

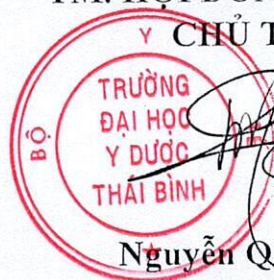
Các thành viên Hội đồng trường, Ban Giám sát, Ban Đào tạo và Khoa học công nghệ giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Đảng ủy;
- Lưu: VPĐU, VPHĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

Y CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Tiên



## **PHỤ LỤC**

- **QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**
- **QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**
- **BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO,**
- **BIÊN BẢN GIẢI TRÌNH SỬA CHỮA CTĐT SAU THẨM  
ĐỊNH**
- **QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐỀ  
ÁN**
- **BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN**
- **BIÊN BẢN GIẢI TRÌNH SỬA CHỮA ĐỀ ÁN SAU THẨM  
ĐỊNH**



BỘ Y TẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC  
THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1027 /QĐ-YDTB

Thái Bình, ngày 23 tháng 5 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

V/v Thành lập Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành đào tạo Sản phụ khoa  
Trình độ Thạc sĩ

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Căn cứ Nghị quyết số 18/QĐ-HĐT YDTB ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành Đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học,

### QUYẾT ĐỊNH:



Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Y Dược Thái Bình (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng làm việc theo Quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo đã ban hành và giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng QLĐT SĐH, phòng TCKT, Bộ môn Phụ sản và các cán bộ có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, QLĐT SĐH.

HIỆU TRƯỞNG   
  
PGS.TS. Nguyễn Duy Cường



**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO  
SẢN PHẨM KHOA TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Kèm theo Quyết định số. 1024... QĐ-YDTB ngày 23.. tháng 5... năm 2025*

**1. Hội đồng Thẩm định Đề án**

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Trách nhiệm
1	PGS.TS Nguyễn Xuân Bái	Phó Hiệu trưởng, GD BV	Chủ tịch Hội đồng
2	PGS.TS Vũ Văn Du	BV Phụ sản Trung ương	Phản biện 1
3	TS. Phan Văn Cương	Phó Trưởng PT BM Ngoại	Phản biện 2
4	TS. Vũ Thị Loan	Phụ trách TTPT Giảng viên	Ủy viên
5	TS. Nguyễn Đăng Kiên	GV Bộ môn Phụ sản	Ủy viên

**2. Thư ký**

TS. Bùi Thị Huyền Diệu - GV phòng QLĐT SDH



Thái Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2025

## BIÊN BẢN

### Họp thẩm định đề án mở ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Y Dược Thái Bình

#### THÔNG TIN CHUNG

I. Thời gian: Từ 15h00' đến 17h00 ngày 27/6/2025.

II. Địa điểm: Trường Đại học Y Dược Thái Bình (số 373 Lý Bôn, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình).

#### III. Thành phần:

- PGS. TS. Nguyễn Xuân Bái, Chủ tịch hội đồng
- PGS. TS. Vũ Văn Du- Bệnh viện Phụ sản Trung ương, Phản biện 1.
- TS. Phan Văn Cương- Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Phản biện 2.
- TS. Vũ Thị Loan- Trường Đại học Y Dược Thái Bình- Ủy viên.
- TS. Nguyễn Đăng Kiên- - Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Ủy viên.
- TS. Bùi Thị Huyền Diệu - Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Thư ký

#### THẨM QUAN CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA NHÀ TRƯỜNG

- Tổng diện tích đất của Trường: 86282,5 m<sup>2</sup>; Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH của Trường: 23489 m<sup>2</sup>; Diện tích đất/sinh viên: 13,75 m<sup>2</sup>; Diện tích sàn/sinh viên: 3,74 m<sup>2</sup>.

- Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Thái Bình

- Phòng thí nghiệm: 09; Phòng Thực hành: 55; Hội trường: 02; Phòng học 84 đa phương tiện: 04; Các phòng đa chức năng khác: 33

- Thư viện: Số đầu sách, tạp chí, e-book, CSDL: 2240; Có nhiều loại sách giáo khoa phục vụ học tập của Học viên; Các loại tạp chí Y học trong và ngoài nước; Thư viện điện tử: Học viên học viên Sau đại học được khai thác miễn phí.

- Trung tâm tin học có trên 50 máy vi tính phục vụ cho học viên học tập học phần tin học, nhập và phân tích số liệu, chuẩn bị báo cáo luận văn, luận án.

- Trung tâm Mô phỏng và huấn luyện kỹ năng y khoa: có đầy đủ các mô hình hiện đại liên quan tới giảng dạy sản phụ khoa



## HỌP THẨM ĐỊNH

### 1. Phần chung:

- TS. Bùi Thị Huyền Diệu: Công bố quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc thành lập hội đồng thẩm định đề án mở ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

- PGS. TS. Nguyễn Xuân Bái, Chủ tịch hội đồng điều hành buổi thẩm định.

### 2. Thẩm định năng lực đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ

- Đại diện nhà trường trình bày hồ sơ về năng lực đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ, cụ thể:

- Về chương trình đào tạo: Tổng 68 tín chỉ; các môn chung: 16,2%. Các môn cơ sở: 14,7%, các môn chuyên ngành và luận văn tốt nghiệp: 69,1%

- Về đội ngũ giảng viên: Giảng viên cơ hữu chuyên ngành: 09 (01 PGS, 04 TS và 04 CKII); Giảng viên cơ hữu dạy các môn cơ sở, hỗ trợ: 9 giảng viên.

- Về cơ sở vật chất: Thư viện giảng đường, phòng thực hành đạt yêu cầu theo quy định.

### 3. Ý kiến của các chuyên gia:

- PGS.TS. Vũ Văn Du, Phó Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Trung ương: Trường đại học Y Dược Thái Bình đủ điều kiện nhận nhiệm vụ đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ (Bản nhận xét chi tiết kèm theo).

- TS. Phan Văn Cương, Giảng viên cao cấp, Bộ môn Ngoại, Trường Đại học Y Dược Thái Bình: Trường đại học Y Dược Thái Bình đủ điều kiện nhận nhiệm vụ đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ (Bản nhận xét chi tiết kèm theo).

- TS. Nguyễn Đăng Kiên, Giảng viên bộ môn Phụ sản, Trường Đại học Y Dược Thái Bình: Trường đại học Y Dược Thái Bình đủ điều kiện nhận nhiệm vụ đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ (Bản nhận xét chi tiết kèm theo).

- TS. Vũ Thị Loan, Phụ trách Trung tâm phát triển giảng viên, Trường Đại học Y Dược Thái Bình: Trường đại học Y Dược Thái Bình đủ điều kiện nhận nhiệm vụ đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ (Bản nhận xét chi tiết kèm theo).

### 4. Kết luận của chủ tịch hội đồng

Trường Đại học Y Dược Thái Bình đủ điều kiện nhận nhiệm vụ đào tạo chuyên ngành Sản phụ khoa trình độ thạc sĩ sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến góp ý của đoàn thẩm định, cụ thể như sau:

- Bổ sung các trang thiết bị chuyên môn liên quan tới sản phụ khoa.
- Bổ sung vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp



- Bổ sung quy chế quy đổi điểm cho người học từ hệ Bác sĩ nội trú sản phụ khoa sang học thạc sĩ sản phụ khoa
- Bổ sung số lượng tuyển sinh hàng năm và cụ thể hơn điều kiện tốt nghiệp
- Bổ sung rủi ro liên quan tới CDR ngoại ngữ và các biện pháp giải quyết rủi ro: bồi dưỡng, phối hợp tổ chức thi chứng chỉ linguaskills....
- Bổ sung các dự án hợp tác quốc tế của bộ môn Phụ sản.
- Bổ sung cam kết hành động đảm bảo chất lượng ngành học sau khi được mở ngành
- Bổ sung bảng đối chiếu ít nhất 2 trường đào tạo, so sánh để thấy được sự tương đồng về chương trình đào tạo.
- Chính sửa lại Form mẫu của đề cương chi tiết học phần sao cho thống nhất
- Tăng thời lượng làm luận văn
- Rà soát các tài liệu tham khảo và cập nhật tài liệu tham khảo trong 05 năm gần đây.
- Chính sửa lỗi đánh máy

#### **5. Phản hồi của nhà trường và các cơ quan có liên quan**

Trường Đại học Y Dược Thái Bình xin tiếp thu các ý kiến của các thầy cô chuyên gia và đoàn thẩm định. Đề nghị Bộ môn Phụ sản chỉnh sửa và nhà trường hoàn thiện hồ sơ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo

#### **6. Kết luận của chủ tịch hội đồng**

Trường Đại học Y Dược Thái Bình đủ điều kiện nhận nhiệm vụ đào tạo chuyên ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến góp ý của hội đồng

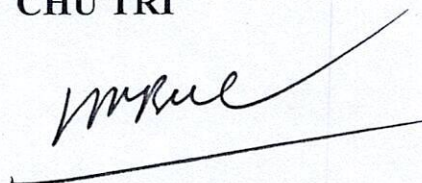
Cuộc họp kết thúc hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày. Biên bản đã được thông qua./.

**THƯ KÝ**



**TS. Bùi Thị Huyền Diệu**

**CHỦ TRÌ**



**PGS.TS. Nguyễn Xuân Bái**



Hưng Yên, ngày tháng 7 năm 2025

**BIÊN BẢN GIẢI TRÌNH  
CHỈNH SỬA HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NHẬN NHIỆM VỤ  
ĐÀO TẠO SẢN PHỤ KHOA TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**Chuyên ngành đào tạo:** Sản phụ khoa ;

**Mã số:** CK. 8720105

**Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ

*Hội đồng thành lập theo Quyết định số 1027/QĐ-YDTB ngày 23/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc thành lập Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ.*

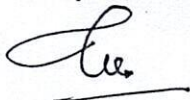
*Căn cứ nội dung nhận xét, góp ý của các thành viên Hội đồng thẩm định Hồ sơ đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa đã họp ngày 27 tháng 06 năm 2025 tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Nhà trường đã họp Ban soạn thảo Hồ sơ đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo và thống nhất một số nội dung bổ sung, chỉnh sửa cụ thể như sau:*

TT	Ý kiến Đoàn thẩm định	Ý kiến giải trình	Trang (hồ sơ sau thẩm định)
1	Bổ sung các trang thiết bị chuyên môn liên quan tới sản phụ khoa	Đã bổ sung các trang thiết bị liên quan tới giảng dạy Sản phụ khoa của trung tâm mô phỏng và huấn luyện lý năng	Phụ lục 8
2	Bổ sung vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp	Đã bổ sung vị trí việc làm của người học	Trang 18
3	Bổ sung điều kiện tốt nghiệp của người học	Đã bổ sung điều kiện tốt nghiệp của người học	Trang 17
4	Bổ sung quy chế quy đổi điểm cho người học từ hệ Bác sĩ nội trú sản phụ khoa sang học thạc sĩ sản phụ khoa	Đã bổ sung quy chế chuyển đổi điểm từ đào tạo BSNT sang Thạc sĩ	Trang 17



TT	Ý kiến Đoàn thẩm định	Ý kiến giải trình	Trang (hồ sơ sau thẩm định)
5	Bổ sung số lượng tuyển sinh hàng năm và cụ thể hơn điều kiện tốt nghiệp	Đã bổ sung số lượng tuyển sinh hàng năm	Trang 18
6	Bổ sung rủi ro liên quan tới CDR ngoại ngữ và các biện pháp giải quyết rủi ro: bồi dưỡng, phối hợp tổ chức thi chứng chỉ linguaskills....	Đã bổ sung rủi ro	Trang 13
7	Bổ sung các dự án hợp tác quốc tế của bộ môn Phụ sản.	Đã bổ sung các dự án hợp tác của Bộ môn Phụ sản	Trang 3
8	Bổ sung bảng đối chiếu ít nhất 2 trường đào tạo, so sánh để thấy được sự tương đồng về chương trình đào tạo.	Đã bổ sung bảng đối sánh CTĐT các trường cùng chuyên ngành	Trang 19
9	Chỉnh sửa lại Form mẫu của đề cương chi tiết học phần sao cho thống nhất	Đã chỉnh sửa trong đề cương chi tiết môn học	Từ trang 20
10	Tăng thời lượng làm luận văn	Không tăng thời lượng làm luận văn do thời lượng luận văn của Thạc sĩ và BSNT Sản phụ khoa phải tương đương vì cùng đối tượng đào tạo, hiện tại thời lượng LV của BSNT chỉ 7 tín chỉ	
11	Rà soát các tài liệu tham khảo và cập nhật tài liệu tham khảo trong 05 năm gần đây.	Đã rà soát và cập nhật tài liệu tham khảo trong các môn học trong chương trình đào tạo	
12	Chỉnh sửa lỗi đánh máy	Các lỗi đánh máy đã được chỉnh sửa	

**TRƯỞNG BỘ MÔN  
PHỤ SẢN**



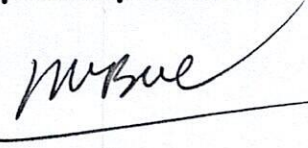
**TS. Bùi Minh Tiến**

**TRƯỞNG PHÒNG  
QLĐT SAU ĐẠI HỌC**



**TS. Lê Đức Cường**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PGS.TS. Nguyễn Xuân Bái**



BỘ Y TẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC  
THÁI BÌNH

Số: 435A /QĐ-YDTB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 14 tháng 4 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Chương trình đào tạo ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ  
Định hướng ứng dụng

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Căn cứ Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Thái Bình thành Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 18/QĐ-HĐTYDTB ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-YDTB ngày 26/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng Thẩm định Chương trình đào tạo ngành Sản phụ khoa, trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ, định hướng ứng dụng (mã số 872.0105) của Trường Đại học Y Dược Thái Bình (đính kèm theo Chương trình đào tạo).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng QLĐT SĐH, Bộ môn Phụ sản và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, QLĐT SĐH.





**QUYẾT ĐỊNH**

V/v Thành lập Hội đồng xây dựng Chương trình đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH**

Căn cứ Nghị quyết số 18/QĐ-HĐTYDTB ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành Đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 648/QĐ-YDTB ngày 26/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-YDTB ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc thành lập ban xây dựng Đề án mở ngành đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng Xây dựng chương trình đào tạo ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Y Dược Thái Bình gồm các ông/bà có tên sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Trách nhiệm
1	PGS.TS Nguyễn Xuân Bái	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	TS. Bùi Minh Tiến	Trưởng Bộ môn Phụ sản	Phó Chủ tịch HĐ
3	TS. Nguyễn Thị Hồng Thiện	BVPS Trung ương	Ủy viên
4	TS. Hà Kim Hoàn	Trưởng BM Lý luận chính trị	Ủy viên
5	ThS. Vũ Thị Lê	Trưởng Bộ môn Toán tin	Ủy viên
6	TS. Vũ Thị Loan	Tổ trưởng tổ Phương pháp dạy/học	Ủy viên



7	PGS.TS. Vũ Phong Túc	Trưởng khoa Y tế công cộng	Ủy viên
8	TS. Vũ Duy Tùng	Trưởng Bộ môn Giải phẫu học	Ủy viên
9	TS. Phan Văn Cương	PTrưởng PT Bộ môn Ngoại	Ủy viên
10	TS. Trần Thị Vân Anh	Trưởng BM Sinh lý- miễn dịch học	Ủy viên
11	TS. Đặng Thị Thu Hằng	GV BM Huyết học truyền máu	Ủy viên
12	TS. Nguyễn Ngọc Trung	Trưởng BM Chẩn đoán hình ảnh	Ủy viên


Thư ký: TS. Bùi Thị Huyền Diệu - Phòng QLĐT Sau đại học


**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng làm việc theo Quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo đã ban hành và giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng QLĐT SDH, phòng TCKT, Bộ môn Phụ sản và các cán bộ có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như điều 3;
- Lưu VT, QLĐT SDH.

HIỆU TRƯỞNG 



PGS.TS. Nguyễn Duy Cường



Thái Bình, ngày tháng năm 2025

## BIÊN BẢN

### Họp thẩm định chương trình đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ

#### THÔNG TIN CHUNG

**I. Thời gian:** Từ 15h00' đến 17h00 ngày 15/03/2025.

**II. Địa điểm:** Phòng họp giao ban, tầng 3, Trường Đại học Y Dược Thái Bình

**III. Thành phần:**

(Theo Quyết định số 2248/QĐ\_YDTB ngày 06/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình)

- PGS. TS. Nguyễn Duy Cường, Chủ tịch hội đồng
- TS. Nguyễn Thị Thanh Mai- Phòng khám đa khoa Sao Mai, Phản biện 1.
- PGS.TS. Ninh Văn Minh- Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Phản biện 2.
- TS. Nguyễn Trung Kiên- Trường Đại học Y Dược Thái Bình- Ủy viên.
- TS. Trần Mạnh Hà- - Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Ủy viên.
- TS. Bùi Thị Huyền Diệu - Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Thư ký

#### NỘI DUNG

##### 1. Phần chung:

- TS. Bùi Thị Huyền Diệu: Công bố quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

- PGS. TS. Nguyễn Duy Cường, Chủ tịch hội đồng điều hành buổi thẩm định.

##### 2. Thẩm định chương trình đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ

❖ Đại diện phòng QLĐT Sau đại học trình bày về chương trình đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ, cụ thể:

- Mục tiêu chung, 04 mục tiêu cụ thể
- Chuẩn đầu ra: gồm 5 CDR về kiến thức, 09 CDR kỹ năng và 03 CDR về thái độ



- Tổng 68 tín chỉ; các môn chung: 16,2%. Các môn cơ sở: 14,6%, các môn chuyên ngành 59,0% và luận văn tốt nghiệp: 10,2 %

- Trình bày tóm tắt các môn học thuộc các học phần, cách lượng giá từng học phần.

❖ Các thành viên hội đồng đọc nhận xét, đóng góp chỉnh sửa chương trình đào tạo, đặt câu hỏi và Đại diện cơ sở đào tạo trả lời và giải trình

#### **4. Các ý kiến góp ý cần chỉnh sửa**

Trường Đại học Y Dược Thái Bình đủ điều kiện nhận nhiệm vụ đào tạo chuyên ngành Sản phụ khoa trình độ thạc sĩ sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến góp ý của đoàn thẩm định, cụ thể như sau:

- Cần chỉnh sửa mục tiêu chung cho phù hợp với thạc sĩ định hướng ứng dụng.

- Mục tiêu chung 2,3 còn dùng cụm từ “bổ sung, cập nhật”, mang tính bị động, chưa phản ánh được mức độ “nắm vững, ứng dụng và dẫn dắt thực hành nghề nghiệp”, cần chỉnh sửa mục tiêu cụ thể

- Nên bỏ chuẩn đầu ra số 14 (PLO 14) vì công bố khoa học chỉ là tiêu chí khuyến khích, không phải là tiêu chuẩn bắt buộc cho đầu ra thạc sĩ.

- Cần bổ sung bảng ma trận tương quan giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo, định lượng 3 cấp độ: H- High, M- Medium, L-Low.

- Chỉnh sửa học phần “Huyết học truyền máu” thành “Huyết học lâm sàng”

- Bổ sung số tín chỉ lý thuyết, thực hành ở khung chương trình của các học phần hỗ trợ tự chọn

- Chỉnh sửa lại Form mẫu của đề cương chi tiết học phần sao cho thống nhất

- Bổ sung Chuẩn đầu ra của các học phần chuyên ngành và tương quan với CDR của chương trình đào tạo

- Học phần Triết học cần xem xét chỉnh sửa phần CDR về kỹ năng

- Bổ sung chi tiết phương pháp lượng giá ở các học phần chuyên ngành

- Học phần “Ung thư” trong phần tự chọn nên ghi rõ “Ung thư sản khoa” tránh nhầm lẫn với bài giảng ung thư chung.



- Gộp các học phần tự chọn thành 2 mảng lớn để học viên dễ dàng lựa chọn và khu trú hơn cho giảng dạy.

- Tăng thời lượng làm luận văn

- rà soát các tài liệu tham khảo và cập nhật tài liệu tham khảo trong 05 năm gần đây.

- Chính sửa lỗi đánh máy

### **5. Phản hồi của nhà trường và các cơ quan có liên quan**

Trường Đại học Y Dược Thái Bình xin tiếp thu các ý kiến của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo. Bộ môn Phụ sản chỉnh sửa và nộp lại Phòng Quản lý đào tạo sau đại học trong thời gian sớm nhất.

### **6. Kết luận của chủ trì thẩm định**

Hội đồng đã họp riêng để thảo luận, tiến hành bỏ phiếu

Tổng số phiếu đạt yêu cầu 4/4

Kết luận: Chương trình đào tạo được chuẩn bị công phu, đầy đủ, đáp ứng yêu cầu đào tạo Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ. Hội đồng nhất trí thông qua chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa của Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua và cho phép Trường Đại học Y Dược Thái Bình được đào tạo chuyên ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ

Cuộc họp kết thúc hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày. Biên bản đã được thông qua./.

**THƯ KÝ**



**TS. Bùi Thị Huyền Diệu**

**CHỦ TRÌ**



**PGS.TS. Nguyễn Duy Cường**



Thái Bình, ngày tháng 3 năm 2025

**BIÊN BẢN GIẢI TRÌNH**  
**CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SẢN PHỤ KHOA**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**Chuyên ngành đào tạo:** Sản phụ khoa; **Mã số:** 8720105

**Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ

*Hội đồng thẩm định được thành lập theo Quyết định số 2248/QĐ\_YDTB ngày 06/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình*

*Căn cứ nội dung nhận xét, góp ý của các thành viên Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo Ngoại khoa trình độ Thạc sĩ đã họp ngày 15 tháng 3 năm 2025 tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Nhà trường đã họp Ban thẩm định CTĐT và thống nhất một số nội dung bổ sung, chỉnh sửa cụ thể như sau:*

TT	Ý kiến Đoàn thẩm định	Ý kiến giải trình	Trang (hồ sơ sau thẩm định)
1	Cần chỉnh sửa mục tiêu chung cho phù hợp với thạc sĩ định hướng ứng dụng.	Đã chỉnh sửa theo ý kiến Hội đồng	Trang 15
2	Mục tiêu chung 2,3 còn dùng cụm từ “bổ sung, cập nhật”, mang tính bị động, chưa phản ánh được mức độ “nắm vững, ứng dụng và dẫn dắt thực hành nghề nghiệp”, cần chỉnh sửa mục tiêu cụ thể	Đã chỉnh sửa theo ý kiến Hội đồng PEO2: Vận dụng kiến thức chuyên sâu và kỹ năng lâm sàng nâng cao trong chẩn đoán, điều trị, dự phòng các bệnh lý Sản phụ khoa thường gặp và phức tạp.	Trang 15

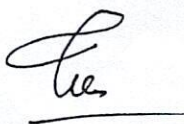


TT	Ý kiến Đoàn thẩm định	Ý kiến giải trình	Trang (hồ sơ sau thẩm định)
		PEO3: Ứng dụng và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ mới trong Sản phụ khoa vào thực hành và giảng dạy, đặc biệt tại cơ sở y tế tuyến tỉnh/tuyến cơ sở.	
3	Nên bỏ chuẩn đầu ra số 14 (PLO 14) vì công bố khoa học chỉ là tiêu chí khuyến khích, không phải là tiêu chuẩn bắt buộc cho đầu ra thạc sĩ.	Đã bỏ PLO14, số lượng CDR hiện tại còn lại là 16 CDR	Trang 15,16
4	Cần bổ sung bảng ma trận tương quan giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo, định lượng 3 cấp độ: H- High, M-Medium, L-Low	Đã bổ sung ma trận tương quan giữa CDR mà mục tiêu của CTĐR	Trang 19
5	Chỉnh sửa học phần “Huyết học truyền máu” thành “Huyết học lâm sàng”	Đã chỉnh sửa	Trang 107
6	Bổ sung số tín chỉ lý thuyết, thực hành ở khung chương trình của các học phần hỗ trợ tự chọn	Đã bổ sung	Trang 20
7	Chỉnh sửa lại Form mẫu của đề cương chi tiết học phần sao cho thống nhất	Đã chỉnh sửa trong tất cả các môn học/học phần	
8	Bổ sung Chuẩn đầu ra của các học phần chuyên ngành và tương quan với CDR của chương trình đào tạo	Đã bổ sung các CDR của học phần chuyên ngành và ma trận tương quan với CDR của CTĐT	
9	Học phần Triết học cần xem xét chỉnh sửa phần CDR về kỹ năng	Đã chỉnh sửa CDR của học phần triết học	Trang 23



TT	Ý kiến Đoàn thẩm định	Ý kiến giải trình	Trang (hồ sơ sau thẩm định)
10	Bổ sung chi tiết phương pháp lượng giá ở các học phần chuyên ngành	Đã bổ sung chi tiết phương pháp lượng giá ở các học phần	
11	Học phần “Ung thư” trong phần tự chọn nên ghi rõ “Ung thư sản khoa” tránh nhầm lẫn với bài giảng ung thư chung.	Đã chỉnh sửa trong khung CT chi tiết và đề cương chi tiết	Trang 21, trang 196
12	Gộp các học phần tự chọn thành 2 mảng lớn để học viên dễ dàng lựa chọn và khu trú hơn cho giảng dạy.	Gộp các học phần tự chọn thành 2 để HV dễ lựa chọn nhóm 1: KHHGD, Sức khỏe sinh sản và nhóm 2 gồm: soi đốt cổ tử cung, ung thư sản khoa, phẫu thuật nội soi	Khung chương trình chi tiết
13	Tăng thời lượng làm luận văn	Không tăng thời lượng làm luận văn do thời lượng luận văn của Thạc sĩ và BSNT Ngoại phải tương đương vì cùng đối tượng đào tạo, hiện tại thời lượng LV của BSNT chỉ 7 tín chỉ	
14	Rà soát các tài liệu tham khảo và cập nhật tài liệu tham khảo trong 05 năm gần đây.	Đã rà soát cập nhật tài liệu tham khảo	
15	Chỉnh sửa lỗi đánh máy	Đã chỉnh sửa các lỗi đánh máy	

**TRƯỞNG BỘ MÔN  
PHỤ SẢN**



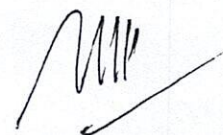
*TS. Bùi Minh Tiến*

**TRƯỞNG PHÒNG  
QLĐT SAU ĐẠI HỌC**



*TS. Lê Đức Cường*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



*PGS.TS. Nguyễn Duy Cường*



**QUYẾT ĐỊNH**

V/v Ban hành Chương trình đào tạo ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ  
Định hướng ứng dụng

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH**

Căn cứ Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Thái Bình thành Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 18/QĐ-HĐTYDTB ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-YDTB ngày 26/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng Thẩm định Chương trình đào tạo ngành Sản phụ khoa, trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

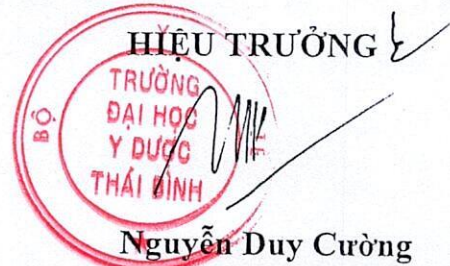
**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ, định hướng ứng dụng (mã số 872.0105) của Trường Đại học Y Dược Thái Bình (đính kèm theo Chương trình đào tạo).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng QLĐT SĐH, Bộ môn Phụ sản và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, QLĐT SĐH.





# **PHỤ LỤC**

**DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN**

**ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH**



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

Ngành dự kiến mở: Sản phụ khoa

Mã ngành 8720105

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Mẫu 1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của các cơ sở đào tạo.

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CM/ND, CCCD hoặc		Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã	
		Hộ chiếu;	Quốc tịch				Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	
1.	Ninh Văn Minh	Việt nam	PGS 2013	TS Việt Nam 2003	Sản phụ khoa	10/1983		HC4342696012226	41	4	35	
2.	Bùi Minh Tiến 17/11/1975	034075015162 Việt Nam	TS, 2012	TS, Việt Nam, 2012	Phụ khoa	12/1998		2602002653	26	3	5	
3.	Đặng Thị Hồng Thị 13/5/1975	031175008425	Tiến sĩ, Bác sĩ CKII	Tiến sỹ 2020, Việt Nam	Sản Phụ Khoa	1/2024		104051281	8	0	5	
4.	Nguyễn Trung Kiên 02/08/1982	038082014596	Tiến sĩ 2021 - Bác sĩ	Tiến sĩ Y học 2021; Thạc sĩ Sản Phụ khoa 2010	Sản Phụ Khoa	2007		3408001824	18	0	3	
5.	Nguyễn Đăng Kiên, 05/9/1991	034091009198 Việt Nam	TS, 2023	TS, Úc, 2023	Sản phụ khoa	8/2020			9	10	2	



Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc		Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kính nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã	
		Hộ chiếu;	Quốc tịch				Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
6.	Nguyễn Văn Hiền	03412461564	Việt nam	Thạc sỹ, BSCKII	Thạc sỹ 2011, BSCKII 2021, Việt Nam	Sản Phụ Khoa	08/2008		3409026170	16	0	6
7.	Lê Hải Dương 22/10/1975	Việt Nam	Việt Nam	Thạc sỹ, BSCKII	Thạc sỹ 2004, BSCKII 2012, Việt Nam	Sản phụ khoa	12/1998		2607000754	26	0	2
8.	Đình Văn Hoàn 10/09/1981	034081007067	Việt Nam	Thạc sỹ, BSCKII	Thạc sỹ 2011, BSCKII 2021, Việt Nam	Sản phụ khoa	04/2007		3408001823	18	0	3
9.	Nguyễn Thị Tuyết 20/09/1979	Việt Nam	Việt Nam	BSCKII	BSNCKII, 2014, Việt Nam	Sản phụ khoa	01/2005			19		10
10.	Hà Kim Hoàn 11/11/1980	340080009594	Việt Nam	Tiến sĩ 2024-Triết học	Tiến sĩ Triết học, 2024, Việt Nam	Triết học	07/2005		3408000433			
11.	Nguyễn Thị Thanh Duyên, 31/10/1982	034182009091,	Việt Nam	Thạc sỹ	Thạc sỹ, 2008, Việt Nam	Đảm bảo Toán học cho máy tính và CNTT	4/2005			20	1	10
12.	Đỗ Thị Hoà	Việt Nam	Việt Nam	Thạc sỹ	Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Công nghệ phần mềm	6/2012			14	0	3
13.	Vũ Thị Loan 20/01/1979	34179003888	Việt Nam	Tiến sĩ 2024-Bác sĩ	Tiến sĩ Y học, Việt Nam	VSXHH&TCYT	4/2003					
14.	Lê Minh Hiếu 01/04/1986	034086007785,	Việt Nam	Ths. Bs.	Thạc sỹ, Việt Nam, 2019	Nội khoa	10/2010		3416006622	14	0	15
15.	Vũ Duy Tùng	34079000879	Việt Nam	Tiến sĩ 2016	Tiến sĩ, Việt Nam	Giải phẫu người	5.2007			10	0	7
16.	Phan Văn Cường	037079012166	Việt Nam	Tiến sĩ	TS, Việt nam	Y học	5/2004		2607000708	21	0	9
17.	Lê Thị Hồng Thuý 05/12/1972	034172001901	Việt Nam	ThS. BSCKII	ThS 2002; BSCKII 2018	Y học	8/2012		2697018280	12	0	6
18.	Đặng Thị Thu Hằng 10/12/1984	034184012436	Việt Nam	Tiến sĩ 2021- Bác sĩ	Tiến sĩ 2021, Thạc sỹ 2014	Y học	11/2009			16		



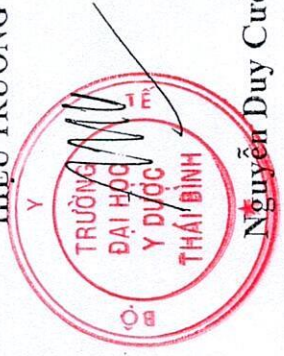
Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu;		Chức danh khoa học, năm phong học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian giảng dạy theo trình độ (năm))	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
		Hộ chiếu;	Quốc tịch				Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
19.	Bùi Thị Phương Hoa 4/7/1988	027188000003 Việt Nam	Việt Nam	Tiến sĩ, 2021	Tiến sĩ, Vương quốc Anh, 2021 Thạc sĩ, Vương quốc Anh, 2016	Khoa học sinh học Sinh học Ung thư	9/2023		116261785	4	10	3
20.	Khổng Thị Diệp	034180003931	Việt Nam	Tiến sĩ, 2020 - Bác sĩ	Tiến sĩ Y học, 2020, Việt Nam	Y học	4/2005		2.607E+09	20	0	11
21.	Trần Thị Vân Anh 13/4/1977	034177014756	Việt Nam	Tiến sĩ 2013-Bác sĩ	Tiến sĩ Y học, 2013, Việt Nam	Y học	4/2003		2.607E+09	22	0	32
22.	Nguyễn Ngọc Trung 1982	034082003921	Việt Nam	Tiến sĩ	Tiến sĩ 2019 Việt Nam	CDHA	2009			16	0	21

TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ



TS. Nguyễn Thế Diệp

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Duy Cường



**Mẫu 2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo**

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc	Tự chọn		Thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn luận văn	
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp		Học trực tuyến
1.	Ninh Văn Minh	Sản Phụ khoa	Học kỳ 2, năm 1; Học kỳ 1,2 năm 2	x		x		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn luận văn
2.	Bùi Minh Tiến	Sản Phụ khoa	Học kỳ 2, năm 1; Học kỳ 1,2 năm 2	x		x		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn luận văn
3.	Đặng Thị Hồng Thiện	Sản Phụ khoa	Học kỳ 2, năm 1; Học kỳ 1,2 năm 2	x		x		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn luận văn
4.	Nguyễn Trung Kiên	Sản Phụ khoa	Học kỳ 2, năm 1; Học kỳ 1,2 năm 2	x		x		Giảng viên cơ hữu tham gia xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn luận văn
5.	Nguyễn Đăng Kiên	Sản Phụ khoa	Học kỳ 2, năm 1; Học kỳ 1,2 năm 2	x		x		Giảng viên cơ hữu tham gia xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn luận văn
6.	Nguyễn Thị Tuyết	Sản Phụ khoa	Học kỳ 2, năm 1; Học kỳ 1,2 năm 2	x		x		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn luận văn
7.	Lê Hải Dương	Sản Phụ khoa	Học kỳ 2, năm 1; Học kỳ 1,2 năm 2	X		X		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn luận văn
8.	Nguyễn Văn Hiền	Sản Phụ khoa	Học kỳ 2, năm 1; Học kỳ 1,2 năm 2	x		x		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn luận văn
9.	Lê Hải Dương	Sản Phụ khoa	Học kỳ 2, năm 1; Học kỳ 1,2 năm 2	x				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn luận văn
10.	Đình Văn Hoàn	Sản Phụ khoa	Học kỳ 2, năm 1; Học kỳ 1,2 năm 2	x			x	Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn luận văn



Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc	Tự chọn	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
11.	Hà Kim Hoàn	Triết học	Học kỳ 1, năm 1	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo,
12.	Nguyễn Thị Thanh Duyên	Tin học	Học kỳ 1, năm 1	x				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo,
13.	Đỗ Thị Hòa	Tin học	Học kỳ 1, năm 1	x				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo,
14.	Vũ Thị Loan	Phương pháp sư phạm y học	Học kỳ 1, năm 1	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo,
15.	Vũ Duy Tùng	Phương pháp sư phạm y học Giải phẫu ứng dụng trong SPK	Học kỳ 1, năm 1					Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
16.	Lê Minh Hiếu	Phương pháp sư phạm y học	Học kỳ 1, năm 1	x	x			Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần NCKH
17.	Vũ Phong Túc	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm 1	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo,
18.	Trần Thị Khuyên	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm 1	x	x			Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần NCKH
19.	Phan Văn Cường	Cấp cứu ngoại khoa TQ và cơ bản	Học kỳ 1, năm 1	x				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
20.	Lê Thị Hồng Thuý	Huyết học truyền máu	Học kỳ 1, năm 1			x		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
21.	Đặng Thị Thu Hằng	Huyết học truyền máu	Học kỳ 1, năm 1			x		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
22.	Khổng Thị Điệp	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Học kỳ 1, năm 1			x		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo



Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
23.	Trần Thị Vân Anh	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Học kỳ 1, năm 1			x		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
24.	Nguyễn Ngọc Trung	Chẩn đoán hình ảnh	Học kỳ 1, năm 1			x		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
25.	Hoàng Văn Lương	Chẩn đoán hình ảnh	Học kỳ 1, năm 1			x		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

Trưởng phòng TCCB



TS. Nguyễn Thế Điệp

Hiệu trưởng



PGS.TS. Nguyễn Duy Cường



**Mẫu 3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo**

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1.	Nguyễn Xuân Bái, 1970, Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo Sau đại học	PGS, 2014 Tiến sĩ, 2010	Mô phôi	
2.	Lê Đức Cường, 1972, Trưởng phòng QLĐT SDH	Tiến sĩ, 2013	Sức khỏe môi trường và bệnh nghề nghiệp	
3.	Vũ Phong Túc, 1970 Trưởng khoa Y tế công cộng	PGS, 2013 Tiến sĩ, 2007	Y học nhiệt đới	
4.	Vũ Thị Loan, 1979, Phụ trách quản lý điều hành Trung tâm phát triển giảng viên	Tiến sĩ 2024	Vệ sinh xã hội học và quản lý y tế	
5.	Phan Văn Cường, 1979 Phụ trách bộ môn Ngoại	Tiến sĩ 2019	Ung bướu	
6.	Vũ Duy Tùng 1979 Phụ trách quản lý điều hành khoa khoa học Y sinh	Tiến sĩ 2016	Giải phẫu người	
7.	Trần Thị Vân Anh, 1977 Trưởng bộ môn Sinh lý bệnh- miễn dịch	Tiến sĩ 2013	Y học	
8.	Lê Thị Hồng Thủy, 1972 Trưởng bộ môn huyết học truyền máu	BSCCKII 2018	Y học	



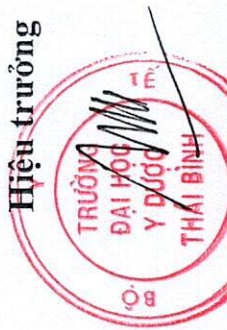
9.	Nguyễn Ngọc Trung, 1982 Trưởng bộ môn chẩn đoán hình ảnh	Tiến sĩ 2019	Chẩn đoán hình ảnh	
10.	Bùi Minh Tiến, 1975 Trưởng bộ môn Phụ sản	Tiến sĩ 2012	Sản phụ khoa	

**Trưởng phòng TCCB**



**TS. Nguyễn Thế Điệp**

**Hiệu trưởng**



**PGS. TS. Nguyễn Duy Cường**



# LÝ LỊCH KHOA HỌC



## I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: **Ninh Văn Minh**

Giới tính: **Nam**

Ngày, tháng, năm sinh: 15/07/1959

Nơi sinh: Thành phố Nam Định

Quê quán: Thành phố Nam Định

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ Chuyên ngành Sản Phụ khoa Năm: 2003, Bộ GD-ĐT Việt Nam

Chức danh khoa học cao nhất: **Phó Giáo sư** Năm bổ nhiệm: **2013, Giảng viên cao cấp**

Chức vụ hiện tại: GVCC Bộ môn Phụ sản Trường Đại học Y-Dược Thái Bình

Đơn vị công tác: Bộ môn/Khoa Phụ sản Trường Đại học Y-Dược Thái Bình

Địa chỉ liên lạc: SN 10-3/36 Đoàn Nguyên Tuấn, P Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại liên hệ: CQ: (36)3830912

NR: (36)3835081 ĐD: 0903284560

Fax: (36)3835081

Email: ninhvanminhydtb@gmail.com

## II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy, dài hạn 6 năm

Nơi đào tạo: Trường Đại học Y thái Bình

Ngành học: Bác sỹ Da khoa- Hệ ngoại sản

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 1983

Bằng đại học 2: Cử Nhân Tiếng Anh

Năm tốt nghiệp: 2007

### 2. Sau đại học

- Tiến sĩ chuyên ngành: Sản phụ khoa

Năm cấp bằng: 2004

Nơi đào tạo: Trường Đại học Y Hà Nội

- Tên luận án: Nghiên cứu tác dụng và chỉ định sử dụng 2 loại DCTC Tcu380A và Mcu375SL.

### 3. Ngoại ngữ:

1. Tiếng Anh

Mức độ sử dụng: Đọc, nghe, viết tốt

2. Tiếng Pháp

Mức độ sử dụng: Đọc, viết tốt

## III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Sau khi tốt nghiệp Đại học Y khoa hệ chính quy tại Trường đại học Y Thái Bình 10/1983.

- **Từ tháng 11/1983 Đến tháng 9/1986:** Nhận công tác tại Phòng nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Y Thái Bình, là giảng viên tham gia giảng dạy 50% thời gian tại bộ môn phụ sản của Trường Đại học Y Thái Bình, tham gia cùng tác điều trị và cấp cứu tại khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình.



phụ sản của Trường Đại học Y Thái Bình, tham gia cùng tác điều trị và cấp cứu tại khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình.

- **Từ tháng 10/1986 đến tháng 9/1987:** Đi học chuyên khoa Sản tại Viện BVBM-TSS Hà nội.
- **Từ tháng 10/1987 đến tháng 5/1994:** Là giảng viên Bộ môn phụ sản Trường Đại học Y Thái Bình, Tham gia công tác điều trị và cấp cứu tại khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình.
- **Từ tháng 6/1994 đến tháng 6/2003:** Là nghiên cứu sinh của Trường Đại học Y Hà Nội, tham gia công tác khám bệnh, điều trị và cấp cứu tại viện BVBM-TSS Hà nội.
- **Từ tháng 7/2003 đến tháng 5/2006:** Là giảng viên Bộ môn phụ sản, giáo vụ sau đại học và đại học, Tham gia công tác điều trị và cấp cứu tại bệnh viện Phụ sản Thái Bình, hướng dẫn nhiều sinh viên làm nghiên cứu khoa học và tiểu luận tốt nghiệp thành công. Cũng trong thời gian này đi học ngoại ngữ Tiếng Anh hệ tại chức của Viện đại học Mở Hà nội.
- **Từ tháng 5/2006 đến tháng 2/2010:** Phó trưởng bộ môn phụ sản, phụ trách công tác giáo vụ, Chủ tịch công đoàn bộ môn, Giảng viên Chính bộ môn phụ sản, Phụ trách phũng hỗ trợ sinh sản, tham gia công tác điều trị, thường trú và trực cấp cứu tại bệnh viện phụ sản Thái Bình và Bệnh viện Trường Đại học Y Thái Bình, Hướng dẫn bảo vệ thành công nhiều luận văn Thạc sỹ Y học, Bác sỹ chuyên khoa cấp 2, sinh viên làm tiểu luận tốt nghiệp, sinh viên làm nghiên cứu khoa học, Bảo vệ thành công nhiều đề tài cấp cơ sở, cấp Tỉnh và tham gia đề tài cấp bộ.
- **Từ tháng 3/2010 đến 8/2010:** Phó trưởng Bộ môn Phụ sản, Phụ trách bộ môn Phụ sản, Bí thư chi bộ Bộ môn Phụ sản, Phó trưởng khoa phụ sản Bệnh viện Trường đại học Y Thái Bình. Giảng viên chính. Tham gia điều trị, trực cấp cứu, thường trú tại bệnh viện phụ sản tỉnh Thái Bình và Bệnh viện Trường Đại học Y Thái Bình. Đang làm các đề tài cấp Tỉnh, cấp cơ sở, hướng dẫn nhiều sinh viên làm tiểu luận tốt nghiệp.
- **Từ 8/2010 đến 7/2019:** Trưởng bộ môn phụ sản-Trưởng khoa phụ sản, Bí thư chi Bộ Phụ sản.
- **Từ 8/2019 đến nay:** Giảng viên cao cấp Bộ môn Phụ sản Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, Trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Đánh giá sự chấp nhận hai loại DCTC TCu380A và MCu375 của PN nữ tỉnh Thái bình qua 3 năm sử dụng.	1995	Viện BVBM-TSS Hà Nội	Nghiên cứu viên chính



2	Nghiên cứu tác dụng và chỉ định sử dụng 2 loại DCTC Tcu380A Và Multiload	2003	Trường Đại học Y Hà Nội	NCS
3	Xác định lý do vào viện và mối liên quan với các thể lâm sàng của chửa ngoài tử cung đã được điều trị tại bệnh viện Phụ sản Thái bình	2008/2009	Trường Đại học Y Thái bình	Chủ nhiệm đề tài
4	Tình hình mổ lấy thai tại bệnh viện phụ sản Thái bình	2009	Trường Đại học Y Thái bình	Chủ nhiệm đề tài
5	Bước đầu xác định thời gian kết thúc giai đoạn 3 của cuộc chuyển dạ khi có can thiệp tích cực	2010	Trường Đại học Y Thái bình	Chủ nhiệm đề tài
6	Nghiên cứu các chỉ định mổ lấy thai tại BV phụ sản thái bình trong 2 năm 2005-2006	2010	Trường Đại học Y Thái bình	Chủ nhiệm đề tài
7	Nhận xét sự liên quan giữa các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng trong bệnh lý tiền sản giật tại Bệnh viện phụ sản Thái bình	2010	Trường Đại học Y Thái bình	Chủ nhiệm đề tài
8	Đối chiếu cân nặng sơ sinh với ước tính trọng lượng thai bằng phương pháp Tokyo U trong siêu âm	2010	Trường Đại học Y Thái bình	Chủ nhiệm đề tài
9	Đánh giá hiệu quả các phương pháp điều trị tổn thương lành tính ở cổ tử cung	2010	Trường Đại học Y Thái bình	Nghiên cứu viên
10	Thực trạng nhiễm và nhận thức, thái độ thực hành về ký sinh trùng gây bệnh đường sinh dục ở phụ nữ có chồng	2010	Trường Đại học Y Thái bình	Nghiên cứu viên

	tại 3 xã huyện Đông hưng tỉnh Thái Bình.			
11	Đánh giá năng lực sử dụng các xét nghiệm của bác sỹ lâm sàng tuyến tỉnh và huyện	2011	Bộ y tế	Nghiên cứu viên
12	Nghiên cứu thực trạng Nhiễm trùng đường sinh dục dưới ở phụ nữ có chồng đến khám tại bệnh viện Đại học Y Thái Bình	2011	Trường Đại học Y Thái bình	Chủ nhiệm đề tài
13	Nghiên cứu mở đơn nhóm đánh giá an toàn, hiệu quả tránh thai và sự chấp nhận sản phẩm Naphaceptive của công ty cổ phần dược phẩm Nam hà	2012	Bộ Y Tế	P. Chủ nhiệm
14	Nghiên cứu đặc điểm giải phẫu bệnh khối u cơ trơn tử cung sau phẫu thuật tại bệnh viện Đại học Y Thái Bình	2012	Trường Đại học Y Thái bình	Nghiên cứu viên
15	Một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả có thai lâm sàng khi áp dụng các kỹ thuật hỗ trợ sinh sản tại bệnh viện Đại học Y Thái Bình	2012	Trường Đại học Y Dược Thái bình	Chủ nhiệm đề tài
16	Liên quan giữa nồng độ Beta hCG và các thể lâm sàng của chửa lạc chỗ được xử trí tại	2013	Trường Đại học Y Dược Thái bình	Chủ nhiệm đề tài



	bệnh viện ĐH Y Thái Bình			
17	Nghiên cứu mở đơn nhóm đánh giá an toàn, hiệu quả tránh thai và sự chấp nhận viên uống tránh thai Anna	2014	Bộ y tế	Nghiên cứu viên chính
18	Đánh giá tính an toàn, hiệu quả ngừa thai và điều trị mụn trứng cá của viên uống tránh thai Preme	2014	Bộ y tế	Nghiên cứu viên chính
19	Nghiên cứu mở, đơn nhóm đánh giá an toàn, hiệu quả ngừa thai và sự chấp nhận sản phẩm viên uống tránh thai Naphalevo (levôngestrel) trên phụ nữ cho con bú	2014	Bộ y tế	Chủ nhiệm đề tài
20	Sàng lọc phát hiện bệnh tuyến vú bằng phương pháp lâm sàng và tế bào, chọc hút kim nhỏ dưới hướng dẫn siêu âm cho phụ nữ đến khám tại bệnh viện Đại học Y Thái Bình năm 2015	2014	Trường Đại học Y Dược Thái bình	Nghiên cứu viên chính
21	Nhận xét diễn biến nồng độ Beta hCG và kết quả điều trị chữa ngoài tử cung bằng Methotrexat tại thái bình	2015	Trường Đại học Y Dược Thái bình	Nghiên cứu viên chính
22	Đánh giá thực trạng ung thư cổ tử cung qua ứng dụng kỹ thuật chẩn đoán sớm tại cộng đồng cho phụ nữ một số xã vùng ven sông hồng	2016	Tỉnh Thái Bình	Nghiên cứu viên chính
23	Nhận xét vai trò nội soi ổ	2016	Trường Đại học Y Dược Thái bình	Nghiên cứu viên Chính



	bụng trong chẩn đoán và điều trị vô sinh nữ tại bệnh viện Đại học Y Thái			
24	Nghiên cứu giá trị nội tiết tố nữ ngày 2 trong điều trị kích thích buồng trứng ở những phụ nữ điều trị hiếm muộn tại bệnh viện Đại học Y thái bình	2017	Trường Đại học Y Dược Thái bình	Chủ nhiệm đề tài
25	Nghiên cứu một số rối loạn chức năng, chất lượng cuộc sống của phụ nữ mãn kinh tại TP Thái Bình và một số biện pháp can thiệp	2023	Trường Đại Học Y Thái Bình	NCV

2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

TT	Tên bài báo khoa học	Số tác giả	Tên tạp chí, kỷ yếu	Tập	Số	Trang	Năm công bố
1	Giá trị nồng độ $\beta$ HCG trong chẩn đoán theo dõi chữa ngoài tử cung tại bệnh viện Phụ sản Thái Bình năm 2009	1	Y học thực hành		5(721)	73-76	2010
2	Những rối loạn kinh nguyệt trong thời gian sử dụng dụng cụ tử cung TCu380A và Mcu375SL	2	Y học thực hành		416	39-41	2002
3	Đánh giá kết quả điều trị các tổn thương lành tính cổ tử cung bằng Laser CO <sub>2</sub>	2	Y học thực hành		5(721)	61-64	2010
4	So sánh độ nhạy và độ đặc hiệu của one step Chlamydia với phương pháp PCR	2	Y học thực hành		6(874)	33-34	2013
5	Sự thay đổi các chỉ số huyết học ở bà mẹ mang thai trong lúc chuyển dạ	1	Y học thực hành		5(721)	39-40	2010



	tại bệnh viện Phụ sản Thái Bình						
6	Tình hình mô lấy thai tại BV Phụ sản Thái Bình trong 5 năm 2005-2009	1	Y học thực hành		5(721)	81-83	2010
7	Viêm đường sinh dục dưới do nhiễm Chlamydia trachomatis ở phụ nữ đến khám tại bệnh viện Đại học Y Thái Bình	2	Y học thực hành		5(869)	159-161	2013
8	Tình hình mô lấy thai tại Bệnh viện Sản - Nhi Ninh Bình Năm 2012	1	Y học thực hành		6(874)	77-78	2013
9	Kỹ thuật bơm tinh trùng đã lọc rửa vào buồng tử cung tại phòng HTSS - trung tâm dịch vụ KHKT Y Dược, Trường đại học Y Thái Bình	2	Bản tin Trường Đại học Y Thái Bình		12	38-39	2007
10	Tăng tiết nhầy cổ tử cung ở những phụ nữ mang dụng cụ tử cung TCu380A và MCu375SL	2	Tuyển tập công trình khoa học NCS. Trường ĐHY Hà Nội NXB Y học	4B		107-109	1999
11	Đánh giá sự chấp nhận hai loại dụng cụ tử cung TCu380A và multiload Cu375 của phụ nữ tỉnh Thái bình qua 3 năm sử dụng	2	Công trình nghiên cứu khoa học-Viện BVVMTSS	199 5		79-84	1995
12	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và thái độ xử trí song thai chuyển dạ đẻ tại Bệnh viện Phụ sản Thái Bình	2	Y học thực hành		5(870)	173-174	2013
13	Nghiên cứu mô bệnh học các u tuyến vú sau mổ tại Bệnh viện ĐHY Thái Bình	3	Y học thực hành		5(721)	106-109	2010



14	Góp phần nghiên cứu những lý do không chấp nhận hai loại dụng cụ tử cung TCu380A và M Cu375SL	2	Tuyển tập công trình khoa học NCS. Trường ĐHY Hà Nội NXB Y học	3B		98-99	1997
15	Một số nhận xét về lịch sử sinh sản của phụ nữ 15-49 tuổi có chồng tại 2 huyện tỉnh Vĩnh Phú	8	Y học thực hành		355	163	1998
16	Thiếu ối ở thai trên 28 tuần, các yếu tố liên quan và phương pháp xử trí tại BV Phụ sản Thái Bình	2	Y học thực hành		6(874)	89-90	2013
17	Tác dụng của Misoprostol trong đình chỉ thai nhỏ hơn hoặc bằng 12 tuần ngừng phát triển trong tử cung tại Bệnh viện Phụ sản Thái Bình	2	Y học thực hành		5(869)	125-126	2013
18	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và các phương pháp xử trí khối u buồng trứng tại bệnh viện đại học Y Thái Bình	2	Y học thực hành				2018

### 3. Hướng dẫn học viên sau đại học đã bảo vệ thành công

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN	ĐỐI TƯỢNG	NHIỆM VỤ HƯỚNG DẪN	THỜI GIAN HƯỚNG DẪN	CƠ SỞ ĐÀO TẠO	NĂM BẢO VỆ
1	Đỗ Thiện Khuyến	Cao Học	Chính	4/2006 10/2006	Trường ĐH Y Thái Bình	2006
2	Bùi Thị Tuyết Anh	Cao Học	Chính	4/2006 10/2006	Trường ĐH Y Thái Bình	2006
3	Nguyễn Bá Hòe	CK2	Phụ	2/01/2009 11/2009	Trường ĐH Y Thái Bình	2009
4	Nguyễn Mạnh Hùng	CK2	Phụ	01/2009 11/2009	Trường ĐH Y Thái Bình	2009
5	Đào Tiến Hải	CK2	Phụ	1/2009 11/2009	Trường ĐH Y Thái Bình	2009



6	Đỗ Xuân Hạnh	CK2	Chính	01/2010 12/2010	Trường ĐH Y Thái Bình	2010
7	Lý Việt Dũng	CK2	Chính	3/2011 12/2011	Trường ĐH Y Thái Bình	2011
8	Đỗ Đình Thống	CK2	Phụ	3/2011 12/2011	Trường ĐH Y Thái Bình	2011
9	Lê Hải Dương	CK2	Chính	1/2012 12/2012	Trường ĐH Y Thái Bình	2012
10	Trần Văn Giới	CK2	Chính	1/2012 12/2012	Trường ĐH Y Thái Bình	2012
11	Trần Quang Tuấn	CK2	Chính	4/2012 12/2013	Trường ĐH Y Thái Bình	2013
12	Nguyễn Thị Tuyết	CK2	Chính	4/2013 12/2015	Trường ĐH Y Thái Bình	2015
13	Nguyễn Thu Vân	CK2	Chính	4/2013 12/2015	Trường ĐH Y Thái Bình	2015
14	Lâu Sáy Chứ	CK2	Phụ	4/2013 12/2014	Trường ĐH Y Thái Bình	2014
15	Hoàng Sỹ Vượng	CK2	Chính	2015	Trường ĐH Y Thái Bình	2016
16	Nguyễn Văn Quang	CK2	Chính	2016	Trường ĐH Y Thái Bình	2017
17	Đỗ Văn Cân	CK2	Phụ	2018	Trường ĐH Y Thái Bình	2019
18	Phan Quang Mác	CK2	Chính	2018	Trường ĐH Y Thái Bình	2019
19	Trần Xuân Hiệp	Ck2	Phụ	2018	Trường ĐH Y Thái Bình	2018
20	Phan Thị Ngọc Bích	CK2	Chính	2018	Trường ĐH Y Thái Bình	2019
21	Đình Văn Hoàn	CK2	Chính	2020	Trường ĐH Y Thái Bình	2021



22	Nguyễn Quang Tuyền	CK2	Chính	2021	Trường DH Y Thái Bình	2022
23	Nguyễn Hữu Trung	Nội Trú	Chính	2019	Trường DH Y Thái Bình	2022
24	Tô Thị Hồng Nhung	Nội Trú	Chính	2020	Trường DH Y Thái Bình	2023

4, Sách đã xuất bản: Chủ biên

1. Chuyên đề ung thư cổ tử cung: Tài liệu giảng dạy sau đại học, NXB Y học Hà Nội 2010
2. Sổ tay học tập lâm sàng sản phụ khoa vòng triệu chứng và bệnh học: tài liệu giảng dạy đại học, Trường Đại học Y Thái Bình 2007.

Đồng chủ biên:

Bài Giảng Sản Phụ Khoa: Tài liệu giảng dạy đại học, Trường Đại học Y Thái Bình 2020.

Thái Bình, ngày 08 tháng 07 năm 2024

Xác nhận của cơ quan



PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Nguyễn Thế Diệp

Người khai

PGS.TS. Ninh Văn Minh



**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

Independence - Freedom - Happiness

**THE MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING**

On the Recommendation of the National Thesis Examination Committee  
for the Doctoral Dissertations

held at Hanoi Medical University

HAS CONFERRED UPON

*Mr. Vinh Van Minh*

Born **15/07/1956** in **Nam Dinh**

THE DEGREE OF

**DOCTOR OF PHILOSOPHY**

In Medicine

Given under the seal of the Ministry of Education and Training  
this Nineteenth day of April 2004



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ đề nghị của Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp nhà nước

hợp ngày 20 tháng 06 năm 2003  
tại Trường Đại học Y Hà Nội

CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG

**TIẾN SĨ**

**Y HỌC**

Cho ông *Vinh Van Minh*

Sinh ngày **15/07/1956** tại **Nam Dinh**

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2004

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

UBND PHƯỜNG KỶ BÁ  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

Ngày: 08-04-2014

CHỨNG THỰC  
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

*Vũ Nga Mỹ*



*Nguyễn Minh Bình*

Số bảng: **03026**



SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Freedom - Happiness

**THE CHAIRMAN  
OF THE STATE COUNCIL FOR PROFESSOR TITLE**

- Pursuant to Decision N° 174/2008/QĐ-TTg dated December 31, 2008 and Decision N° 20/2012/QĐ-TTg dated April 27, 2012 by the Prime Minister of the Socialist Republic of Vietnam;
- Pursuant to Resolution N° 01/NQ-HĐCĐGSNN dated October 23, 2013 by the State Council for Professor Title,

**CONFERS  
THE CERTIFICATE OF RECOGNITION**

Upon: *Mr. Ninh Van Minh*

Born on: *July 15, 1956*

In: *Nam Dinh city, Nam Dinh*

for having met the standards of associate professor title

in: **Medicine**



Given under the Seal  
of the State Council for Professor Title



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG CHỨC DANH GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC**

- Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 và Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg ngày 27/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐCĐGSNN ngày 23/10/2013 của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước,

**CÔNG NHẬN**

**ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

**Y học**

Cho: *Ông Ninh Văn Minh*

Sinh ngày **15** tháng **07** năm **1956**

Quê quán: *Tp. Nam Định, Nam Định*

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2013



KI. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

*Vũ Nga Mỹ*

GS. TS. Phạm Vũ Luận

Số: **2422/PGS**

UBND PHƯỜNG KỶ BÀ  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
Ngày: 08-04-2014  
CHỨNG THỰC  
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH





**CHỨNG CHỈ MÔN HỌC**

**VIỆN TRƯỞNG**

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

Cấp cho *Trình Văn Minh*

Sinh ngày *15/7/1956*

Nguyên quán *Nam Hoa*

Đã hoàn thành chương trình

*Phương pháp luận nghiên cứu khoa học* (... 30 tiết)

Kết quả loại *Xuất sắc (điểm 10)*

Hà Nội, ngày *2* tháng *4* năm 199*6*



*Đặng Bá Lâm*  
PGS-PTS

Ảnh 3x4

Vào sổ số *DD.2A-96/CHK*

TL TRƯỞNG TIỂU BAN CHẤM THI

*Phạm Văn Khai*  
PTS

**CHỨNG CHỈ MÔN HỌC**

**VIỆN TRƯỞNG**

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

Cấp cho *Trình Văn Minh*

Sinh ngày *15/7/1956*

Nguyên quán *Nam Hoa*

Đã hoàn thành chương trình

*Phương pháp giảng dạy đại học* (... 45 tiết)

Kết quả loại *Giỏi (điểm 8)*

Hà Nội, ngày *8* tháng *3* năm 199*6*



*Teola*  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Ảnh 3x4

Vào sổ số *042-96/CHK*

TL TRƯỞNG TIỂU BAN CHẤM THI



*Mình  
sau  
5*

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1626/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2006

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ nhiệm cán bộ, công chức**

**BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

Căn cứ Nghị định số 49/2003/NĐ-CP ngày 15/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo;

Căn cứ Quyết định số 1947/2000/QĐ-BYT ngày 23/6/2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành các quy định tạm thời về phân cấp quản lý, bổ nhiệm, đánh giá cán bộ, công chức và tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, quản lý khi xét bổ nhiệm;

Xét đề nghị của Đảng uỷ và Ban giám hiệu Trường Đại học Y Thái Bình tại Công văn số 217/YTB-TCCB ngày 18/4/2006 về việc bổ nhiệm cán bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ - Bộ Y tế,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Nay bổ nhiệm chức vụ mới đối với các cán bộ, công chức thuộc Trường Đại học Y Thái Bình, có tên sau:

1. Bà **Lê Thị Tuyết**, Tiến sĩ - Bác sĩ, Phó Trưởng bộ môn Ký sinh trùng giữ chức vụ Trưởng bộ môn Ký sinh trùng.

2. Bà **Nguyễn Thị Tuyết**, Thạc sĩ - Cử nhân Ngoại ngữ, giữ chức vụ Phó Trưởng bộ môn Ngoại ngữ.

3. Ông **Bùi Nam Phong**, Cử nhân Ngoại ngữ, giữ chức vụ Phó Trưởng bộ môn Ngoại ngữ.

4. Ông **Ninh Văn Minh**, Tiến sĩ - Bác sĩ, giữ chức vụ Phó Trưởng bộ môn Sản.

5. Ông **Hà Xuân Anh**, Thạc sĩ - Cử nhân Sinh học, giữ chức vụ Phó Trưởng bộ môn Sinh lý học.

**Điều 2.** Thời gian giữ chức vụ là 05 năm kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

**Điều 3.** Cán bộ, công chức có tên tại Điều 1 được hưởng phụ cấp chức vụ theo chế độ hiện hành.



BỘ Y TẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC  
THÁI BÌNH

Số: 930 /QĐ-YDTB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 10 tháng 5 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

V/v Thành lập Ban xây dựng Đề án mở ngành đào tạo Nội khoa  
Trình độ Thạc sĩ

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Căn cứ Quyết định số 34/CP ngày 24 tháng 01 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Thái Bình thành Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 18/QĐ-HĐTYDTB ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành Đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học,

### QUYẾT ĐỊNH:

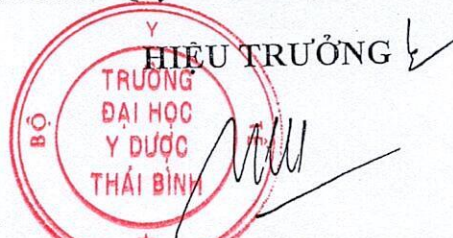
Điều 1. Thành lập Ban xây dựng Đề án mở ngành đào tạo Nội khoa trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Y Dược Thái Bình (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng làm việc theo Quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo đã ban hành và giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng QLĐT SDH, phòng TCKT, Bộ môn Nội và các cán bộ có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, QLĐT SDH.



PGS.TS. Nguyễn Duy Cường



**DANH SÁCH BAN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO NỘI KHOA  
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-YDTB ngày... tháng ... năm 2024)

**1. Ban xây dựng Đề án**

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Trách nhiệm
1	PGS.TS Nguyễn Duy Cường	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	PGS.TS Nguyễn Xuân Bái	Phó Hiệu trưởng, GĐBV	Phó CT TT HĐ
3	PGS.TS. Vũ Thanh Bình	Trưởng Bộ môn Nội	Phó CT HĐ
4	TS. Lê Đức Cường	Trưởng phòng QLĐT SĐH	Ủy viên TT
5	TS. Nguyễn Thị Thanh Trung	PGĐ BVĐK tỉnh Thái Bình	Ủy viên
6	TS. Trần Mạnh Hà	Trưởng phòng ĐBCLGD&KT	Ủy viên
7	TS. Nguyễn Trung Kiên	Trưởng phòng QLKH	Ủy viên
8	ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó trưởng phòng TCCB	Ủy viên
9	ThS. Đỗ Thị Tuyết Nhung	Trưởng phòng TCKT	Ủy viên
10	TS. Nguyễn Ngọc Trung	Trưởng phòng TV-TTB	Ủy viên
11	KS. Bùi Xuân Tuyên	Trưởng phòng Quản Trị	Ủy viên
12	PGS.TS. Phạm Thị Dung	Trưởng Thư viện&TTCNTT	Ủy viên

**2. Ban Thư ký**

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Trách nhiệm
1	BSCKII. Hoàng Minh Nhữ	Phó trưởng phòng QLĐT SĐH	Trưởng ban
2	BSCKII. Trương Công Đạt	GVC phòng QLĐT SĐH	Ủy viên
3	TS Ngô Văn Mạnh	GV phòng QLĐT SĐH	Ủy viên
4	TS Bùi Thị Huyền Diệu	GV phòng QLĐT SĐH	Ủy viên
5	CN Vũ Thị Loan	KTV phòng QLĐT SĐH	Ủy viên



THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THE PRESIDENT OF  
HANOI MEDICAL UNIVERSITY

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

confers

Cấp

THE DEGREE OF  
DOCTOR OF PHILOSOPHY  
In Gynaecology

BẰNG TÊN SĨ  
PHỤ KHOA

Upon: (Mr, Ms) *Bui Minh Tien*

Cho: *Bui Minh Tien*

Born on: 17.11.1975

Sinh ngày: 17.11.1975

UBND PHƯỜNG XỖ BÀ  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
CHỨNG THỰC  
Ngày: 10-04-2023  
BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH



*[Signature]*

Given under the seal of  
Hanoi Medical University

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

*Bùi Nguyên Hoàng*

Serial number:  
Reference number:

Số hiệu: 001020  
Số vào sổ cấp bằng: 00120



HIỆU TRƯỞNG  
*[Signature]*  
Nguyễn Đức Mạnh

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2013



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

Chứng nhận: Ông (Bà) **Bùi Minh Tiên**

Sinh ngày: **17 tháng 11 năm 1975**

Đơn vị công tác: **Trường ĐHY Dược Thái Bình**

Đã hoàn thành chương trình:

**UBND PHƯỜNG KỶ BA  
THÀNH PHỐ THAI BÌNH**

Ngày: **15-04-2024**

**CHỨNG THỰC  
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Từ ngày

**21**

tháng

**06**

năm

**2019**

**27**

tháng

**07**

năm

**2019**

Hà Nội, ngày **01** tháng **08** năm **2019**

TRỰC HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

GIÁO DỤC

CS.TS. Nguyễn Quý Thanh

Số: **19.0069 /GVCC-I**



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

*Bùi Duyên Hương*



0A2M78



# LÝ LỊCH KHOA HỌC

## I. Lý lịch sơ lược

Họ và tên: **BÙI MINH TIẾN**

Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 17/11/1975

Nơi sinh: Thái Bình

Quê quán: Tây Sơn – Kiến Xương – Thái Bình

Chức vụ hiện tại: Trưởng Bộ môn Phụ Sản, Phó khoa Điều Dưỡng - Trường Đại học Y Dược Thái Bình; Phó khoa Sản – Bệnh viện Đại học Y Thái Bình

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: SN 71 – Đường 38 – Tổ 22 – Trần Lãm – TP. Thái Bình – T. Thái Bình

Điện thoại liên hệ: 0904102798

Fax:

E-mail: [tienbm@tbmc.edu.vn](mailto:tienbm@tbmc.edu.vn)

## II- Quá trình đào tạo:

### 1. Đại học

Hệ đào tạo: Đại học

Ngành học, chuyên môn: Bác sĩ đa khoa

Nơi đào tạo: Trường Đại học Y Thái Bình Năm tốt nghiệp: 1998

### 2. Sau đại học

Hệ đào tạo: Tiến sĩ

Ngành học, chuyên môn: Phụ khoa

Nơi đào tạo: Trường Đại học Y Hà Nội Năm tốt nghiệp: 2012

Tên chuyên đề luận văn bậc cao nhất: Đánh giá hiệu quả điều trị vô sinh do hội chứng buồng trứng đa nang bằng clomiphen citrat và metformin

3. Ngoại ngữ Anh văn - Mức độ thành thạo: Trình độ Cử nhân

## III- Quá trình công tác chuyên môn

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ năm 1998 đến năm 2003	Bộ môn phụ sản - Trường Đại học Y Thái Bình	Bác sĩ, giảng viên
Từ năm 2003 đến năm 2005	Bộ môn phụ sản - Trường Đại học Y Hà Nội	Học viên cao học



Từ năm 2005 đến năm 2007	Bộ môn phụ sản - Trường Đại học Y Thái Bình	Thạc sĩ, giảng viên
Từ năm 2007 đến năm 2012	Bộ môn phụ sản - Trường Đại học Y Hà Nội	Nghiên cứu sinh
Từ năm 2012 đến năm nay	Bộ môn phụ sản - Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Tiến sĩ, giảng viên chính

#### IV. Quá trình nghiên cứu khoa học

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu/ lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, Ngành, Trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1.	Tình hình viêm cổ tử cung lộ tuyến và nhiễm Human Papilloma Virus ở phụ nữ huyện Kiến Xương, Thái Bình	2008	TW Đoàn TNCSHCM,	Chủ nhiệm
2.	Nghiên cứu mở, đơn nhóm, đánh giá an toàn, hiệu quả ngừa thai và sự chấp nhận sản phẩm viên uống tránh thai Naphalevo (levonorgestrel) trên phụ nữ đang cho con bú	2014	Cấp Bộ	Nghiên cứu viên chính
3.	Đánh giá hiệu quả của tư vấn về chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh của bà mẹ sinh con lần đầu sau sinh 2 tháng	2017	Cơ sở	Chủ nhiệm
4.	Nghiên cứu tình trạng kháng insulin ở bệnh nhân đái tháo đường thai kỳ tại Bệnh viện nội tiết Trung ương	2020	Cơ sở	Chủ nhiệm
5.	Nghiên cứu một số rối loạn chức năng, chất lượng sống của phụ nữ tiền mãn kinh, mãn kinh tại thành phố Thái Bình và hiệu quả một số biện pháp can thiệp	2021	Cấp tỉnh	Nghiên cứu viên chính

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

T T	Tên công trình	Năm	Tạp chí	Ghi chú
1.	Tình hình mổ lấy thai tại khoa sản bệnh viện đa khoa Thái Bình năm 1996-1998	2000	Nội san Sản Phụ khoa, Số đặc biệt nhân dịp Hội nghị toàn quốc Hội Phụ Sản Việt Nam khoá XIV kỳ họp thứ ba, Tam Đảo 27-28/7/2000	



2.	Tình hình viêm cổ tử cung lộ tuyến và nhiễm Human Papilloma Virus ở phụ nữ huyện Kiến Xương, Thái Bình	2008	Tạp chí Y học thực hành số đặc biệt của Hội nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường Y Dược Việt Nam Lần thứ 14 Tại TP. Huế 5 – 2008, Số 606 - 607/2008.	
3.	Những nhận xét về phẫu thuật nội soi trong điều trị vô sinh do buồng trứng đa nang	2007	Tạp chí Y học thực hành, Số 12 (561)/2006	
4.	Đánh giá kết quả điều trị vô sinh hội chứng buồng trứng đa nang bằng nội khoa	2011	Tạp chí Y học thực hành, Số 10(788)/2011	
5.	Đánh giá kết quả điều trị hội chứng buồng trứng đa nang bằng nội khoa	2011	Tạp chí Y học thực hành, Số 10 (788)/2011	
6.	Đánh giá kết quả điều trị vô sinh trong hội chứng buồng trứng đa nang bằng nội khoa	2013	Tạp chí Phụ Sản - 11(3),89-91,2013	
7.	Thực trạng sử dụng và chi trả dịch vụ khám chữa bệnh của người cao tuổi tại 2 xã, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình	2016	Tạp chí Y học Việt Nam	
8.	Khả năng tiếp cận dịch vụ tránh thai và nạo phá thai của người dân tại Huyện Quý Châu, tỉnh Nghệ An	2016	Tạp chí Y học Việt Nam	
9.	Kiến thức, thực hành của bà mẹ về dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em tại ba xã huyện Tiên Hải tỉnh Thái Bình năm 2017	2018	Tạp chí Y học cộng đồng	
10.	Đánh giá kiến thức bà mẹ sinh con lần đầu về chăm sóc thời kỳ sau sinh và chăm sóc sơ sinh tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình	2018	Tạp chí Y học cộng đồng	
11.	Một số yếu tố liên quan đến kiến thức chăm sóc sau sinh của bà mẹ tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình	2018	Tạp chí Y học cộng đồng	
12.	Thực trạng mắc và một số yếu tố liên quan đến nhiễm khuẩn đường sinh dục dưới ở phụ nữ có chồng trong độ tuổi sinh đẻ tại 3 xã huyện Bá thước tỉnh Thanh Hóa 2017	2019	Tạp chí Y học cộng đồng	
13.	Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống nhiễm khuẩn đường	2019	Tạp chí Y học cộng đồng	

Y  
 ƯỜNG  
 I HỌC  
 ĐƯỢC  
 AI BINH  
 \*



	sinh dục dưới ở phụ nữ có chồng trong độ tuổi sinh đẻ tại 3 xã huyện Bá thước tỉnh Thanh Hóa 2017			
14.	The Population and Family Planning Program of Viet Nam: Success and Lessons learned, 1992-2019	2020	Partners in Population and Development, UNFPA	
15.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở những sản phụ mổ lấy thai vì rau tiền đạo tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình	2021	Tạp chí Y học cộng đồng	
16.	Xử trí và biến chứng ở những sản phụ mổ lấy thai vì rau tiền đạo tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình	2022	Tạp chí Y học cộng đồng	
17.	Kết quả điều trị phẫu thuật khối u buồng trứng ở phụ nữ có thai tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình từ năm 2015 đến 2019	2022	Tạp chí Y học cộng đồng	
18.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng khối u buồng trứng ở phụ nữ có thai tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình từ năm 2015 đến 2019	2022	Tạp chí Y học cộng đồng	
19.	Hiệu quả về tư vấn chăm sóc sau sinh cho bà mẹ sinh con lần đầu sau khi sinh 2 tháng.	2021	Tạp chí Y học Việt Nam	
20.	Insulin Resistance In Gestational Diabetes Mellitus And Its Association With Anthropometric Fetal Indices	2022	Clinical Medicine Insights: Endocrinology And Diabetes; Volume 15: 1-8	
21.	Nhận xét một số đặc điểm về phía mẹ và thai nhi ở sản phụ có thai ngoài mong sinh tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình trong hai năm 2007 và 2017	2021	Tạp chí Y học Việt Nam, số 2, tháng 3, năm 2021	
22.	Một số yếu tố liên quan đến kiến thức chăm sóc sau sinh của bà mẹ sinh con lần đầu tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình	2021	Tạp chí Y học Việt Nam, số 2, tháng 3, năm 2021	
23.	Low-Grade Inflammation in Gestational Diabetes Mellitus and Its Corre With Maternal Insulin Ressistionce an Fetal Growth Indices	2023	International Journal of General Medicine, Volume 16: 1429-1436	
24.	Relationship Between Maternal serum cortisol an Maternal insulin	2023	Diabetes, Metabolic Syndrome and obesity	



	resistance an fetal ultrasound characteristics in gestaional diabetes mellitus			
25.	The Prevalence and Factors Related to Late-Stage Among Cervical Cancer Patients in Southeast Asian countries: A Systematic Review and Meta-Analysis	2024	Indian Journal of Gynecologic Oncology	
26.	Optimization of Multiplex-PCR Technique To Determine Azf Deletions in infertility Male Patients	2024	International Journal of General Medicine	
27.	Breastfeeding Practices of Ethnic Minorities in Northern Vietnam: A Population-Based Cross-Sectional Study	2024	14 <sup>th</sup> International Conference on Public Health among Greater Mekong Sub-Regional Countries	

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

NGƯỜI VIẾT

TS. BS. Bùi Minh Tiến



BỘ Y TẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y  
THÁI BÌNH

--\*--  
Số : 245/YTB-QĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 25 tháng 12 năm 1999

**QUYẾT ĐỊNH CỦA HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH**  
**Về việc tuyển dụng Công chức, Viên chức.**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH**

- Căn cứ vào quyết định số 34/CP ngày 24 tháng 1 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Thái Bình .
- Căn cứ vào thông tư số 13/BYT - TT ngày 18 tháng 4 năm 1983 và quy định sửa đổi bổ sung số 4720/TC ngày 20 tháng 8 năm 1985 của Bộ Y tế về nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn và nội dung phân cấp quản lý cán bộ của ngành Y tế.
- Căn cứ Quyết định số 3986/QĐ-BYT ngày 10/12/1999 của Bộ Y tế về việc Tuyển dụng Công chức, viên chức.
- Xét đề nghị của ông Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Công nhận hết thời gian tập sự của Bác sĩ Bùi Minh Tiến và Tuyển dụng làm Công chức tại Bộ môn Sản kể từ ngày 01 tháng 9 năm 1999.

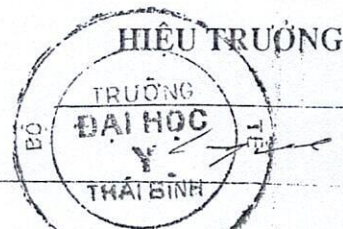
- Xếp ngạch Giảng viên số hiệu 15111
- Hưởng lương bậc 1, hệ số 1,92

**Điều 2 :** Bác sĩ Bùi Minh Tiến được hưởng 30% phụ cấp giảng dạy từ tháng 9 năm 1999.

**Điều 3 :** Các ông Trưởng phòng TCCB, Tài chính kế toán. QLĐT, Bộ môn Sản và BS Tiến chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhân**

- Như điều 3
- Lưu TCCB, VT



**PGS.PTS Trần Văn Quế**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà nội, ngày 10 tháng 07 năm 2024

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

(Theo mẫu tại Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011  
của Bộ trưởng Bộ GDĐT – Phụ lục V)

**I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC**

Họ và tên: Đặng Thị Hồng Thiện ..... Giới tính: Nữ .....  
Ngày, tháng, năm sinh: 13/05/1975 ..... Nơi sinh: Hải Phòng .....  
Quê quán: Khúc Thủy-Cự Khê- Thanh Oai- Hà Nội..... Dân tộc: Kinh .....  
Học vị cao nhất: Tiến sỹ ..... Năm, nước nhận học vị: 2020 .....  
Chức danh khoa học cao nhất: ..... Năm bổ nhiệm: .....  
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp .....  
Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Bệnh viện Phụ Sản Trung Ương .....  
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 19 ngõ 847 Hồng Hà, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội.....  
Điện thoại liên hệ: CQ: .....NR: .....DD: 0904311345.....  
Fax: ..... E-mail: thiendanghong@gmail.com .....  
Số CCCD: 031175008425 ..... Ngày cấp: 08/04/2021.....  
Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

**II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Đại học:**

Hệ đào tạo: Chính quy .....  
Nơi đào tạo: Đại học Y Hà Nội.....  
Ngành học: Bác sĩ đa khoa.....  
Nước đào tạo: Việt Nam ..... Năm tốt nghiệp: 1998 .....

**Bằng đại học 2:**

Hệ đào tạo: Tại chức .....  
Nơi đào tạo: Đại học Ngoại Ngữ-Hà Nội .....  
Ngành học: Tiếng Anh..... Năm tốt nghiệp: 2000 .....

**2. Sau đại học**

- Thạc sỹ chuyên ngành: Sản phụ khoa ..... Năm cấp bằng: 2003.....  
Nơi đào tạo: Đại học Y Hà Nội.....
- Tiến sỹ chuyên ngành: Sản phụ khoa..... Năm cấp bằng: 2020.....  
Nơi đào tạo: Đại học Y Hà Nội.....
- Tên luận án: Nghiên cứu sàng lọc bệnh Thalassemia ở phụ nữ có thai đến khám và điều trị tại bệnh viện Phụ Sản Trung Ương .....









tiêm vắc xin Astrazeneca phòng bệnh Covid-19 tại Bệnh viện Phụ Sản Trung Ương	2022		
---	------	--	--

2. Các công trình khoa học/bài báo đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Nghiên cứu phương pháp soi buồng tử cung và chụp X quang tử cung- vòi trứng để thăm dò buồng tử cung ở người bệnh vô sinh	2010	Tạp chí thông tin Y dược
2	Chẩn đoán và xử trí các trường hợp phụ nữ có thai nhiễm Rubella	2012	Tạp chí thông tin Y dược
3	Một số nhận xét về đặc điểm các bệnh nhân đến khám hội chẩn bệnh thalassemia tại Trung tâm chẩn đoán trước sinh- Bệnh viện Phụ Sản Trung Ương năm 2013.	2014	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng
4	Khảo sát một số đặc điểm liên quan đến bệnh Thalassemia ở phụ nữ có thai đến khám tại Trung tâm chẩn đoán trước sinh, bệnh viện Phụ Sản Trung Ương năm 2015	2016	Tạp chí Phụ Sản, tập 14(1)
5	Nghiên cứu một số chỉ số hồng cầu ở thai phụ thalassemia tại bệnh viện Phụ Sản Trung Ương	2017	Tạp chí Phụ Sản tập 15 (02)
6	Reference values for ductus venosus doppler indices of normal gestation at 22-37 weeks: A Vietnamese cohort study	2020	Pediatric Reports volume 12: 8535.
7	Leiomyomatosis peritonealis disseminata five years after laparoscopic uterine myomectomy: A case report	2021	Annals of Medicine and Surgery 66 (2021) 102377 Nguyen Manh Thang, Dang Hong Thien, Nguyen Thi Huyen Anh, Tran Danh Cuong
8	U xơ tử cung ký sinh vào phúc mạc thành bụng sau phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung có dùng máy nghiền bệnh phẩm	2021	Tạp chí nghiên cứu Y học Đặng Thị Hồng Thiện, Ngô Toàn Anh, Nguyễn Bảo Giang



9	Thực trạng mang gen thalassemia ở phụ nữ mang thai có nguy cơ cao và thai nhi tại bệnh viện Phụ Sản Trung Ương giai đoạn 2016-2018	2020	Tạp chí Y học dự phòng, tập 30 số 10-2020 Đặng Thị Hồng Thiện, Lê Hoài Chương, Phạm Phương Lan
10	Ứng dụng mô hình IOTA ADNEX trong thăm dò chẩn đoán khối u buồng trứng tại BV PSTW	2021	Tạp chí Phụ Sản, tập 19(4), 2021 Nguyễn T Phương Thảo, Đặng T Hồng Thiện,...
11	Breus'Mole- khối máu tụ lớn trong bánh rau gây thiếu máu nặng ở thai phụ có thai 19 tuần	2021	Tạp chí Phụ Sản, tập 19(4), 2021 Đặng T Hồng Thiện, Trần Danh Cường, Nguyễn Khánh Dương, Nguyễn Lê Minh, Đoàn T Thu Trang
12	Giá trị của mô hình IOTA ADNEX trong dự đoán u buồng trứng trước phẫu thuật tại BVPSTW năm 2021	2022	Tạp chí Y học dự phòng, tập 32 số 3-2022 Nguyễn Thị Phương Thảo, Đặng Thị Hồng Thiện, Phạm Phương Lan, Phạm Chi Mai
13	Đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị chữa ngoài tử cung phối hợp chữa trong buồng tử cung tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương	2022	Tạp chí Phụ Sản, tập 20(3), 2022 Đặng T Hồng Thiện, Đoàn Thị Thu Trang, Nguyễn Thị Hồng Phượng, Chu Thị Ngọc, Phạm Chi Mai, Nguyễn Đức Hà
14	U xơ tử cung và thai nghén: báo cáo ca bệnh và tổng quan tài liệu	2023	Tạp chí Phụ Sản, tập 21(2), 2023 Đặng T Hồng Thiện, Nguyễn Đức Hà, Nguyễn Bảo Giang, Nguyễn Thị Như Hà, Ngô Vương Minh
15	Thực trạng tuân thủ quy trình vệ sinh tay ngoại khoa của nhân viên y tế tại Bệnh viện Phụ sản Trung Ương năm 2022 và một số yếu tố liên quan.	2023	Tạp chí Y tế Công cộng số 63, tháng 6/2023, p49-59. Phạm Thu Thúy, Lê Thị Thanh Xuân, Trần Thị Len, Nguyễn Thị Lụa, Hà Công Anh, Đặng Thị Hồng Thiện
16	Nghiên cứu biến cố bất lợi sau tiêm vắc xin Astra Zeneca trong phòng	2023	Tạp chí Y học dự phòng số đặc



	bệnh Covid-19 tại Bệnh viện Phụ Sản Trung Ương.		biệt- số 33, tháng 11. Đặng Thị Hồng Thiện, Đoàn Thị Thu Trang, Phạm Phương Lan.
17	Systematic evaluation of loss function for ovarian tumors segmentation from ultrasound images	2023	Journal of Science and Technology (Technical Universities): Smart Systems and Devices (Tạp chí Khoa học sức khỏe và công nghệ của Đại học Bách Khoa Hà Nội). Nguyen Thi Huong, Dang Hong Thien, Pham Chi Mai, Nguyen Phuong Thảo.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên hoàn toàn đúng sự thật, Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2024

Người khai ký tên

Xác nhận của cơ quan



Đặng Thị Hồng Thiện



BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN SAO**



Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp II  
Số: 1955/QĐ-BYT ngày 08 tháng 06 năm 2010  
của Bộ trưởng Bộ Y tế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

**CẤP BẰNG  
CHUYÊN KHOA CẤP II**

Choi: *Đặng Thị Hồng Thiện*

**UBND PHƯỜNG VĂN CHƯỜNG  
CHỨNG THỰC BẢN SAO VỚI BẢN CHÍNH**  
NGÀY 19-07-2024  
Số chứng thực: 049 Khoa học 1  
Số đăng ký: 3072007-2009

Số hiệu bằng A: 002394  
Số vào sổ bằng: 1847/SDH-CK2TT  
Chữ ký của người được cấp bằng

**TUQ. CHỦ TỊCH  
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP. HỘ TỊCH**



**HIỆU TRƯỞNG**



*Nguyễn Thị Chinh*

*Nguyễn Thị Chinh*



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

The President of  
HANOI MEDICAL UNIVERSITY  
has conferred

THE DEGREE OF  
DOCTOR OF PHILOSOPHY  
IN MEDICINE

Upon: **DANG THI HONG THIEN**

Date of birth: 13/05/1975

Year of graduation: 2020

Given under the seal of  
Hanoi Medical University  
05/06/2020



Reg. No: 037 - TS/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hiệu trưởng  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI  
cấp

BẰNG TIẾN SĨ  
Y HỌC

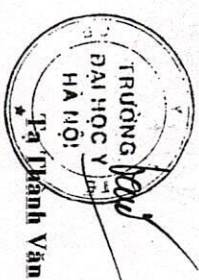
Cho: **DẶNG THI HỒNG THIÊN**

Ngày sinh: 13/05/1975

Năm tốt nghiệp: 2020

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2020

Hiệu trưởng



Số hiệu: 10224

Số vào sổ cấp bằng: 037 - TS/2020





Dự án Tăng cường Chất lượng nguồn Nhân lực trong Hệ thống Khám bệnh, chữa bệnh  
The Project for Improvement of the Quality of Human Resource in Medical Service System



# CHỨNG NHẬN

THIS IS TO CERTIFY THAT

**Ths. Đặng Thị Hồng Thiện**

đã hoàn thành tốt khóa tập huấn về  
has successfully completed the training course on


**ĐÀO TẠO GIÁNG VIÊN LÂM SÀNG**  
**TRAINING OF TRAINERS FOR CLINICAL EDUCATION**

tổ chức tại Bệnh viện Bạch Mai từ ngày 04 đến 08 tháng 10 năm 2011  
held in Bach Mai from October 04 to 08, 2011

Cục trưởng Cục Quản lý Khám, Chữa bệnh  
Giám đốc Trung tâm Phát triển năng lực Quản lý KB, CB  
Director General of Medical Service Administration  
Director of Medical Service Management Capacity Building Center

Cố vấn trưởng  
Dự án Tăng cường Chất lượng nguồn Nhân lực trong Hệ thống KB, CB  
Chief Advisor of the Project  
For Improvement of the Quality of Human resources in Medical Service Syst

  
LUONG NGOC KHUE, MD, Ph.D

  
MINORU AKIYAMA, MD

**BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TW**  
**SAO Y BẢN CHÍNH**  
Ngày 13 tháng 12 năm 2022  
KT. TRƯỞNG PHÒNG HCQT  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
  
Nguyễn Văn Sơn



**BỘ Y TẾ**

Số: 76/ 2012/ B01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÀO TẠO LIÊN TỤC



Chứng nhận (ông/bà): **BS. CKII. Đặng Thị Hồng Thiện**

Sinh ngày: **13/05/1975**

Đơn vị công tác: **Bệnh viện Phụ sản Trung ương**

Đã hoàn thành khoá học theo chương trình đào tạo liên tục:

**PHƯƠNG PHÁP SỬ PHẠM Y HỌC CƠ BẢN CHO GIÁNG VIÊN**

Tổng số: **80 giờ học** (Tám mươi giờ)

*Từ ngày 14 đến ngày 25 tháng 5 năm 2012, Tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương.*

**BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TW**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày 13 tháng 12 năm 2012

KT. TRƯỞNG PHÒNG HCQT

PHÒNG TRƯỞNG PHÒNG



*Nguyễn Văn Sơn*

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2012

**TL. BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

**VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**



**Nguyễn Công Khanh**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BỘ Y TẾ**

Số: 134/ 2012/ B01

## GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÀO TẠO LIÊN TỤC



Chứng nhận (ông/bà): **Đặng Hồng Thiện**

Năm sinh: **1975**

Đơn vị công tác: **Bệnh viện Phụ sản Trung ương**

Đã hoàn thành khoá học theo chương trình đào tạo liên tục:

**PHƯƠNG PHÁP BIÊN SOẠN CHƯƠNG TRÌNH VÀ TÀI LIỆU ĐÀO TẠO LIÊN TỤC**

Tổng số: **24 giờ học (Hai mươi tư giờ học)**

Từ ngày **29 tháng 5** đến ngày **2 tháng 6 năm 2012**, Tại **Bệnh viện Phụ sản Trung ương**.

**BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TW**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

**Ngày: 13 tháng 12 năm 2012**



Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2012

**TL. BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**  
**VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**



**Nguyễn Công Khẩn**



Số: 77 /QĐ-YDTB

Thái Bình, ngày 10 tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc bổ nhiệm kiêm nhiệm Phó trưởng Bộ môn Phụ Sản

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Căn cứ Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Thái Bình thành Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐTYDTB ngày 24/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 1388/QĐ-YDTB ngày 27/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình ban hành Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với các chức vụ lãnh đạo, quản lý đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Nghị quyết họp Tập thể lãnh đạo Trường và kết quả lấy phiếu tín nhiệm ngày 26/12/2023 về việc bổ nhiệm kiêm nhiệm cán bộ quản lý đơn vị;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bổ nhiệm kiêm nhiệm bà **Đặng Thị Hồng Thiện** - Tiến sĩ, Giảng viên thỉnh giảng Bộ môn Phụ Sản giữ chức vụ Phó trưởng Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành;

Thời hạn giữ chức vụ là 05 năm;

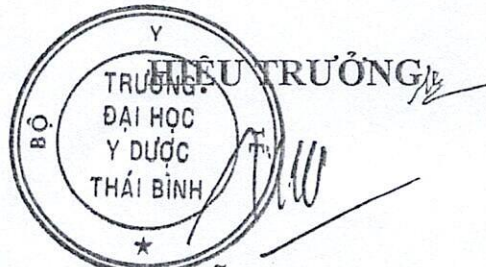
Nhiệm vụ của bà Đặng Thị Hồng Thiện do Trưởng Bộ môn Phụ Sản phân công;

Bà Đặng Thị Hồng Thiện được hưởng quyền lợi của cán bộ quản lý kiêm nhiệm theo quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà trường.

**Điều 3.** Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng Bộ môn Phụ Sản, Trưởng các đơn vị có liên quan và bà Đặng Thị Hồng Thiện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bí thư ĐU (để báo cáo);
- Bệnh viện Phụ sản Trung ương;
- Lưu: VT, Hồ sơ CB, TCCB.



Nguyễn Duy Cường







### 3. Tiến sĩ

Thời gian đào tạo: Từ tháng 11/2013 đến tháng 7/2021

Tại: Trường Đại học Y Hà Nội

Tên luận án: “*Nghiên cứu các phương pháp phát hiện và điều trị tiền ung thư cổ tử cung tại 24 xã vùng nông thôn tỉnh Thái Bình*”

Ngày bảo vệ: 26 tháng 7 năm 2021. Nơi bảo vệ luận văn: Trường Đại học Y Hà Nội

Người hướng dẫn: 1. PGS.TS. Nguyễn Đức Hình

2. PGS.TS. Trịnh Hữu Vách

### 4. Trình độ Ngoại ngữ

Văn bằng 2 (Tiếng Anh) - Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội

Mức độ sử dụng: Không giới hạn thời gian

### 5. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp

1. Bằng tốt nghiệp Đại học: Bác sĩ đa khoa. Số bằng: C790216, ngày cấp: 15/08/2006, nơi cấp: Trường Đại học Y Thái Bình.
2. Chứng chỉ Định hướng chuyên ngành Sản Phụ Khoa. Số 517/ĐHCNSPK, ngày cấp 04/08/2007, nơi cấp: Bệnh viện Phụ Sản Trung ương.
3. Chứng chỉ Siêu âm chẩn đoán trong Sản Phụ Khoa. Số 5184/SA, ngày cấp 21/09/2007, nơi cấp: Bệnh viện Phụ Sản Trung ương.
4. Chứng chỉ đào tạo Chương trình Quản lý Điều dưỡng. Số 1290/QĐ-ĐDN, ngày cấp 12/02/2009, nơi cấp: Bệnh viện Phụ Sản Trung ương.
5. Chứng chỉ phẫu thuật nội soi cơ bản. Số 365/ĐT-VĐ, ngày cấp 30/07/2010, nơi cấp: Bệnh viện Việt Đức Hà Nội.
6. Bằng Thạc sĩ Sản Phụ Khoa. Số bằng: A002866, ngày cấp: 23/03/2011, nơi cấp: Trường Đại học Y Hà Nội.
7. Bằng tốt nghiệp Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính, số hiệu bằng: A48845QL/HVCTQG, ngày cấp: 22/5/2019, nơi cấp: Trường Cán bộ Quản lý Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ VH,TT&DL.
8. Chứng chỉ Quản lý Kinh tế - Tài chính, Số hiệu chứng chỉ 000458, ngày cấp 26/10/2020, nơi cấp: Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân.
9. Bằng Tiến sĩ Sản Phụ Khoa. Số cấp bằng 096-TS/2021, ngày cấp 09/11/2021, nơi cấp: Trường Đại học Y Hà Nội.



### III. QUA TRÌNH CÔNG TÁC KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
08/2006 – 10/2008	Trường Đại học Y Thái Bình	Giảng viên
11/2008 – 31/2010	Trường Đại học Y Hà Nội	Học viên cao học khóa 17
04/2011 – 12/2014	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Giảng viên Phó bí thư Đoàn Trường
11/2013 – nay	Trường Đại học Y Hà Nội	Học viên lớp NCS K32
09/2018 – 06/2019	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Giảng viên BM Phụ Sản Phòng Quản Lý Khoa học
07/2019 – nay	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Phó trưởng phòng QLKH GVC Bộ môn Phụ Sản

### IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

#### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu / lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1.	Nghiên cứu các chỉ định mổ lấy thai tại bệnh viện Phụ Sản Thái Bình trong 2 năm 2005 - 2006	2010	Trường	Thành viên
2.	Tình hình mổ lấy thai tại bệnh viện Phụ Sản Thái Bình.	2010	Trường	Thành viên
3.	Nhận xét sự liên quan giữa các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng trong bệnh lý tiền sản giật tại bệnh viện Phụ sản Thái Bình.	2010	Trường	Thành viên
4.	Xác định lý do vào viện và mối liên quan với các thể lâm sàng của chửa ngoài tử cung được điều trị tại bệnh viện Phụ sản Thái Bình.	2010	Trường	Thành viên
5.	Bước đầu xác định thời gian kết thúc giai đoạn 3 của cuộc chuyển dạ khi có can thiệp tích cực.	2010	Trường	Thành viên



6.	Nghiên cứu thực trạng nhiễm trùng đường sinh dục dưới ở phụ nữ có chồng đến khám tại khoa Sản Bệnh viện Đại học Y Thái Bình	2011	Trường	Thành viên
7.	Nghiên cứu tình trạng thiếu máu ở bệnh nhân u cơ trơn tử cung Bệnh viện Đại học Y Thái Bình.	2012	Trường	Thành viên
8.	Đánh giá kết quả điều trị bệnh vô sinh bằng phương pháp bơm tinh trùng vào buồng tử cung tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình.	2012	Trường	Thành viên
9.	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật Nested PCR trong chẩn đoán viêm âm đạo, cổ tử cung do Chlamydia Trachomatis tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình.	2012	Trường	Thành viên
10.	Đánh giá thực trạng viêm cổ tử cung lộ tuyến và phân type virus HPV bằng kỹ thuật sinh học phân tử trên địa bàn huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.	2012	Tỉnh	Thành viên
11.	Nghiên cứu mở, đơn nhóm, đánh giá an toàn, hiệu quả ngừa thai và sự chấp nhận sản phẩm viên uống tránh thai Naphaceptiv của Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà.	2012	Bộ	Thành viên
12.	Đánh giá thực trạng ung thư cổ tử cung qua ứng dụng kỹ thuật chẩn đoán sớm tại cộng đồng cho phụ nữ một số xã vùng ven sông Hồng.	2016	Tỉnh	Chủ nhiệm
13.	Nghiên cứu nhãn mờ, nhóm đối chứng song song, đánh giá tác dụng hỗ trợ điều trị cảm cúm của Fitenka trong phác đồ kết hợp với Ibuprofen khi cần, so sánh với phác đồ kết hợp cố định liều Paracetamol với Caffeine và Phenylephrine Hydrochloride.	2019	Trường	Chủ nhiệm
14	Nghiên cứu tác dụng hỗ trợ điều trị cảm cúm của Viên nén bao phim Nhất Nhất 25 và Viên nén bao phim Tăng Đề Kháng Nhất Nhất, so sánh với phác đồ điều trị bằng Panadol cảm cúm	2021	Trường	Chủ nhiệm
15	Nghiên cứu đa trung tâm, ngẫu nhiên, mù đôi, nhóm đối chứng song song, đánh giá an toàn và hiệu quả dự phòng và điều trị chứng đau bụng kinh của thuốc Hoạt Huyết Nhất Nhất so sánh với giả dược trên phụ nữ có tiền sử đau bụng kinh.	2021	Bộ	Đồng chủ nhiệm



2. Các công trình khoa học (bài báo khoa học, báo cáo hội nghị khoa học, sách chuyên khảo...) đã công bố:

TT	Các công trình khoa học	Nơi công bố	Năm công bố
<b>A. Bài báo khoa học</b>			
1	Đặc điểm nhân khẩu học, y tế và thực trạng nhiễm HPV của phụ nữ viêm lộ tuyến cổ tử cung.	Y học thực hành	4/2013
2	Tỷ lệ mắc và đặc điểm lâm sàng viêm lộ tuyến cổ tử cung ở phụ nữ 20-24 tuổi trên địa bàn huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.	Y học thực hành	4/2013
3	Viêm đường sinh dục dưới do nhiễm Chlamydia Trachomatis ở phụ nữ đến khám phụ khoa tại Bệnh viện trường đại học Y Thái Bình.	Y học thực hành	5/2013
4	Kết quả sàng lọc ung thư cổ tử cung cho phụ nữ tại 24 xã thành phố Cần Thơ từ 2014-2016.	Y học cộng đồng	12/2016
5	Đánh giá hiệu quả của phương pháp laser CO <sub>2</sub> so với áp lạnh trong điều trị tổn thương lành tính và nghi ngờ cổ tử cung tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình.	Y học thực hành	10/2018
6	Đánh giá kết quả khám sàng lọc ung thư cổ tử cung cho phụ nữ tại 24 xã vùng nông thôn tỉnh Thái Bình từ 2014-2016.	Y học thực hành	11/2018
7	Nghiên cứu đặc điểm sinh sản của phụ nữ tại 2 huyện Kiến Xương và Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình.	Y học Việt Nam	11/2018
8	Đánh giá siêu âm bơm nước buồng tử cung trong chẩn đoán polype buồng tử cung trên bệnh nhân vô sinh tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình.	Y học Việt Nam	11/2018
9	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị rong kinh rong huyết tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình.	Y học Việt Nam	11/2018



10	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và hiệu quả điều trị ở bệnh nhân vô sinh do buồng trứng đa nang có tăng prolactin tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình.	Y học Việt Nam	11/2018
11	Điều tra thực trạng tử vong mẹ tại 7 tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.	Y học Việt Nam	11/2018
12	Nhận xét sự liên quan giữa số lượng và chất lượng tinh trùng trước và sau lọc rửa với tỷ lệ có thai của kỹ thuật bơm tinh trùng vào buồng tử cung (IUI) tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội.	Y học Việt Nam	11/2018
13	Nghiên cứu đặc điểm sinh sản của phụ nữ tại 3 huyện Cờ Đỏ, Phong Điền và Thới Lai, Thành phố Cần Thơ.	Y học Việt Nam	8/2019
14	Kết quả bước đầu về dự án tăng cường nhận thức của Phụ nữ về tầm soát ung thư cổ tử cung, kết hợp hỗ trợ sàng lọc, điều trị và phòng ngừa ca bệnh tại tỉnh Thái Bình và Cần Thơ, Việt Nam.	Y học Việt Nam	8/2019
15	Sàng lọc ung thư cổ tử cung tại 3 huyện Thới Lai, Phong Điền và Cờ Đỏ của Tỉnh Cần Thơ và một số hoạt động can thiệp.	Y học Việt Nam	8/2019
16	Nhận xét tình hình điều trị u nang buồng trứng lành tính bằng phẫu thuật nội soi tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình năm 2018.	Y học Việt Nam	9/2019
17	Nhận xét mẫu xét nghiệm tinh dịch đồ theo tiêu chuẩn WHO 1999 ở những cặp vợ chồng đến khám vô sinh hiếm muộn nguyên nhân do chồng tại trung tâm hỗ trợ sinh sản Bệnh viện Đại học Y Thái Bình.	Y học Việt Nam	9/2019
18	Nhận xét chẩn đoán và thái độ xử trí bệnh rau tiền đạo tại bệnh viện Phụ sản Thái Bình năm 2018.	Y học Việt Nam	09/2019



19	Đánh giá hiệu quả của phương pháp thắt động mạch tử cung trong điều trị chảy máu sau đẻ tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình năm 2017 và 2018.	Y học Việt Nam	09/2019
20	Đánh giá hiệu quả của phương pháp laser CO <sub>2</sub> trong điều trị các tổn thương bất thường ở cổ tử cung tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình.	Y học Việt Nam	09/2020
21	Đối chiếu hình ảnh siêu âm tử cung với kết quả mô bệnh học ở bệnh nhân đến khám tại bệnh viện Đại học Y Thái Bình	Y học Việt Nam	03/2021
22	Diabetic Peripheral Neuropathy Associated with Cardiovascular Risk Factors and Glucagon-Like Peptide-1 Concentrations Among Newly Diagnosed Patients with Type 2 Diabetes Mellitus	Diabetes, Metabolic Syndrome and Obesity: Targets and Therapy	01/2022
23	Lower Plasma Albumin, Higher White Blood Cell Count and High-Sensitivity C-Reactive Protein are Associated with Femoral Artery Intima-Media Thickness Among Newly Diagnosed Patients with Type 2 Diabetes Mellitus	International Journal of General Medicine	03/2022
24	Insulin Resistance in Gestational Diabetes Mellitus and Its Association With Anthropometric Fetal Indices	Clinical Medicine Insights: Endocrinology and Diabetes	05/2022
<b>B. Báo cáo tại hội nghị khoa học</b>			
1	Hội thảo Nâng cao nhận thức về Ung thư cổ tử cung tại Việt Nam năm 2015	Bộ Y tế	03/2015
2	Hội nghị Khoa học nghiên cứu sinh lần thứ 21	Đại học Y Hà Nội	11/2015
3	Hội nghị Khoa học nghiên cứu sinh lần thứ 22	Đại học Y Hà Nội	11/2016
4	Hội thảo Khoa học Sàng lọc và Điều trị dự phòng Ung thư Cổ tử cung	Đại học Y Thái Bình	5/2022

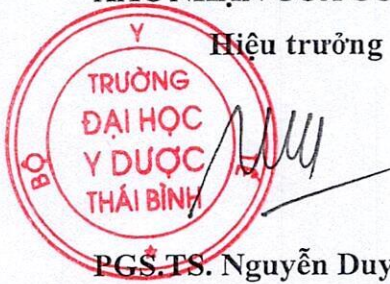


C. Sách chuyên khảo			
1	Bài giảng Sản Phụ khoa dành cho đối tượng Y khoa chính quy	Đại học Y Dược Thái Bình	03/2020
2	Bài giảng Y học Gia đình	Đại học Y Dược Thái Bình	03/2020
3	Bài giảng Điều dưỡng Sản Phụ Khoa	Cao Đẳng Y Thái Bình	05/2020

Thái Bình, Ngày 20 tháng 6 năm 2024

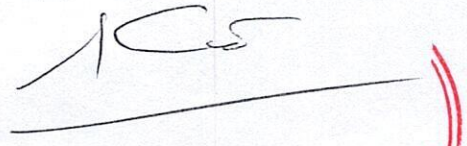
**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN**

Hiệu trưởng



PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

**NGƯỜI KHAI LÝ LỊCH**

  
Nguyễn Trung Kiên



**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN SAO**



CHỨNG THỰC BẢN SAO  
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 20-04-2018

Số: 2018/CT-QL-ĐT/ĐH-QG...  
Quyển Số: SCT/BS

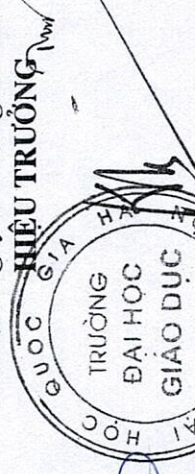
**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC**  
cấp

**CHỨNG CHỈ  
NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM ĐẠI HỌC**

Cho anh (chị): *Nguyễn Trung Kiên* tại: Thanh Hóa  
Sinh ngày: 02/08/1982  
đã hoàn thành khoá bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm đại học  
do Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức  
từ ngày 10 tháng 08 năm 2015 đến ngày 04 tháng 09 năm 2015.

Kết quả: 7.87 Xếp loại: Khá

Hà Nội, ngày 09 tháng 09 năm 2015



CÔNG CHỨNG VIỆN

*Nguyễn Thiên Châu* PGS. TS. Lê Kim Long

Số: 15.0231/NVDH

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 03 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Giáo dục thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;  
Căn cứ Quyết định số 8309/QĐ-BGDĐT ngày 10/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Trường Đại học Giáo dục thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên các trường đại học, cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 12/2013/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 804/QĐ-ĐT ngày 09 tháng 09 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục về việc công nhận kết quả và cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đại học.



**BẢN SAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC**

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC**

Chứng nhận: Ông (Bà) ..... *Nguyễn Trung Kiên* .....

Sinh ngày: ..... **02 tháng 08 năm 1982** .....

Đơn vị công tác: ..... **Trường Đại học Y Dược Thái Bình** .....

Đã hoàn thành chương trình:

..... **Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp** .....

..... **Giảng viên chính hạng II** .....

Từ ngày ..... **10 tháng 12 năm 2016** .....

Đến ngày ..... **28 tháng 02 năm 2017** .....

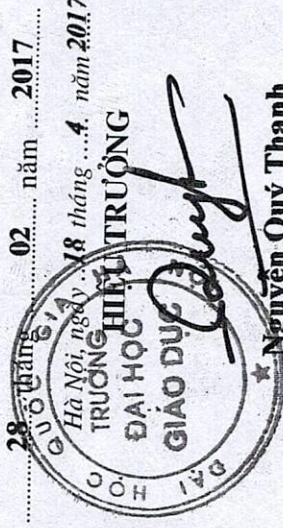


**CHỨNG TỰC BẢN SAO**  
**ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày ..... **20-04-2018** .....

Số: ..... *22* ..... Quyền số: **CT/BS**

Số: ..... **17.0141 /GVC-II** .....



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
*Nguyễn Xuân Thọ*



**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
Independence - Freedom - Happiness

The President of  
**HANOI MEDICAL UNIVERSITY**  
has conferred

**THE DEGREE OF  
DOCTOR OF PHILOSOPHY  
IN OBSTETRICS AND  
GYNAECOLOGY**

Upon: **NGUYEN TRUNG KIEN**

Date of birth: 02/08/1982

Year of graduation: 2021

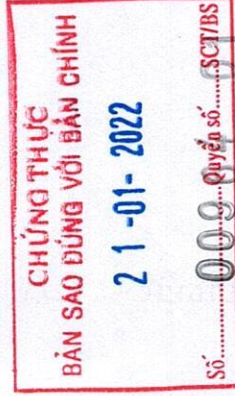
Given under the seal of  
Hanoi Medical University  
09/11/2021



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hiệu trưởng  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI**  
cấp

**BẰNG TIẾN SĨ  
SẢN PHỤ KHOA**



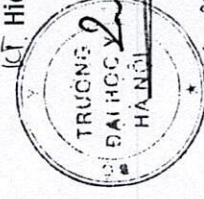
Cho: **NGUYỄN TRUNG KIÊN**

Ngày sinh: 02/08/1982

Năm tốt nghiệp: 2021

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2021

KT. Hiệu trưởng



PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
*Đoàn Quốc Hưng*



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
*Bùi Thị Lan*

Số hiệu: 10379

Số vào sổ cấp bằng: 096 - TS/2021

Reg. No: 096 - TS/2021



Số: 451/QĐ-YTB

Thái Bình, ngày 13 tháng 7 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH CỦA HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH**  
**Về việc hợp đồng làm việc lần đầu.**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH**

- Căn cứ vào quyết định số 34/CP ngày 24 tháng 1 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Thái Bình.
- Căn cứ vào thông tư số 13/BYT-TT ngày 18 tháng 4 năm 1983 và quy định sửa đổi bổ sung số 4720/TC ngày 20 tháng 8 năm 1985 của Bộ Y tế về nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn và nội dung phân cấp quản lý cán bộ của ngành Y tế.
- Căn cứ Quyết định số 2531/QĐ-BYT ngày 13/7/2007 của Bộ Y tế về việc công nhận kết quả xét tuyển viên chức năm 2007 của Trường Đại học Y Thái Bình.
- Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

**QUYẾT ĐỊNH**

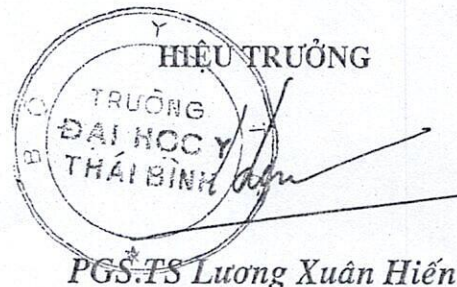
**Điều 1:** Nay hợp đồng thử việc Ông Nguyễn Trung Kiên – Bác sỹ vào ngạch Giảng viên mã số 15.111 trong thời gian 9 tháng từ ngày 01/7/2007 tại Bộ môn Sản.

**Điều 2:** - Ông Nguyễn Trung Kiên có trách nhiệm thực hiện các quy định tại định số 116/NĐ-CP ngày 10/10/2003 về chế độ thử việc đối với viên chức.  
- Trong thời gian thử việc, ông Kiên được hưởng 85% lương bậc 1 ngạch Giảng viên hệ số 2,34

**Điều 3:** Các ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Tài chính - Kế toán, Bộ môn Sản và ông Kiên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3
- Lưu TCCB, VT

  
PGS.TS Lương Xuân Hiến



# LÝ LỊCH KHOA HỌC

## I. Lý lịch sơ lược

Họ và tên: NGUYỄN ĐĂNG KIÊN

Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/09/1991

Nơi sinh: Minh Tân, Đông Hưng, Thái Bình

Quê quán: Minh Tân, Đông Hưng, Thái Bình

Chức vụ hiện tại: Giảng viên Bộ môn Phụ Sản

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Số nhà 36, đường số 24, tổ 5, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Điện thoại liên hệ: 0349802554

E-mail: nguyendangkien5191@gmail.com

## II- Quá trình đào tạo:

### 1. Đại học

Hệ đào tạo: Chính quy tập trung

Ngành học, chuyên môn: Bác sĩ đa khoa

Nơi đào tạo: Trường Đại học Y Dược Thái Bình Năm tốt nghiệp: 2015

### 2. Sau đại học

Hệ đào tạo: Chính quy tập trung

Ngành học, chuyên môn: Tiến sĩ Y học

Nơi đào tạo: Trường Đại học Adelaide, Úc Năm tốt nghiệp: 2023

Tên chuyên đề luận văn bậc cao nhất: Vai trò của hooc môn AMH trong cá thể hóa điều trị vô sinh

3. Ngoại ngữ Anh văn - Mức độ thành thạo: C2

## III- Quá trình công tác chuyên môn

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
2015 - nay	Bộ môn Phụ Sản - Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Giảng viên



	medium-term cumulative live birth following in vitro fertilization/intracytoplasmic sperm injection: A retrospective study		Journal of Obstetrics & Gynecology and Reproductive Biology	
13	The cost-effectiveness of using a prognosis-tailored strategy model to triage couples with idiopathic infertility for assisted reproduction technology	2023	European Journal of Obstetrics & Gynecology and Reproductive Biology	
14	The impact of the COVID-19 pandemic on college students: An online survey	2021	Sustainability	
15	Screening for gestational diabetes mellitus (GDM) and co-creation of a self-care intervention in Vietnam-protocol for the VALID-II study	2023	Acta obstetricia et gynecologica scandinavica	

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

NGƯỜI VIẾT



**BẢN DỊCH  
TRANSLATION**



**ĐẠI HỌC ADELAIDE**

*Chứng nhận rằng*

**NGUYỄN ĐĂNG KIÊN**

được trao Bằng

**Tiến sĩ**

tại Đại học Adelaide vào ngày 11 tháng 10 năm 2023

*(Đã đóng dấu)*

*(Đã ký)*

*(Đã ký)*

Catherine Branson AC KC

**Hiệu trưởng Danh dự**

Giáo sư Peter Høj AC

**Hiệu trưởng kiêm Chủ tịch**

Số Văn bằng: 20679D0D



## LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 12 tháng 07 năm 2024

Tại Văn phòng Công chứng Đông Đô, địa chỉ tại 101 Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Tôi Hoàng Thị Quỳnh Mai, công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

### CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do Ông/Bà Nguyễn Hữu Triệu Phong, cộng tác viên phiên dịch Văn phòng Công chứng Đông Đô, thành phố Hà Nội dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt;
  - Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của Ông/Bà Nguyễn Hữu Triệu Phong;
  - Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
  - Văn bản công chứng này được lập thành 02 bản chính, mỗi bản gồm 02 tờ, 02 trang, lưu 01 bản tại Văn phòng Công chứng Đông Đô, thành phố Hà Nội;
- Số công chứng 21269, quyền số 01/2024/TP/CC-SCC/BD.

NGƯỜI DỊCH

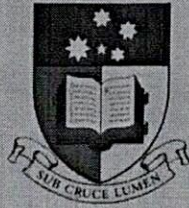
NGUYỄN HỮU TRIỆU PHONG

CÔNG CHỨNG VIÊN



HOÀNG THỊ QUỲNH MAI





THE UNIVERSITY OF ADELAIDE

*This is to certify that*

**Dang Kien Nguyen**

was admitted to the Degree of

**Doctor of Philosophy**

in The University of Adelaide  
on the 11th day of October in the year 2023



The Honourable  
Catherine Branson AC KC  
Chancellor

Professor Peter Høj AC  
Vice-Chancellor and President



Certificate Number: 20679D0D



BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI  
Cấp

### CHỨNG CHỈ

NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM

Cho: **NGUYỄN ĐĂNG KIẾN** Giới tính: **NAM**

Sinh ngày: **05/09/1991** Nơi sinh: **THÁI BÌNH**

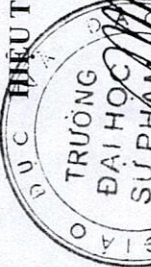
Đã hoàn thành chương trình: **NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CHO GIÁNG VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG**

Điểm trung bình: **8,35** Xếp loại: **GIỎI**

**CHÚ Ý:** THỰC Xếp loại:  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
**15-07-2024**

Hà Nội, ngày **16** tháng **10** năm **2018**

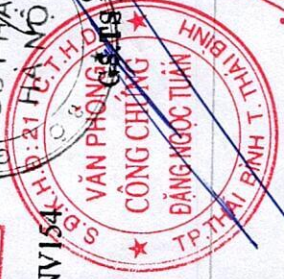
HIỆU TRƯỞNG



*Nguyễn Văn Minh*

Số hiệu: **NV 29027** Quyền số: **68CT/BS**

Số vào sổ cấp chứng chỉ: **27/QĐ8039\_18K3NV154**



CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Nguyễn Văn Giang*



Số: 27/QĐ8039-18

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2018

**BẢN SAO**

## BẢNG ĐIỂM

LỚP NGHIỆP VỤ BỒI DƯỠNG GIÁNG VIÊN\_KHOÁ NV154\_TẠI CTCP GIÁO DỤC VIỆT NAM\_HÀ NỘI  
(Theo Quyết định số 8039/QĐ-ĐHSPHN-VNCSP  
ngày 16 tháng 10 năm 2018)

HỌ VÀ TÊN: **NGUYỄN ĐĂNG KIÊN**  
NGÀY SINH: **05-09-1991**

NƠI SINH: **THÁI BÌNH**

TT	Môn học	Số TC	Điểm	Ghi chú
1	Giáo dục đại học thế giới và Việt Nam	1	9	
2	Tâm lý học dạy học Đại học	1	8.5	
3	Lý luận dạy học Đại học	3	8	
4	PTCT và tổ chức quá trình đào tạo Đại học	2	8	
5	Đánh giá trong giáo dục đại học	2	8.5	
6	Sử dụng phương tiện KT và CN trong dạy học Đại học	1	7.5	
7	Tâm lý học đại cương	2	7	
8	Giáo dục học đại cương	3	8	
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	8.5	
10	Nâng cao chất lượng tự học	3	10	

Điểm trung bình chung học tập: **8.35**

Xếp loại: **Giỏi**

T/L HIỆU TRƯỞNG

K/T TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
SƯ PHẠM  
HÀ NỘI

TS. Lê Thị Thu Trang



CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Nguyễn Thiên Châu*



Số: 77/QĐ-YDTB

Thái Bình, ngày 16 tháng 01 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc Hợp đồng làm việc xác định thời hạn  
và bổ nhiệm chức danh Giảng viên đối với viên chức

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Căn cứ Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Thái Bình thành Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 4922/QĐ-BYT ngày 09/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính Phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc đối với viên chức; Thông tư số 31/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định thời gian tập sự theo chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-BYT ngày 14/01/2019 của Bộ Y tế về việc công nhận kết quả xét tuyển đặc cách viên chức;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Hợp đồng làm việc xác định thời hạn 12 tháng và bổ nhiệm chức danh Giảng viên đối với ông Nguyễn Đăng Kiên - Bác sĩ Đa khoa tại Bộ môn Sản Phụ khoa từ ngày 16/01/2019.

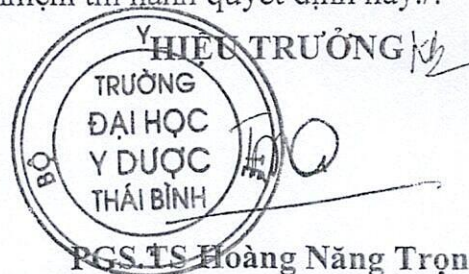
**Điều 2.** Nhiệm vụ của ông Nguyễn Đăng Kiên do Trưởng Bộ môn Sản Phụ khoa phân công;

Ông Nguyễn Đăng Kiên được hưởng lương của chức danh Giảng viên, mã số V.07.01.03, bậc 1, hệ số 2,34 cùng với các khoản phụ cấp theo quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà trường kể từ ngày 16/01/2019; thời gian tính nâng bậc lương lần sau từ ngày 17/8/2016.

**Điều 3.** Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng các đơn vị có liên quan, Trưởng Bộ môn Sản Phụ khoa và ông Nguyễn Đăng Kiên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, hồ sơ CB, TCCB.





# LÝ LỊCH KHOA HỌC

## I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: **LÊ HẢI DƯƠNG**

Dân tộc: Kinh                      Giới tính: Nam

Ngày sinh: 22.10.1975

Nơi sinh: Xã Nam Bình, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình

Quê quán: Xã Nam Bình, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình

Chức vụ hiện tại: Giảng viên

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: SN 05 Đường 58 ngõ 613, tổ 19 phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình

Điện thoại liên hệ: 0912464549                      Fax:

E-mail: dlehai@yahoo.com

## II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

### 1. Đại học

Hệ đào tạo: Tập trung

Ngành học, chuyên môn: Bác sỹ đa khoa

Nơi đào tạo: ĐHY Dược Thái Bình

Năm tốt nghiệp: 1998

### 2. Sau đại học

Hệ đào tạo: Tập trung

Ngành học, chuyên môn:

- Thạc sỹ Sản Phụ Khoa

Nơi đào tạo: Đại Học Y Hà Nội

Năm tốt nghiệp: 2004

Tên chuyên đề luận văn: “Nhận xét đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và xử trí khối u buồng trứng xoắn tại Viện bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh trong 10 năm (1992 - 2002)”

- Bác sỹ chuyên khoa cấp 2

Nơi đào tạo: Đại học Y Dược Thái Bình

Năm tốt nghiệp 2013

## 2. Các công trình khoa học đã công bố

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp trí
1.	Nhận xét tình hình xử trí song thai tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình trong 2 năm 2011 – 2012	2014	Tạp chí Y học thực hành, năm 2014

*Thái Bình, ngày 24 tháng 7 năm 2024*

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN**

**NGƯỜI VIẾT**



**LÊ HẢI DƯƠNG**



**BẢN SAO**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC  
cấp**

**CHỨNG CHỈ  
NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM ĐẠI HỌC 07- 2024**

**CHỨNG TỰỰC  
BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số: *AlleA* ..... Quyển số: *4* / SCT/BS

Cho ảnh (chị): *Lê Hải Dương* tại: Thái Bình  
Sinh ngày: 22/10/1975  
đã hoàn thành khoá bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm đại học  
do Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức  
từ ngày 10 tháng 08 năm 2015 đến ngày 04 tháng 09 năm 2015.

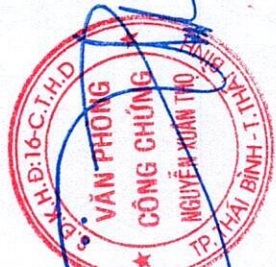
Kết quả: 7.93 Xếp loại: Khá

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 03 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Giáo dục thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;  
Căn cứ Quyết định số 8309/QĐ-BGDĐT ngày 10/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Trường Đại học Giáo dục thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên các trường đại học, cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 12/2013/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 804/QĐ-ĐT ngày 09 tháng 09 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục về việc công nhận kết quả và cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đại học,

Hà Nội, ngày 09 tháng 09 năm 2015



PGS. TS. *Lê Kim Long*

Số: 15.0215/NVĐH

**CÔNG CHỨNG VIỆN**  
*Nguyễn Xuân Thọ*



**BẢN SAO**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

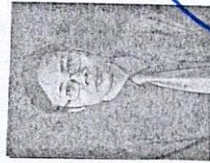


**THE RECTOR OF HANOI UNIVERSITY OF MEDICINE**  
On the Recommendation of the Scientific and Training Council  
has conferred upon

Mr. *Lê Hải Dương*

Born 22/10/1975 in Thái Bình

THE DEGREE OF  
**MASTER OF SCIENCE**  
in Medicine  
Speciality: Obstetrics - Gynaecology



**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI**  
Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo  
cấp bằng

**THẠC SĨ**

Y HỌC

Chuyên ngành: Sản Phụ khoa

Cho ông *Lê Hải Dương*

Sinh ngày 22/10/1975 tại Thái Bình

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2004

Hiệu trưởng



*Nguyễn Văn Kiệt*

**CỨNG THỰC**  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
00 - 04 - 023  
Số: 1264... Quyển số 2... SCT/BS



**CÔNG CHỨNG** số: 04-17  
*Nguyễn Xuân Thọ* 10363

Given under the seal of Hanoi University of Medicine  
this 13<sup>th</sup> day of May 2004



**BẢN SAO**

**BỘ Y TẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp II  
Số: .....190/QĐ-BYT ngày .....17 tháng 01 năm 2013.



của Bộ trưởng Bộ Y tế

TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH

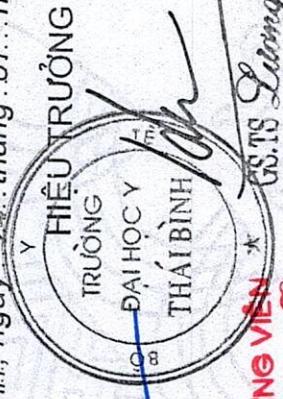
**CHỨNG THỰC**  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
**10-04-2023**  
Số: .....  
Quyển số: 2.8CTVBS

**CẤP BẰNG**

**CHUYÊN KHOA CẤP II**

Cho: (Ông, bà) **Lê Hải Dương** .....  
Sinh ngày: **22/10/1975** Nơi sinh: **Thái Bình** .....  
Chuyên ngành: **Sân phụ khoa** .....  
Hệ đào tạo: **Tập trung** .....  
Khóa học: **2010 - 2012** Xếp loại: **Giỏi** .....  
Thái Bình, ngày **24 tháng 01** năm **2013**

Số hiệu bằng A: **003608** .....  
Số vào sổ bằng: .....  
Chữ ký của người được cấp bằng



**CÔNG CHỨNG VIỆN**  
*Nguyễn Xuân Thọ*  
GS.TS Lương Tuấn Hoàn



Kajm sau

D14

BỘ Y TẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y  
THÁI BÌNH

--\*--

Số : 239 /YT-B-QĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 25 tháng 12 năm 1999

**QUYẾT ĐỊNH CỦA HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH**  
**Về việc tuyển dụng Công chức, Viên chức.**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH**

- Căn cứ vào quyết định số 34/CP ngày 24 tháng 1 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Thái Bình .
- Căn cứ vào thông tư số 13/BYT - TT ngày 18 tháng 4 năm 1983 và quy định sửa đổi bổ sung số 4720/TC ngày 20 tháng 8 năm 1985 của Bộ Y tế về nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn và nội dung phân cấp quản lý cán bộ của ngành Y tế.
- Căn cứ Quyết định số 3982/QĐ-BYT ngày 10/12/1999 của Bộ Y tế về việc Tuyển dụng Công chức, viên chức.
- Xét đề nghị của ông Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Công nhận hết thời gian tập sự của Bác sĩ Lê Hải Dương và Tuyển dụng làm Công chức tại Bộ môn Sản kể từ ngày 01 tháng 9 năm 1999.

- Xếp ngạch Giảng viên số hiệu 15111
- Hưởng lương bậc 1, hệ số 1,92

**Điều 2 :** Bác sĩ Lê Hải Dương được hưởng 30% phụ cấp giảng dạy từ tháng 9 năm 1999.

**Điều 3 :** Các ông Trưởng phòng TCCB, Tài chính kế toán. QLĐT, Bộ môn Sản và BS Dương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận**

- Như điều 3
- Lưu TCCB, VT



PGS.PTS Trần Văn Quế



# LÝ LỊCH KHOA HỌC

## I. Lý lịch sơ lược

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ TUYẾT**

Dân tộc: kinh                      Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 20/09/1979

Nơi sinh: TT Hưng Nhân - Huyện Hưng Hà - Tỉnh Thái Bình

Quê quán: TT Hưng Nhân - Huyện Hưng Hà - Tỉnh Thái Bình

Chức vụ hiện tại: Giảng viên Bộ môn Phụ Sản/Phó trưởng trung tâm HTSS

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Số 12, đường số 5, Khu đô thị Petro, Phường Quang Trung, Thành Phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Điện thoại liên hệ: 0968 135 209                      Fax:

E-mail: nguyenthituyetdhytb@gmail.com

## II- Quá trình đào tạo:

### 1. Đại học

Hệ đào tạo: Đại học

Ngành học, chuyên môn: Bác sỹ đa khoa

Nơi đào tạo: Trường Đại Học Y Thái Bình      Năm tốt nghiệp: 2004

### 2. Sau đại học

Hệ đào tạo: BSCCKII

Ngành học, chuyên môn: Sản phụ khoa

Nơi đào tạo: Đại Học Y Thái Bình                      Năm tốt nghiệp: 2014

Tên chuyên đề luận văn bậc cao nhất: Nghiên cứu điều trị vô sinh bằng phương pháp bơm tinh trùng vào buồng tử cung tại BV Đại học Y Thái Bình.

3. *Ngoại ngữ*: Anh văn - Mức độ thành thạo: B1

## III- Quá trình công tác chuyên môn

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ năm 2004	Bộ môn Phụ sản - Trường Đại học Y Thái Bình (nay là Đại học Y Dược Thái Bình)	Giảng viên bộ môn Sản
Từ năm 2004-2005	Bệnh viện phụ sản trung ương	Học viên lớp chuyên khoa định hướng





	mãn kinh tại thành phố Thái Bình và hiệu quả một số biện pháp can thiệp			
9	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị của bệnh nhân tiền sản giật nặng tại Bệnh viện Phụ sản tỉnh Thái Bình năm 2019	2020	Cấp cơ sở	Tham gia

**2. Các công trình khoa học đã công bố:** (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

T T	Tên công trình	Năm	Tạp chí	Ghi chú
1	Đánh giá thực trạng viêm cổ tử cung lộ tuyến và type HPV bằng kỹ thuật sinh học phân tử trên địa bàn Kiến Xương tỉnh Thái Bình	2008	Tạp chí Hội nghị khoa học tuổi trẻ ngành Y Dược Việt Nam	Đồng tác giả
2	Đánh giá kết quả điều trị các tổn thương lành tính cổ tử cung bằng laser CO2	2010	Y học thực hành 5(721)	Tác giả
3	So sánh độ nhạy và độ đặc hiệu của one-step Chlamydia với phương pháp PCR	2013	Y học thực hành 6(874)	Tác giả
4	Đánh giá kết quả điều trị vô sinh bằng phương pháp IUI tại khoa hỗ trợ sinh sản Bệnh viện Đại học Y Thái Bình	2011	Y học thực hành	Tác giả
5	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân azoospermia tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình	2019	Tạp chí Y học Việt Nam, tập 483, tr. 483-487.	Đồng tác giả
6	Nghiên cứu một số rối loạn chức năng, chất lượng cuộc sống của phụ nữ tiền mãn kinh, mãn kinh tại thành phố Thái Bình và hiệu quả một số biện pháp can thiệp	2023	Tạp chí y học trường ĐHYD Thái Bình	Tác giả

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÁI BÌNH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Nguyễn Thế Diệp

NGƯỜI VIẾT

Nguyễn Thị Tuyết



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Chứng nhận: Ông (bà) Nguyễn Thị Tuyết

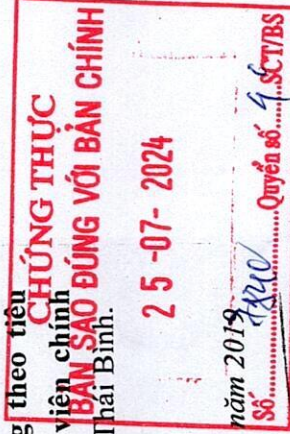
Sinh ngày 20 tháng 9 năm 1979

Đơn vị công tác: Trường ĐHY được Thái Bình

Đã hoàn thành chương trình: Bồi dưỡng theo tiêu  
ch chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính  
(hạng II) tổ chức tại Trường ĐHY được Thái Bình.

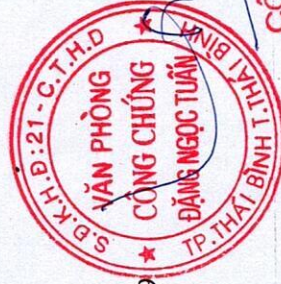
Từ ngày 09 tháng 7 năm 2019

Đến ngày 27 tháng 7 năm 2019



Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2019

GIÁM ĐỐC



Số: 4942-781/QĐ-HVQLGD ngày 02/8/2019

CÔNG CHỨNG VIÊN

Trinh Thị Tuyết



**BỘ Y TẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp II  
Số: 424/QĐ-BYT ngày 04 tháng 02 năm 2015



của Bộ trưởng Bộ Y tế  
TRƯỜNG TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
17-03-2020  
Số: 02235 SĐT/S

**CẤP BẰNG  
CHUYÊN KHOA CẤP II**

Cho: *Nguyễn Thị Tuyết*  
Sinh ngày: 20.09.1979 Nơi sinh: Thái Bình  
Chuyên ngành: Sản phụ khoa  
Hệ đào tạo: Tập trung  
Khóa học: 2012-2014 Xếp loại: **Giỏi**  
Thái Bình, ngày 11 tháng 5 năm 2015

Số hiệu bằng A: 004978  
Số vào sổ bằng: 48/CCB/2015  
Chữ ký của người được cấp bằng



GS.TS Lương Xuân Hiến

CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Phạm Thị Lan*



**PHIẾU ĐIỂM CÁC HỌC PHẦN  
CỦA CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM  
CHO GIÁNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG  
(Ban hành theo Thông tư số 12/2013/TT-BGDĐT, ngày 12/4/2013)**

Họ và tên : **Nguyễn Thị Tuyết**

Ngày, tháng, năm sinh : **20/9/1979** Nơi sinh : **Thái Bình**

Đơn vị công tác : **Trường Đại học Y Dược Thái Bình**

Học viên lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trường đại học, cao đẳng, tổ chức tại Trường Đại học Y dược Thái Bình từ ngày 05/9/2015 đến ngày 27/9/2015.

Kết quả điểm thi 6 học phần:

Học phần	Tên các học phần	Điểm thi
1	Giáo dục đại học thế giới và Việt Nam	9
2	Tâm lý giáo dục đại học	9
3	Lý luận và phương pháp dạy học đại học	6
4	Phát triển chương trình và tổ chức quá trình đào tạo	9
5	Đánh giá trong giáo dục đại học	9
6	Sử dụng phương tiện kỹ thuật và công nghệ trong dạy học đại học	7

Điểm trung bình chung học tập : **7,9**

Xếp loại : **Khá**

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2015

TL. Giám đốc Học viện

Giám đốc Trung tâm ĐTSĐH - BDNG&CBQL

  
**PGS.TS Trần Thị Minh Hằng**



BỘ Y TẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC  
THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG ĐIỂM BÁC SỸ CHUYÊN KHOA CẤP II**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Tuyết**

Giới: Nữ

Ngày sinh: 20/09/1979

Nơi sinh: Thái Bình

Chuyên ngành: **Sân phụ khoa**

Khoá học: 2012-2014

Stt	Môn học	Số ĐVHT	Kết quả	
			LT	TH
1	Phương pháp giảng dạy	3		9,0
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		9,0
3	Tin học	4		8,0
4	Phẫu thuật thực hành	4		8,0
5	Gây mê hồi sức	3/1	9,0	8,0
6	Ứng thư	3/1	8,5	8,0
7	Chuyên ngành 1: Sản bệnh I	3/6	8,5	8,0
8	Chuyên ngành 2: Sản bệnh II	3/6	9,0	9,0
9	Chuyên ngành 3: Sản khó - Cấp cứu sản	3/6	9,0	9,0
10	Chuyên ngành 4: Sơ sinh	2/6	9,0	9,0
11	Chuyên ngành 5: Sinh lý sinh sản - Phụ khoa - Nội tiết	4/8	9,0	9,0
12	Chuyên ngành 6: Kế hoạch hoá gia đình, hỗ trợ sinh sản, sức khoẻ sinh sản	3/6	8,5	9,0
13	Thi Tốt nghiệp	1/1/1	LT: 9,5	TH: 9,0 BA: 9,0

Điểm TB chung toàn khoá: 8,75

Tên luận án tốt nghiệp: *Đánh giá kết quả điều trị vô sinh bằng phương pháp bơm tinh trùng vào buồng tử cung tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình.*

Hướng dẫn khoa học: 1. TS. Lê Hoàng

2. PGS.TS. Ninh Văn Minh

Hội đồng gồm 7 thành viên:

1. GS.TS. Nguyễn Đức Vy

Chủ tịch Hội đồng

2. PGS.TS. Vương Tiến Hoà

Phản biện 1

3. PGS.TS. Phạm Thị Thanh Hiền

Phản biện 2

4. TS. Nguyễn Thị Thanh Mai

Ủy viên thư ký

5. BSCKII. Trần Văn Nam

Ủy viên

6. BSCKII. Đỗ Xuân Hạnh

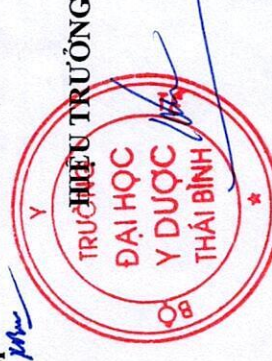
Ủy viên

7. BSCKII. Phạm Văn Oánh

Ủy viên

Điểm bảo vệ luận án: 9,5

Xếp loại tốt nghiệp: **Giỏi**



GS.TS. Lương Xuân Hiến



**BỘ Y TẾ**  
**BỆNH VIỆN TỬ DŨ**  
Số: 251/2010 /B26

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN

**BỆNH VIỆN TỬ DŨ**



Chứng nhận (ông /bà): **Nguyễn Thị Tuyết**

Sinh ngày: 20/09/1979

Đơn vị công tác: Đại Học Y Thái Bình

Đã hoàn thành khóa học

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

17 -03- 2020

Số: 0223201  
Chuyên: SCT/BS

## LỚP PHẪU THUẬT NỘI SOI CƠ BẢN TRONG PHỤ KHOA

Tổng số: 480 giờ học

Từ ngày 10 tháng 08 năm 2010 đến ngày 12 tháng 11 năm 2010

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2010

Phụ trách khóa học



**Bs. CKII Nguyễn Bá Mỹ Nhi**

**Bs. CKII Phạm Việt Thanh**

**CÔNG CHỨNG VIỆN**  
*Bùi Thị Lan*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



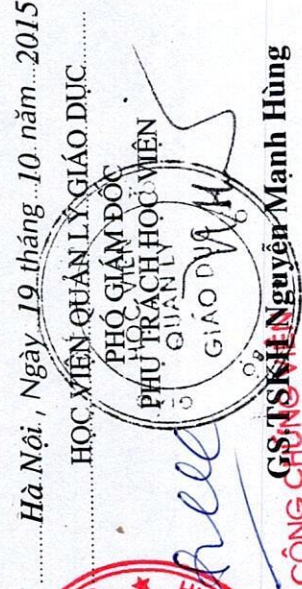
## CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM

Cấp cho: **Nguyễn Thị Tuyết** Nơi sinh: **Thái Bình**  
Sinh ngày: **20/9/1979**  
Đã hoàn thành chương trình  
Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng  
Từ ngày **05** tháng **9** năm **2015** đến ngày **27** tháng **9** năm **2015**  
Hội đồng thi: **Học viện Quản lý giáo dục**  
Xếp loại: **Khá** Hà Nội, Ngày **19** tháng **10** năm **2015**

Số hiệu: **013458**

Số vào sổ cấp chứng chỉ: **6189**

**CHỨNG THỰC**  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
**25-07-2024**  
Số.....Quyển số.....ACT/B5



CÔNG CHỨNG NHÂN Nguyễn Mạnh Hùng

*Trình Thị Tuyết*



BỘ Y TẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y  
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Thái Bình, ngày 04 tháng 2 năm 2005

Số: 74 /QĐ-YTB

**QUYẾT ĐỊNH CỦA HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH**  
*Về việc hợp đồng làm việc lần đầu*

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH**

- Căn cứ vào quyết định số 34/CP ngày 24 tháng 1 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Thái Bình .
- Căn cứ vào thông tư số 13/BYT-TT ngày 18 tháng 4 năm 1983 và quy định sửa đổi bổ sung số 4720/TC ngày 20 tháng 8 năm 1985 của Bộ Y tế về nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn và nội dung phân cấp quản lý cán bộ của ngành Y tế.
- Căn cứ vào Quyết định số 246/QĐ-BYT ngày 4/2/2005 của Bộ Y tế về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức năm 2004 của Trường Đại học Y Thái Bình
- Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

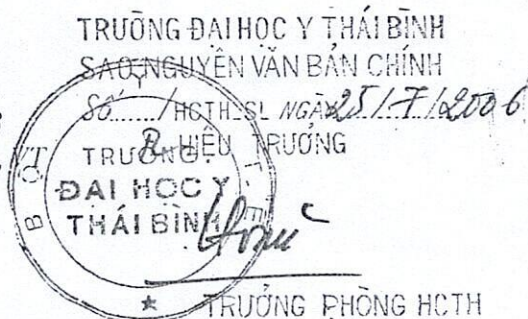
**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Nay hợp đồng thử việc bà Nguyễn Thị Tuyết - Bác sỹ, ngạch Giảng viên, mã số 15.111 trong thời gian 9 tháng từ ngày 01 tháng 2 năm 2005 tại Bộ môn Sản.

- Điều 2:**
1. Bà Nguyễn Thị Tuyết có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 về chế độ thử việc đối với viên chức.
  2. Trong thời gian thử việc bà Tuyết được hưởng 85% bậc lương khởi điểm của ngạch Giảng viên.

**Điều 3:** Các ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Tài chính kế toán, Bộ môn Sản và bà Tuyết chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:  
- Như điều 3  
- Lưu TCCB,



\* TRƯỞNG PHÒNG HCTH  
BS. CKT Đỗ Thanh Hoài

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Lương Xuân Hiến



# LÝ LỊCH KHOA HỌC

## I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: **ĐINH VĂN HOÀNH**

Dân tộc: Kinh                      Giới tính: Nam

Ngày sinh: 10.09.1981

Nơi sinh: Xã Dân Chủ, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình

Quê quán: Xã Dân Chủ, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình

Chức vụ hiện tại: Giảng viên

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: SN 06 Đường 3 Khu đô thị Petro Thăng long  
Quang Trung TP Thái Bình

Điện thoại liên hệ: 0975346768                      Fax:

E-mail: dinhvanhoanh@gmail.com

## II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

### 1. Đại học

Hệ đào tạo: Tập trung

Ngành học, chuyên môn: Bác sỹ đa khoa

Nơi đào tạo: ĐHY Dược Thái Bình

Năm tốt nghiệp: 2005

### 2. Sau đại học

Hệ đào tạo: Tập trung

Ngành học, chuyên môn:

- Thạc sỹ Sản Phụ Khoa

Nơi đào tạo: Đại Học Y Hà Nội

Năm tốt nghiệp: 2011

Tên chuyên đề luận văn: “Nhận xét đặc điểm các sản phụ từ 35 tuổi trở lên đẻ con so non tháng tại bệnh viện Phụ sản Trung ương trong 5 năm (2006 - 2010)”

- Bác sỹ chuyên khoa cấp 2

Nơi đào tạo: Đại học Y Dược Thái Bình

Năm tốt nghiệp 2021

Tên luận văn: “Đánh giá kết quả điều trị thai lạc chỗ bằng Methotrexate tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình”

### 3. Ngoại ngữ

Anh văn

- Mức độ thành thạo: B1





## 2. Các công trình khoa học đã công bố

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1.	Nhận xét đặc điểm các sản phụ từ 35 tuổi trở lên đẻ con so non tháng tại bệnh viện Phụ sản Trung ương trong 5 năm (2006 – 2010)	2011	Tạp chí Y học thực hành, năm 2011
2.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị rong kinh, rong huyết tại bệnh viện Đại học Y Thái Bình	2018	Tạp chí Y học thực hành, Đại học y Dược Thái Bình, năm 2018
3.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân thai lạc chỗ điều trị bằng Methotrexate tại bệnh viện phụ sản Thái Bình.	2021	Tạp chí Y Dược Thái Bình, tập 1, năm 2021
4.	Đánh giá kết quả điều trị thai lạc chỗ bằng Methotrexate tại bệnh viện phụ sản Thái Bình.	2021	Tạp chí Y Dược Thái Bình, tập 2, năm 2021
5.	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của rau bong non tại bệnh viện phụ sản Thái Bình	2023	Tạp chí Y Dược Thái Bình, tập 2, năm 2023
6.	Nhận xét kết quả xử trí chữa ngoài tử cung tại bệnh viện phụ sản Thái Bình	2024	Tạp chí Y Dược Thái Bình, tập 2, năm 2024

Thái Bình, ngày 15 tháng 7 năm 2004

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN



PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Nguyễn Thế Diệp

NGƯỜI VIẾT

ĐINH VĂN HOÀNH



**BỘ Y TẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**RẢN SAO**

Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp II

Số: 661/QĐ-YĐTB ngày 16 tháng 05 năm 2022

Theo phân cấp

của Bộ trưởng Bộ Y tế

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

**CHỨNG THỰC**

**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

17-10-2022

**CẤP BẰNG  
CHUYÊN KHOA CẤP II**

Số: 1754/Quyết số SCT/BS



Cho: *Dinh Văn Hoanh*

Sinh ngày: 10/09/1981 Nơi sinh: Thái Bình

Chuyên ngành: Sản phụ khoa

Hệ đào tạo: Tập trung

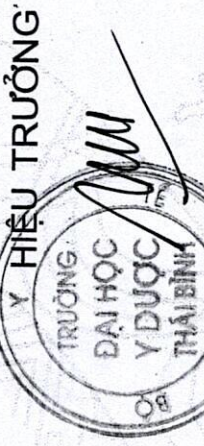
Khóa học: 2019-2021 Xếp loại: Giỏi

Thái Bình, ngày 26 tháng 05 năm 2022

Số hiệu bằng A: 011069

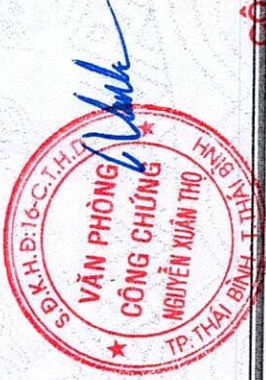
Số vào sổ bằng: 06/C.K.II/2022

Chữ ký của người được cấp bằng



Y HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÁI BÌNH



VĂN PHÒNG  
CÔNG CHỨNG  
NGUYỄN XUÂN THO

Số: K.H.D:16-C.I.H.D

HANG THUY  
TP: THÁI BÌNH

PGS.TS Nguyễn Duy Cường

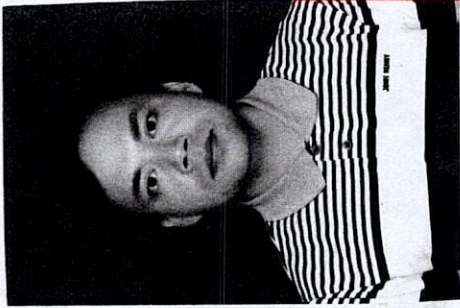
*Nguyễn Xuân Thọ*



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC  
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC



Chứng nhận: Ông (bà) Đình Văn Hoàn  
Sinh ngày 10 tháng 9 năm 1981  
Đơn vị công tác: Trường ĐH Y dược Thái Bình  
Đã hoàn thành chương trình: Bồi dưỡng theo tiêu  
chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính  
(hạng II) tổ chức tại Trường ĐH Y dược Thái Bình.

CHỨNG TỪ ngày 09 tháng 7 năm 2019

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

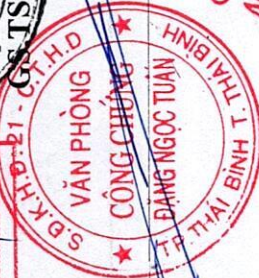
15-07-2024

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2019



Số: 7418... Quyển số: 9... SCT/BS

Số: 4847-781/QĐ-HVQLGD ngày 02/8/2019



CÔNG CHỨNG VIÊN  
Nguyễn Văn Giang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SỰ PHẠM

Cấp cho: **Đình Văn Hoàn**  
Sinh ngày: **10/9/1981** Nơi sinh: **Thái Bình**

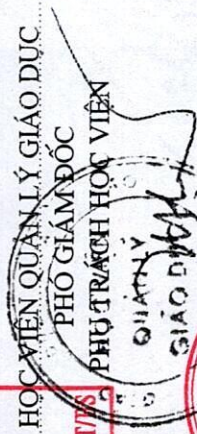
Đã hoàn thành chương trình  
Bồi dưỡng nghiệp vụ sự phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng

Từ ngày **05** tháng **9** năm **2015** đến ngày **27** tháng **9** năm **2015**

Hội đồng thi: **Học viện Quản lý giáo dục**

Xếp loại: **Giỏi** Ngày: **15-07-2024** Hà Nội, Ngày **19** tháng **10** năm **2015**

Số: **7418**.....Quyển số: **7.SCT/78**



Số hiệu: **012612**

Số vào sổ cấp chứng chỉ: **6127**



CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Nguyễn Văn Giang*

CÔNG CHỨNG VIÊN



## HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC LẦN ĐẦU

Căn cứ Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 2531/QĐ-BYT ngày 13/7/2007 của Bộ Y tế về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức năm 2007 của Trường Đại học Y Thái Bình.

Chúng tôi, một bên là Ông **LUƠNG XUÂN HIẾN**

Chức vụ: **Hiệu trưởng**

Đại diện cho (1): **Trường Đại học Y Thái Bình.**

Địa chỉ : **số 373 Phố Lý Bôn, Thành phố Thái Bình. Điện thoại : 036.838.545**

Và một bên là ông: **ĐINH VĂN HOÀNH**

Sinh ngày **10 tháng 9 năm 1981** tại xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: **Bác sỹ**

Địa chỉ thường trú tại: xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Số CMTND: ...15.1.222.885.

Cấp ngày ...11... tháng ...11... năm **1998** tại ...**Công an Thái Bình**.....

Thỏa thuận ký kết hợp đồng làm việc lần đầu và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

### Điều 1: Thời hạn và nhiệm vụ hợp đồng.

- Thời gian thực hiện hợp đồng (2): **09 tháng**
- Từ ngày **01 tháng 7 năm 2007** đến ngày **31 tháng 3 năm 2008**
- Địa điểm làm việc (3): **Bộ môn Sản, Trường Đại học Y Thái Bình.**
- Chức danh chuyên môn: **Giảng viên**
- Nhiệm vụ cụ thể do ông Trưởng Bộ môn Sản phân công.

### Điều 2: Chế độ làm việc.

- Thời giờ làm việc (5): **Hành chính (8 giờ/01 ngày)**
- Được trang bị những phương tiện làm việc gồm: **Phương tiện giảng dạy tại Bộ môn Sản.**



### **Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người ký hợp đồng làm việc lần đầu.**

#### **1. Nghĩa vụ:**

- Hoàn thành những nhiệm vụ đã cam kết trong Hợp đồng.
- Chấp hành nội quy, quy chế của đơn vị, kỷ luật làm việc và các quy định của Pháp lệnh Cán bộ, công chức.
- Chấp hành việc xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.
- Chấp hành việc điều động khi đơn vị sự nghiệp có nhu cầu.

#### **2. Quyền lợi:**

- Được hưởng các quyền lợi quy định tại Pháp lệnh Cán bộ, công chức.
- Phương tiện đi lại làm việc (6): **Tự túc**
- Thử việc của ngạch (mã số) (7): **15.111**, Bạc: **1**, Hệ số lương: **2,34 x 85%**
- Phụ cấp (nếu có) gồm (8): **Theo chế độ hiện hành** được trả 01 lần vào các ngày đầu hàng tháng.
- Khoản trả ngoài lương: **Không**
- Được trang bị bảo hộ khi làm việc (nếu có) gồm:  
**Theo chế độ hiện hành**
- Số ngày nghỉ hàng năm được hưởng lương (nghỉ lễ, phép, việc riêng):  
**Theo chế độ hiện hành**
- Bảo hiểm xã hội (9): **Theo chế độ hiện hành**
- Bảo hiểm y tế: **Theo chế độ hiện hành**
- Được hưởng các phúc lợi: **Theo chế độ hiện hành**
- Được các khoản thưởng, đào tạo, nâng bậc lương, thi nâng ngạch, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện nhiệm vụ hợp tác khoa học, công nghệ với các đơn vị trong hoặc ngoài nước theo quy định của pháp luật (10):  
**Theo chế độ hiện hành**
- Được hưởng chế độ thôi việc, trợ cấp thôi việc, bồi thường theo quy định của Pháp lệnh Cán bộ, công chức.
- Có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật.
- Những thoả thuận khác (11):  
**Không**



**Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp.**

**1. Nghĩa vụ:**

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng làm việc lần đầu.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi của người ký hợp đồng làm việc lần đầu.

**2. Quyền hạn:**

- Điều hành người ký hợp đồng làm việc lần đầu hoàn thành nhiệm vụ theo hợp đồng (Bố trí, điều động, tạm đình chỉ công tác...)

- Chấm dứt hợp đồng, kỷ luật người ký hợp đồng làm việc lần đầu theo quy định của Pháp lệnh Cán bộ, công chức.

**Điều 5: Điều khoản thi hành.**


Hợp đồng này làm thành hai bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

Hợp đồng này làm tại Thái Bình, ngày 28 tháng 6 năm 2007.

Người ký hợp đồng làm việc lần đầu

(Ký tên)

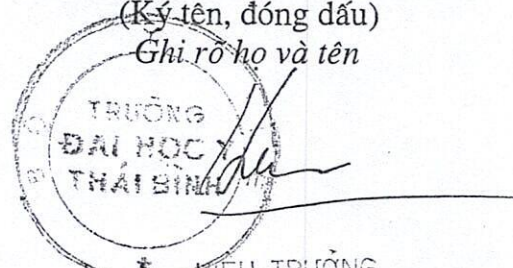
Ghi rõ họ và tên

  
Đinh Văn Khoa

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi rõ họ và tên

  
\* HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Lương Xuân Hiến



# LÝ LỊCH KHOA HỌC

## I. Lý lịch sơ lược

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN HIỀN**

Dân tộc: Kinh                      Giới tính: Nam

Ngày sinh: 27/03/1982

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Quê quán: Trung Lương – Hồng Lĩnh – Hà Tĩnh

Chức vụ hiện tại: Giảng viên Bộ môn Phụ Sản Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: SN 54 đường số 13 Petro Thăng Long - Phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Điện thoại liên hệ: 0989600299                      Fax:

E-mail: bsnguyenhienart@gmail.com

## II- Quá trình đào tạo:

### 1. Đại học

Hệ đào tạo: Chính quy

Ngành học: bác sỹ y khoa, chuyên môn: bác sỹ

Nơi đào tạo: Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Năm tốt nghiệp: 2007

### 2. Sau đại học

Hệ đào tạo: chính quy

Ngành học: chuyên khoa cấp II, chuyên môn: sản phụ khoa

Nơi đào tạo: Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Năm tốt nghiệp: 2022

Tên chuyên đề luận văn bậc cao nhất: Liên quan nồng độ acid uric và chỉ số trở kháng RI động mạch rốn ở sản phụ đình chỉ thai nghén vì tiền sản giật, sản giật tại bệnh viện phụ sản Thái Bình

3. Ngoại ngữ                      Anh văn - Mức độ thành thạo:

## III- Quá trình công tác chuyên môn

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
2008- nay	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Giảng viên



#### IV. Quá trình nghiên cứu khoa học

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu , lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và hiệu quả điều trị ở bệnh nhân vô sinh do buồng trứng đa nang có tăng Prolactin tại bệnh viện đại học Y Thái Bình	2017	Cơ sở	Chủ nhiệm đề tài
2	Đánh giá phương pháp siêu âm bơm nước buồng tử cung trong chẩn đoán Polyp buồng tử cung trên bệnh nhân vô sinh tại bệnh viện đại học Y Thái Bình	2018	Cơ sở	Chủ nhiệm đề tài
3	Nhận xét kết quả IUI qua điều trị của hai phác đồ kích thích buồng trứng bằng clomiphene citrate đơn thuần và clomiphene citrate kết hợp với HMG trên bệnh nhân làm IUI tại bệnh viện đại học Y Thái Bình	2018	Cơ sở	Chủ nhiệm đề tài
4	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân azoospermia tại Bệnh viện Đại Học Y Thái Bình	2019	Cơ sở	Chủ nhiệm đề tài
5	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị của bệnh nhân tiền sản giật nặng tại bệnh viện phụ sản tỉnh Thái Bình năm 2019	2020	Cơ sở	Chủ nhiệm đề tài
6	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị dọa sảy thai đến 12 tuần tại bệnh viện phụ sản Thái Bình	2023	Cơ sở	Chủ nhiệm đề tài



**2. Các công trình khoa học đã công bố:** (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

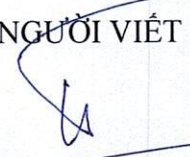
TT	Tên công trình	Năm	Tạp chí	Ghi chú
	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân azoospermia tại Bệnh viện Đại Học Y Thái Bình	2019	Y học VN; Số Đặc biệt; Tập 483	Tác giả
	Nhận xét kết quả IUI qua điều trị của hai phác đồ kích thích buồng trứng bằng clomiphene citrate đơn thuần và clomiphene citrate kết hợp với HMG trên bệnh nhân làm IUI tại bệnh viện đại học Y Thái Bình	2018	Y học Việt Nam: số đặc biệt/2018: Hội nghị KHCN liên viện trường kỷ niệm 50 năm thành lập trường ĐHY Dược Thái Bình	Tác giả
	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và hiệu quả điều trị ở bệnh nhân vô sinh do buồng trứng đa nang có tăng Prolactin tại bệnh viện đại học Y Thái Bình	2018	Y học Việt Nam: số đặc biệt/2018: Hội nghị KHCN liên viện trường kỷ niệm 50 năm thành lập trường ĐHY Dược Thái Bình	Tác giả
	Đánh giá phương pháp siêu âm bơm nước buồng tử cung trong chẩn đoán Polyp buồng tử cung trên bệnh nhân vô sinh tại bệnh viện đại học Y Thái Bình	2018	Y học Việt Nam: số đặc biệt/2018: Hội nghị KHCN liên viện trường kỷ niệm 50 năm thành lập trường ĐHY Dược Thái Bình	Tác giả
	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân azoospermia tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình	2019	Tạp chí Y học Việt Nam, tập 483, tr. 483-	Tác giả



			487.	
--	--	--	------	--

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

NGƯỜI VIẾT

  
Nguyễn Văn Hiến



Số: 793 /QĐ-YTB

Thái Bình, ngày 28 tháng 10 năm 2008

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc hợp đồng làm việc lần đầu

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH

- Căn cứ Quyết định số 34/CP ngày 24/1/1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Thái Bình;
- Căn cứ Thông tư số 13/BYT-TT ngày 18/4/1983 và quy định sửa đổi bổ sung số 4720/TC ngày 20 tháng 8 năm 1985 của Bộ Y tế về nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn và nội dung phân cấp quản lý cán bộ của ngành Y tế;
- Căn cứ Quyết định số 4168/QĐ-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Y tế về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức năm 2008 của Trường Đại học Y Thái Bình;
- Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

## QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Nay hợp đồng thử việc Ông Nguyễn Văn Hiên, Bác sỹ y khoa vào ngạch Giảng viên, mã số 15.111 trong thời gian 9 tháng, từ ngày 01 tháng 11 năm 2008 tại Bộ môn Sản.
- Điều 2.** Ông Nguyễn Văn Hiên có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 về chế độ thử việc đối với viên chức; được hưởng 85% lương bậc 1 ngạch Giảng viên, hệ số 2,34 từ ngày 01 tháng 11 năm 2008.
- Điều 3.** Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng các Phòng, Ban có liên quan, Bộ môn Sản và Ông Nguyễn Văn Hiên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.



PGS. TS Lương Xuân Hiến



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

Ảnh  
3x4

1. Họ và tên: HOÀNG TIẾN NAM Nam
2. Ngày, tháng, năm sinh: 01/11./1972 Nơi sinh: Hưng Hà- TB
3. Quê quán: Thái Hưng, Hưng Hà, Thái Bình
4. Dân tộc: Kinh
5. Tôn giáo: Không
6. Hộ khẩu thường trú: Tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Thái Bình
7. Điện thoại: 0912.762.448
8. Số CMND/CCCD: 034072000894. Ngày cấp: 30/11/2022
9. Email: namhoangytb@gmail.com
10. Đơn vị công tác hiện nay: Bộ môn Phụ sản, Trường Đại học Y Dược Thái Bình
11. Trình độ chuyên môn cao nhất (ghi văn bằng): Bác sĩ chuyên khoa II  
Chuyên ngành: Sản Phụ Khoa.
12. Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp
13. Trình độ tin học: B
14. Trình độ ngoại ngữ: Anh B
15. Ngạch/chức danh: Giảng viên. Bậc: 9.; Hệ số lương: 4,98
16. Quá trình đào tạo (ghi những khóa đào đã được cấp bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên)

Từ .... đến....	Cơ sở đào tạo	Nước đào tạo	Ngành/ Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Bằng được cấp
2005 - 2007	Trường Đại học Y Hà Nội	Việt Nam	Sản phụ khoa	Tập trung	Thạc sĩ
2010 - 2012	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Việt Nam	Sản phụ khoa	Tập trung	CKII

17. Quá trình bồi dưỡng (chỉ ghi những khóa đào tạo đã được cấp chứng chỉ hay chứng nhận có liên quan đến hoạt động khoa học)

Từ ..... đến .....	Cơ sở bồi dưỡng	Nội dung bồi dưỡng
--------------------	-----------------	--------------------



.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

18. Quá trình công tác

Từ ..... đến .....	Làm gì? Ở đâu? Chức danh, chức vụ cao nhất đã qua
2000 – 2005	Giảng viên, Bộ môn Phụ sản, trường Đại học Y Dược Thái Bình
2005 - 2007	Học viên cao học, Đại học Y Hà Nội
2007-2010	Giảng viên, Bộ môn Phụ sản, trường Đại học Y Dược Thái Bình
2010 - 2012	Học viên CKII, Trường Đại học Y Dược Thái Bình
2012 - nay	Giảng viên, phó trưởng BM, Bộ môn Phụ sản, trường Đại học Y Dược Thái Bình

19. Tên luận văn, hoặc luận án đã bảo vệ (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ - loại cao nhất)

Đề tài CKII: Nhận xét tình hình xử trí thiếu ối tại bệnh viện Phụ sản Thái Bình

20. Những thành tích khoa học tiêu biểu:


20.1. Những bài đã công bố trên kỷ yếu hội nghị khoa học, tạp chí, tập san (ghi tên đồng tác giả nếu có):

20.2. Các sách đã xuất bản (ghi tên đồng tác giả nếu có): Không

Thái Bình,, ngày 24 tháng 07 năm 2024

Xác nhận của cơ quan đang công tác

Người khai ký tên

  
Hoàng Tiên Mai



**BỘ Y TẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp II  
Số: ..... 190/QĐ-BYT... ngày... 17... tháng... 01... năm... 2013.

của Bộ trưởng Bộ Y tế  
... HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH ...

**CẤP BẰNG**

**CHUYÊN KHOA CẤP II**



Cho: (Ông, bà) **Hoàng Tiên Nam** .....

Sinh ngày: ..... 01/11/1972 ..... Nơi sinh: **Thái Bình** .....

Chuyên ngành: **Sản phụ khoa** .....

Hệ đào tạo: **Tập trung** .....

Số hiệu bằng A: ..... **003610** .....  
Số vào sổ bằng: .....  
Chữ ký của người được cấp bằng

**25-07-2024**

Thời Bình, ngày **24** tháng **01** năm **2013**

Xếp loại: **Giỏi** .....

**CHỨNG THỰC**  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số: ..... **281** .....  
Quyển số: **133C/133**



**HIỆU TRƯỞNG**  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH  
*Nguyễn Văn Giang*  
Nguyễn Văn Giang



Thái Bình, ngày 14 tháng 01 năm 2013

## BẢNG ĐIỂM CHUYÊN KHOA CẤP II

**BẢN SAO**

Họ và tên: Hoàng Tiến Nam  
Ngày sinh: 01/11/1972  
Ngày nhập học: 15/11/2010  
Chuyên ngành: *Sản Phụ khoa*

Giới: Nam  
Nơi sinh: Thái Bình  
Ngày bảo vệ luận án: 21/12/2012  
Khoá học: 2010-2012

TT	Môn học	Kết quả	
		LT	TH
1	Phương pháp giảng dạy	7.0	
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	7.5	
3	Tin học	8.0	
4	Phẫu thuật thực hành	8.0	
5	Gây mê hồi sức	6.0	7.0
6	Ung thư	9.0	8.0
7	Sản bệnh I	9.0	9.0
8	Sản bệnh II	9.0	9.0
9	Sản khó - Cấp cứu	9.0	9.0
10	Sơ sinh	8.0	8.0
11	Sinh lý sinh sản - Phụ khoa - Nội tiết	9.0	9.0
12	Kế hoạch hóa gia đình, Hỗ trợ sinh sản, Tư vấn	9.0	9.0
13	Thi tốt nghiệp LT	8.5	
14	Thi tốt nghiệp KN		9.0
15	Thi tốt nghiệp BA		9.0

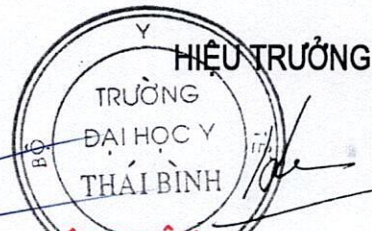
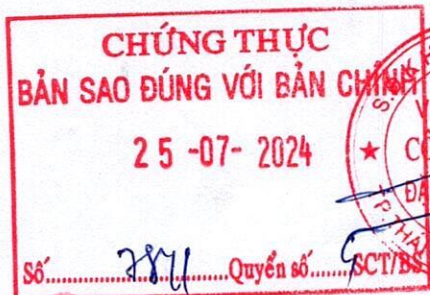
**Điểm trung bình chung: 8.50**

Tên đề tài: "Nghiên cứu một số yếu tố liên quan và các phương pháp xử trí thiếu ối với thai từ 28 tuần trở lên tại bệnh viện Phụ Sản Thái Bình".

Hội đồng chấm luận án tốt nghiệp:

- |                                |                   |
|--------------------------------|-------------------|
| 1. GS. TS. Trần Thị Phương Mai | Chủ tịch Hội đồng |
| 2. PGS. TS. Phạm Huy Hiền Hào  | Nhận xét 1        |
| 3. PGS. TS. Ngô Văn Tài        | Nhận xét 2        |
| 4. TS. Ninh Văn Minh           | Thư ký Hội đồng   |
| 5. BSCKII. Phạm Văn Oánh       | Ủy viên           |
| 6. TS. Nguyễn Thị Thanh Mai    | Ủy viên           |
| 7. BSCKII. Trần Văn Nam        | Ủy viên           |

**Điểm bảo vệ luận án: 9.2**



CÔNG CHỨNG VIÊN  
GS. TS. Lương Xuân Hiến  
Nguyễn Văn Giang



# **PHỤ LỤC**

**CÁC BIỂU MẪU XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN**

**THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO GỒM**

**1. QĐ THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

**2. BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH CÁC ĐIỀU KIỆN**

**3. DANH SÁCH ĐỀ TÀI NCKH**

**4. DANH SÁCH CÁC BÀI BÁO CÔNG BỐ**

**5. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

**6. SÁCH VÀ GIÁO TRÌNH**

**7. THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO**



**QUYẾT ĐỊNH**

V/v Thành lập Hội đồng Thẩm định điều kiện, cơ sở vật chất  
Đề án mở ngành đào tạo Nội khoa, Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH**

Căn cứ Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Thái Bình thành Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 18/QĐ-HĐTYDTB ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành Đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 sửa đổi, bổ sung Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng Thẩm định điều kiện, cơ sở vật chất Đề án mở ngành đào tạo Nội khoa, Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Y Dược Thái Bình gồm các ông/bà có tên sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Trách nhiệm
1	PGS.TS Nguyễn Thanh Bình	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	TS. Lê Đức Cường	Trưởng phòng QLĐT SDH	Ủy viên TT
3	PGS.TS. Vũ Thanh Bình	Trưởng Bộ môn Nội	Ủy viên
4	TS. Bùi Minh Tiến	Trưởng Bộ môn Phụ sản	Ủy viên
5	TS. Trần Mạnh Hà	Trưởng phòng ĐBCLGD&KT	Ủy viên
6	TS. Nguyễn Trung Kiên	Trưởng phòng QLKH	Ủy viên
7	ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó trưởng phòng TCCB	Ủy viên
8	ThS. Đỗ Thị Tuyết Nhung	Trưởng phòng TCKT	Ủy viên
9	TS. Nguyễn Ngọc Trung	Trưởng phòng TV-TTB	Ủy viên
10	KS. Bùi Xuân Tuyên	Trưởng phòng Quản Trị	Ủy viên
11	PGS.TS. Phạm Thị Dung	Trưởng Thư viện&TTCNTT	Ủy viên

Thư ký: BSKII.ThS Hoàng Minh Nhữ; TS Bùi Thị Huyền Diệu – Phòng QLĐT SDH




Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng làm việc theo Quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo đã ban hành và giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng QLĐT SĐH, phòng TCKT, Bộ môn Nội, Bộ môn Phụ sản và các cán bộ có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, QLĐT SĐH.

HIỆU TRƯỞNG ↓  
  
PGS.TS. Nguyễn Duy Cường



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

\*\*\*

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN, CƠ SỞ VẬT CHẤT  
TRANG THIẾT BỊ ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO SẢN PHỤ KHOA  
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

Hôm nay, vào lúc 8 giờ ngày 06 tháng 03 năm 2025, tại Hội trường Phòng họp Giao ban, tầng 2 nhà 15 tầng, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, địa chỉ 373 phố Lý Bôn, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Hội đồng Thẩm định điều kiện, cơ sở vật chất đề án mở ngành Sản phụ khoa, trình độ Thạc sĩ, định hướng ứng dụng, tổ chức họp thẩm định CTĐT thông tin chi tiết bao gồm:

**I. Thông tin chung**

- Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y Dược Thái Bình
- Tên chương trình đào tạo: ngành Sản phụ khoa, định hướng ứng dụng, mã số 8720105
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Hình thức đào tạo: Chính quy, tập trung
- Thời gian đào tạo: 2 năm [4 học kỳ]

**II. Thành phần dự họp**

**Hội đồng Thẩm định Điều kiện, cơ sở vật chất Đề án mở ngành Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ (theo QĐ số 445/QĐ-YDTB ngày 27 tháng 02 năm 2025)**

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Trách nhiệm
1	PGS.TS Nguyễn Thanh Bình	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	TS. Lê Đức Cường	Trưởng phòng QLĐT SDH	Ủy viên TT
3	PGS.TS. Vũ Thanh Bình	Trưởng Bộ môn Nội	Ủy viên
4	TS. Bùi Minh Tiến	Trưởng Bộ môn Phụ sản	Ủy viên
5	TS. Trần Mạnh Hà	Trưởng phòng ĐBCLGD&KT	Ủy viên
6	TS. Nguyễn Trung Kiên	Trưởng phòng QLKH	Ủy viên
7	ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó trưởng phòng TCCB	Ủy viên
8	ThS. Đỗ Thị Tuyết Nhung	Trưởng phòng TCKT	Ủy viên
9	TS. Nguyễn Ngọc Trung	Trưởng phòng TV-TTB	Ủy viên
10	KS. Bùi Xuân Tuyên	Trưởng phòng Quản Trị	Ủy viên
11	PGS.TS. Phạm Thị Dung	Trưởng Thư viện&TTCNTT	Ủy viên

Thư ký: TS. Bùi Thị Huyền Diệu – Phòng QLĐT SDH



### **III. Nội dung thẩm định:**

1. Về đội ngũ giảng viên
2. Về thư viện, sách giáo trình
3. Về Cơ sở vật chất
4. Về nghiên cứu khoa học
5. Về Trang thiết bị
6. Kiểm định chất lượng sơ sở giáo dục

### **IV. Kết quả thẩm định**

#### **1. Về đội ngũ cán bộ**

**1.1 Số cán bộ chủ trì mở ngành Nội khoa:** 05 Giảng viên cơ hữu có trình độ Tiến sĩ, ngành đúng và ngành phù hợp trong đó có 1 PGS

1) **PGS.TS Ninh Văn Minh**, sinh năm 1959, Tiến sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa, Phó giáo sư chuyên ngành Sản phụ khoa năm 2013; Giảng viên của Trường từ năm 1983; Kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy chuyên ngành Sản phụ khoa 41 năm, tham gia giảng dạy sau đại học từ năm 2003, tham gia viết giáo trình giảng dạy đại học và sau đại học chuyên ngành sản phụ khoa, tham gia và đứng đầu nhiều công trình khoa học và nhiều bài báo khoa học.

2) **TS. Bùi Minh Tiến**, sinh năm 1975, Tiến sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa, năm 2012, có 26 năm kinh nghiệm trọng giảng dạy đại học và sau đại học. Trong 5 năm gần đây đã chủ trì và tham gia 02 đề tài cấp Bộ. 2 đề tài cấp Cơ sở đã được nghiệm thu. Đã công bố 27 bài báo trên tạp chí nước ngoài và trong nước.

3) **TS. Đặng Thị Hồng Thiện**, sinh năm 1975, Trưởng phòng kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Phụ sản Trung ương, Tiến sĩ về Sản phụ khoa năm 2020, giảng viên thỉnh giảng của Nhà trường, có nhiều năm kinh nghiệm trong giảng dạy sau đại học. Chủ nhiệm 3 đề tài cơ sở, và xuất bản 17 bài báo trong nước và quốc tế.

4) **TS. Nguyễn Trung Kiên**, sinh năm 1982, Tiến sĩ Sản phụ khoa năm 2021, giảng viên cơ hữu của Trường từ năm 2008, kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy 17 năm trong đó giảng dạy sau đại học từ năm 2014. Đã tham gia 15 đề tài các cấp và 24 bài báo khoa học trong và ngoài nước, tham gia biên soạn 03 sách chuyên khảo giảng dạy cho đối tượng đại học

5) **TS. Nguyễn Đăng Kiên**, sinh năm 1991, Tiến sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa năm 2023 tại Úc, Giảng viên cơ hữu của Trường từ năm 2015; Kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy 2 năm. Trong đó trong 5 năm trở lại đây đã công bố 15 bài báo khoa học quốc tế.



## **1.2. Đội ngũ giảng cơ hữu viên tham gia giảng dạy và thỉnh giảng**

Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng gồm 49 cán bộ trong đó có 22 giảng viên có trình độ PGS; TS, CK cấp II của các Bệnh viện tuyến Tỉnh và tuyến Trung ương.

Đội ngũ giảng viên tham gia tổ chức thực hiện CTĐT có 23 người với 01 PGS, 13 TS, 05 CKII đã đáp ứng đầy đủ điều kiện về đội ngũ giảng viên để thực hiện CTĐT cho toàn bộ khóa học và đảm bảo mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm và mỗi giảng viên giảng dạy không quá 03 học phần trong CTĐT. Bên cạnh đó đội ngũ giảng viên có khả năng hướng dẫn chỉ đạo học viên xây dựng đề cương nghiên cứu và thực hiện đề tài luận văn, tham gia hội đồng chấm luận văn thạc sĩ.

## **2. Các công trình khoa học công bố và nghiên cứu**

- Có 19 đề tài cấp tỉnh, Bộ và cơ sở chuyên ngành đã được nghiệm thu trong 5 năm trở lại đây.
- Có 46 bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước được tính điểm thuộc Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước

## **3. Về cơ sở vật chất**

Trường Đại học Y Dược Thái Bình đầy đủ phòng học, phòng thực hành, phòng nghiên cứu với đủ trang thiết bị đảm bảo cho học viên học tập và nghiên cứu trong đó có 221 Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của Giáo sư, Phó Giáo sư, giảng viên cơ hữu với diện tích xây dựng trên 10 nghìn m<sup>2</sup>

## **4. Về sách giáo trình thư viện**

- Thư viện và Trung tâm CNTT, Trung tâm học liệu Trường Đại học Y Dược Thái Bình có diện tích khoảng 2.536 m<sup>2</sup>, được chia thành các bộ phận: Kho sách Giáo trình; Kho sách tham khảo tiếng việt, tham khảo ngoại văn; Phòng đọc mở; Phòng truy cập Thư viện điện tử; Phòng tự học; Phòng đọc sách văn hóa xã hội. Thư viện phục vụ hơn 7000 độc giả là cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên. Nguồn lực thông tin Thư viện có 3500 đầu sách tương đương 80.000 tài liệu bao gồm: Sách tham khảo tiếng việt, sách tham khảo ngoại văn, sách giáo trình, luận án, luận văn, khoá luận, các loại báo, tạp chí và hơn 2000 đĩa CD-ROM về lĩnh vực Y, Dược học.

- Có đủ sách và giá trình của các học phần trong chương trình đào tạo phục vụ cho giảng dạy và học tập.

- Trường có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế HINARI là một cơ sở dữ liệu trực tuyến được thiết lập bởi tổ chức Y tế thế giới (WHO) liên kết với các nhà xuất bản nổi tiếng như khác Blackwell, Elsevier Science, STM Harcourt Worldwide, Wolters Kluwer International Health & Science, Springer Verlag và John Wiley cho phép người dùng ở Việt Nam truy cập với chi phí thấp các tạp chí khoa học về Y học, Sinh học và các lĩnh vực khoa học xã hội có liên quan.



- Hệ thống công nghệ thông tin: Trường có Trung tâm công nghệ thông tin, có Website riêng được cập nhật thường xuyên, công bố công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục, công khai tài chính.

#### **5. Về trang thiết bị phục vụ cho đào tạo ngành Sản phụ khoa**

Trường có đủ cơ sở vật chất với trang thiết bị cần thiết đảm bảo điều kiện học tập và giúp người học có thể triển khai thực hiện luận văn, đề án tốt nghiệp.

#### **6. Về Kiểm định cơ sở giáo dục**

Kiểm định cơ sở giáo dục: Trường đã được kiểm định cơ sở giáo dục chu kỳ 2 và được công nhận cơ sở giáo dục đạt chuẩn theo Quyết định số 221/QĐ-KĐCLGD ngày 07/9/2024 của Trung tâm kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

#### **VI. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG:**

*(Đạt yêu cầu hay chưa đạt yêu cầu, những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa)*

Hội đồng Thẩm định điều kiện, Cơ sở vật chất đã đối chiếu với các điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên, thư viện, tài liệu, trang thiết bị phục vụ cho CTĐT Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ. Hội đồng xác nhận: Cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên của Trường Đại học Y Dược Thái Bình đảm bảo yêu cầu chất lượng để thực hiện CTĐT Sản phụ khoa trình độ Thạc sĩ theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phiên họp kết thúc lúc 10 giờ 30 cùng ngày.

*Thái Bình, ngày 06 tháng 03 năm 2025*

**ỦY VIÊN THƯ KÝ**



**TS. Bùi Thị Huyền Diệu**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình**

**XÁC NHẬN CỦA NHÀ TRƯỜNG**



**Mẫu 4. Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện.**

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài	Đề tài cấp	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐ nghiên cứu	Ngày nghiên cứu	Kết quả nghiên cứu	Tên thành viên	Ghi chú
1	1534/QĐ-UBND ngày 7/6/2019	Tỉnh	Nghiên cứu một số rối loạn chức năng, chất lượng cuộc sống của phụ nữ tiền mãn kinh, mãn kinh tại thành phố Thái Bình và hiệu quả một số biện pháp can thiệp	Nguyễn Xuân Bái Nguyễn Thị Tuyết	2071/QĐ-YDTB ngày 1/12/2020	2/12/2020	Xuất sắc	Phạm Thị Bích Bùi Minh Tiến Nguyễn Văn Hiền Nguyễn Văn Hiền Ninh Văn Minh	
2	1370/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	Tỉnh	Nghiên cứu sàng lọc các yếu tố nguy cơ tiền sản giật ở phụ nữ mang thai dưới 16 tuần và kết quả điều trị dự phòng tại Thái Bình năm 2021-2022	Nguyễn Trung Kiên	1826/QĐ-YDTB ngày 13/12/2022	17/12/2020	Xuất sắc	Hoàng Tiến Nam Bùi Thị Thanh Tuyền Nguyễn Thị Tuyết Phạm Thị Như Quỳnh	
3		Cơ sở	Nghiên cứu hiệu quả của phương pháp thắt động mạch tử cung trong điều trị chảy máu sau đẻ tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình năm 2017	Hoàng Tiến Nam	1134/QĐ-YDTB ngày 7/8/2018	28/8/2018	Khá	Ninh Văn Minh Bùi Thị Thanh Tuyền Phạm Thị Thùy Dương Đặng Thị Việt Hằng	
4		Cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả rong kinh rong huyết tại	Đình Văn Hoành	1028/QĐ-YDTB ngày 17/7/2018	28/8/2018	Xuất sắc	Bùi Minh Tiến Phạm Thị Bích	



STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài	Đề tài cấp	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐ nghiên cứu	Ngày nghiên cứu	Kết quả nghiên cứu	Tên thành viên	Ghi chú
			Bệnh viện Đại học Y Thái Bình						
5		Cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và hiệu quả điều trị ở bệnh nhân vô sinh do buồng trứng đa nang có tăng Prolactin tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình	<b>Nguyễn Văn Hiến</b>	1030/QĐ-YDTB ngày 17/7/2018	28/8/2018	Xuất sắc	Ninh Văn Minh Bùi Minh Tiến Nguyễn Thị Tuyết Phạm Thị Lanh	
6		Cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và xử trí rau bong non tại Bệnh viện Phụ sản Thái Bình	<b>Đình Văn Hoành</b>	1387/QĐ-YDTB ngày 19/8/2019	23/8/2019	Khá	Bùi Minh Tiến Lê Hải Dương Nguyễn Đăng Kiên	
7		Cơ sở	Nghiên cứu chẩn đoán và xử trí bệnh rau tiền đạo tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình năm 2018	<b>Hoàng Tiến Nam</b>	1432/QĐ-YDTB ngày 27/8/2019	29/8/2019	Xuất sắc	Phạm Thị Thùy Dương Ninh Thị Tố Anh	
8		Cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm âm hộ - âm đạo ở phụ nữ có thai tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình	<b>Trần Thị Len</b>	1386/QĐ-YDTB ngày 19/7/8/2019	29/8/2019	Khá	Ninh Thị Tố Anh Hoàng Thị Út Trà Nguyễn Thị Hiền Nguyễn Thị Huyền Nga	
9		Cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân	<b>Nguyễn Văn Hiến</b>	1183/QĐ-YDTB ngày 24/7/2019	21/10/2019	Khá	Nguyễn Thị Tuyết Ninh Thái Sơn Phạm Thị Nhung	



STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài	Đề tài cấp	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐ nghiên cứu	Ngày nghiên cứu	Kết quả nghiên cứu	Tên thành viên	Ghi chú
			azoospermia tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình					Nguyễn Thị Hạnh	
10		Cơ sở	Nghiên cứu tình trạng kháng insulin ở bệnh nhân đái tháo đường thai kỳ tại Bệnh viện Nội tiết Trung ương	<b>Bùi Minh Tiến</b>	983/QĐ-YDTB ngày 5/6/2020	12/6/2020	Xuất sắc	Lê Đình Tuấn Nguyễn Thị Hồ Lan	
11		Cơ sở	Nghiên cứu hiệu quả của phương pháp giảm đau trong chuyển dạ đẻ bằng gây tê ngoài màng cứng tại Bệnh viện Phụ sản Thái Bình năm 2020	<b>Hoàng Tiến Nam</b>	1478/QĐ-YDTB ngày 24/8/2020	09/9/2020	Xuất sắc	Trần Thị Len Bùi Thị Thanh Tuyền Đặng Thị Việt Hằng Vũ Thị Ngân	
12		Cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị của bệnh nhân tiền sản giật nặng tại Bệnh viện Phụ sản tỉnh Thái Bình năm 2019	<b>Nguyễn Văn Hiến</b>	1577/QĐ-YDTB ngày 08/9/2020	11/9/2020	Trung bình	BSCKII. Nguyễn Thị Tuyết Nguyễn Duy Quang Ninh Thái Sơn Trần Hải Bình	
13		Cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị lạc nội mạc tử cung bằng phương pháp phẫu thuật tại Thái Bình từ năm 2017 - 2021	<b>Nguyễn Văn Hiến</b>	1132/QĐ-YDTB ngày 15/8/2022	24/8/2022	Khá	Bùi Minh Tiến Ninh Thái Sơn Phạm Thị Bích Nguyễn Duy Quang	



STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài	Đề tài cấp	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐ nghiên cứu	Ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên	Ghi chú
14		Cơ sở	Nhận xét kết quả phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn điều trị u xơ tử cung tại Bệnh viện Phụ sản Thái Bình năm 2020 – 2021	<b>Bùi Minh Tiến</b>	1228/QĐ-YDTB ngày 07/9/2022	20/9/2022	Khá	Phạm Thị Bích Đình Văn Hoàn Trần Thị Len Đình Xuân Hiếu	
15		Cơ sở	Đánh giá giá trị thêm vào của AMH và FSH trong kích thích buồng trứng	<b>Trần Thị Huệ</b>	2119/QĐ-YDTB ngày 28/12/2023	17/01/2024	Trung bình	Nguyễn Thị Tuyết Nguyễn Đăng Kiên	
16		Cơ sở	Nghiên cứu một số nguy cơ và kết quả điều trị dọa sảy thai tại bệnh viện Phụ Sản Thái Bình năm 2022 – 2023	<b>Nguyễn Văn Hiền</b>	1444/QĐ-YDTB ngày 21/9/2023	11/3/2024	Trung bình	Nguyễn Duy Quang Bùi Minh Tiến Ninh Thái Sơn Trần Thị Huệ	
17		Cơ sở	Đánh giá kết quả mổ lấy thai ở sản phụ có tiền sử mổ lấy thai từ hai lần trở lên tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình năm 2024	<b>Hoàng Tiến Nam</b>	2004/QĐ-YDTB ngày 04/11/2024	8/11/2024	Trung bình	Bùi Thị Thanh Tuyền Vũ Thị Huyền Nga Phạm Thị Quỳnh Nhu Nguyễn Văn Thành	
18		Cơ sở	Đánh giá giá trị chẩn đoán chưa ngoài tử cung của phương pháp siêu âm đường âm đạo tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình năm 2024	<b>Nguyễn Văn Hiền</b>	2152/QĐ-YDTB ngày 22/11/2024	28/11/2024	Trung bình	Bùi Minh Tiến Ninh Thái Sơn Nguyễn Thị Tuyết Trần Hải Bình	



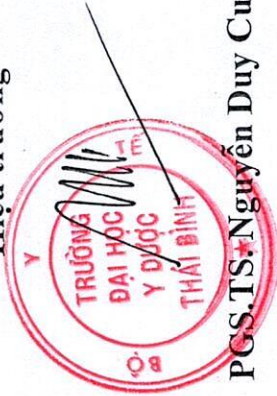
STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài	Đề tài cấp	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐ nghiên cứu	Ngày nghiên cứu	Kết quả nghiên cứu	Tên thành viên	Ghi chú
19		Cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân u vú được phẫu thuật tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình	Đặng Thị Việt Hằng	2153/QĐ-YDTB ngày 22/11/2024	28/11/2024	Trung bình	Đinh Văn Hoành Trần Thị Len Nguyễn Thị Hiền Hoàng Thị Hạnh	

Trưởng phòng QLKH



TS. Nguyễn Trung Kiên

Hiệu trưởng



PGS.TS. Nguyễn Duy Cường



**Mẫu 5. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo trong thời gian 5 năm**

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Lê Đức Cường, Bùi Minh Tiến (2019), “Thực trạng mắc và một số yếu tố liên quan đến nhiễm khuẩn đường sinh dục dưới ở phụ nữ có chồng trong độ tuổi sinh đẻ tại 3 xã huyện Bá Thước tỉnh Thanh Hóa năm 2017”, <i>Y học Cộng đồng</i> , 1, 5.	
2	Đinh Văn Hoàn, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Hòa và cộng sự (2019), “Nhận xét diễn biến nồng độ PHCG và kết quả điều trị chữa ngoài tư cung bằng METHREXAT tại Thái Bình”, <i>Tạp chí Y học Thực hành</i> , 10, 1113, 4.	
3	Nguyễn Trung Kiên (2019), “Kết quả bước đầu dự án tăng cường nhận thức của phụ nữ về tầm kiểm soát ung thư cổ tử cung, kết hợp hỗ trợ sàng lọc, phòng ngừa và điều trị ca bệnh tại tỉnh Thái Bình và Cần Thơ, Việt Nam”, <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , 481, 2, 207-212.	
4	Nguyễn Trung Kiên, Trần Thị Thanh Huệ (2019), “Sàng lọc ung thư cổ tử cung tại 3 huyện Thái Lai, Phong Điền và Cờ Đỏ của tỉnh Cần Thơ và một số hoạt động can thiệp”, <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , 481,2,135-140.	
5	Nguyễn Trung Kiên (2019), “Nghiên cứu một số đặc điểm sinh sản của phụ nữ tại ba huyện Cờ Đỏ, Phong Điền và Thái Lai, thành phố Cần Thơ”, <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , 481, 2, 221-226	
6	Nguyễn Trung Kiên (2019), “Nhận xét tình hình điều trị u nang buồng trứng lành tính bằng phẫu thuật nội soi tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình năm 2018”, <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , 482, 1, 259-262	
7	Nguyễn Trung Kiên (2019), “Nhận xét mẫu xét tinh dịch đồ theo tiêu chuẩn WHO 1999 ở những cặp vợ chồng đến khám vô sinh hiếm muộn nguyên nhân do chồng tại trung tâm hỗ trợ sinh sản Bệnh viện Đại học Y Dược Thái Bình”, <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , 482, 1, 259-262	
8	Nguyễn Trung Kiên (2019), “Đánh giá hiệu quả của phương pháp thắt động mạch tử cung trong điều trị chảy máu sau đẻ tại bệnh viện Phụ sản Thái Bình năm 2017 và 2018”, <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , 482, 2, 223-227	



9	<b>Bùi Minh Tiến</b> , Trần Xuân Hiệp (2021). “ <i>Nhận xét một số đặc điểm về phía mẹ và thai nhi ở sản phụ có thai ngoài mong sinh tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình trong hai năm 2007 và 2017</i> ”, Tạp chí Y học Việt Nam, 500, 2, 241-245	
10	<b>Bùi Minh Tiến</b> (2021), “ <i>Hiệu quả tư vấn về chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh cho bà mẹ sinh con lần đầu sau sinh khi sinh 2 tháng</i> ”, Tạp chí Y học Việt Nam, 501, 2, 80-84	
11	Nguyễn Xuân Bái, <b>Bùi Minh Tiến</b> , Phạm Thị Bích, Nguyễn Việt Khánh (2021), “ <i>Nghiên cứu một số rối loạn chức năng của phụ nữ tiền mãn kinh, mãn kinh tại thành phố Thái Bình</i> ”, Tạp chí Y Dược Thái Bình, 1, T12, 18-24.	
12	<b>Bùi Minh Tiến</b> , Phạm Thị Quỳnh Như (2021), “ <i>Xử trí POLYP buồng tử cung bằng phẫu thuật soi buồng tử cung tại Bệnh viện Phụ sản Trung Ương</i> ”, Tạp chí Y Dược Thái Bình, 1, T12, 79-83.	
13	Nguyễn Thanh Bình, <b>Nguyễn Trung Kiên</b> (2021), “ <i>Nghiên cứu tác dụng hỗ trợ điều trị cảm cúm của viên nén bao phim cảm nhất nhất</i> ”, Tạp chí Y Dược Thái Bình, 1, T12, 25-32.	
14	Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Lê Đình Tuấn, Nguyễn Thị Phi Nga, Vũ Thanh Bình, Nguyễn Tiến Sơn, Ngô Văn Mạnh, Lê Đức Cường, Dương Huy Hoàng, Nguyễn Thị Hiền, <b>Nguyễn Trung Kiên</b> (2021) “ <i>Tỷ lệ nhiễm HELICOBACTER PYLORI ở bệnh nhân được nội soi thực quản dạ dày tá tràng tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình</i> ”, Tạp chí Y Dược Thái Bình, 1, T12, 33-39	
15	Lê Đình Tuấn, Phạm Thị Lan, Nguyễn Thị Phi Nga, Nguyễn Tiến Sơn, <b>Nguyễn Trung Kiên</b> , Dương Huy Hoàng, Ngô Văn Mạnh, Hoàng Công Hưng (2021), “ <i>Khảo sát rối loạn LIPID máu và mối liên quan với glucose, HBA1C ở bệnh nhân đái tháo đường týp 2 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình</i> ”, Tạp chí Y Dược Thái Bình, 1, T12, 73-78	
16	<b>Đình Văn Hoàn</b> , Bùi Hà Trang (2021), “ <i>Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân thai lạc chỗ (TLC) điều trị bằng METHOTREXATE(MTX) tại Bệnh viện phụ sản Thái Bình</i> ”, Tạp chí Y Dược Thái Bình, 1, T12, 131-137	



17	Nguyễn Ngọc Trung, Nguyễn Trung Kiên, Phí Trọng Hiếu (2021). “Đối chiếu hình ảnh siêu âm từ cung với kết quả mô bệnh học ở bệnh nhân đến khám tại bệnh viện Đại học Y Thái Bình”, Tạp chí Y học Việt Nam, 500, 1, 232-235	
18	Bùi Minh Tiến, Vũ Thị Lan (2022), ” Xử trí và biến chứng ở những sản phụ mổ lấy thai vì rau tiền đạo tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình”, Tạp chí Y học cộng đồng, Tháng 1, 38-46	
19	Bùi Minh Tiến (2022), “Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng khối u buồng trứng ở phụ nữ có thai tại Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình từ năm 2015 đến 2019”, Tạp chí Y học cộng đồng, Tháng 2, 23-29	
20	Đình Văn Hoàng, Ninh Văn Minh (2022), “Đánh giá kết quả điều trị thai lạc chỗ bằng METHOTREXATE tại Bệnh viện Phụ sản Thái Bình, Tạp chí Y Dược Thái Bình, 1,T3, 20-26	
21	Phạm Thị Thùy Dương, Hồ Sỹ Hùng (2022), “Diễn biến quá kích buồng trứng trên các bệnh nhân trưởng thành noãn bằng GnRH đồng vận”, Tạp chí nghiên cứu y học, T3, 89-97	
22	Lê Đình Tuấn, Nguyễn Thị Hiên, Nguyễn Tiến Sơn, Nguyễn Thị Phi Nga, Lê Đức Cường, Dương Huy Hoàng, Nguyễn Trung Kiên, Ngô Văn Mạnh (2022), “Nhận xét tình trạng rối loạn dung nạp glucose ở bệnh nhân có nguy cơ mắc bệnh đái tháo đường típ 2 tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình”, Tạp chí Nội tiết và đái tháo đường, 49, T10, 38-44	
23	Nguyễn Trung Kiên, Hoàng Tiến Nam, Bùi Thị Thanh Tuyền, Phạm Thị Quỳnh Như (2022), ” Đánh giá kết quả điều trị dự phòng nguy cơ tiền sản giật ở phụ nữ mang thai dưới 16 tuần bằng ASPIRIN liều thấp tại Thái Bình năm 2021-2022”, Tạp chí Y Dược Thái Bình, 5,T12, 115-121	
24	Nguyễn Trung Kiên, Hoàng Tiến Nam, Bùi Thị Thanh Tuyền, Phạm Thị Quỳnh Như (2022), ” Kết quả sàng lọc các yếu tố nguy cơ tiền sản giật ở phụ nữ mang thai dưới 16 tuần tại Thái Bình, năm 2021”, Tạp chí Y Dược Thái Bình, 5, T12, 133-140	



25	Nguyễn Quang Tuyền, <b>Ninh Văn Minh</b> , Nguyễn Thị Phương, Phạm Thị Hương Ly (2023), “Đặc điểm lâm sàng của phụ nữ nhiễm HPV TYPE nguy cơ cao tại Bệnh viện Phụ sản tỉnh Thái Bình” Tạp chí Y Dược Thái Bình, 7, T6, 88-94
26	Nguyễn Quang Tuyền, <b>Ninh Văn Minh</b> , Nguyễn Thị Phương, Phạm Thị Hương Ly (2023), “Mối liên quan giữa biến đổi tế bào học cổ tử cung với mô bệnh học của nhóm nhiễm HPV TYPE nguy cơ cao tại Bệnh viện Phụ sản Thái Bình” Tạp chí Y Dược Thái Bình, 7, T6, 105-110
27	<b>Đình Văn Hoàn</b> , <b>Trần Thị Len</b> (2023), “Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của rau bong non tại Bệnh viện phụ sản Thái Bình” Tạp chí Y Dược Thái Bình, 8, T9, 83-87
28	<b>Trần Thị Len</b> (2023), “Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của viêm âm hộ - âm đạo do nấm candida ở phụ nữ có thai 3 tháng cuối tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình” Tạp chí Y Dược Thái Bình, 8, T9, 121-125
29	<b>Đình Văn Hoàn</b> (2024) “Nhận xét kết quả xử trí chửa ngoài tử cung tại Bệnh viện phụ sản Thái Bình năm 2023” Tạp chí Y Dược Thái Bình, 8, T11, 102-107
30	<b>Nguyễn Văn Hiền</b> , <b>Nguyễn Trung Kiên</b> , <b>Bùi Minh Tiến</b> (2024), “Associated factors and outcomes of threatened miscarriage in pregnant women at Thai Binh Obstetrics and Gynecology Hospital from 2022 to 2023”, Tạp chí Y Dược Thái Bình, 14, T12, 60-65
31	<b>Nguyen Dang Kien</b> , Amr Ehab El Qushayri, Ali Mahmoud Ahmed, Adnan Safi, Sarah Abdel Mageed Hirayama, Nguyen Tien Huy (2020), ” Association of Allergic Symptoms with Dengue Infection and Severity : A Systematic Review and Meta – analys”, Virologica Sinica, 35, 83-92
32	<b>Kien Nguyen Dang</b> , Mohammad Rashidul Hashan, Le Huu Nhat Minh, Khalid Muhammad Khalaf, Nguyen Tien Huy (2021), ”Follicular Fluid Meiosis-Activating Sterol in Assisted Reproductive Techniques: A Systematic Review and Meta-analysis of Randomized Controlled Trials”, Fertility and Reproduction, 2, 4, 1-6.



33	<p>Tran Manh Hung, Thi Phuong Thao Tran, <b>Nguyen Trung Kien</b>, Tran Thi Phuong (2022), " <i>Formation of the upper gastrointestinal tract for patients who underwent total esophago – gastrectomy due to caustic ingestion : Case series</i>", Annals of Medicine and Surgery, 70.</p>	
34	<p>Tuan Dinh Le, Nga Phi Thi Nguyen, Hoa Thanh Thi Tran, Thuc Luong Cong, Lan Ho Thi Nguyen Binh Do Nhu, Son Tien Nguyen, Manh Van Ngo, Hoa Trung Dinh, Hien Thi Nguyen, <b>Kien Trung Nguyen</b>, Duc-Cuong Le (2022), " <i>Diabetic Peripheral Neuropathy Associated with Cardiovascular Risk Factors and Glucagon-Like Peptide-1 Concentrations Among Newly Diagnosed Patients with Type 2 Diabetes Mellitus</i>", Diabetes, Metabolic Syndrome and Obesity: Targets and Therapy 2022, 15,35-44.</p>	
35	<p>Nga Phi Thi Nguyen, Thuc Luong Cong, Thi Thanh Hoa Tran Binh Nhu Do, Son Tien Nguyen, Binh Thanh Vu , Lan Ho Thi Nguyen, Manh Van Ngo, Hoa Trung Dinh Hoang Duong Huy, Nghia Xuan Vu, <b>Kien Nguyen Trung</b> , Duong Ngoc Vu, Nghia The Pham, Tuan Dinh Le (2022), " <i>Lower Plasma Albumin, Higher White Blood Cell Count and High-Sensitivity C-Reactive Protein are Associated with Femoral Artery Intima-Media Thickness Among Newly Diagnosed Patients with Type 2 Diabetes Mellitus</i>", International Journal of General Medicine, 15, 2715-2725.</p>	
36	<p>Tuan Dinh Le, Tien Minh Bui, Manh Van Ngo, Hoang Huy Duong, Binh Thanh Vu, Hoa Trung Dinh Binh Nhu Do, Duc-Cuong Le, Hien Thi Nguyen, <b>Kien Trung Nguyen</b> (2022), " <i>Insulin Resistance in Gestational Diabetes Mellitus and Its Association With Anthropometric Fetal Indices</i>", Clinical Medicine Insights: Endocrinology and Diabetes, 15.</p>	
37	<p><b>Nguyen Trung Kien</b>, Tran Quang Duc, Vu Thi Quynh Chi, Phan Ngoc Quang, <b>Bui Thi Thanh Tuyen</b> Dinh Thi Phuong Hoa (2022), " <i>Declining trend in anemia prevalence among non-pregnant women of reproductive age in Vietnam over two decades: A systematic review and meta-analysis of population studies</i>", Health Promotion Perspectives, 12, 3,231-239.</p>	



38	<p>Son Tien Nguyen, <b>Tien Bui Minh</b>, Hoa Trung Dinh, Tuan Dinh Le, Nga Phi Thi Nguyen Thi Thanh Hoa Tran Trinh Hien Vu, Thuc Luong Cong Lan Ho Thi Nguyen, Phuong Tuan Pham, Tien Viet Tran, <b>Kien Xuan Nguyen (2023)</b>, " <i>Relationship Between Maternal Serum Cortisol and Maternal Insulin Resistance and Fetal Ultrasound Characteristics in Gestational Diabetes Mellitus</i> ", Diabetes, Metabolic Syndrome and Obesity 16, 365-372.</p>
39	<p>Kien Xuan Nguyen, <b>Tien Bui Minh</b>, Hoa Trung Dinh, Tien Viet Tran, Tuan Dinh Le, Nga Phi Thi Nguyen, Thi Thanh Hoa Tran, Trinh Hien Vu, Lan Ho Thi Nguyen, <b>Kien Trung Nguyen</b> , Nguyen Huy Thong Khanh Do, Trung Kien Nguyen Hung Nguyen Dao, Son Tien Nguyen (2023), " <i>Low-Grade Inflammation in Gestational Diabetes Mellitus and Its Correlation with Maternal Insulin Resistance and Fetal Growth Indices</i> ", International Journal of General Medicine ,16, 1429-1436.</p>
40	<p>Tung Nguyen Thanh, Sang Trieu Tien, Phong Nguyen Van, Son Dang Thai, Thuc Luong Cong Tuan Dinh Le, Son Tien Nguyen, Tuan Tran Van, Hoang Huy Duong, <b>Tien Minh Bui, Kien Trung Nguyen (2024)</b>, " <i>Optimization of Multiplex-PCR Technique To Determine Azf Deletions in infertility Male Patients</i> ", International Journal of General Medicine, 17, 1579-1589</p>
41	<p>Thi Loi Dao, <b>Trung Kien Nguyen</b>, Xuan Bai Nguyen, Kieu Dung Le, Khanh Linh Duong Duc Manh Bui, Cam Anh Nguyen Le, Van Thuan Hoang (2024), " <i>Urinary incontinence after COVID-19 vaccination: a case study in an 8-year-old boy</i> ", Clinical and Experimental Vaccine Research, 13,259-262</p>
42	<p>Tung Nguyen Thanh, Duc Minh Nguyen, Tuan Dinh Le, Lan Ngoc Do, Son Tien Nguyen , Phuong Nguyen Minh, Phong Nguyen Van , <b>Tien Minh Bui, Tuyen Thanh Thi Bui</b>, Hung Nguyen Dao, <b>Kien Trung Nguyen (2024)</b>, " <i>The Relationship Between Smooth Endoplasmic Reticulum Clusters in Metaphase II Oocytes and Embryological and Birth Outcomes in Infertile Couples</i> ", International Journal of General Medicine, 17, 3269-3277.</p>



43	Thi Thanh Le, Hai Tuan Nguyen, Phong Tuc Vu, Duc Cuong Le, Trung Kien Nguyen, Van Thuan Hoang, Khanh Linh Duong, Thi Loi Dao (2024), " <i>Space-time scanning statistics in the prediction and evaluation of dengueepidemic clusters</i> ", IJID Regions, 4,13.
44	Minh Tien Bui , Cam Anh Nguyen Le, Khanh Linh Duong, Van Thuan Hoang, Trung Kien Nguyen (2024), " <i>Transplacental Transmission of SARS-CoV-2: A Narrative Review</i> ", Medicina, 60,9,1517.
45	Cam Anh Nguyen, Le Khanh Linh Duong, Duc Manh Bui, Kieu Dung Le, Khanh Linh Dang, Trung Kien Nguyen, Philippe Gautret , Van Thuan Hoang, Thi Loi Dao (2024)," <i>Risk factors for Helicobacter pylori infection in children with gastrointestinal symptoms in Vietnam</i> ", IJID Regions, 12
46	Khanh Linh Duong, Nang Trong Hoang, Thi Van Anh Tran Xuan Thuy Tran, Thi Hanh Nguyen Trung Kien Nguyen, Van Thuan Hoang, Thi Loi Dao (2024), " <i>Differences in clinical, radiological and laboratory parameters between elderly and young patients with newly diagnosed smear-positive pulmonary tuberculosis in Vietnam</i> ", Tropical Medicine & International Health, 10

Trưởng phòng QLKH

  
\_\_\_\_\_

TS. Nguyễn Trung Kiên

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Duy Cường



**Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo**

Stt	Nội dung	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Học phần/Môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ/năm học)	Ghi chú
<b>I</b>	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	221	10.131			
<i>I.1</i>	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	650			
<i>I.2</i>	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	17	2.140			
<i>I.3</i>	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	52	3.640	- Tin học Y học - Phương pháp nghiên cứu Phương pháp giảng dạy đại học	Học kỳ 1, năm 1	
<i>I.4</i>	Số phòng học dưới 50 chỗ	7	245	- Tin học Y học - Phương pháp nghiên cứu - Phương pháp giảng dạy đại học	Học kỳ 1, năm 1	
<i>I.5</i>	Số phòng học đa phương tiện	7	1.050	Tin học Y học	Học kỳ 1, năm 1	
<i>I.6</i>	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	136	2.406	Tất cả các học phần	4 học kỳ	
<b>II</b>	Thư viện, trung tâm học liệu	16	2.536	Tất cả các học phần	4 học kỳ	

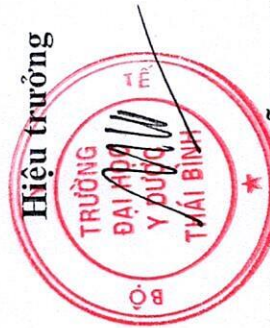


III	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	84	6.901	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tin học y học</li> <li>- Giải phẫu học</li> <li>- Cấp cứu ngoại khoa</li> <li>- Huyết học truyền máu</li> <li>- Chẩn đoán hình ảnh</li> <li>- Dị ứng miễn dịch lâm sàng</li> <li>- Sản thường</li> <li>- Sản khó</li> <li>- Hỗ trợ sinh sản, sơ sinh</li> <li>- Phụ khoa tổng quát</li> <li>- Phẫu thuật nội soi SPK cơ bản</li> <li>- Sức khỏe sinh sản</li> <li>- Soi cổ tử cung và cắt đốt</li> <li>- Kế hoạch hóa gia đình</li> <li>- Ung thư</li> <li>- Luận văn tốt nghiệp</li> </ul>	4 học kỳ	
	Tổng cộng: I+II+III	321	19.568			

Trưởng phòng Quản trị



KS. Bùi Xuân Tuyên



PGS.TS. Nguyễn Duy Cường



**Mẫu 7. Thư viện**

STT	Tên sách	Tác giả/ NXB	Năm XB	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách	Mã học phần	Thời gian sử dụng
1	Giáo trình Triết học (dùng trong đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ không chuyên ngành triết học)	Chính trị QG	2020	100	Triết học	THSCH G001	Kỳ 1 năm 1
2	Bài giảng triết học sau đại học Trường ĐH Y Dược Thái Bình	Đại học Sư phạm Hà Nội.	2021	100	Mác Lên in		
3	Giáo trình Triết học (Dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ).	Chính trị QG	2021	100			
4	Lý thuyết SPSS và ứng dụng trong y sinh học	BM Toán – Tin - ĐH Y Hà Nội.	2015	10	Tin học Y học	THSCH G002	Kỳ 1 năm 1
5	Thực hành SPSS và ứng dụng trong y sinh học	BM Toán – Tin - ĐH Y Hà Nội.	2015	10			
6	Y học Thực chứng	Nguyễn Văn Tuấn	2015	10			
7	Xác suất Thống kê (dùng cho đào tạo BSDK)	Đặng Đức Hậu,	2013	20			
8	Thực hành quản lý và phân tích số liệu trong nghiên cứu khoa học y học	Hoàng Văn Minh	2009	20			
9	Thống kê-Tin học ứng dụng trong nghiên cứu y học	Lưu Ngọc Hoạt	2008	30			
10	Tài liệu phát tay (Handouts)				Phương pháp NCKH	THSCH G003	Kỳ 1 năm 1
11	Phương pháp nghiên cứu trong y sinh học, tập 1 - Lập kế hoạch nghiên cứu	y học	2018	15			
12	Phương pháp nghiên cứu trong y sinh học, tập 2 - Một số lưu ý khi lập kế hoạch nghiên cứu cho từng lĩnh vực cụ thể	y học	2020	20			
13	Tài liệu phát tay, bài đọc thêm của Giảng viên						
14	Các bản đề cương mẫu.						



STT	Tên sách	Tác giả/ NXB	Năm XB	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách	Mã học phần	Thời gian sử dụng
15	Sự phạm y học thực hành	Phạm Thị Minh Đức và cộng sự	2022	25	Phương pháp giảng dạy	THSCH G004	Kỳ 1 năm 1
16	Giáo trình Kỹ năng Y khoa	Nguyễn Đức Hình, Lê Thu Hòa	2021	20			
17	Bài giảng dạy - học qua tình huống	Nguyễn Đức Hình, Lê Thu Hòa	2013	15			
18	Giải phẫu người tập I, II, III	Trịnh Văn Minh	2010	198 (2013)	Giải phẫu người	THSSA N1801	Kỳ 1 năm 1
19	Bài giảng Giải phẫu học tập 1, 2	Nguyễn Quang Quyền, TP Hồ Chí Minh	2013	5 (1998)			
20	Atlas giải phẫu người	Franh H.Netter	2019	3 (2013)			
21	Bài giảng Ngoại khoa Sau đại học	Trường Đại Y Thái Bình	2011		Cấp cứu ngoại khoa tổng quát	THSSA N1802	Kỳ 1 năm 1
22	Bài giảng Bệnh học ngoại khoa sau đại học - tập 1	Học viện quân y	1992	10			
23	Ngoại khoa-Bổ túc sau đại học, Tập 1	Trường Đại học y khoa Hà Nội	1993				
24	Bài giảng Bệnh học ngoại khoa sau Đại học - tập 2	Học viện quân Y	1993	10			
25	Bệnh học ngoại bụng	y học	1987	3(2001)			
26	Bệnh học ngoại bụng	y học	1986	3(2001)			
27	Medical physiologic	Ganong U.F	1989				
28	Cerebral abcess Br J. Newrosung	William B	1990				
29	Cranial intradural abscess management of 642 patients during the 35 years from 1952-1986 Brit J. newrosung	Kett P.C	1990				
30	Complication snd sequelac of head injury	Bravov D.L.	1992				



STT	Tên sách	Tác giả/NXB	Năm XB	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách	Mã học phần	Thời gian sử dụng
31	Giáo trình Huyết học – Truyền máu cơ sở	ĐH Y Dược Thái Bình			Huyết học truyền máu	THSSA N1901	Kỳ 1 năm 1
32	Thông tư 26-TT/BYT- Hướng dẫn hoạt động truyền máu	Bộ Y tế	2013				
33	Hướng dẫn quy trình kỹ thuật Huyết học – Truyền máu – Miễn dịch – Di truyền – Sinh học phân tử áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh”.	Bộ Y tế	2017	3(2015)			
34	Quyết định số 1832/QĐ-BYT về tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý huyết học”	Bộ Y tế	2022				
35	Bệnh lý tế bào nguồn tạo máu – Chẩn đoán, phân loại và điều trị. <i>Nhà xuất bản Y học.</i>	Đỗ Trung Phấn	2003	10			
36	Truyền máu hiện đại ứng dụng trong điều trị bệnh	Đỗ Trung Phấn	2012	3			
37	Tế bào gốc và bệnh lý tế bào gốc tạo máu - Chẩn đoán - phân loại - điều trị	Đỗ Trung Phấn	2019				
38	Đông máu ứng dụng trong lâm sàng	Nguyễn Anh Trí	2011	2(2008)			
39	Tài liệu tập huấn về Hemophilia và Thalassemia	Viện Huyết Học Truyền Máu Trung ương	2015				
40	Thiếu máu: phân loại và chẩn đoán thiếu máu”, Bệnh học nội khoa	Phạm Quang Vinh	2012				
41	Bài giảng Huyết học - Truyền máu sau đại học tập 1	Phạm Quang Vinh, Nguyễn Hà Thanh	2022				



STT	Tên sách	Tác giả/ NXB	Năm XB	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách	Mã học phần	Thời gian sử dụng
42	Bài giảng chẩn đoán hình ảnh	Trường Đại học YHN/NXB Y học	2001	01	Chẩn đoán hình ảnh	THSSA N1902	Kỳ 1 năm 1
43	Kỹ thuật chụp X quang	Phạm Minh Thông/ NXB Y học	2008	01			
44	Nguyên lý và kỹ thuật chụp cộng hưởng từ	Trần Đức Quang, NXB ĐH Quốc gia TPHCM	2008	01			
45	Siêu âm ổ bụng tổng quát	Nguyễn Phước Bảo Quân /NXB Đại học Huế	2009	01			
46	CT Bụng – chậu	Phạm Ngọc Hoa/ NXB ĐH Quốc gia TPHCM	2010	01			
47	Cộng hưởng từ cơ bản	Lê Văn Phước/NXB Y học	2013	01			
48	Sinh lý bệnh và Miễn dịch, phần Miễn dịch	Bộ Y tế	2016	250 (2011)	Di ứng miễn dịch lâm sàng	THSSA N1903	Kỳ 1 năm 1
49	Miễn dịch học	HV Quân Y	2011	248			
50	Sinh lý bệnh học	Phan Thị Phi Phi, Phạm Đăng Khoa	2022	100 (2013)			
51	Miễn dịch học	Trường Đại học Y Hà Nội	2014	130			
52	Di ứng - Miễn dịch lâm sàng	Nguyễn Văn Đoàn, Hoàng Thị Lâm	2022	105 (2009)			
53	Tài liệu phát tay theo nội dung bài giảng				Sản thường	THSSA N2801	Kỳ 2 năm 1
54	Chuyên đề sinh lý học	Bộ môn Sinh lý học, Đại học Y Hà Nội	1999	89 (1997)			



STT	Tên sách	Tác giả/ NXB	Năm XB	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách	Mã học phần	Thời gian sử dụng
55	Siêu âm Sản phụ khoa	Phan Trường Duyệt	2013				
56	Hướng dẫn thực hành thăm dò về sản khoa	Phan Trường Duyệt	2000	11			
57	Thực hành sản phụ khoa	Trần Thị Lợi	2004				
58	Sản phụ khoa	Bộ Y tế	2010	5 (2007)			
59	Giá trị của siêu âm nước ối trong chẩn đoán thai già tháng	Nguyễn Đức Hình	2013				
60	Các phương pháp thăm dò sản khoa	Phan Trường Duyệt, Đinh Thế Mỹ	2001				
61	Tài liệu phát tay				Sản khố	THSSA N2801	Kỳ 2 năm 1
62	Hướng dẫn thực hành thăm dò về sản khoa	Phan Trường Duyệt	2000				
63	Phẫu thuật sản phụ khoa	Phan Trường Duyệt	2011	23 (1998)			
64	Thực hành sản phụ khoa	Trần Thị Lợi	2004				
65	Sản phụ khoa	Bộ Y tế	2010	5 (2007)			
66	Ung thư bệnh học	IUCC					
67	Bách khoa thư bệnh học	Y học	1994	18 (tập 2)			
68	Vấn tắt sơ sinh học	Jlaugier - Fgold					
69	Operative Obstetrics.	John patrick O'Graydi Martin L. Gimesky, William & Wilkings					
70	Tài liệu phát tay				Sản bệnh	THSSA N2803	Kỳ 1 năm 2
71	Hồi sức sơ sinh	Viện hàn lâm Nhi khoa Hoa Kỳ					
72	Hướng dẫn thực hành thăm dò về sản khoa	Phan Trường Duyệt	2000	11			



STT	Tên sách	Tác giả/ NXB	Năm XB	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách	Mã học phần	Thời gian sử dụng
73	Phẫu thuật sản phụ khoa	Phan Trường Duyệt	2011	23 (1998)			
74	Thực hành sản phụ khoa	Trần Thị Lợi	2004				
75	Sản phụ khoa	Bộ Y tế	2010	5 (2007)			
76	Surgery gynecology & Obstetric	Loyal Davis					
77	Tài liệu phát tay						
78	Một số vấn đề bệnh lý cổ tử cung	Vương tiến Hòa	2012				
79	Laontracepti	Anetter.H.Ronesba un			Hỗ trợ sinh sản, sơ sinh	THSSA N2804	Kỳ 1 năm 2
80	Neew concepts infertility control	Edwards R.G.					
81	Contraceptive Research and development 1984 – 1994 World Health Ogranization	P.F.A Vanlook, Gperez palacios:					
82	Hỏi sức sơ sinh	Viện hàn lâm nhi khoa Hoa Kỳ					
83	Vấn tắt sơ sinh học	Jlaugier – Fgold					
84	Thực hành Sản phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.TP HCM.	Trần Thị Lợi	2004				
85	Bài giảng sản phụ khoa	Bộ môn Sản - ĐH Y Hà Nội		127 (1999)			
86	Phẫu thuật Sản phụ khoa	Phan Trường Duyệt	1998	23			
87	Bệnh học nhi khoa	Y học.					
88	Tài liệu phát tay						
89	Thực hành Sản phụ khoa, Nhà xuất bản Y học TP HCM.	Trần Thị Lợi	2004			THSSA N2805	Kỳ 1 năm 2
90	Bài giảng sản phụ khoa	Bộ môn Sản - ĐH Y Hà Nội		127 (1999)	Phụ khoa tổng quát		



STT	Tên sách	Tác giả/ NXB	Năm XB	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách	Mã học phần	Thời gian sử dụng
91	Phẫu thuật Sản phụ khoa	Phan Trường Duyệt	1998	23			
92	Chẩn đoán và xử trí chửa ngoài tử cung	Vương Tiến Hoà	2012				
93	Operative Obstetrics.	John patrick O'Graydi, Martin L. Gimosky, William & Wilkins	1998	1 (1995)			
94	Ung thư bệnh học	IUCC					
95	Tài liệu phát tay						
96	Atlas of Operative Laparoscopy and Hysteroscopy, Third Edition.	Jacques Donnez					
97	Nội soi trong Phụ khoa	Nguyễn Đức Hình	2004	5 (2000)	Phẫu thuật nội soi sản phụ khoa cơ bản	THSSA N2901	Kỳ 1 năm 2
98	Operative Obstetrics 2nd edition.	John patrick O'Graydi, Martin L. Gimosky, William & Wilkins		1 (1995)			
99	Tài liệu phát tay						
100	Bài giảng Sản phụ khoa sau Đại học của Bộ môn Phụ sản Trường Đại học Y khoa Huế						
101	<b>C©u 1.</b> Bài giảng Đại học và Sau Đại học của Bộ môn Phụ sản Trường Đại học Y Hà Nội và Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh						
102	Obstetrics and Gynecology for postgraduates		1993		Sức khỏe sinh sản	THSSA N2902	Kỳ 1 năm 2
103	Novak's Gynecology		1997				
104	Gynecologic Endocrinology and Infertiliti		2000				
105	Tài liệu phát tay						Kỳ 2



STT	Tên sách	Tác giả/ NXB	Năm XB	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách	Mã học phần	Thời gian sử dụng
106	Một số vấn đề bệnh lý cổ tử cung	Vương Tiến Hoà	2004		Soi cổ tử cung,	THSSA N2903	năm 2
107	Ung thư cổ tử cung từ dự phòng đến can thiệp sớm	Châu Khắc Tú, Nguyễn Vũ Quốc Huy	2011		cắt đốt		
108	Tài liệu phát tay				Kế hoạch hóa gia đình	THSSA N2904	Kỳ 2 năm 2
109	Bài giảng Sản phụ khoa sau Đại học của Bộ môn Phụ sản Trường Đại học Y khoa Huế						
110	Bài giảng Đại học và Sau Đại học của Bộ môn Phụ sản Trường Đại học Y Hà Nội và Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh						
111	Obstetrics and Gynecology for postgraduates		1993				
112	Novak's Gynecology		1997				
113	Gynecologic Endocrinology and Infertility		2000				

Trường Thư viện và Trung tâm CNTT



PGS.TS. Phạm Thị Dung

Hiệu trưởng



PGS.TS. Nguyễn Duy Cường



**Mẫu 8. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở**

STT	Tên gọi máy, thiết bị	Nước SX	Năm SX	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn vị sử dụng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
1	Máy li tâm để bàn Kubota model 2420	NULL	2007	1	máy	Bệnh viện - Phòng hỗ trợ sinh sản	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
2	Kính hiển vi sinh học hai mắt Carl Zeiss Axiostar plus	Đức	2006	1	máy	Bệnh viện - Phòng hỗ trợ sinh sản	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
3	Kính hiển vi sinh học hai mắt Carl Zeiss Axiostar plus	Đức	2002	1	máy	Bệnh viện - Phòng hỗ trợ sinh sản	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
4	Đầu dò âm đạo UST 9122,5	NULL	2007	1	máy	Bệnh viện - Phòng hỗ trợ sinh sản	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
5	Tủ an toàn sinh học (Tủ nuôi cấy vô trùng) Esco model AC2-4E1	Singapor	2005	1	máy	Bệnh viện - Phòng hỗ trợ sinh sản	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
6	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số Nihon kohden Model: BSM-3562 (DA ADB vốn chương trình đợt 2)	Nihon Kohen Nhật Bản	2015	1	máy	Bệnh viện - Phòng khám Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
7	Máy siêu âm màu 4 chiều 3 đầu dò Samsung-Medison Aloka model ACCUVIX-XG	Hàn Quốc	2011	1	máy	Bệnh viện - Phòng khám Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
8	Lồng áp tré sơ sinh Draeger model ISOLETTE C2000 (DA ADB vốn vay đợt 3)	Đức	2016	1	cái	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
9	Đèn chiếu văng da Yon don model YD-P-222MP (DA ADB vốn vay đợt 3)	Đài loan	2016	1	cái	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
10	Điều hòa lưu thông không khí LG 12000BTU 2 cục 1 chiều model F12CE-N & phụ kiện	Việt Nam	2012	1	máy	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		



STT	Tên gọi máy, thiết bị	Nước SX	Năm SX	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn vị sử dụng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
11	Máy làm ấm trẻ sơ sinh Draeger model Babytherm 8010 (DA ADB vốn vay đợt 3)	Đức	2016	1	cái	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
12	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng model MT-516 (DA ADB vốn vay đợt 3)	Nhật	2015	1	máy	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
13	Máy tạo oxy 5 lít/phút Nidek Medical model 5 Nuvo Lite (DA ADB vốn vay đợt 3)	mỹ	2016	1	cái	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
14	Máy bơm thức ăn cho bệnh nhân Fresenius Kabi model Amika (DA ADB vốn vay đợt 3)	Pháp	2016	1	cái	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
15	Máy tính đồng bộ Dell3671MT (Mua sắm thường xuyên năm 2020)	Malaysia	2020	1	bộ	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
16	Tủ sấy SANYO model MOV-212 (DA Dược)	Nhật	2009	1	máy	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
17	Tủ âm 20 - 25 lít Incucell model LSIS-B2V/IC22 (Mua sắm thường xuyên năm 2009)	Đức	2009	1	máy	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
18	Máy làm ấm trẻ sơ sinh Draeger model Babytherm 8010 (DA ADB vốn vay đợt 3)	Đức	2016	1	cái	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
19	Máy bơm thức ăn cho bệnh nhân Fresenius Kabi model Amika (DA ADB vốn vay đợt 3)	Pháp	2016	1	cái	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
20	Đèn chiếu vàng da Yon don model YD-P-222MP (DA ADB vốn vay đợt 3)	Đài loan	2016	1	cái	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
21	Tủ âm 20 - 25 lít Incucell model LSIS-B2V/IC22 (Mua sắm thường xuyên năm 2009)	Đức	2009	1	máy	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		



STT	Tên gọi máy, thiết bị	Nước SX	Năm SX	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn vị sử dụng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
22	Máy tạo oxy 5 lít/phút Nidek Medical model 5 Nuvo Lite (DA ADB vốn vay đợt 3)	mỹ	2016	1	cái	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
23	Máy siêu âm đen trắng Aloka model SSD1000	NULL	2007	1	máy	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
24	Máy phát hiện tim thai Toitu model FD-390 (DA ADB vốn vay đợt 3)	Nhật	2015	1	máy	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
25	Lồng ấp trẻ sơ sinh Draeger model ISOLETTE C2000 (DA ADB vốn vay đợt 3)	Đức	2016	1	cái	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
26	Máy cất bệnh phẩm qua nội soi và cân nặng từ cung kèm phụ kiện tiêu chuẩn Karl Storz UNIDRIVE SIII (Gói thầu số 1 mua sắm không thường xuyên năm 2017)	Đức/Thụy sỹ	2017	1	bộ	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
27	Máy chiếu NEC NP-MC372XG Trung Quốc (Gói thầu số 3 NS mua sắm không thường xuyên năm 2019)	Trung Quốc	2019	1	Chiếc	BM Sản phụ khoa	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
28	Mô hình thai nhi đủ tháng	Ý		2	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
29	Mô hình phổi thai từ tháng 1 đến tháng 9	Mỹ		1	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
30	Bộ mô hình phát triển thai (từ tuần thứ 4 đến tháng thứ 7)	Mỹ		2	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
31	MH thai nhi với 4 đầu	Mỹ		4	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		



STT	Tên gọi máy, thiết bị	Nước SX	Năm SX	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn vị sử dụng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
32	MH thực hành khám thai			2	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
33	MH thực hành khám thai và xoay thai nhi trong tử cung	Nhật		1	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
34	Mô hình thực hành khám thai và nghe tim thai	Mỹ		3	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
35	MH thực hành đo tim thai và con co tử cung	N Bản		2	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
36	Mô hình thực hành đi bao cao su nữ	Đức		2	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
37	Mô hình thực hành đi bao cao su nam	Đức		2	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
38	Mô hình chậu hông nam, 4 phần, kích thước thật	Ý		1	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
39	Mô hình chậu hông nữ, 3 phần, kích thước thật	Ý		3	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
40	Mô hình khung chậu nữ, 6 phần	Đức		2	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
41	Mô hình mặt cắt xương chậu phụ nữ khi mang thai với thai nhi có thể tháo rời	Đức		2	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
42	Mô hình khám sinh dục nam	Anh		1	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		



STT	Tên gọi máy, thiết bị	Nước SX	Năm SX	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn vị sử dụng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
43	Mô hình khám sinh dục nữ	Mỹ		1	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
44	Mô hình giải phẫu bộ phận Sinh dục nam, nữ	T Quốc		1	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
45	Mô hình khám phụ khoa kết hợp đặt dụng cụ tử cung	Đức		2	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
46	Mô hình khám sản khoa nâng cao	Đức		2	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
47	MH thực hành thăm khám Sản, Phụ khoa	Nhật		5	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
48	Mô hình khám u vú	Nhật		4	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
49	Mô hình khám vú có dây đeo	Đức		14	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
50	Mô hình đỡ đẻ thường bán thân	Mỹ		3	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
51	MH chuyển dạ và thực hành đỡ sinh cơ bản	Mỹ		6	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
52	MH mô tả cơ chế sinh tự nhiên	Mỹ		1	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
53	Khung xương chậu đỡ đẻ	Đức		4	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		



STT	Tên gọi máy, thiết bị	Nước SX	Năm SX	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn vị sử dụng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
54	Hình minh họa cơ chế sinh	Đức		4	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
55	Mô hình mô phỏng xử trí băng huyết	Đức		2	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
56	Mô hình thực hành đỡ sinh cao cấp (sinh ngói móng, phụ trợ chân không, kẹp Forcep, thao tác Leopold, thao tác Pinard, thăm khám nghe nhĩ tim sản phụ, thai nhi)	Đức		1	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
57	MH quá trình giãn nở cổ tử cung	Đức		5	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
58	MH thực hành cắt khâu tầng sinh môn	Đức		4	Cái	Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng	Các học phần chuyên ngành	HK2 năm 1, HK1,2 năm 2		
59	Máy theo dõi bệnh nhân 7 thông số Nihon Kohden model BSM-3562 (Gói đầu số 1 NS mua sắm không thường xuyên năm 2019)	Nhật	2019	1	Cái	Bệnh viện - Khoa ngoại	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và ngoại cơ bản	Hk1 năm 1		
60	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số Nihon kohden Model: BSM-3562 (DA ADB vốn chương trình đợt 2)	Nihon Kohen Nhật Bản	2015	1	máy	Bệnh viện - Khoa ngoại	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và ngoại cơ bản	Hk1 năm 1		
61	Bơm tiêm điện Codan Argus AG model A616S Incare (Gói đầu số 1 NS mua sắm không thường xuyên năm 2019)	Thụy sỹ	2019	1	Bộ	Bệnh viện - Khoa ngoại	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và ngoại cơ bản	Hk1 năm 1		
62	Máy truyền dịch TERUMO model TE-112 (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Nhật	2013	1	máy	Bệnh viện - Khoa ngoại	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và ngoại cơ bản	Hk1 năm 1		



STT	Tên gọi máy, thiết bị	Nước SX	Năm SX	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn vị sử dụng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
63	Bơm tiêm điện TERUMO model TE-331 (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Nhật	2013	1	máy	Bệnh viện - Khoa ngoại	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và ngoại cơ bản	Hk1 năm 1		
64	Máy truyền dịch TERUMO model TE-112 (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Nhật	2013	1	máy	Bệnh viện - Khoa ngoại	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và ngoại cơ bản	Hk1 năm 1		
65	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số Nihon kohden Model: BSM-3562 (DA ADB vốn chương trình đợt 2)	Nihon Kohen Nhật Bản	2015	1	máy	Bệnh viện - Khoa ngoại	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và ngoại cơ bản	Hk1 năm 1		
66	Hệ thống mô phỏng giảng dạy phẫu thuật nội soi ổ bụng Simbionix model LAP Mentor III (DA ADB vốn vay đợt 4)	NULL	2016	1	máy	Bệnh viện - Khoa ngoại	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và ngoại cơ bản	Hk1 năm 1		
67	Máy chiếu Sony model VPL - DX 241 - Mua sắm từ NS không thường xuyên năm 2017	Trung Quốc	2017	1	Chiếc	BM ngoại	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và ngoại cơ bản	Hk1 năm 1		
68	Bộ mô phỏng thực hành nội soi - 2018	NULL	2018	1	bộ	BM ngoại	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và ngoại cơ bản	Hk1 năm 1		
69	Máy nối vết thương Ligasure và dụng cụ đi kèm (Dao mổ điện) (viện trợ Mỹ) (phòng mổ 3 tầng 3 nhà 5 tầng)	Mỹ	2009	1	máy	BM ngoại	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và ngoại cơ bản	Hk1 năm 1		
70	Máy tính Dell model VOSTRO 3267SFF (Gói thầu số 3 mua sắm không thường xuyên năm 2017)	Thái lan	2017	1	cái	BM ngoại	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và ngoại cơ bản	Hk1 năm 1		
71	Máy tính đồng bộ Dell Vostro 3671MT (Mua sắm thường xuyên năm 2017)	Thái lan	2017	1	cái	BM ngoại	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và ngoại cơ bản	Hk1 năm 1		



STT	Tên gọi máy, thiết bị	Nước SX	Năm SX	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn vị sử dụng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
72	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số Optoma X401 (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Trung Quốc	2013	1	máy	BM ngoại	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và ngoại cơ bản	Hk1 năm 1		
73	Máy chiếu Sony model VPL - DX 241 - Mua sắm từ NS không thường xuyên năm 2017	Trung Quốc	2017	1	Chiếc	BM ngoại	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và ngoại cơ bản	Hk1 năm 1		
74	Bộ dụng cụ mổ nội soi ở bụng Karl Storz (DA Italia)	NULL	2004	1	máy	BM ngoại	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và ngoại cơ bản	Hk1 năm 1		
75	Máy chiếu NEC NP-MC372XG Trung Quốc (Gói thầu số 3 NS mua sắm không thường xuyên năm 2019)	Trung Quốc	2019	1	Chiếc	BM ngoại	Cấp cứu ngoại khoa tổng quát và ngoại cơ bản	Hk1 năm 1		
76	Máy ly tâm để bàn Kubota model 2420	NULL	2005	1	máy	Bệnh viện - Khoa Huyết học	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
77	Hệ thống xét nghiệm miễn dịch công suất 120 test/h kèm phần mềm phân tích đi tạt trước sinh SIEMENS Immulite( DA ADB vốn chương trình đợt 1)	SIEMENS - Đức Mỹ	2013	1	máy	Bệnh viện - Khoa Huyết học	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
78	Máy phân tích huyết học tự động Siemens model Advia 2120i 33 thông số kèm hệ thống kéo, nhuộm lam tự động (DA ADB vốn chương trình đợt 2)	Ireland	2015	1	NULL	Bệnh viện - Khoa Huyết học	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
79	Kính hiển vi sinh học 2 mắt Carl-Zeiss PrimoStar model ALHG10609 (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Trung Quốc	2013	1	máy	Bệnh viện - Khoa Huyết học	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
80	Máy phân tích đông máu (đo tốc độ máu lắng tự động) Vital Diagnostics Model: Mix-Rate (DA ADB vốn chương trình đợt 2)	Nhật	2015	1	máy	Bệnh viện - Khoa Huyết học	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		



STT	Tên gọi máy, thiết bị	Nước SX	Năm SX	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn vị sử dụng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
81	Tủ hút khí độc Esco model ADC-4B1 ( DA ADB vốn vay đợt 1)	NULL	2013	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
82	Tủ lạnh trữ mẫu Panasonic model MPR-72PB ( DA ADB vốn vay đợt 1)	Nhật bản (Panasonic)	2014	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
83	Máy li tâm để bàn Kubota model 2420	NULL	2005	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
84	Mô hình thám tách màng bụng Nasco model LF01027U (Gói thầu số 1 NS mua sắm không thường xuyên năm 2019)	Mỹ	2019	1	cái	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
85	Mô hình thám tách màng bụng Nasco model LF01027U (Gói thầu số 1 NS mua sắm không thường xuyên năm 2019)	Mỹ	2019	1	cái	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
86	Mô hình tiêm truyền và lấy máu tĩnh mạch cánh tay 3B Scientific model 1021418 (Gói thầu số 1 NS mua sắm không thường xuyên năm 2019)	Đức	2019	1	cái	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
87	Pipet 1 kênh Rainin - Mettler các dải đo: 0.1 - 2ml; 0.5 - 10ml; 2-20ml; 10-100ml; 20-200ml; 200-2000ml ( 6 cái/1 bộ ) (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Mỹ	2013	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
88	Máy rửa dụng cụ bằng siêu âm model Grant XUB12 ( DA ADB vốn vay đợt 1)	Anh	2014	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
89	Nồi hấp tiệt trùng 50 lít model SA 300VF - F - A500 (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Đài loan	2013	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
90	Tủ âm 20 - 25 lít Incucell model LSIS-B2V/IC22 (Mua sắm thường xuyên năm 2009)	Đức, Trung Quốc	2009	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		



STT	Tên gọi máy, thiết bị	Nước SX	Năm SX	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn vị sử dụng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
91	Kính hiển vi sinh học 2 mắt Carl-Zeiss PrimoStar model ALHG10609 (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Trung Quốc	2013	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
92	Kính hiển vi sinh học 2 mắt Carl-Zeiss PrimoStar model ALHG10609 (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Trung Quốc	2013	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
93	Pipet 12 kênh dài đo 20-200ml L12 - 200 XLS ( DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Mỹ	2013	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
94	Pipet 8 kênh dài đo 20-200ml model L8-200XLS (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	mỹ	2013	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
95	Máy lắc ngang IKA model MS3 digital ( DA ADB vốn vay đợt 1)	Trung Quốc	2014	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
96	Cân kỹ thuật điện tử AND 10(-3) model GF-300 (DA Dược)	Nhật	2009	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
97	Kính hiển vi sinh học 2 mắt Carl-Zeiss PrimoStar model ALHG10609 (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Trung Quốc	2013	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
98	Hệ thống lưu trữ tiêu bản Thermo Shandon E43/I2BLUE (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Anh	2013	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
99	Bộ dụng cụ nhuộm tiêu bản Thermo Shandon E105/E102 ( DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Anh	2013	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
100	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số Optoma X401 (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Trung Quốc	2013	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
101	Kính hiển vi sinh học 2 mắt Carl-Zeiss PrimoStar model ALHG10609 (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Trung Quốc	2013	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		



STT	Tên gọi máy, thiết bị	Nước SX	Năm SX	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn vị sử dụng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
102	Mô hình tiêm truyền và lấy máu tĩnh mạch cánh tay 3B Scientific model 1021418 (Gói thầu số 1 NS mua sắm không thường xuyên năm 2019)	Đức	2019	1	cái	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
103	Kính hiển vi sinh học 2 mắt Carl-Zeiss PrimoStar model ALHG10609 (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Trung Quốc	2013	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
104	Tủ âm 20 - 25 lít Incucell model LSIS-B2V/JC22 (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Đức	2013	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
105	Cân kỹ thuật 10-2 Precisa model LX2200C (DA ADB vốn vay đợt 3)	Thụy sỹ	2016	1	cái	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
106	Máy ly tâm để bàn Kubota model: 2420 (DA ADB vốn chương trình đợt 2)	Nhật Bản	2015	1	máy	BM Huyết học - Truyền máu	Huyết học truyền máu	Hk1 năm 1		
107	Máy X quang xương toàn thân (đo độ loãng xương) Osteosys model Dexam T	Osteosys - Hàn Quốc	2012	1	máy	Bệnh viện - Khoa Chẩn đoán hình ảnh	CĐHA	Hk1 năm 1		
108	Đèn đọc phim X-quang 4 cửa, đèn Led model SMART VIEW-4D (Gói thầu 01-HPET-2018)	Việt Nam	2018	1	máy	Bệnh viện - Khoa Chẩn đoán hình ảnh	CĐHA	Hk1 năm 1		
109	Máy X quang chụp tuyến vú Bemems model Pinkview-RT và hệ thống chuyên đổi kỹ thuật số máy X-quang Fujifilm Corporation model FCR Capsula XLII kèm phụ kiện tiêu chuẩn	Hàn Quốc	2016	1	máy	Bệnh viện - Khoa Chẩn đoán hình ảnh	CĐHA	Hk1 năm 1		
110	Hệ thống X Quang kỹ thuật số COMED model Titan 2000 dual	COMED-Hàn Quốc	2010	1	máy	Bệnh viện - Khoa Chẩn đoán hình ảnh	CĐHA	Hk1 năm 1		
111	Hệ thống chụp X Quang kỹ thuật số GEMSS DR model Titan 2000 kiểu Dual (DA ADB vốn chương trình đợt 2)	Hàn quốc	2015	1	máy	Bệnh viện - Khoa Chẩn đoán hình ảnh	CĐHA	Hk1 năm 1		



STT	Tên gọi máy, thiết bị	Nước SX	Năm SX	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn vị sử dụng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
112	Máy siêu âm màu Samsung Medison model H60 (DA ADB vốn vay đợt 4)	Hàn Quốc	2016	1	máy	Bệnh viện - Khoa Chẩn đoán hình ảnh	CĐHA	Hk1 năm 1		
113	Máy siêu âm đen trắng xách tay Aloka M04417C model Prosound 2	Nhật bản	2013	1	máy	Bệnh viện - Khoa Chẩn đoán hình ảnh	CĐHA	Hk1 năm 1		
114	Điều hòa âm trần cassette1 chiều Sumikura 28000 BTU/h. Model: APC/APO-280/8W-A (mua sắm thường xuyên 2024)	Malaysia	2024	1	máy	BM Chẩn đoán hình ảnh	CĐHA	Hk1 năm 1		
115	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số Optoma X401 (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Trung Quốc	2013	1	máy	BM Chẩn đoán hình ảnh	CĐHA	Hk1 năm 1		
116	Dàn nóng điều hòa nhiệt độ Trane 18000BTU/h/1 chiều, model: TTK518PB00GA (Mua sắm thường xuyên năm 2021)	Thái Lan	2021	1	máy	BM Chẩn đoán hình ảnh	CĐHA	Hk1 năm 1		
117	Hệ thống chụp X quang toàn cảnh kỹ thuật số Vatech model PAX-i OS (DA ADB vốn vay đợt 2)	Hàn Quốc	2014	1	máy	BM Chẩn đoán hình ảnh	CĐHA	Hk1 năm 1		
118	Nhà làm việc Bộ môn X Quang	NULL	1989	1	máy	BM Chẩn đoán hình ảnh	CĐHA	Hk1 năm 1		
119	Hệ thống mô phỏng thực hành siêu âm128-8 SchallWare (Nội khoa, Sản phụ khoa, Tiết niệu, Nhi khoa, Tim mạch TTE và TEE) (gói thầu số 3 NS mua sắm không thường xuyên năm 2020)	Đức	2020	1	máy	BM Chẩn đoán hình ảnh	CĐHA	Hk1 năm 1		
120	Máy chiếu NEC NP-MC372XG Trung Quốc (Gói thầu số 3 NS mua sắm không thường xuyên năm 2019)	Trung Quốc	2019	1	Chiếc	BM Chẩn đoán hình ảnh	CĐHA	Hk1 năm 1		
121	Hệ thống Camera giám sát phòng mô phỏng siêu âm (Mua sắm thường xuyên năm 2021)	Trung Quốc	2021	1	Bộ	BM Chẩn đoán hình ảnh	CĐHA	Hk1 năm 1		



STT	Tên gọi máy, thiết bị	Nước SX	Năm SX	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn vị sử dụng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
122	Kính hiển vi truyền hình Axiostar nổi camera	NULL	2001	1	máy	BM Sinh lý bệnh	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Hk1 năm 1		
123	Bộ dụng cụ nhuộm tiêu bản Thermo Shandon E105/E102 ( DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Anh	2013	1	máy	BM Sinh lý bệnh	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Hk1 năm 1		
124	Máy tính Dell model VOSTRO 3267SFF (Gói thầu số 3 mua sắm không thường xuyên năm 2017)	Thái lan	2017	1	cái	BM Sinh lý bệnh	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Hk1 năm 1		
125	Kính hiển vi sinh học hai mắt Carl Zeiss Axiostar plus	NULL	2002	1	máy	BM Sinh lý bệnh	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Hk1 năm 1		
126	Tủ âm 20 - 25 lít Incucell model LSIS-B2V/JC22 (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Đức	2013	1	máy	BM Sinh lý bệnh	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Hk1 năm 1		
127	Tủ sấy SANYO model MOV-112	NULL	2001	1	máy	BM Sinh lý bệnh	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Hk1 năm 1		
128	Máy ly tâm để bàn Kubota model: 2420 (DA ADB vốn chương trình đợt 2)	Nhật Bản	2015	1	máy	BM Sinh lý bệnh	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Hk1 năm 1		
129	Máy đo dao động Kymographs dùng cho động vật nhỏ Havard Apparatus	NULL	2013	1	máy	BM Sinh lý bệnh	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Hk1 năm 1		
130	Hệ thống lưu trữ tiêu bản Thermo Shandon E43/12BLUE (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	Anh	2013	1	máy	BM Sinh lý bệnh	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Hk1 năm 1		
131	Tủ âm MIR-262	NULL	2001	1	máy	BM Sinh lý bệnh	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Hk1 năm 1		
132	Điều hòa nhiệt độ tủ đông Fumiki 45000 BTU 2 cục 2 chiều model FH-45M	Việt Nam	2007	1	máy	BM Sinh lý bệnh	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Hk1 năm 1		



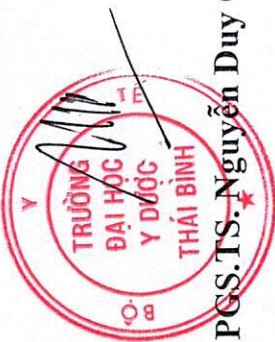
STT	Tên gọi máy, thiết bị	Nước SX	Năm SX	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn vị sử dụng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
133	Máy phân tích đông máu (đo tốc độ máu lắng tự động) Vital Diagnostics model Mix-rate TM	Vital Diagnostics - Italia	2012	1	máy	BM Sinh lý bệnh	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Hk1 năm 1		
134	Camera cho kính hiển vi	NULL	1998	1	máy	BM Sinh lý bệnh	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Hk1 năm 1		
135	Pipet 8 kênh dài đo 20-200ml model L8-200XLS (DA ADB vốn chương trình đợt 1)	mỹ	2013	1	máy	BM Sinh lý bệnh	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Hk1 năm 1		

Trưởng phòng Vật tư trang thiết bị



TS. Nguyễn Ngọc Trung

Hiệu trưởng



PGS.TS. Nguyễn Duy Cường



Số: 05/HĐTH-BVPSTB

Hung Yên, ngày 01 tháng 7 năm 2025

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC  
VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;
- Căn cứ Kế hoạch đào tạo Đại học và sau Đại học năm học 2025 - 2026 của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;
- Căn cứ khả năng, nhiệm vụ và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, tại Bệnh viện Phụ sản Thái Bình chúng tôi gồm có:

**BÊN A: BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÁI BÌNH**

Đại diện: **Giang Hoài Nam** Chức vụ: **Giám đốc**  
Địa chỉ: 530A Lý Bôn - phường Trần Hưng Đạo - tỉnh Hưng Yên  
Điện thoại: 02273.832057 Fax:  
Tài khoản số: 1029651887 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam –  
MST: 1000265537

**BÊN B: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH**

Đại diện: **Nguyễn Duy Cường** Chức vụ: **Hiệu trưởng**  
Địa chỉ: 373 Lý Bôn – phường Trần Lãm - tỉnh Hưng Yên  
Điện thoại: (02273).834.545 Fax: (02273).847.509  
Tài khoản số: Tại Phòng Giao dịch số 3 – KBNN khu vực IV  
MST: 1000289249

Hai bên cùng thỏa thuận và ký kết Hợp đồng đào tạo thực hành với các điều khoản sau:

**Điều 1. Nội dung của Hợp đồng đào tạo thực hành**

**1. Đối tượng thực hành:**

STT	Đối tượng	Số lượng SV	Ghi chú
1.	YHCT CQ K16	52	
2.	Y4 - K52	344	
3.	ĐD K17	131	
4.	ĐD K18	112	
5.	YHDP K14	43	
6.	Sinh viên Y6-K50	326	
7.	BSNT Sản K6	8	
8.	BSNT Sản K7	7	
9.	CKII Sản K16	5	
10.	CKII Sản K17	6	



STT	Đối tượng	Số lượng SV	Ghi chú
11.	CK1 Sản K32	14	
12.	CK1 Sản K33	20	
13.	CK1 Sản K34	8	
14.	CK1 CĐHA K34	10	
15.	Thạc sỹ SPK K1	20	
	<b>Tổng:</b>	<b>1106</b>	

**2. Người hướng dẫn thực hành:**

2.1 Người hướng dẫn thực hành của cơ sở thực hành: Theo Kế hoạch Bệnh viện Phụ sản Thái Bình

2.2 Người hướng dẫn thực hành của cơ sở giáo dục: Theo chương trình đào tạo của phòng Quản lý Đào tạo Đại học, phòng Quản lý Đào tạo sau Đại học – Trường Đại học Y Dược Thái Bình

3. **Nội dung thực hành:** Giảng dạy thực hành cho các đối tượng sinh viên chuyên ngành Sản phụ khoa. (Bảng phụ lục chi tiết kèm theo của từng đối tượng)

4. **Chương trình thực hành:** Khung chương trình đào tạo các ngành và kế hoạch dạy/học hằng năm

5. **Thời gian thực hành:** Từ ngày 21/7/2025 đến hết ngày 21/6/2026

6. **Địa điểm thực hành:** Tại các phòng khám, khoa của Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình

7. **Chi phí thực hành:** Thống nhất trong hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành

**Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành:** Tùy theo đối tượng người thực hành (tính theo khóa học)

8. **Tên cơ sở thực hành** đáp ứng yêu cầu tại khoản 2, điều 10 tại Nghị định 111/NĐ-CP: Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình

**Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành**

1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

2. Thời hạn thanh toán: Thống nhất trong hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ bên A**

**1. Bên A có quyền:**

a) Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.

b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

c) Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với bên B.

d) Các quyền khác (nếu có): Quy định tại Hợp đồng chi tiết.

**2. Bên A có nghĩa vụ:**

a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.





- b) Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.
- c) Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp.
- d) Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật.
- đ) Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định (nếu có).
- e) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.
- g) Các nghĩa vụ khác (nếu có): Quy định tại Hợp đồng chi tiết.

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ bên B**

**1. Bên B có quyền:**

- a) Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.
- b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.
- c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).


**2. Bên B có nghĩa vụ:**

- a) Cung cấp cho bên A thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ.
- b) Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với bên A.
- c) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**


- 1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.
- 2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.
- 3. Hợp đồng nguyên tắc này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện các bước tiếp theo.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**GIÁM ĐỐC**  
TS. B.SCKII. *Giang Hoài Nam*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**HIỆU TRƯỞNG**  
PGS.TS. *Nguyễn Duy Cường*



## PHỤ LỤC

(Kèm theo hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành số 05/2025/HĐTH-BVPSTB ngày 01/7/2025)

TT	LỚP	HỌC PHẦN	THỜI GIAN		SỐ HVSV	SỐ TUẦN	SỐ BUỔI/TUẦN	SỐ SV x SỐ BUỔI HỌC CỦA LỚP	GHI CHÚ
			Bắt đầu	Kết thúc					
1	2	3	4		5	6	7	8=5x6x7	9
<b>I. ĐẠI HỌC</b>									
2	YHCT CQ K16	Sản	27/04/2026	24/05/2026	52	4	5	1040	
3	Y4A-K52	Sản	29/09/2025	30/11/2025	69	9	5	3105	
4	Y4C-K52	Sản	28/07/2025	28/09/2025	66	9	5	2970	
5	Y4E-K52	Sản	19/01/2026	12/04/2026	67	9	5	3015	
6	Y4G-K52	Sản	13/04/2026	14/06/2026	70	9	5	3150	
7	Y4LHS-K52	Sản	28/07/2025	14/06/2026	72	9	5	3240	
8	ĐD K17A	Sản	15/12/2025	11/01/2026	44	4	5	880	
9	ĐD K17B	Sản	12/01/2026	08/02/2026	44	4	5	880	
10	ĐD K17C	Sản	15/12/2025	11/01/2026	43	4	5	860	
11	ĐD K18A	Sản	27/10/2025	23/11/2025	33	4	5	660	
12	ĐD K18B	Sản	27/10/2025	23/11/2025	42	4	5	840	
13	ĐD K18C	Sản	15/12/2025	11/01/2026	37	4	5	740	
14	YHDP K14	Sản	25/05/2026	21/06/2026	43	4	5	860	
15	Y6B-K50	Sản	03/11/2025	21/12/2025	62	7	5	2170	
16	Y6D-K50	Sản	22/12/2025	08/02/2026	67	7	5	2345	
17	Y6F-K50	Sản	21/07/2025	07/09/2025	63	7	5	2205	
18	Y6H-K50	Sản	15/09/2025	02/11/2025	71	7	5	2485	
19	Y6LHS-K50	Sản	21/07/2025	08/02/2026	63	7	5	2205	
<b>CỘNG:</b>					<b>1008</b>			<b>33650</b>	
<b>II. SAU ĐẠI HỌC</b>									
1	BSNT Sản K6	SPK	7/2025	12/2025	8	28	5	1120	
2	BSNT Sản K7	SPK	7/2025	6/2026	7	48	5	1680	
3	CKII Sản K16	SPK	7/2025	6/2026	5	48	5	1200	





TT	LỚP	HỌC PHẦN	THỜI GIAN		SỐ HVSV	SỐ TUẦN	SỐ BUỔI/TUẦN	SỐ SV x SỐ BUỔI HỌC CỦA LỚP	GHI CHÚ
			Bắt đầu	Kết thúc					
1	2	3	4		5	6	7	8=5x6x7	9
4	CKII Sản K17	SPK	12/2025	6/2026	6	21	5	630	
5	CK1 Sản K32	SPK	7/2025	10/2025	14	14	5	980	
6	CK1 Sản K33	SPK	7/2025	6/2026	20	48	5	4800	
7	CK1 Sản K34	SPK	3/2026	6/2026	8	15	5	600	
8	CK1 CĐHA K34	CĐHA	01/2026	6/2026	10	17	5	850	
9	Thạc sỹ SPK K1	CĐHA	4/2026	4/2026	10	2	5	100	
10	Thạc sỹ SPK K1	SPK	5/2026	6/2026	10	4	5	200	
<b>CỘNG:</b>					<b>98</b>			<b>12160</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>1106</b>			<b>45810</b>	





Hưng Yên, ngày tháng 8 năm 2025

**PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

Tên ngành: Sản phụ khoa, định hướng ứng dụng Mã số: 872.01.05

Trình độ: THẠC SĨ

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/ không đáp ứng
1	<b>1. Về ngành đào tạo</b>		
	1.1. Ngành đề nghị cho phép đào tạo phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực (trên cơ sở kết quả khảo sát);	Có	Đáp ứng
	1.2. Được xác định trong phương hướng/kế hoạch phát triển của cơ sở đào tạo;	Có	Đáp ứng
	1.3. Ngành phải thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành;	Có	Đáp ứng
	1.4. Quyết nghị của Hội đồng trường/Hội đồng quản trị thông qua việc mở ngành đăng ký đào tạo;	Có	Đáp ứng
	1.5. Ngành mới (thuyết minh được tính thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước);		
	Ngành này đã được đào tạo ở nước ngoài; đang thí điểm ở Việt Nam hoặc là trường đầu tiên thí điểm;		
	Chương trình đào tạo tham khảo của 2 trường đại học đã được kiểm định ở nước ngoài;		
	Có ít nhất 02 ý kiến về sự cần thiết đào tạo của 02 cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo.	Có	Đáp ứng
1.6. Ngành đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ là ngành đúng hoặc ngành gần (nếu không có ngành đúng) là điều kiện đầu vào của ngành đăng ký đào tạo trình độ thạc sĩ/tiến sĩ đã được đào tạo hình thức chính quy tại cơ sở đào tạo và có sinh viên/học viên đã tốt nghiệp.	Có	Đáp ứng	



2	<p><b>2. Đội ngũ giảng viên:</b></p> <p>a) Có ít nhất năm (5) giảng viên cơ hữu có chức danh giáo sư, phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ ngành đúng hoặc ngành gần với ngành đăng ký đào tạo và không trùng với danh sách giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo cùng trình độ của các ngành khác; trong đó có ít nhất 01 giáo sư hoặc phó giáo sư đứng ngành chịu trách nhiệm chủ trì, tổ chức thực hiện CTĐT và cam kết đảm bảo chất lượng đào tạo trước cơ sở đào tạo và xã hội;</p>	Có	Đáp ứng
	<p>b) Giảng viên giảng dạy đủ điều kiện; các giảng viên khác phải có trình độ thạc sĩ trở lên. Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy ít nhất 70% khối lượng chương trình đào tạo; khối lượng kiến thức còn lại do giảng viên thỉnh giảng (trong và ngoài nước) đã được ký kết hợp đồng thỉnh giảng với cơ sở đào tạo thực hiện. Các giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đều phải có bằng cấp phù hợp với nội dung các học phần được phân công giảng dạy;</p>	Có	Đáp ứng
	<p>c) Đảm bảo điều kiện về nghiên cứu khoa học đối với mỗi giảng viên đứng tên chủ trì mở ngành và mỗi giảng viên giảng dạy lý thuyết phần kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 2 và điểm d, khoản 2 Điều 3;</p>	Có	Đáp ứng
	<p>d) 30% khối lượng kiến thức còn lại do giảng viên thỉnh giảng đã được ký kết hợp đồng thỉnh giảng với cơ sở đào tạo thực hiện;</p>	Có	Đáp ứng
	<p>đ) Đối với cơ sở đào tạo ngoài công lập, phải có tối thiểu 40% giảng viên ở trong độ tuổi lao động;</p>		
	<p>e) Đối với mở ngành theo Danh mục giáo dục đào tạo có mã số gồm 7 chữ số nếu được ghép từ nhiều chuyên ngành của danh mục giáo dục đào tạo có mã số gồm 8 chữ số thì đội ngũ giảng viên phải đảm bảo theo quy định của khoản 2 Điều 2 và Điều 3.</p>		
	<p>g) Đối với mở ngành trình độ thạc sĩ thuộc nhóm ngành sức khỏe: mỗi môn học cơ sở ngành hoặc chuyên ngành phải có 01 giảng viên theo quy định tại điểm b trên đây; nếu có học phần liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh thì các giảng viên và người hướng dẫn thực hành phải có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, đã hoặc đang làm việc trực tiếp tại các cơ</p>	Có	Đáp ứng



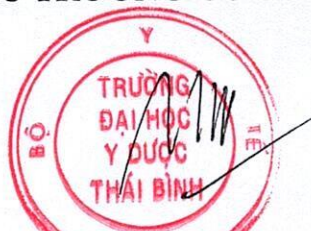
	sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe theo quy định.		
3	<b>3. Cơ sở vật chất:</b> a) Có đủ phòng học, thư viện có phòng tra cứu thông tin cung cấp các nguồn thông tin tư liệu được cập nhật trong 5 năm, tính đến ngày đề nghị mở ngành hoặc thư viện điện tử có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu liên quan đến ngành đề nghị cho phép đào tạo, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học;	Có	Đáp ứng
	b) Có đủ phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của ngành đề nghị được đào tạo và đảm bảo đủ theo danh mục trang thiết bị tối thiểu phục vụ công tác đào tạo ngành/nhóm ngành đã được quy định (nếu có);	Có	Đáp ứng
	c) Có phòng máy tính nối mạng internet để học viên truy cập thông tin;	Có	Đáp ứng
	d) Có website của cơ sở đào tạo được cập nhật thường xuyên, công bố công khai theo đúng quy định tại Điều 2, 3 của Thông tư.	Có	Đáp ứng
	đ) Có tạp chí khoa học công nghệ riêng của cơ sở đào tạo (đối với mở ngành trình độ tiến sĩ).	Có	Đáp ứng
4	<b>4. Chương trình đào tạo và một số điều kiện khác để thực hiện chương trình đào tạo:</b> a) Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu hoặc theo định hướng ứng dụng;	Có	Đáp ứng
	b) Có chương trình đào tạo của ngành đề nghị cho phép đào tạo được xây dựng theo quy định; phù hợp với Khung trình độ quốc gia hiện hành; được thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học ban hành theo quy định;	Có	Đáp ứng
	c) Đã công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo ứng với các trình độ khác nhau, trong đó chuẩn đầu ra đào tạo trình độ thạc sĩ tối thiểu phải đạt bậc 7, trình độ tiến sĩ tối thiểu là bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam;	Có	Đáp ứng
	d) Có kết quả hợp tác với các trường đại học trên thế giới trong hoạt động đào tạo và hoạt động khoa học công nghệ (trừ các ngành phải bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật);	Có	Đáp ứng



	đ) Có chương trình phối hợp với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động liên quan đến ngành thạc sĩ đề nghị cho phép đào tạo nếu chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng;	Có	Đáp ứng
	e) Đã đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục hoặc được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo quy định hiện hành và theo kế hoạch kiểm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;	Có	Đáp ứng
5	* Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế:		
	- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định ghi rõ ngành đào tạo, trình độ, chức danh, đơn vị công tác của thành viên.	Có	Đáp ứng
	- Biên bản hội đồng thẩm định và kết luận.	Có	Đáp ứng
	- Giải trình của cơ sở đào tạo theo góp ý của hội đồng thẩm định (nếu có).	Có	Đáp ứng
	* Trường hợp sử dụng chương trình đào tạo của trường khác/nước ngoài nêu rõ của nước nào, đã được kiểm định chất lượng chưa? bản quyền sử dụng.		
	* Biên bản của hội đồng khoa học đào tạo trường thông qua đề án.	Có	Đáp ứng
6	Điều kiện thực hiện: Nguồn lực con người khác và tài chính	Có	Đáp ứng

**Kết luận của cơ sở đào tạo:** Với các điều kiện về đội ngũ nhân lực cán bộ giảng dạy, các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, chương trình đào tạo, kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực đào tạo chuyên ngành Sản phụ khoa (CKI, CKII, BSNT, CKCB). Trường Đại học Y Dược Thái Bình có đủ điều kiện và năng lực đáp ứng được yêu cầu đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa.

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**



**PGS.TS. Nguyễn Duy Cường**



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH**



**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NHẬN NHIỆM VỤ**  
**ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH SẢN PHỤ KHOA**

Mã số: **8720105**

**Hung Yên, 2025**